

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2014-2019)

Nghệ An, tháng 4/2020

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC-
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ'**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(*Giai đoạn đánh giá: 2014-2019*)**

Nghệ An, tháng 4/2020

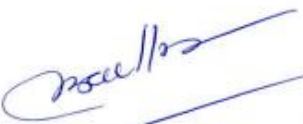
DANH SÁCH ĐOÀN ĐÁNH GIÁ NGOÀI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

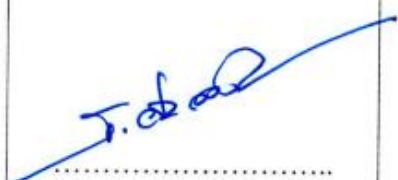
*(Kèm theo Quyết định số 26/QĐ-KĐCLV, ngày 16 tháng 01 năm 2020 của
Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Chức vụ, Đơn vị công tác	Số thẻ kiểm định viên	Nhiệm vụ trong Đoàn
I	Chuyên gia			
1	GS.TSKH. Đặng Ứng Vận	Nguyên Hiệu trưởng, Trường Đại học Hòa Bình	2014.02.093	Trưởng Đoàn
2	ThS. Nguyễn Đình Huy	Phó Giám đốc, Trung tâm KĐCLGD-Trường ĐHV	2017.01.280	Thư ký
3	PGS.TS. Bùi Duy Cam	Nguyên Hiệu trưởng Trường ĐH KHTN ĐHQG Hà Nội	2017.01.244	Thành viên
4	PGS.TS. Nguyễn Hoa Du	Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Vinh	2017.01.253	Thành viên
5	PGS.TS. Nguyễn Thái An	GVCC, Trường Đại học Được Hà Nội	2016.01.137	Thành viên
6	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Nguyên CVCC- Vụ Giáo dục Đại học, Bộ GD&ĐT	2014.02.067	Thành viên
II	Giám sát			
7	PGS.TS. Mai Văn Chung	Phó Giám đốc, Trung tâm KĐCLGD-Trường ĐHV	2017.01.246	Giám sát viên
8	ThS. Nguyễn Thị Minh	Chuyên viên Trung tâm KĐCLGD - Trường ĐH Vinh	KĐV-VNU 0701	Giám sát viên

Báo cáo đánh giá ngoài Trường Đại học Hoa Lư đã được các chuyên gia trong Đoàn cùng soạn thảo, trao đổi và thống nhất. Các thành viên của Đoàn cam kết những đánh giá, nhận định, kết luận trong báo cáo là khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa trên minh chứng.

 GS.TSKH. Đặng Ứng Vận (Trưởng đoàn)	 ThS. Nguyễn Đình Huy (Thư ký)	 PGS.TS. Bùi Duy Cam (Thành viên thường trực)
---	--	--

 PGS.TS. Nguyễn Hoa Du (Thành viên)	 PGS.TS. Nguyễn Thái An (Thành viên)	 TS. Nguyễn Thị Thu Hà (Thành viên)
---	---	--

 PGS.TS. Mai Văn Chung (Giám sát viên)	 ThS. Nguyễn Thị Minh (Giám sát viên)
---	---

© Bản quyền và sở hữu thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh. Mọi thông tin trong Báo cáo được bảo vệ theo quy định của pháp luật. Nghiêm cấm mọi hình thức sao chép, công bố bất cứ nội dung nào của Báo cáo này trái với các quy định liên quan trong pháp luật hiện hành.

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO	I
PHẦN I. TỔNG QUAN.....	4
1. Giới thiệu	4
2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài.....	4
3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài	6
a. Về hồ sơ TĐG.....	6
b. Về kết quả đánh giá ngoài.....	8
b1. Tóm tắt những điểm mạnh của CSGD	8
b2. Tóm tắt những điểm cần cải tiến chất lượng của CSGD	15
PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN	27
Tiêu chuẩn 1: TẦM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ VĂN HÓA	27
Tiêu chuẩn 2: QUẢN TRỊ	33
Tiêu chuẩn 3: LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ	41
Tiêu chuẩn 4: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC.....	48
Tiêu chuẩn 5: CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐT, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG	56
Tiêu chuẩn 6: QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC	62
Tiêu chuẩn 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT.....	74
Tiêu chuẩn 8: CÁC MẠNG LƯỚI VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI	82
Tiêu chuẩn 9: HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG.....	87
Tiêu chuẩn 10: TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI	95
Tiêu chuẩn 11: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG	100
Tiêu chuẩn 12: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG	105
Tiêu chuẩn 13: TUYỂN SINH VÀ NHẬP HỌC	112
Tiêu chuẩn 14: THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	120
Tiêu chuẩn 15: GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	126
Tiêu chuẩn 16: ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC.....	131
Tiêu chuẩn 17: CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ VÀ PHỤC VỤ NGƯỜI HỌC	136
Tiêu chuẩn 18: QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....	144
Tiêu chuẩn 19: QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ.....	151

Tiêu chuẩn 20: HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	157
Tiêu chuẩn 21: KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG	164
Tiêu chuẩn 22: KẾT QUẢ ĐÀO TẠO.....	169
Tiêu chuẩn 23: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC	174
Tiêu chuẩn 24: KẾT QUẢ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG	187
Tiêu chuẩn 25: KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG.....	193
PHẦN PHỤ LỤC.....	i
Phụ lục A.....	ii
Phụ lục B.....	v
Phụ lục C.....	xxv
Phụ lục D.....	xxvii
Phụ lục E	xxxiv

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

STT	Từ viết tắt	Từ ngữ viết nguyên
1.	BGH	Ban Giám hiệu
2.	BCH	Ban chấp hành
3.	CB	Cán bộ
4.	GV	Giảng viên
5.	NV	Nhân viên
6.	CD	Cao đẳng
7.	CĐR	Chuẩn đầu ra
8.	CHDCND	Cộng hòa dân chủ nhân dân
9.	CNTT	Công nghệ thông tin
10.	CSGD	Cơ sở giáo dục
11.	CSVC	Cơ sở vật chất
12.	CTDH	Chương trình dạy học
13.	CTĐT	Chương trình đào tạo
14.	CTSV	Công tác sinh viên
15.	CVHT	Cổ vấn học tập
16.	ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
17.	ĐCCT	Đề cương chi tiết
18.	ĐGN	Đánh giá ngoài
19.	ĐH	Đại học
20.	ĐHHL	Đại học Hoa Lư
21.	ĐT	Đào tạo
22.	ĐTN	Đoàn thanh niên
23.	GD	Giáo dục
24.	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
25.	GDDH	Giáo dục đại học

26.	GDMN	Giáo dục mầm non
27.	GDTH	Giáo dục tiểu học
28.	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
29.	GV	Giảng viên
30.	HĐTS	Hội đồng tuyển sinh
31.	HSSV	Học sinh, sinh viên
32.	HSV	Hội sinh viên
33.	HTQT	Hợp tác quốc tế
34.	ISI	Institute for Scientific Information
35.	KĐCL	Kiểm định chất lượng
36.	KHCN	Khoa học công nghệ
37.	KPI	Chỉ số đo lường và đánh giá hiệu quả công việc (Key performance indicator)
38.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
39.	NV	Nhân viên
40.	P. CTSV	Phòng Công tác Sinh viên
41.	P. ĐT-QLKH	Phòng Đào tạo - Quản lý khoa học
42.	P. HC-QT	Phòng Hành chính - Quản trị
43.	P. KT&ĐBCL	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
44.	P. TC-TH	Phòng Tổ chức – Tổng hợp
45.	P. TV	Phòng Tài vụ
46.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
47.	PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
48.	PTN	Phòng thí nghiệm
49.	SHTT	Sở hữu trí tuệ
50.	SP	Sư phạm
51.	SV	Sinh viên
52.	TĐG	Tự đánh giá

53.	TS	Tuyển sinh
54.	THPT	Trung học phổ thông
55.	TLSV	Trợ lí sinh viên
56.	TSTT	Tài sản trí tuệ
57.	TT. TV-TB	Trung tâm Thư viện-Thiết bị
58.	TT. YT-MT	Trung tâm Y tế-Môi trường
59.	UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu

Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài (ĐGN) thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Hoa Lư (ĐHHL) được thành lập theo Quyết định số 26/QĐ-KĐCLV, ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học Vinh (KĐCLGD-ĐHV). Đoàn gồm có 06 chuyên gia do GS. TSKH. Đặng Ứng Vận (số thẻ KĐV: 2014.02.093) làm Trưởng đoàn. Đoàn đã tổ chức các hoạt động ĐGN đúng theo quy định hiện hành.

Bản báo cáo này khái quát quá trình ĐGN, các kết quả đạt được và những kiến nghị đối với Trường Đại học Hoa Lư. Báo cáo có các phụ lục:

- Phụ lục A: Giới thiệu tóm tắt về Trường ĐHHL;
- Phụ lục B: Tóm tắt kết quả tự đánh giá (TĐG) của Nhà trường;
- Phụ lục C: Quyết định thành lập đoàn ĐGN và danh sách các thành viên;
- Phụ lục D: Lịch trình và diễn tiến các hoạt động của Đoàn ĐGN;
- Phụ lục E: Công văn của Nhà trường phản hồi về Dự thảo Báo cáo ĐGN;

Các nhận định, kết luận, đánh giá trong Báo cáo ĐGN này căn cứ trên các minh chứng, dữ liệu được Nhà trường cung cấp tính đến thời điểm 09/3/2020 và từ thực trạng của Nhà trường cùng các thông tin phản hồi và kết quả quá trình phỏng vấn các bên liên quan trong quá trình đánh giá.

2. Tóm tắt quá trình đánh giá ngoài

Công cụ mà Đoàn ĐGN sử dụng là Bộ tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (CSGD) được ban hành kèm theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), gồm 25 tiêu chuẩn với 111 tiêu chí, mức đánh giá mỗi tiêu chí theo thang đánh giá 7 mức.

Các phương pháp đánh giá đã được Đoàn ĐGN sử dụng:

+ Nghiên cứu Hồ sơ TĐG do Nhà trường và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV cung cấp để xác định những vấn đề cần làm rõ trong các hoạt động của Nhà trường, đối chiếu với các yêu cầu của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục CSGD ĐH;

+ Nghiên cứu, kiểm tra hồ sơ, minh chứng tại thực địa để đánh giá độ tin cậy và tính xác thực của các thông tin mà Nhà trường đã thể hiện trong Báo cáo TĐG;

+ Khảo sát, điều tra tại chỗ để xác thực tình trạng việc làm của sinh viên (SV) tốt nghiệp và lấy ý kiến đánh giá, góp ý cho Nhà trường từ các bên liên quan;

+ Phòng vấn, thảo luận với các đối tượng liên quan; quan sát, kiểm tra cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị và các hoạt động trong Nhà trường để xác thực các thông tin và nhận định, đánh giá về thực trạng của Nhà trường.

Đoàn đã triển khai ĐGN theo các bước cụ thể như sau:

(1) *Nghiên cứu Hồ sơ TĐG*: Từ ngày 18/01/2020 - 10/02/2020

Đoàn ĐGN và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV trao đổi, thống nhất nguyên tắc, phương pháp, tiêu chí đánh giá; lập kế hoạch ĐGN và phân công trách nhiệm phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí cho các thành viên trong Đoàn. Các thành viên Đoàn nghiên cứu, nhận xét hồ sơ TĐG và đánh giá sơ bộ về những vấn đề đã rõ/chưa rõ; xác định các thông tin, minh chứng còn thiếu của các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công.

Ngày 11/02/2020, Đoàn ĐGN và Trung tâm KĐCLGD-ĐHV đã họp để thảo luận về các vấn đề đã rõ/chưa rõ khi nghiên cứu hồ sơ TĐG; trao đổi, thống nhất về các hồ sơ, tài liệu, minh chứng yêu cầu Nhà trường bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; các đối tượng và thành phần cần phỏng vấn; những công tác hậu cần mà Nhà trường, Trung tâm KĐCLGD-ĐHV và Đoàn ĐGN cần chuẩn bị. Đồng thời, thống nhất nội dung làm việc trong đợt khảo sát sơ bộ và dự kiến lịch trình khảo sát chính thức.

(2) *Khảo sát sơ bộ*: ngày 13/02/2020

Trưởng đoàn ĐGN, Thư ký cùng đại diện của Trung tâm KĐCLGD-ĐHV đã tiến hành khảo sát sơ bộ tại Trường ĐHHL. Đoàn đã làm việc với Lãnh đạo Nhà trường, Hội đồng TĐG và đại diện các phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn của Nhà trường. Đoàn đã báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG và trao đổi, thống nhất về lịch trình và công tác hậu cần chuẩn bị cho khảo sát chính thức của Đoàn tại Trường. Đoàn đã thảo luận với Nhà trường và thống nhất về các tài liệu, minh chứng yêu cầu Nhà trường bổ sung; các CSVC cần quan sát, kiểm tra; số lượng và thành phần các đối tượng cần phỏng vấn,...

Kết thúc đợt khảo sát, Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV, Trưởng đoàn ĐGN và Lãnh đạo Nhà trường đã ký kết Biên bản khảo sát sơ bộ.

(3) *Khảo sát chính thức*: từ ngày 05/3/2020 đến hết ngày 10/3/2020

Đoàn đã thực hiện các hoạt động: kiểm tra hồ sơ, minh chứng, phỏng vấn trực tiếp với nhóm cán bộ phụ trách các mảng: Hành chính - Quản trị (HC-QT), Tổ chức - Tổng hợp (TC-TH), Đào tạo - Quản lý khoa học (ĐT-QLKH), Công tác sinh viên (CTSV), Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL), Tài vụ (TV), Y tế - Môi trường (YT-MT), Thư viện - Thiết bị (TV-TB),... thảo luận và phỏng vấn chính thức, đồng thời lấy ý kiến đánh giá, góp ý của 08 nhóm đối tượng gồm tất cả các bên liên quan (154 người); gặp gỡ và phỏng vấn không chính thức với SV tại nhà ăn sinh viên, ký túc xá, thư viện, phòng thí nghiệm; thực hiện quan sát hoạt động của thư viện, kiểm tra ngẫu nhiên 35 đầu mục giáo trình của 05 ngành đào tạo; kiểm tra thông tin 29 bài báo công bố quốc tế của

cán bộ (CB), giảng viên (GV) Nhà trường; kiểm tra CSVC, trang thiết bị và quan sát hoạt động lên lớp của một số lớp học; khảo sát về tình trạng việc làm (qua điện thoại) đối với 116/tổng số 303 SV ĐH và CĐ chính quy tốt nghiệp năm 2018 (75/185) và năm 2019 (41/128). Đoàn cũng đã thu được từ các bên liên quan đến tham dự phỏng vấn 125 phiếu góp ý, tổng cộng có 411 ý kiến của CB, GV, SV, cựu SV và nhà sử dụng lao động về các hoạt động của Nhà trường.

Sau mỗi ngày làm việc, Đoàn tập trung thảo luận, tổng kết các vấn đề và thống nhất các nội dung đánh giá. Đồng thời, Đoàn dành thời gian để tiếp CB, GV và SV có nhu cầu gặp và trao đổi với Đoàn.

(4) *Viết dự thảo Báo cáo ĐGN*: Từ 16/3/2020 đến ngày 05/4/2020, Đoàn tiếp tục thảo luận, thống nhất và viết dự thảo Báo cáo ĐGN. Dự thảo Báo cáo ĐGN được toàn bộ thành viên trong Đoàn và cán bộ giám sát của Trung tâm thông qua và được gửi để lấy ý kiến phản hồi của Nhà trường.

(5) *Hoàn thiện Báo cáo ĐGN*: sau khi nhận được văn bản phản hồi Dự thảo Báo cáo ĐGN của Trường ĐHHL (ngày 23/4/2020), Đoàn chuyên gia ĐGN đã rà soát và hoàn thiện Báo cáo ĐGN. Báo cáo ĐGN chính thức đã được tất cả các thành viên của Đoàn ĐGN nhất trí thông qua ngày 25 /4/2020. Đoàn đã gửi lại Báo cáo ĐGN chính thức cho Nhà trường (qua Trung tâm KĐCLGD-ĐHV) theo đúng quy định.

3. Tóm tắt kết quả đánh giá ngoài

Sau khi nhận được Hồ sơ TĐG của Nhà trường, Đoàn chuyên gia ĐGN đã nghiên cứu và có Báo cáo kết quả nghiên cứu Hồ sơ TĐG của Trường. Kết quả nghiên cứu hồ sơ TĐG đã được Trưởng đoàn và Thư ký trình bày, trao đổi cụ thể với Nhà trường và ghi lại đầy đủ trong Biên bản khảo sát sơ bộ và khảo sát chính thức. Tóm tắt các nội dung đánh giá như sau:

a. Về hồ sơ TĐG

- *Về quy trình, thể thức văn bản*

Báo cáo TĐG của Trường ĐHHL thực hiện theo đúng cấu trúc quy định trong công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về hướng dẫn TĐG cơ sở giáo dục của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT. Báo cáo TĐG của Nhà trường đã được Trung tâm KĐCLGD-ĐHV tổ chức thẩm định. Nhà trường đã chỉnh sửa và hoàn thiện Báo cáo theo đề nghị, góp ý và đã đáp ứng các yêu cầu để triển khai ĐGN.

- *Về mức độ phù hợp của hồ sơ TĐG so với bản hướng dẫn TĐG*

+ *Phần 1. Hồ sơ của Trường*: đã thực hiện đúng theo Phụ lục 6; gồm có 3 phần chính: (i) Khái quát về Trường; (ii) Bối cảnh triển khai các hoạt động của Trường; (iii) Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng Trường; đã mô tả tổng quan về cơ cấu tổ chức của

Trường, nguồn nhân lực, các chương trình ĐT, các hoạt động nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, môi trường làm việc và những cơ hội, thách thức,...

+ *Phần 2. Tự đánh giá Trường*: đã mô tả, phân tích đánh giá về mức độ đáp ứng của Trường với yêu cầu của các tiêu chuẩn, đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục; có bảng tổng hợp kết quả TĐG theo đúng mẫu quy định tại Phụ lục 7.

+ *Phần 3. Phụ lục*: (1) Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng (KĐCL) của Nhà trường đã được thực hiện theo Phụ lục 8. (2) Các tài liệu liên quan: việc thành lập Hội đồng TĐG, thành lập Ban thư ký và các Nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG và danh mục bảng thống kê, hệ thống chỉ số,... theo đúng quy định.

- *Về văn phong*

Các nội dung trong Báo cáo trình bày đúng quy định, ít lỗi về ngôn ngữ, thể thức, định dạng văn bản. Nhìn chung, Báo cáo TĐG của Nhà trường được trình bày rõ ràng, lập luận có căn cứ, văn phong súc tích, khoa học.

- *Về cách thức mô tả các hoạt động liên quan đến các tiêu chí*

Báo cáo TĐG đã mô tả các hoạt động của Nhà trường bám sát nội hàm các tiêu chí. Tuy nhiên, một số tiêu chí còn thiếu minh chứng thuyết phục, trong một số tiêu chí vẫn còn một số nội dung, thông tin cần được làm rõ, số liệu một số mảng hoạt động của Trường chưa được cập nhật đầy đủ.

- *Về cách thức phân tích, so sánh các nhận định về điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân*

Việc phân tích, so sánh các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân cơ bản phù hợp với nội dung mô tả. Tuy vậy, Báo cáo TĐG có những nhận định chưa dựa trên cơ sở phân tích những điểm đã thực hiện tốt hoặc còn tồn tại, chưa đáp ứng so với yêu cầu của các tiêu chí; một số tiêu chuẩn đưa ra nhận định về điểm mạnh không phù hợp với mô tả của tiêu chí, hoặc chỉ ra những hạn chế không căn bản, nhỏ lẻ.

- *Về việc xác định những vấn đề cần cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện của CSGD*

Việc xác định những vấn đề cần cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện của Nhà trường về cơ bản đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, do nhận định của một số tiêu chí, tiêu chuẩn chưa sát thực, chưa phù hợp nên những điểm mạnh hay hạn chế đưa ra chưa thực sự xác đáng; từ đó, kế hoạch cải tiến chất lượng chưa thật sự đáp ứng việc khắc phục những tồn tại thực tế, hoặc việc phát huy những điểm mạnh chưa thực sự trùng khớp với điểm mạnh vốn có của Nhà trường.

- *Về việc sử dụng thông tin, minh chứng*

Các minh chứng Nhà trường đưa ra đã được sử dụng để mô tả, nhận định và đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn trong báo cáo. Tuy vậy, vẫn còn một số minh chứng chưa phù

hợp với yêu cầu của mốc chuẩn trong mỗi tiêu chí, dẫn tới việc Nhà trường đã phải cung cấp thêm minh chứng trong suốt quá trình làm việc của Đoàn; một số tiêu chí trong Báo cáo TĐG thiếu thông tin, minh chứng để khẳng định mức đạt của tiêu chí.

- Về mức độ bao quát bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng

Báo cáo TĐG của Trường ĐHHL đã bám sát bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH do Bộ GD&ĐT ban hành (theo Thông tư 12/2017 và Công văn 768/QLCL-KĐCLGD), không có tiêu chí nào bị bỏ sót.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu Hồ sơ TĐG và kết quả thảo luận thống nhất qua đợt khảo sát sơ bộ, Đoàn ĐGN đã tổng hợp báo cáo cho Trung tâm KĐCLGD-ĐHV để cùng kiến nghị với Nhà trường bổ sung thêm các thông tin, minh chứng chuẩn bị cho đợt khảo sát chính thức.

b. Về kết quả đánh giá ngoài

Đoàn chuyên gia ĐGN đã triển khai khảo sát chính thức tại Trường ĐHHL từ ngày 05/3/2020 đến hết ngày 10/3/2020 theo đúng kế hoạch, quy trình, đảm bảo tính khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa trên minh chứng. Các phát hiện chính như sau:

b1. Tóm tắt những điểm mạnh của CSGD

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng và chiến lược

Nhà trường có tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng. Sứ mạng của Nhà trường là: Trường ĐH đa ngành, ĐT nguồn nhân lực chất lượng cao, tổ chức nghiên cứu và ứng dụng KHCN đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và đất nước; có sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng. Nội dung tuyên bố về tầm nhìn, sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của CSGD; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành/địa phương và cả nước; có các kế hoạch, hướng dẫn các đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định. Giá trị cốt lõi của Nhà trường là: chất lượng, hiệu quả, chuyên nghiệp và hiện đại.

Nhà trường có các tổ chức đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn đáp ứng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, các quy định khác của pháp luật và các quy định của UBND tỉnh Ninh Bình; có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của CSGD. Các nghị quyết/quyết định/kết luận của Đảng ủy, Ban giám hiệu, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức đoàn thể khác, các hội đồng tư vấn được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn và được triển khai thực hiện; có báo cáo tổng kết, đánh giá hằng năm; có quy định chi tiết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Hội đồng Trường.

Nhà trường có cơ cấu quản lý rõ ràng. Đã kết nối các bên liên quan tham gia vào việc định hướng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của CSGD; tổ chức các hoạt động tuyên truyền về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường đến các bên liên quan. Nhân sự tham gia vào cơ cấu lãnh đạo và quản lý được đánh giá định kỳ hằng năm; được điều chỉnh, luân chuyển dựa trên kết quả đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc; có thực hiện quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị, bộ phận theo Hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của cấp trên về việc triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016 - 2020; đã triển khai xây dựng “Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 -2025, định hướng đến năm 2030”, xây dựng Chương trình hành động để thực hiện Đề án. Nhà trường có đơn vị chủ trì xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển; có phân công nhiệm vụ theo dõi kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch; có báo cáo tổng kết hằng năm; có quán triệt cho CBVC và SV triển khai thực hiện. Các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính mà Nhà trường đã xác định tương đối rõ ràng và cơ bản có tính khả thi, có thể đo lường được kết quả thực hiện và có mốc thời gian thực hiện. Nhà trường đã thực hiện việc giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu phấn đấu. Thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện Nhà trường đã có các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, đồng thời điều chỉnh một số chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020.

Nhà trường có hệ thống tổ chức để xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCD tương đối chặt chẽ. Các tổ chức đoàn thể có sự phối hợp với chính quyền trong việc hoạch định các chính sách của Nhà trường. Nội dung các chính sách của Nhà trường đều phù hợp với Luật Giáo dục đại học, các quy định của Bộ GD&ĐT, quy định của tỉnh Ninh Bình, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường. Nhà trường thực hiện khá tốt công tác giám sát thực hiện các chính sách đã ban hành; có báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện các chính sách; có điều chỉnh chính sách về: đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhân viên, biên soạn giáo trình tài liệu học tập, chính sách tuyển sinh, xét duyệt đề tài và định mức kinh phí trong công tác NCKH.

Công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Nhà trường được thể hiện trong các văn bản “Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020” và “Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Nội dung quy hoạch bao gồm mục tiêu quy hoạch, số lượng và chất lượng đội ngũ như quy mô cán bộ được xác định. Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý và sắp xếp nhân sự được thực hiện theo Luật viên chức, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ Trường Đại học, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại luân chuyển từ chức, miễn nhiệm cán bộ công chức lãnh đạo của UBND tỉnh Ninh Bình. Công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý được thực hiện theo đúng quy định; Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng quy định của UBND tỉnh Ninh Bình và đảm bảo công khai minh bạch. Hằng năm, Nhà trường đều

ban hành Hướng dẫn đánh giá và phân loại CBVC và người lao động. Công tác đánh giá phân loại CBVC, người lao động được thực hiện dân chủ công khai.

Nhà trường có đơn vị đầu mối xây dựng Kế hoạch tài chính năm, dự toán thu chi và quyết toán ngân sách hằng năm; đã xây dựng kế hoạch tài chính, dự toán thu chi hằng năm và các quy định về quản lý tài chính, thanh quyết toán nội bộ. Kết quả hoạt động tài chính đều được công bố công khai tại Hội nghị CBVC và người lao động; đã xây dựng Phương án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và tài chính vào năm 2017; đã thực hiện việc thu chi tài chính theo đúng các quy định hiện hành, không có các vi phạm; có rà soát, đánh giá cơ cấu nguồn thu, chi hằng năm. Diện tích phòng học, phòng thí nghiệm đáp ứng được yêu cầu đào tạo trước mắt của các CTĐT. Thư viện có diện tích 1.126m²; có phòng đọc 150 chỗ ngồi; có phòng máy tính được nối mạng; có đầy đủ tài liệu và thường xuyên được cập nhật, loại hình học liệu phong phú đáp ứng nhu cầu bạn đọc. Tổ Y tế thuộc Trung tâm YT-MT định kỳ hằng năm tổ chức khám sức khỏe miễn phí cho cán bộ GV; có tuyên truyền phổ biến cho SV về chính sách bảo hiểm y tế và kết quả có 100 % SV đã mua bảo hiểm y tế. Ký túc xá đảm bảo điều kiện an toàn, vệ sinh. Nhà ăn cho cán bộ và SV được UBND Thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Nhà trường có đơn vị chịu trách nhiệm lập kế hoạch hoạt động đối ngoại hàng năm, tổ chức các hội nghị, hội thảo, ký kết hợp tác với các đối tác nước ngoài, quản lý cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường đi công tác/học tập trong và ngoài nước; báo cáo kết quả thực hiện. Hoạt động đối ngoại của Nhà trường được công khai và phổ biến đến các bên liên quan; các văn bản về kế hoạch phát triển công tác HTQT và mạng lưới các đối tác được công bố trên trang thông tin điện tử của Trường và gửi đến tất cả các đơn vị trực thuộc qua phần mềm quản lý văn bản; có báo cáo tổng kết, đánh giá hằng năm, từ đó xây dựng kế hoạch và phương hướng thực hiện năm tiếp theo; không có các vi phạm về hoạt động HTQT. Nhà trường đã bổ sung chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược thể hiện trong Đề án Quy hoạch và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch xây dựng Chiến lược phát triển Trường ĐHHL đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về hệ thống

Nhà trường có đơn vị chuyên trách về hoạt động ĐBCL, có mạng lưới ĐBCL tại các đơn vị/bộ phận, có hệ thống văn bản quy định về hoạt động ĐBCL; có Kế hoạch chiến lược ĐBCL giai đoạn 2016 - 2018 và 2018 - 2020; có các chính sách ưu tiên cho hoạt động ĐBCL; đã thực hiện nhiều đợt khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan theo kế hoạch. Nhà trường đã phổ biến, triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược ĐBCL; đã tổ chức 3 đợt tập huấn về công tác ĐBCL cho CB, GV, NV trong toàn Trường. Nhà

trường có hệ thống lưu trữ văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL; đã thực hiện rà soát vào các năm 2017 và 2019; đã ban hành bộ KPIs tổng thể vào năm 2019. Đã rà soát quy trình lập kế hoạch vào các năm 2017, 2018; có thực hiện cải tiến quy trình lập kế hoạch.

Nhà trường có Kế hoạch TĐG; có các văn bản hướng dẫn thực hiện TĐG; đã thực hiện rà soát, xác định điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động, từ đó đề ra Kế hoạch cải tiến chất lượng trong quá trình TĐG và sau khi kết thúc TĐG. Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động rà soát, cải tiến quy trình TĐG; có báo cáo, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm ngay trong và sau quá trình TĐG. Đã chú trọng việc kiểm tra/phản biện chéo giữa các nhóm chuyên trách để xác định chính xác điểm mạnh, tồn tại; tổ chức nhiều cuộc họp rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt (thu thập, lưu trữ minh chứng, khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn).

Nhà trường có Kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong; có các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý, điều hành, đồng thời sẵn sàng trích xuất dữ liệu kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định. Đã ban hành quy định về chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống thông tin ĐBCL bên trong. Nhà trường đã thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, có báo cáo rà soát.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch ĐBCL hằng năm, Kế hoạch hoạt động ĐBCL giai đoạn (2016 - 2018) và (2018 - 2020); có các chính sách, quy trình, thủ tục, sự tham gia của các bên liên quan; có đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD. Có quy định, quy trình, hướng dẫn về việc lựa chọn đối tác, các tiêu chí/nội dung để thực hiện so chuẩn và đối sánh chất lượng; có hướng dẫn sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng. Nhà trường đã thực hiện đối sánh chất lượng 05 CTĐT với các trường đại học trong nước; đối sánh kết quả NCKH của SV trường mình với SV Trường ĐH Thủ Dầu Một; (tự) đối sánh kết quả PVCD trong 5 năm gần nhất; (tự) đối sánh kết quả NCKH của SV qua các năm và theo từng khoa.

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng

Hàng năm, Nhà trường triển khai công tác tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT; có các tiêu chí, phương thức tuyển sinh rõ ràng được Nhà trường lưu trữ đầy đủ cho giai đoạn 2014 - 2019; có Kế hoạch tuyển sinh với các mốc thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể cho cá nhân/đơn vị thực hiện. Công tác truyền thông về tuyển sinh đã làm rõ đối tượng, quy trình thi, đánh giá đầu vào, quy trình xét tuyển, đối tượng thi tuyển, xét tuyển, đối tượng ưu tiên, hình thức tuyên truyền, thời gian địa điểm thực hiện, dự trù kinh phí và phân công rõ trách nhiệm cho cá nhân/đơn vị; đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình làm thủ tục nhập học. Nhà trường đã thành lập Ban thanh tra Nhân dân, Tổ thanh tra tuyển sinh để giám sát các hoạt động; công tác tuyển sinh nhập học được thực

hiện đúng Quy định của Bộ GD&ĐT; có thực hiện báo cáo bằng văn bản kết quả thanh, tra giám sát, Báo cáo thanh tra, giám sát được lưu trữ đầy đủ. Nhà trường có thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi về công tác tuyển sinh, tuyên truyền tuyển sinh và công tác nhập học từ sinh viên của Trường.

CTĐT của Trường được xây dựng, rà soát và thẩm định phê duyệt theo quy trình chặt chẽ, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng, có tham khảo ý kiến các bên liên quan, CTDH của các ngành đào tạo bậc ĐH và cao đẳng cơ bản đáp ứng Khung trình độ quốc gia và khối lượng kiến thức tối thiểu; ĐCCT các học phần được phê duyệt và ban hành, được GV công bố đến từng SV trước khi thực hiện. Hoạt động dạy học được kế hoạch hóa chi tiết, được giám sát thực hiện. Tỷ lệ giờ thực hành, thực tập và thực tế có tăng, một số kỹ năng cơ bản đã được đưa vào CĐR.

Nhà trường có quan tâm chỉ đạo và tổ chức các hoạt động hỗ trợ GV để xây dựng CTĐT và CĐR, đổi mới phương pháp dạy học trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, phát triển môi trường học tập hướng đến đạt CĐR, bám sát mục tiêu giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố; có hệ thống giám sát hoạt động dạy học, được phân cấp rõ ràng đến từng đơn vị. Hoạt động dạy học được lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và được giám sát hiệu quả, được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV để cải tiến chất lượng. ĐCCT các học phần đang tiếp tục được cập nhật, chỉnh sửa, các hình thức học tập tích cực (NCKH, tiểu luận, khóa luận, thực tế nghề nghiệp) được khuyến khích nhằm đảm bảo quá trình đào tạo đạt CĐR.

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định và phân công các đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm trong công tác đánh giá người học, được công khai rộng rãi. Quy trình tổ chức thi, kế hoạch các kỳ thi được xây dựng và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, được rà soát, đánh giá đến từng học phần. Nhà trường thường xuyên thống kê số liệu tình hình kết quả thi kiểm tra đánh giá, lấy ý kiến người học về hoạt động kiểm tra đánh giá; các hình thức, phương pháp, tiêu chí và nội dung kiểm tra đánh giá đã từng bước được cải thiện, hướng tới đạt CĐR; đã thực hiện tốt các quy định hiện hành về công tác khảo thí nên không có tình trạng khiếu nại, phản nản về kết quả thi, kiểm tra đánh giá.

Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ mỗi năm học của Nhà trường có nội dung về Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, trong đó có phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị liên quan, đồng thời tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể tới các cá nhân theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị/kế hoạch năm học của trường/đơn vị. Nhà trường đã ban hành quy định/hướng dẫn về Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học; quy định về hoạt động NCKH của SV, trong đó quy định cụ thể về điều kiện, quyền lợi, trách nhiệm của SV tham gia NCKH và GV hướng dẫn. Nhà trường đã chi gần 2,5 tỷ VND cho công tác khen thưởng SV đạt thành tích cao trong học tập và cấp học bổng khuyến khích học tập cho SV có thành tích xuất sắc trong học tập; thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng chính sách theo đúng quy định; hỗ trợ sinh viên

khởi nghiệp, tổ chức hội nghị gặp gỡ đối thoại giữa Nhà trường và đại diện SV các năm học; tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức khởi sự doanh nghiệp, tổ chức “Thanh niên với nghề nghiệp và việc làm”. Nhà trường có phần mềm quản lý đào tạo và đội ngũ cố vấn học tập chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động đào tạo liên quan đến người học; có báo cáo tổng kết, đánh giá, phân loại năng lực đội ngũ cán bộ trong đó có đội ngũ CB hỗ trợ người học; có khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người học về các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học. Nhà trường đã thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, từ đó đề ra các biện pháp cải tiến (kế hoạch, quy trình, thủ tục, chính sách) cho giai đoạn tiếp theo. Các kế hoạch, báo cáo tổng kết được Nhà trường lưu trữ đầy đủ.

Nhà trường có hệ thống quản lý, giám sát, đánh giá các hoạt động NCKH; đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động NCKH và công nghệ, Quy định về hoạt động SHTT, Quy định về định mức lao động và chế độ làm việc đối với GV. Trong đó, có quy định các chính sách, cơ chế quản lý, thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động NCKH và công nghệ; quy trình nghiệp vụ trong hoạt động NCKH; xác định khối lượng, định mức NCKH đối với CB, GV. Nhà trường đã xác định các KPIs về số lượng và chất lượng NCKH; có thực hiện rà soát, tổng kết, đánh giá mức độ đạt được các KPIs và xác định phương hướng, nhiệm vụ KHCN của năm tiếp theo. Kết quả rà soát cho thấy nhiều chỉ tiêu về KHCN đã được tăng lên.

Nhà trường đã có Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ, trong đó đã quy định cụ thể về đối tượng quyền sở hữu và khai thác các TSTT; việc bảo hộ, phân bổ lợi ích do TSTT mang lại, có định giá các đối tượng SHTT phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế; các hành vi xâm phạm quyền tác giả; tiêu chuẩn năng lực và đạo đức của nhà giáo trong các hoạt động KH&CN; quyền tác giả, quyền chủ sở hữu TSTT, hành vi xâm hại quyền tác giả; quy trình và thủ tục đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ; có chính sách hỗ trợ các tổ chức/cá nhân trong giai đoạn chuẩn bị và khai thác thương mại. Nhà trường đã thực hiện cải tiến công tác quản lý TSTT: ban hành (mới) Quy định về quản lý hoạt động SHTT; thành lập bộ phận chuyên trách quản lý SHTT trực thuộc P.ĐT-QLKH; tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về SHTT cho tất cả CB, GV, NV; cải tiến cách kiểm soát thông tin công bố nhằm tránh thất thoát tài sản trí tuệ (các tài sản trí tuệ phải được đưa lên trên tài khoản Google Scholar lưu giữ, kiểm tra); cơ sở dữ liệu về SHTT được lưu trữ ngày càng tăng lên.

Nhà trường đã có các quy định thiết lập được mối quan hệ hợp tác trong NCKH như: Ban hành Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020; Đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025, trong đó xác định rõ mục tiêu phát triển KHCN của trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường, đồng thời xác định rõ các KPIs về tăng cường hợp tác với các đối tác trong NCKH. Nhà trường đã xác định rõ các KPIs về tăng cường hợp tác với các đối tác trong

NCKH của từng giai đoạn dài hạn, ngắn hạn: ít nhất từ 2 - 3 đề tài NCKH cấp tỉnh/bộ; 15 - 20 đề tài cấp cơ sở (đến 2020); ít nhất có 01 đối tác mang tầm chiến lược, 01 nhóm nghiên cứu chung; tổ chức ít nhất 01 hội thảo với đối tác; ít nhất 02 chương trình NCKH được kí kết; chi cho hoạt động KH&CN chiếm 3 - 4% tổng thu (2018 - 2020). Trong quá trình thực hiện, Nhà trường đều vượt chỉ tiêu đề ra.

Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác tư vấn, hỗ trợ và PVCD, trong đó có quy định rõ trách nhiệm quản lí, kiểm tra, giám sát các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của các đơn vị. Hằng năm, Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch hoạt động kết nối và PVCD, chẳng hạn các kế hoạch: thực hiện chương trình công tác hội và phong trào chữ thập đỏ; thực hiện chương trình hiến máu tình nguyện; thực hiện chương trình tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng năm 2015; thực hiện công trình thanh niên các cấp năm 2016; thực hiện chương trình Thắp sáng đường quê 2015; tổ chức hoạt động Tiếp sức mùa thi giai đoạn 2016 - 2018. Nhà trường đã phối hợp/hỗ trợ các cơ quan trên địa bàn tỉnh tổ chức các hoạt động như: hội trại thanh niên “Sử vàng Nhà nước Đại Cồ Việt”; chương trình Xuân biên giới - Tết hải đảo; phối hợp với các tổ chức/đơn vị trong và ngoài nước, thực hiện đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Udomxay-Lào. Nhà trường có định kỳ báo cáo giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các loại hình hoạt động (của các đơn vị thực hiện), các báo cáo lưu trữ đầy đủ. Nhà trường đã khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan, dữ liệu khảo sát cho thấy trên 90% ý kiến phản hồi hài lòng với các hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường.

+ Lĩnh vực Kết quả hoạt động

Nhà trường có hệ thống theo dõi giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT; giám sát tỷ lệ học lại, thi lại các môn học và được hỗ trợ bằng phần mềm quản lí đào tạo và khảo thí. Nhà trường đã thiết lập hệ thống thu thập thông tin phản hồi, có quy định và triển khai thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan, thường xuyên điều tra việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp; tỷ lệ có việc làm nhìn chung khá cao, đa số các ngành đào tạo đạt trên 70%. Nhà trường đã có một số giải pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên ngay từ khi đang học trong trường.

Nhà trường đã có các văn bản quy định rõ về loại hình, khối lượng NCKH của CB, GV, SV; loại hình và số lượng các công bố khoa học và TSTT đối với CB, GV và SV; quy định định mức hoạt động KH&CN đối với mỗi chức danh nghề nghiệp. Nhà trường có cơ sở dữ liệu về loại hình và khối lượng NCKH của CB, GV và SV (danh mục các đề tài NCKH; các công bố khoa học; giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu; các giải thưởng KH&CN của CB, GV; chương trình, dự án); các cơ sở dữ liệu này được cập nhật, rà soát bởi P.ĐT-QLKH hàng năm. Nhà trường có cơ sở dữ liệu về các công bố khoa học: danh mục các đề tài NCKH; danh mục các công bố khoa học; danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tài

liệu; danh mục các giải thưởng KHCN của CB, GV và người học; Danh mục các trích dẫn của giảng viên qua hệ thống google Scholar. Các cơ sở dữ liệu này được cập nhật hàng năm và được rà soát. Nhà trường đã thực hiện đối sánh kết quả NCKH qua các năm và đối sánh với kết quả hoạt động NCKH của Trường ĐH Thủ Dầu Một giai đoạn 2014 - 2019. Kết quả đối sánh cho thấy, chất lượng hoạt động NCKH của CB, GV, SV có xu hướng tăng; thực hiện đối sánh loại hình và số lượng TSTT thuộc quyền tác giả ở Nhà trường theo các năm giai đoạn 2014 - 2019 cho thấy, các công bố khoa học của Nhà trường có xu hướng tăng.

Giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hoạt động kết nối và PVCD căn cứ trên các văn bản quy định của BGD&ĐT, Bộ Nội vụ và kế hoạch chung của Nhà trường; đã giao cho P.TC-TH làm đầu mối cùng Ban thanh tra ND, Công đoàn, Hội chữ thập đỏ và P.CTSV thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch, tổ chức triển khai và theo dõi, giám sát hoạt động kết nối và PVCD của CBVC và SV. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan; tiến hành đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với xã hội; đã thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội. Kết quả cho thấy, trong giai đoạn đánh giá, hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường được duy trì, các hoạt động ngày càng đa dạng và được xã hội ghi nhận. Căn cứ trên kết quả khảo sát, đối sánh, báo cáo tổng kết của các đơn vị tham gia hoạt động PVCD, Nhà trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh các hoạt động kết nối và PVCD, cải tiến chất lượng PVCD đối với CBVC và SV, đồng thời thu hút CBVC tham gia hoạt động thiện nguyện tạo ra giá trị gắn kết cộng đồng, giúp khơi dậy tinh thần nhân ái, nhiệt huyết tham gia phục vụ vì cộng đồng.

Nhà trường có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD; có thực hiện giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính và (tự) đối sánh, rà soát, điều chỉnh hằng năm. Nhà trường có cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD khá đầy đủ và được phân cấp quản lý và được hỗ trợ bởi các phần mềm chuyên dụng, truy xuất nhanh và nhất quán; có báo cáo xét duyệt quyết toán tài chính của UBND tỉnh Ninh Bình, báo cáo kiểm toán khu vực I các năm 2015, 2018 và thực hiện kiến nghị kiểm toán. Nhà trường đã thực hiện (tự) đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD hằng năm cũng như đối sánh các chỉ số tài chính với trường ĐH Bạc Liêu (theo dữ liệu 3 công khai). Trên cơ sở đó Nhà trường đã có những điều chỉnh theo hướng phát triển bao gồm: mở thêm dịch vụ đào tạo, dịch vụ nghiên cứu khoa học, CGCN và các dịch vụ khác; khai thác, quản lý tốt nguồn thu, tiết kiệm chi tiêu và tăng hiệu quả đầu tư CSVN. Nhà trường có hệ thống giám sát về kết quả của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD; thực hiện đối sánh về kết quả của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD; có tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan và có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan.

b2. Tóm tắt những điểm cần cải tiến chất lượng của CSGD

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về chiến lược

Nhà trường cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh phát biểu tầm nhìn sao cho thể hiện được sự phù hợp với xu thế phát triển KT-XH tiếp cận CMCN 4.0 cũng như những đổi mới mạnh mẽ về giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục đại học nói riêng; cần gắn kết chặt chẽ các tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn với các văn bản quản lý nhằm định hướng các hoạt động vào việc thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường đã tuyên bố. Nhà trường nên tiếp tục huy động đông đảo CBGV và NV toàn trường và các thể chế để rà soát bổ sung hoặc điều chỉnh tuyên bố giá trị cốt lõi phản ánh được những giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa của Nhà trường trong quá trình xây dựng và phát triển; cần đổi mới phương pháp phổ biến, quán triệt tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa, gắn kết chặt chẽ nội dung tuyên bố với các giải pháp, các chủ trương chính sách được lựa chọn trong các hoạt động của Nhà trường về ĐT, NCKH và PVCĐ; cần cải tiến quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa, trong đó có việc điều chỉnh bộ câu hỏi khảo sát để có thể huy động được đông đảo các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng, điều chỉnh tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường.

Nhà trường cần kiến nghị UBND tỉnh Ninh Bình và Tỉnh ủy Ninh Bình sớm phê duyệt phương án nhân sự Chủ tịch Hội đồng trường và ra quyết định thành lập Hội đồng trường; hằng năm, cần có các báo cáo riêng kết quả rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị cũng như kết quả thu thập ý kiến CBGV và NV đóng góp cho các dự thảo văn bản quản trị của Nhà trường. Trong các văn bản nghị quyết/quyết định/kết luận cần phân biệt chức năng, nhiệm vụ của *hệ thống quản trị* với chức năng, nhiệm vụ của *hệ thống lãnh đạo, quản lý* đặc biệt là khi thành lập và triển khai hoạt động của Hội đồng Trường; bổ sung vào các văn bản của hệ thống quản trị các nội dung có liên quan đến việc giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình phát triển.

Nhà trường cần sớm lập Bộ phận/cán bộ Thanh tra chuyên trách và Bộ phận/cán bộ Pháp chế chuyên trách; thực hiện việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác pháp chế theo từng năm học, trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định tại Công văn số 3878/BGDĐT-PC ngày 24/07/2014 hướng dẫn tổ chức làm công tác pháp chế trong các cơ sở giáo dục đại học. Nhà trường cần đổi mới các hoạt động kết nối các bên liên quan; điều chỉnh, bổ sung các bộ câu hỏi khảo sát phản hồi để huy động hiệu quả sự đóng góp trí tuệ và trải nghiệm thực tiễn nhằm định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường trong quá trình phát triển. Nhà trường cần định kỳ có các báo cáo riêng rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý bao gồm khảo sát các bên liên quan, phân tích, đánh giá hiệu quả tác động và đề xuất các bổ

sung, sửa đổi cần thiết. Trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để thúc đẩy tiến trình đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh của Nhà trường.

Nhà trường nên ban hành Hướng dẫn xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển để thực hiện ở quy mô cấp trường cũng như các đơn vị trực thuộc. Sau khi ban hành “Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030” cần xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển của một số lĩnh vực chủ yếu trong giai đoạn 2020 - 2025 như phát triển nguồn nhân lực, phát triển ĐT, phát triển NCKH, phát triển PVCĐ, phát triển hợp tác trong và ngoài nước... Nhà trường nên xây dựng kế hoạch trung hạn theo từng lĩnh vực: Phát triển đội ngũ cán bộ, ĐT, NCKH, hợp tác trong và ngoài nước, đảm bảo chất lượng giáo dục, PVCĐ...Nên công bố kịp thời các Kế hoạch chiến lược phát triển trung hạn, dài hạn và ngắn hạn trên trang thông tin điện tử của Trường. Mỗi lần sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các kế hoạch chiến lược, Nhà trường cần quan tâm hơn đến việc phân tích nguyên nhân chủ quan và khách quan đối với các kết quả đã đạt được. Khi xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn mới cần tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn trước, làm cơ sở cho việc xây dựng các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu mới. Khi xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn cần quan tâm hơn đến nhiệm vụ PVCĐ của một trường đại học. Trong quá trình thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn nếu có điều chỉnh chỉ tiêu phấn đấu thì cần ban hành quyết định điều chỉnh của Hiệu trưởng.

Nhà trường cần ban hành hướng dẫn chi tiết về quy trình xây dựng các chính sách, văn bản quản lý có liên quan đến các hoạt động của đơn vị và triển khai tập huấn cho tất cả các cán bộ lãnh đạo của các đơn vị trực thuộc. Cần chủ động hơn trong việc hoạch định các chính sách bản lề để thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. Nên định kỳ tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các chính sách đã ban hành để phân tích hiệu quả, tác động của các chính sách đó đến sự phát triển của Trường, làm cơ sở cho những điều chỉnh nếu thấy cần thiết. Cần cập nhật kịp thời các chính sách của Trường và của Nhà nước có liên quan lên trang thông tin điện tử của Nhà trường; xây dựng các chính sách và kế hoạch tổng thể về phát triển công tác PVCĐ để việc rà soát đánh giá kết quả thực hiện được thuận lợi. Cần chủ động hơn trong việc điều chỉnh các chính sách, nhất là chính sách về phát triển nguồn nhân lực, phát triển ĐT, NCKH; tạo động lực cho cán bộ GV trong việc nâng cao trình độ chuyên môn và tham gia hoạt động NCKH (vừa khuyến khích nhưng cũng là bắt buộc). Nên có chính sách khuyến khích GV liên kết, phối hợp cùng xây dựng hoặc tham gia đề tài NCKH với các nhà khoa học ở ngoài trường; định kỳ khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về các chính sách đã ban hành để có những điều chỉnh thích hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường.

Nhà trường nên xây dựng kế hoạch trung hạn phát triển nguồn nhân lực chung của Trường và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực riêng của các đơn vị trực thuộc. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cần có mốc thời gian theo các năm kèm các giải pháp và nguồn lực để thực hiện. Nên xây dựng Quy hoạch phát triển ngành và chuyên ngành đào tạo là

một trong những cơ sở quan trọng để xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực. Nhà trường cần ban hành Quy định về công tác tuyển dụng, luân chuyển, cho thôi việc đối với cán bộ viên chức và người lao động; thực hiện tốt hơn công tác quy hoạch cán bộ quản lý để đảm bảo tất cả các chức danh lãnh đạo quản lý đều đáp ứng các tiêu chuẩn quy định hiện hành. Nhà trường cần có giải pháp hữu hiệu, chủ động tìm nguồn kinh phí, học bổng để cử các GV đi học tiến sĩ ở trong và ngoài nước; có giải pháp ưu tiên bồi dưỡng để một số GV sớm đạt được chuẩn chức danh PGS, nhất là chuẩn về NCKH và ngoại ngữ. Nhà trường nên ban hành hướng dẫn về công tác quy hoạch đội ngũ và kế hoạch thực hiện trong giai đoạn 2020 - 2025; thường xuyên rà soát nguồn quy hoạch CBQL và GV để có điều chỉnh hợp lý. Nhà trường cần chủ động xây dựng các chính sách và giải pháp đột phá có tính khả thi để nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCD đáp ứng yêu cầu thực hiện sứ mạng tầm nhìn của Trường.

Nhà trường cần có hướng dẫn chi tiết về công tác lập kế hoạch ngân sách và dự toán thu chi hằng năm để việc lập dự toán sát hơn với yêu cầu của đơn vị và có tính khả thi cao. Cần có giải pháp để tăng cường nguồn thu ngoài ngân sách như mở rộng các loại hình đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ ngắn hạn, đẩy mạnh hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, tăng cường hợp tác trong trao đổi cán bộ sinh viên, tăng hoạt động dịch vụ; cần có hội nghị rà soát dự toán tài chính và cơ sở vật chất của các đơn vị để có quyết định phê duyệt kế hoạch chi tiết. Nhà trường nên đầu tư hơn về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị CNTT, nhất là đang trong quá trình thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tăng thêm phần mềm phục vụ cho công tác quản lý và hỗ trợ công tác dạy-học; từng bước nâng chuẩn trình độ tin học đối với GV và CDR về kỹ năng tin học của các CTĐT. Nhà trường cần quan tâm hơn đến việc xây dựng thư viện điện tử và từng bước số hoá những tài liệu đã có trong thư viện, nhất là những tài liệu nội sinh. Khi xây dựng Trường tại cơ sở 2, cần chú ý đến nhu cầu của người khuyết tật; cần đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho CBVC và người học.

Nhà trường cần sớm thành lập Bộ phận/đơn vị quản lý hoạt động đối ngoại hợp tác quốc tế và cần ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại nhằm xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược mà Nhà trường đã đề ra; cần có biện pháp cải tiến mở rộng, tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước. Nhà trường nên văn bản hóa kế hoạch/kết quả rà soát và đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại nhằm đưa ra được các tiêu chí/quy trình rà soát lựa chọn các đối tác trong hoạt động đối ngoại của Nhà trường cũng như thực hiện việc quản lý hoạt động đối ngoại một cách bài bản. Nhà trường cần xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả các mối quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, đặc biệt là các đối tác nước ngoài, trên cơ sở đó để có biện pháp cải thiện thường

xuyên, định kỳ; cập nhật bổ sung chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bằng văn bản một cách độc lập.

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về hệ thống

Nhà trường cần rà soát, hoàn thiện các chính sách, quy định, công cụ/hướng dẫn về công tác ĐBCL; quy định cụ thể về sự phối hợp ĐBCL nội bộ bên trong; cần ban hành Kế hoạch chiến lược về ĐBCL giai đoạn tiếp theo (2020 - 2025) phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của Trường đã nêu ra trong “Đề án quy hoạch phát triển Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2020 -2025, định hướng đến năm 2030”; cần tiếp tục rà soát để điều chỉnh, cập nhật các văn bản quản lý, các quy định, công cụ và hướng dẫn nhằm đưa chính sách đi vào thực tiễn; rà soát, tăng cường sự kết nối giữa chiến lược ĐBCL với kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, các chỉ tiêu phấn đấu chính; xây dựng các chỉ số thực hiện và các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể cho từng năm; cần khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính trước/sau mỗi lần cải tiến.

Nhà trường cần có kế hoạch cử cán bộ, giảng viên tham gia các khóa tập huấn về ĐBCL/KĐCL, các lớp đào tạo cấp chứng chỉ/thẻ KĐV.CLGD để nâng cao năng lực cho mạng lưới ĐBCL và đáp ứng yêu cầu khi tham gia Hội đồng TĐG; tiếp tục rà soát các lĩnh vực hoạt động, chú ý đến các tiêu chí ĐGN ở mức thấp; bổ sung các nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát việc cải tiến chất lượng sau khi kết thúc công tác ĐGN; cải tiến quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị ĐGN các chương trình đào tạo sắp tới.

Nhà trường cần có phương án tích hợp dữ liệu ĐBCL, phân tích, đánh giá đầy đủ kết quả các lĩnh vực hoạt động, chú trọng đến việc phân tích xu hướng nhằm hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Định kỳ (hàng năm), rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL một cách tổng thể, đồng bộ. Trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh hệ thống thông tin quản lý, chất lượng, số lượng, sự thống nhất, an toàn dữ liệu và thông tin; chú trọng việc lấy ý kiến và sử dụng phản hồi của các bên liên quan để bổ sung, điều chỉnh hệ thống thông tin. Tăng cường phân tích, đánh giá tính hiệu quả của việc cải tiến các quy trình và kế hoạch, từ đó điều chỉnh, bổ sung kịp thời về quy trình, kế hoạch và các KPIs cho giai đoạn tiếp theo đáp ứng mục tiêu chiến lược của Trường; cần có phương án quy hoạch tổng thể việc ứng dụng CNTT để quản lý thông tin ĐBCL bên trong, chú trọng tính đồng bộ, tích hợp và bao phủ các lĩnh vực hoạt động nhằm hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho việc ra quyết định.

Nhà trường cần có kế hoạch tổng thể về nâng cao chất lượng các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực, tính liên tục với các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo tốt nhất hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ; cần rà soát, bổ sung các tiêu chí lựa chọn đối tác so chuẩn, đối sánh chất lượng phù hợp với tình hình thực tế của Trường; tham khảo CTĐT của các CSGD uy tín trong và ngoài nước, có lộ trình xây dựng các CTĐT tiên tiến/chất lượng cao; chú trọng đến việc sử dụng kết quả đối sánh để bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các đơn vị/cá nhân đổi mới,

sáng tạo trong các hoạt động ĐBCL; cần ban hành Quy định về việc rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để thực hiện rà soát và báo cáo sau rà soát một cách đầy đủ, bài bản cho tất cả các lĩnh vực hoạt động.

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng

Nhà trường cần ban hành quy định về quản lý và lưu trữ văn bản để đảm bảo công tác văn thư lưu trữ thực hiện theo đúng quy định; cần xây dựng quy trình giám sát công tác tuyển sinh nhập học để thực hiện, đảm bảo hoạt động tuyển sinh nhập học được thực hiện chặt chẽ và bài bản. Nhà trường nên giao nhiệm vụ cho một bộ phận chịu trách nhiệm chính tổ chức, giám sát, đánh giá, phân tích kết quả tuyển sinh nhằm cải tiến, điều chỉnh chiến lược, chính sách tuyển sinh, nhập học. Nhà trường cần phân tích và đánh giá nhu cầu xã hội thông qua phân tích dữ liệu tuyển sinh và tăng cường lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm cải tiến công tác truyền thông, thông tin truyền thông nhằm thu hút người học để công tác tuyển sinh đạt hiệu quả.

Nhà trường cần tiếp tục rà soát, bổ sung, cải tiến và ban hành lại quy định và hướng dẫn về việc phát triển CTĐT, CTDH và ĐCCT học phần. Cần tích cực hoàn thiện bộ ĐCCT học phần của các CTDH, chú trọng khả năng đạt được CĐR CTĐT, thực hiện triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi trong xây dựng, đánh giá CTĐT; cần thường xuyên thu thập đầy đủ ý kiến phản hồi và sử dụng phản hồi của các bên liên quan phục vụ phát triển CTĐT.

Nhà trường cần lấy ý kiến các bên liên quan và tăng cường truyền thông về triết lý giáo dục, hướng dẫn và triển khai để GV và người học vận dụng hiệu quả triết lý giáo dục mới được công bố; đẩy nhanh việc rà soát chỉnh sửa, cập nhật ĐCCT các học phần, tăng tỷ lệ các hoạt động dạy học tích cực, tự học, hoạt động SV NCKH và khởi nghiệp sáng tạo để đảm bảo đạt CĐR của CTĐT. Chú trọng đầu tư xây dựng môi trường học tập trực tuyến, tăng cường và kết nối các nguồn lực hỗ trợ dạy học và khuyến khích tự học của SV. Tăng cường việc xử lý thống kê số liệu khảo sát để có thông tin đầy đủ và tin cậy, giúp cho GV cải tiến chất lượng giảng dạy và dùng để đánh giá GV, làm cơ sở cải tiến chất lượng của Nhà trường.

Nhà trường cần rà soát và bổ sung, cập nhật các quy định và hướng dẫn liên quan đến việc thiết kế hoạt động đánh giá người học đo lường được mức độ đạt CĐR; tập huấn cho GV để nâng cao năng lực thiết kế các hoạt động đánh giá người học nhằm đảm bảo đạt CĐR học phần và CĐR CTĐT. Thường xuyên phân tích xử lý số liệu bài thi, kiểm tra để có biện pháp cải tiến chất lượng đề thi, ngân hàng đề thi; đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá; chú trọng đánh giá năng lực người học.

Nhà trường nên sớm ban hành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ và triển khai thực

hiện; ban hành các biểu mẫu liên quan đến công tác tư vấn hỗ trợ người học trong các hoạt động đào tạo, NCKH. Nhà trường cần có kế hoạch cải tiến cụ thể việc triển khai dịch vụ hỗ trợ người học trong năm học/kỳ học kế tiếp sau rà soát, đánh giá; quan tâm hơn nữa công tác tư vấn hỗ trợ đối với sinh viên có kết quả học tập kém.

Nhà trường nên ban hành bộ Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động KHCN, trong đó bao gồm đầy đủ các tiêu chí: kỹ thuật công nghệ, tác động xã hội; thông tin khoa học; kinh tế; thời gian và hiệu quả kết nối trong NCKH; cần rà soát quy định quản lý hoạt động KHCN, chú ý cập nhật quy định mới của cấp trên về hướng dẫn xây dựng quy trình; thành lập các nhóm nghiên cứu để triển khai thực hiện các đề tài trọng điểm; phối hợp với các Viện/Trung tâm/cá nhân đẩy mạnh hoạt động kết nối song phương và đa phương để gia tăng đối tác trong hợp tác và NCKH; cần xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng và số lượng NCKH cụ thể để đánh giá chính xác mức độ đạt được các KPIs từng năm. Định kỳ theo giai đoạn phát triển KHCN, Nhà trường cần lập kế hoạch rà soát các KPIs về NCKH, trong đó cần có quy trình rà soát; sau rà soát cần có kế hoạch điều chỉnh, khắc phục hạn chế để điều chỉnh các KPIs cho phù hợp với thực tiễn và điều kiện của Trường.

Nhà trường cần ban hành hướng dẫn cụ thể về việc hỗ trợ đăng kí SHTT cho CB, GV, SV và hỗ trợ CB, GV, SV thực hiện bảo hộ quyền SHTT; cập nhật thường xuyên các văn bản mới của cơ quan cấp trên để kịp thời triển khai, phổ biến, thực hiện, đảm bảo chất lượng của quản lý hoạt động SHTT; cần có quy định cụ thể về rà soát các hoạt động NCKH, bao gồm hoạt động SHTT (kèm theo các biểu mẫu); báo cáo rà soát cần phân tích điểm mạnh, hạn chế và có kế hoạch cải tiến; cần xây dựng kế hoạch tài chính cho công tác bảo hộ quyền SHTT hằng năm; cần tổ chức tổng kết, đánh giá công tác quản lý TSTT hằng năm, trong đó có đánh giá cụ thể từng mặt hoạt động của công tác quản lý TSTT về điểm mạnh, tồn tại và đề xuất biện pháp khắc phục cho năm tiếp theo.

Nhà trường cần rà soát lại các KPIs trong Đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025 để điều chỉnh các chỉ số và bổ sung thêm các KPIs nhằm tăng số lượng và hình thức hợp tác, đối tác trong NCKH; ban hành quy định/hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN hằng năm, trong đó chỉ rõ căn cứ xây dựng kế hoạch và cụ thể hoá các KPIs cho từng năm. Nhà trường cần ban hành tiêu chí lựa chọn đối tác và hợp tác NCKH đảm bảo lựa chọn được đối tác phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường; ban hành quy trình và tiêu chí đánh giá hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong NCKH và nguồn lực cho hoạt động hợp tác. Nhà trường cần tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT và NCKH và từ các đối tác; cần có những giải pháp, các chính sách hỗ trợ và tăng cường thêm nguồn lực để khuyến khích, thu hút nhiều hơn các đối tác và hợp tác NCKH nhằm tăng nguồn thu từ hoạt động hợp tác NCKH.

Nhà trường cần triển khai Quy định về công tác tư vấn, hỗ trợ và PVCĐ theo Quyết định số 205/QĐ-ĐHHL/2019 và định kỳ rà soát, cập nhật để công tác tư vấn, hỗ trợ và PVCĐ của Nhà trường đạt hiệu quả cao nhất. Nhà trường cần sớm ban hành quy trình kiểm tra, giám sát và tiêu chí đánh giá tính hiệu quả của hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng, đồng thời thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tính hiệu quả một cách chặt chẽ và bài bản. Nhà trường nên tăng cường đối sánh với các CSGD có kết quả hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng tốt để có biện pháp cải tiến phù hợp.

+ Lĩnh vực Kết quả hoạt động

Nhà trường cần phân tích, đối sánh và dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ thi lại và học lại, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp theo từng CTĐT, đưa vào kế hoạch thực hiện của từng năm học; thường xuyên thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng đối với SV tốt nghiệp các CTĐT và các góp ý về CTĐT để có biện pháp cải tiến chất lượng hiệu quả. Nhà trường cần tăng cường những giải pháp nhằm cải thiện một số năng lực của SV, như năng lực ngoại ngữ, năng lực sử dụng CNTT, năng lực làm việc nhóm, năng lực tổ chức và lãnh đạo.

Nhà trường cần có kế hoạch rà soát tổng thể các quy định về các loại hình, khối lượng và chất lượng NCKH của CB, GV, SV để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung các quy định, chính sách NCKH phù hợp với sứ mệnh và mục tiêu NCKH của Trường; xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động NCKH và chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo của CB, GV, SV trong Trường; ban hành quy định, hướng dẫn về tiêu chí, quy trình đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng NCKH, về phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu để thực hiện giám sát, đánh giá và đảm bảo kết quả đánh giá được sát thực, đầy đủ. Nhà trường cần có kế hoạch giao chỉ tiêu cụ thể về NCKH của SV cho các khoa và triển khai giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức thực hiện và nghiệm thu sản phẩm NCKH để đảm bảo sự đồng đều hoạt động NCKH của SV; rà soát chính sách hỗ trợ để tăng cường công tác NCKH trong SV; đầu tư kinh phí thích đáng để đảm bảo SV được tham gia NCKH dưới nhiều loại hình đa dạng hơn với số lượng phù hợp, đảm bảo tỉ lệ chi theo đúng quy định. Nhà trường cần có quy định/quy trình và thực hiện đối sánh đầy đủ các chỉ số với các trường đại học khác trong và ngoài nước. Nhà trường nên thành lập đơn vị khởi nghiệp, thử nghiệm nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao).

Nhà trường cần phân công cụ thể đơn vị/bộ phận/cá nhân và có quy trình/tiêu chí giám sát các hoạt động PVCĐ. Đồng thời, cần thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục khác để có thể đưa ra các định hướng hoạt động kế tiếp hiệu quả hơn. Nhà trường cần

định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi và sử dụng phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ.

Nhà trường cần tiến hành hoàn thiện bộ chỉ số hiệu quả tài chính có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong bảng cân đối, báo cáo thu nhập/chi tiêu, lợi tức đầu tư và phân tích tỷ lệ trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ. Nhà trường cần tiến hành việc lựa chọn đối tác ngoài trường để đối sánh trong hoạt động tài chính. Cần tăng cường vai trò của Hội đồng Trường trong việc kiểm soát và chất lượng kiểm soát, trong việc giám sát xây dựng và thực hiện các chỉ báo, chỉ tiêu hiệu suất/kết quả tài chính. Cần tiến hành khảo sát các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ cũng như về công tác tài chính và quản lý tài chính ở cả 4 khâu: kế hoạch, thông báo, khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát và kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Nhà trường cần có quy định cụ thể về hiệu quả và các chỉ số thị trường giáo dục (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần...) của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Nhà trường cần có kế hoạch và chủ động tham gia các bảng xếp hạng trong nước cũng như quốc tế.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức đánh giá	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược	3.79	
	<i>Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	3.80	
1.	Tiêu chí 1.1	4	
2.	Tiêu chí 1.2	4	
3.	Tiêu chí 1.3	4	
4.	Tiêu chí 1.4	4	
5.	Tiêu chí 1.5	3	
	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i>	3.75	
6.	Tiêu chí 2.1	3	
7.	Tiêu chí 2.2	4	
8.	Tiêu chí 2.3	4	
9.	Tiêu chí 2.4	4	
	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</i>	3.75	
10.	Tiêu chí 3.1	3	
11.	Tiêu chí 3.2	4	
12.	Tiêu chí 3.3	4	
13.	Tiêu chí 3.4	4	

	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>	4.00	
14.	Tiêu chí 4.1	4	
15.	Tiêu chí 4.2	4	
16.	Tiêu chí 4.3	4	
17.	Tiêu chí 4.4	4	
	<i>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng</i>	4.00	
18.	Tiêu chí 5.1	4	
19.	Tiêu chí 5.2	4	
20.	Tiêu chí 5.3	4	
21.	Tiêu chí 5.4	4	
	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>	3.71	
22.	Tiêu chí 6.1	4	
23.	Tiêu chí 6.2	3	
24.	Tiêu chí 6.3	4	
25.	Tiêu chí 6.4	4	
26.	Tiêu chí 6.5	4	
27.	Tiêu chí 6.6	4	
28.	Tiêu chí 6.7	3	
	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	3.80	
29.	Tiêu chí 7.1	4	
30.	Tiêu chí 7.2	4	
31.	Tiêu chí 7.3	3	
32.	Tiêu chí 7.4	4	
33.	Tiêu chí 7.5	4	
	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	3.50	
34.	Tiêu chí 8.1	4	
35.	Tiêu chí 8.2	4	
36.	Tiêu chí 8.3	3	
37.	Tiêu chí 8.4	3	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống	3.84	
	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống ĐBCL bên trong</i>	4.00	
38.	Tiêu chí 9.1	4	
39.	Tiêu chí 9.2	4	
40.	Tiêu chí 9.3	4	
41.	Tiêu chí 9.4	4	
42.	Tiêu chí 9.5	4	
43.	Tiêu chí 9.6	4	

	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	4.00	
44.	Tiêu chí 10.1	5	
45.	Tiêu chí 10.2	3	
46.	Tiêu chí 10.3	4	
47.	Tiêu chí 10.4	4	
	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>	3.75	
48.	Tiêu chí 11.1	4	
49.	Tiêu chí 11.2	4	
50.	Tiêu chí 11.3	4	
51.	Tiêu chí 11.4	3	
	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	3.60	
52.	Tiêu chí 12.1	4	
53.	Tiêu chí 12.2	4	
54.	Tiêu chí 12.3	4	
55.	Tiêu chí 12.4	3	
56.	Tiêu chí 12.5	3	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng	3.87	
	<i>Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học</i>	4.20	
57.	Tiêu chí 13.1	5	
58.	Tiêu chí 13.2	4	
59.	Tiêu chí 13.3	4	
60.	Tiêu chí 13.4	4	
61.	Tiêu chí 13.5	4	
	<i>Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát CTDH</i>	3.80	
62.	Tiêu chí 14.1	4	
63.	Tiêu chí 14.2	4	
64.	Tiêu chí 14.3	4	
65.	Tiêu chí 14.4	4	
66.	Tiêu chí 14.5	3	
	<i>Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập</i>	3.80	
67.	Tiêu chí 15.1	4	
68.	Tiêu chí 15.2	4	
69.	Tiêu chí 15.3	4	
70.	Tiêu chí 15.4	4	
71.	Tiêu chí 15.5	3	
	<i>Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học</i>	3.75	
72.	Tiêu chí 16.1	4	
73.	Tiêu chí 16.2	4	
74.	Tiêu chí 16.3	4	

75.	Tiêu chí 16.4	3	
	<i>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i>	4.00	
76.	Tiêu chí 17.1	4	
77.	Tiêu chí 17.2	4	
78.	Tiêu chí 17.3	4	
79.	Tiêu chí 17.4	4	
	<i>Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học</i>	4.00	
80.	Tiêu chí 18.1	4	
81.	Tiêu chí 18.2	4	
82.	Tiêu chí 18.3	4	
83.	Tiêu chí 18.4	4	
	<i>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</i>	3.50	
84.	Tiêu chí 19.1	4	
85.	Tiêu chí 19.2	3	
86.	Tiêu chí 19.3	3	
87.	Tiêu chí 19.4	4	
	<i>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH</i>	3.75	
88.	Tiêu chí 20.1	4	
89.	Tiêu chí 20.2	4	
90.	Tiêu chí 20.3	3	
91.	Tiêu chí 20.4	4	
	<i>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng</i>	4.00	
92.	Tiêu chí 21.1	4	
93.	Tiêu chí 21.2	4	
94.	Tiêu chí 21.3	4	
95.	Tiêu chí 21.4	4	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	3.63	
	<i>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</i>	3.75	
96.	Tiêu chí 22.1	4	
97.	Tiêu chí 22.2	4	
98.	Tiêu chí 22.3	4	
99.	Tiêu chí 22.4	3	
	<i>Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học</i>	3.50	
100.	Tiêu chí 23.1	4	
101.	Tiêu chí 23.2	4	
102.	Tiêu chí 23.3	4	
103.	Tiêu chí 23.4	3	

104.	Tiêu chí 23.5	3	
105.	Tiêu chí 23.6	3	
	<i>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</i>	3.75	
106.	Tiêu chí 24.1	4	
107.	Tiêu chí 24.2	4	
108.	Tiêu chí 24.3	3	
109.	Tiêu chí 24.4	4	
	<i>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</i>	3.50	
110.	Tiêu chí 25.1	4	
111.	Tiêu chí 25.2	3	

PHẦN II. ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN

TIÊU CHUẨN 1: TẦM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ VĂN HÓA

Tiêu chí 1.1: Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 1.1.

Sứ mạng Trường ĐHHL được tuyên bố lần đầu trong Định hướng xây dựng và phát triển Trường giai đoạn 2009 - 2020 ban hành tháng 6 năm 2009 (không số): “Trường ĐHHL là trường đại học đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực; là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình và các vùng lân cận”.

Nhà trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh sứ mạng, **bổ sung tầm nhìn, giá trị cốt lõi** thông qua việc ban hành Quyết định số 643/QĐ-ĐHHL ngày 05/11/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL theo đó ***Sứ mạng của Nhà trường là trường đại học đa ngành, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tổ chức nghiên cứu và ứng dụng KHCN đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Tầm nhìn của Nhà trường được xác định là: sớm trở thành trường đại học có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng KHCN; có năng lực cạnh tranh và từng bước hội nhập với các trường đại học trong nước.***

Sau giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh lại Tầm nhìn và công bố tại Quyết định số 21/QĐ-ĐHHL ngày 08/01/2020, đã ban hành vào thời điểm tầm nhìn được bổ sung ý “từng bước hội nhập”, cụ thể là: *đến năm 2035, Trường ĐHHL trở thành trường đại học có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa*

học - công nghệ; có năng lực cạnh tranh và từng bước hội nhập với các trường đại học hàng đầu trong nước.”

Trong quá trình rà soát, xây dựng sứ mạng, tầm nhìn đến khi công bố chính thức, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong cán bộ, viên chức, người lao động thông qua các hình thức: gửi dự thảo cho các bên liên quan để góp ý, tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức đóng góp ý kiến. Các ý kiến đóng góp được lập thành biên bản gửi về P. TC-TH để tổng hợp báo cáo lãnh đạo trường (19 đơn vị có báo cáo tổng hợp); Gửi công văn xin ý kiến cơ quan chủ quản là UBND tỉnh Ninh Bình, một số cơ quan, trường học doanh nghiệp sử dụng sản phẩm ĐT của Nhà trường, đăng các dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Trường, phần mềm quản lý văn bản nội bộ (I-office) để xin ý kiến góp ý trực tiếp từ cán bộ, viên chức, SV.

Nội dung tuyên bố Sứ mạng, Tầm nhìn của Trường ĐHHL được xây dựng trên cơ sở định hướng của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Ninh Bình, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình và đất nước, phù hợp với yêu cầu phát triển GD&ĐT của ngành giáo dục trong giai đoạn từ năm 2009 đến nay và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực, định hướng phát triển của Nhà trường.

Căn cứ sứ mạng được công bố năm 2009 và sứ mạng được điều chỉnh, tầm nhìn được công bố vào năm 2018; căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, Nhà trường đã có Chương trình hành động thực hiện “Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi, Triết lý giáo dục ... (số 33/Ctr-ĐHHL ngày 13/01/2020) là cơ sở để các đơn vị triển khai xây dựng các Chương trình, kế hoạch hành động cho đơn vị, cụ thể hóa sứ mạng tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục ...

Nhà trường cũng đã ban hành Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 theo quyết định số 42/QĐ-ĐHHL ngày 13/01/2020.

Việc điều chỉnh sứ mạng và phát biểu tầm nhìn vào cuối giai đoạn đánh giá (ngày 05/11/2018) và điều chỉnh tầm nhìn sau giai đoạn đánh giá (08/01/2020) muộn đã hạn chế tác dụng của các tuyên bố về sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường trong các văn bản triển khai thực hiện.

Tuyên bố tầm nhìn của Nhà trường còn chưa thể hiện được sự phù hợp với xu thế phát triển KT-XH tiếp cận CMCN 4.0 cũng như những đổi mới mạnh mẽ về giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục đại học nói riêng.

2. Đánh giá tiêu chí 1.1 đạt mức: 4.

Tiêu chí 1.2: Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 1.2.

GTCL của Nhà trường được tuyên bố chính thức trong Quyết định số 643/QĐ-ĐHHL ngày 05/11/2018 và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL ban hành kèm theo Quyết định số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL. Cụ thể là: chất lượng, hiệu quả, chuyên nghiệp và hiện đại

- **Chất lượng:** Trường ĐHHL luôn đặt chất lượng ĐT, NCKH lên hàng đầu trong mọi hoạt động xây dựng và phát triển của Nhà trường.

- **Hiệu quả:** Hoạt động ĐT, NCKH nhằm phục vụ cho cộng đồng, lợi ích xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

- **Chuyên nghiệp:** Môi trường làm việc thân thiện. Đội ngũ CB, GV, NV làm việc chuyên nghiệp, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao và có khả năng thích ứng nhanh với yêu cầu đổi mới và hội nhập trong GD.

- **Hiện đại:** CSVC, trang thiết bị phục vụ ĐT, NCKH hiện đại; CTĐT thường xuyên được cập nhật; phương pháp dạy học luôn được đổi mới nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của người học và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

Giá trị cốt lõi của Trường ĐHHL được tạo nên từ các giá trị truyền thống của Nhà trường trong suốt 60 năm xây dựng và phát triển, đó là: Truyền thống “dạy tốt, học tốt”, “Lao động giỏi, Lao động sáng tạo”.

Sau khi hệ giá trị cốt lõi chính thức được công bố, Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông, phổ biến giá trị cốt lõi đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, SV và các bên liên quan (Số 192/KH-ĐHHL ngày 09/11/2018). Các đơn vị trực thuộc cũng đã chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, như: Kế hoạch tổ chức Hội thi nghiệp vụ nghề nghiệp cho SV (Số 186/KH-ĐHHL ngày 25/11/2016 và số 204/KH-ĐHHL ngày 18/12/2017) ...

Tuy rằng tuyên bố các giá trị cốt lõi khá phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường nhưng vẫn chưa mang tính bản sắc rõ ràng. Còn có sự khác biệt giữa truyền thống và giá trị cốt lõi. Những giá trị như “học tốt”, “lao động sáng tạo” không được tiếp thu trong hệ giá trị cốt lõi hiện tại.

Tương tự như với tuyên bố tầm nhìn, việc tuyên bố giá trị cốt lõi của Nhà trường là muộn trong giai đoạn đánh giá nên hạn chế tác dụng của các văn bản này.

2. Đánh giá tiêu chí 1.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 1.3: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí

1.3.

Lãnh đạo trường đã chỉ đạo tổ chức công tác truyền thông, phổ biến đến toàn thể các đơn vị và cá nhân có liên quan ở trong và ngoài trường bằng các hình thức: đăng công khai sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi trên Cổng thông tin điện tử của trường, mạng xã hội facebook Trường ĐHHL; in panô apphich lớn treo ở những nơi có đông người qua lại ở trong và ngoài khuôn viên trường học; tổ chức phổ biến, quán triệt tại các hội nghị, hội thảo, tập huấn của Nhà trường, như: Hội nghị cán bộ, viên chức, lao động năm học 2018-2019, Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo trường với SV; Hội nghị tập huấn Quy chế tuyển sinh ...

- Tổ chức phổ biến tại các chương trình giao lưu, tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp tại các trường THPT, các trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên trong tỉnh.

- Gửi văn bản báo cáo UBND tỉnh Ninh Bình, Bộ GD&ĐT và một số cơ quan, đơn vị có liên quan.

Để giúp cán bộ, viên chức, SV và các bên liên quan hiểu rõ, hiểu sâu sắc và nhận thức đúng về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường ĐHHL, lãnh đạo Nhà trường đã tích cực quán triệt, giải thích thông qua các hội nghị, buổi sinh hoạt chính trị hoặc báo cáo cấp trên.

Tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi cũng như các hoạt động truyền thông, phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng cho các bên liên quan trong CSGD còn bị hạn chế về thời gian, chủ yếu là vào cuối giai đoạn đánh giá nên hiệu quả chưa cao.

Kết quả phỏng vấn trực tiếp các bên liên quan cho thấy mức độ hiểu và nắm rõ được tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của CBGV và nhất là SV còn hạn chế.

2. Đánh giá tiêu chí 1.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 1.4: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 1.4.

Đảng ủy, BGH Trường ĐHHL đã giao cho P.TC-TH nhiệm vụ làm đầu mối theo dõi, rà soát, đánh giá việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi (số 698/QĐ-ĐHHL ngày 19/12/2018 và Số 46/QĐ-ĐHHL ngày 14/01/2019) và thực hiện báo cáo rà soát, khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan, từ đó đưa ra phương hướng điều chỉnh tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi phù hợp với điều kiện mới.

Nhằm đảm bảo sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đã công bố phù hợp với điều kiện thực tế phát triển của địa phương và đất nước, Nhà trường đã định kỳ tổ chức rà soát,

khảo sát để điều chỉnh, bổ sung. Phương pháp khảo sát là gửi văn bản đề nghị các đơn vị trong trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động lấy ý kiến góp ý cho Dự thảo công bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và gửi phiếu khảo sát xin ý kiến một số cơ quan, đơn vị có liên quan bên ngoài Trường.

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã tiến hành rà soát sứ mạng, dự thảo tầm nhìn và giá trị cốt lõi để lấy ý kiến các bên liên quan trước khi công bố năm 2018.

Năm 2020, để hoàn thành xây dựng Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030, Nhà trường cũng đã tổ chức khảo sát, thăm dò ý kiến cán bộ, viên chức, người lao động trong trường và thống nhất điều chỉnh, *bổ sung thêm mốc thời gian cho Tầm nhìn.*

Nhà trường có Báo cáo rà soát kết quả **triển khai thực hiện** sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi trong đó có kết quả khảo sát lấy ý kiến về sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi. Kết quả rà soát cho thấy tỷ lệ ý kiến phản hồi hài lòng về tuyên bố sứ mạng và giá trị cốt lõi khá cao 96%, chỉ có 4% hài lòng ở mức trung bình. Riêng tỷ lệ hài lòng ở mức trung bình đối với tuyên bố tầm nhìn của Nhà trường là 10%.

Bộ câu hỏi dùng cho Phiếu khảo sát về sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi bao gồm chỉ các câu hỏi đóng (về mức độ hài lòng) nên mặc dù có phần câu hỏi mở, nhưng đã hạn chế việc huy động các bên liên quan tham gia định hướng tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường.

2. Đánh giá tiêu chí 1.4 đạt mức: 4

Tiêu chí 1.5: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 1.5.

Hiệu trưởng Nhà trường đã ra Quyết định số 698/QĐ-ĐHHL ngày 19/12/2018 và Quyết định số 46/QĐ-ĐHHL ngày 14/01/2020 giao nhiệm vụ cho P.TC-TH làm đầu mối theo dõi, rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện để đạt tới sứ mạng, tầm nhìn và giữ gìn, phát huy giá trị cốt lõi của các đơn vị và cá nhân trong Trường (đã trình bày trong Tiêu chí 1.4). Trước đó (tháng 10/2018) P.TC-TH đã tham mưu cho BGH xây dựng và ban hành Hướng dẫn xây dựng, rà soát, phát triển “sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi” gửi các đơn vị để triển khai thực hiện (số 518/HD-ĐHHL ngày 05/10/2018).

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã điều chỉnh sứ mạng, đã công bố tầm nhìn và giá trị cốt lõi năm 2018. Năm 2020 đã điều chỉnh, bổ sung thêm mốc thời gian cho Tầm nhìn.

Quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường chưa được cải tiến ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá do việc rà soát, điều chỉnh sứ mạng cũng như tuyên bố tầm nhìn và giá trị cốt lõi mới chỉ được thực hiện cuối giai đoạn đánh giá.

2. Đánh giá tiêu chí 1.5 đạt mức: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 1:

1. Điểm mạnh:

Nhà trường có tuyên bố chính thức về tầm nhìn, sứ mạng theo đó Sứ mạng của Nhà trường là trường đại học đa ngành, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tổ chức nghiên cứu và ứng dụng KHCN đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Tầm nhìn của Nhà trường đã được xác định là: *đến năm 2035, Trường ĐHHL trở thành trường đại học có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ; có năng lực cạnh tranh và từng bước hội nhập với các trường đại học hàng đầu trong nước.*

Có sự tham gia của các bên liên quan (cán bộ quản lý, giảng viên, người học, nhà sử dụng lao động, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp...) trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng.

Nội dung tuyên bố về tầm nhìn, sứ mạng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của CSGD; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của ngành và/hoặc địa phương, cả nước.

Lãnh đạo CSGD có các kế hoạch, hướng dẫn các đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định.

Giá trị cốt lõi của Nhà trường là: chất lượng, hiệu quả, chuyên nghiệp và hiện đại được tuyên bố chính thức trong Quyết định số 643/QĐ-ĐHHL ngày 05/11/2018.

2. Tồn tại:

Tuyên bố tầm nhìn của Nhà trường còn chưa thể hiện được sự phù hợp với xu thế phát triển KT- XH tiếp cận CMCN 4.0 cũng như những đổi mới mạnh mẽ về giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục đại học nói riêng.

Tuyên bố các giá trị cốt lõi chưa mang tính bản sắc rõ ràng. Còn có sự khác biệt giữa truyền thông và giá trị cốt lõi. Những giá trị như “học tốt”, “lao động sáng tạo” không được tiếp thu trong hệ giá trị cốt lõi hiện tại.

Tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi cũng như các hoạt động truyền thông, phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng cho các bên liên quan trong CSGD còn bị hạn chế về thời gian, chủ yếu là vào cuối giai đoạn đánh giá nên hiệu quả còn hạn chế.

Quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường chưa được cải tiến ít nhất một lần trong 5 năm của chu kỳ đánh giá.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường nên tiếp tục rà soát, điều chỉnh phát biểu tầm nhìn sao cho thể hiện được sự phù hợp với xu thế phát triển KT - XH tiếp cận CMCN 4.0 cũng như những đổi mới mạnh mẽ về giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục đại học nói riêng.

Nhà trường cần gắn kết chặt chẽ các tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn với các văn bản quản lý nhằm định hướng các hoạt động vào việc thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường đã tuyên bố.

Nhà trường nên tiếp tục huy động đông đảo CBGV và NV toàn trường và các thể hệ để rà soát bổ sung hoặc điều chỉnh tuyên bố giá trị cốt lõi phản ánh được những giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa của Nhà trường trong quá trình xây dựng và phát triển; cần đổi mới phương pháp phổ biến, quán triệt tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa, gắn kết chặt chẽ nội dung tuyên bố với các giải pháp, các chủ trương chính sách được lựa chọn trong các hoạt động của Nhà trường về ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường cần cải tiến quy trình xây dựng, rà soát và phát triển tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Nhà trường trong đó có việc điều chỉnh bộ câu hỏi khảo sát để có thể huy động được đông đảo các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng, điều chỉnh tuyên bố tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà trường.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 1	3,80
Tiêu chí 1.1	4
Tiêu chí 1.2	4
Tiêu chí 1.3	4
Tiêu chí 1.4	4
Tiêu chí 1.5	3

TIÊU CHUẨN 2: QUẢN TRỊ

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của

pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 2.1.

Hệ thống quản trị của Trường ĐHHL gồm có: Đảng ủy, Hội đồng Khoa học và đào tạo: 19 thành viên; các Hội đồng tư vấn: HĐTS; Hội đồng ĐT liên thông; Hội đồng CVHT; Hội đồng thi đua, khen thưởng; Hội đồng lương;.... Tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể: Đảng bộ Trường ĐHHL gồm 19 chi bộ trực thuộc với 220 đảng viên. Công đoàn Trường ĐHHL gồm 18 công đoàn bộ phận với 267 công đoàn viên. ĐTN Cộng sản Hồ Chí Minh gồm 08 liên chi đoàn trực thuộc với 1200 đoàn viên. Hội SV gồm 43 chi hội trực thuộc với 1.000 hội viên. Ngoài ra, Nhà trường còn có Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ.

Các tổ chức Đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn được thành lập và hoạt động đáp ứng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, các quy định khác của pháp luật và của UBND tỉnh Ninh Bình; được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL ban hành kèm theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 02/6/2008 của UBND tỉnh Ninh Bình và cuối giai đoạn đánh giá được cải tiến, điều chỉnh tại Quyết định số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL.

Đảng bộ trường, thực hiện Quy định số 97-QĐ/TW ngày 22/3/2004 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ cơ sở trong các đơn vị sự nghiệp trong đó có chức năng là hạt nhân chính trị, lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ, công tác của đơn vị; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ, đảng viên và quần chúng; xây dựng đảng bộ, chi bộ và đơn vị vững mạnh với một số nhiệm vụ cụ thể: lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng; lãnh đạo công tác tư tưởng, công tác tổ chức, cán bộ. các đoàn thể nhân dân và xây dựng tổ chức Đảng.

Công đoàn trường hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam, ĐTN hoạt động theo Điều lệ Đoàn, HSV, Hội cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ hoạt động theo Điều lệ Hội.

Trách nhiệm giải trình của hệ thống quản trị được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL (đã nêu trên); Quyết định thành lập Hội đồng Khoa học và đào tạo các năm 2015, 2018 và 2019, các hội đồng tư vấn các năm 2016, 2017 và 2018; Báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Đảng bộ trường, Công đoàn trường, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên...

Để nâng cao chất lượng công tác quản lý, đảm bảo các hoạt động của Nhà trường thực hiện đúng quy định pháp luật, Trường ĐHHL đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản về tổ chức và quản lý. Cụ thể:

- Về công tác quản trị chung: Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL (năm 2008 do UBND tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 1076/2008/QĐ-UBND ngày 02/6/2008 và năm 2019 do Hiệu trưởng ĐHHL ban hành tại Quyết định số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019).

- Về công tác tổ chức và quản lý các hoạt động ĐT: Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ (số 107/QĐ-ĐHHL ngày 31/3/2015) và văn bản điều chỉnh bổ sung số 128/QĐ-ĐHHL ngày 02/3/2018; Quy định về thực hiện khóa luận tốt nghiệp đối với SV đại học hệ chính quy (số 266/QĐ-ĐHHL ngày 14/5/2018); Quy định về công tác thi học phần, học kỳ (số 653/QĐ-ĐHHL ngày 21/11/2016).

- Về tổ chức và quản lý hoạt động khoa học- công nghệ: Trường có bộ phận chuyên trách trực thuộc P. ĐT-QLKH giúp Hiệu trưởng quản lý hoạt động khoa học- công nghệ. Nhà trường đã xây dựng và ban hành các quy định về quản lý hoạt động khoa học- công nghệ, như: Quy định về định mức giờ chuẩn NCKH của GV, Quy định về SV NCKH (số 262/QĐ-ĐHHL ngày 13/10/2010), Quy định về hoạt động quản lý sở hữu trí tuệ (số 681/QĐ-ĐHHL ngày 04/12/2018), Quy định về quản lý hoạt động khoa học - công nghệ trong Trường ĐHHL (số 168/QĐ-ĐHHL ngày 05/09/2007).

- Về công tác khảo thí và ĐBCL: Trường có bộ phận chuyên trách giúp Hiệu trưởng triển khai thực hiện công tác đánh giá, KĐCL theo quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về hoạt động ĐBCL trong Trường ĐHHL (số 362/QĐ-ĐHHL ngày 16/10/2017); Quy định về việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt ĐT của Trường ĐHHL (số 467/QĐ-ĐHHL ngày 26/10/2018).

- Về công tác quản lý tài chính: hàng năm, Nhà trường đều tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ nhằm đảm bảo các hoạt động thu, chi tài chính của Nhà trường thực hiện đúng quy định pháp luật (số 832/QĐ-ĐHHL ngày 27/12/2016, số 595/QĐ-ĐHHL ngày 13/12/2017 và bản rà soát điều chỉnh số 621/ĐHHL-TCTH ngày 26/11/2018).

- Về công tác tổ chức cán bộ và chế độ chính sách: Nhà trường đã xây dựng và ban hành các văn bản, như: Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012), Quy định về chế độ làm việc của GV (số 328/QĐ-ĐHHL ngày 20/7/2015 và số 474/QĐ-ĐHHL ngày 23/6/2016) và văn bản bổ sung sửa đổi số 551/QĐ-ĐHHL ngày 30/10/2017, số 662/QĐ-ĐHHL ngày 23/12/2019; Hướng dẫn quy trình bổ nhiệm lại cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc (số 247/HD-ĐHHL ngày 23/05/2014); Quy định chế độ tập sự đối với giảng viên và viên chức của Trường (số 67/QĐ-ĐHHL ngày 05/03/2013).

- Về công tác thi đua, khen thưởng: Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy chế, Hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng hàng năm trên cơ sở các quy định, văn bản chỉ đạo của cấp trên gửi các đơn vị để triển khai thực hiện (số 433/ĐHHL-TCTH ngày 02/10/2017 và số 405/ĐHHL-TCTH ngày 12/9/2018).

- Về công tác HSSV: Nhà trường đã xây dựng và ban hành Quy định về công tác tổ chức và quản lý SV hệ đại học chính quy (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 01/01/2017), Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện của SV chính quy (số 158/QĐ-ĐHHL ngày 06/05/2013 và số 736/QĐ-ĐHHL ngày 29/12/2015), Quy định về khen thưởng, kỷ luật SV hệ chính quy (số 159/QĐ-ĐHHL ngày 06/05/2013), Quy định về công tác CVHT cho SV (số 461/QĐ-ĐHHL ngày 22/10/2018), Quy định về công tác GVCN (số 425/QĐ-ĐHHL ngày 04/10/2018).

Hệ thống các văn bản được phổ biến, quán triệt rộng rãi đến tất cả cán CBVC và HSSV trong toàn trường; được đăng trên Cổng thông tin điện tử trường (www.hluv.edu.vn) để mọi người truy cập, nghiên cứu.

Nhà trường chưa thành lập được Hội đồng trường mặc dù Hội đồng trường đã được ghi trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường từ năm 2008. Hệ thống văn bản chưa thể hiện được sự quan tâm đầy đủ của hệ thống quản trị của Nhà trường đến việc giảm thiểu rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động.

2. Đánh giá tiêu chí 2.1 đạt mức: 3

Tiêu chí 2.2: Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 2.2.

- Các Nghị quyết của Đảng ủy trường về: nâng cao chất lượng công tác ĐT, bồi dưỡng cán bộ, viên chức; nâng cao hiệu quả hoạt động KĐCL; nâng cao chất lượng hoạt động NCKH đã được BGH cụ thể hóa thành các kế hoạch triển khai thực hiện, như: Kế hoạch ĐT, bồi dưỡng cán bộ, viên chức hàng năm và giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2025 (số 88/KH-ĐHHL ngày 26/6/2015, số 26/KH-ĐHHL ngày 23/8/2016, số 112/KH-ĐHHL ngày 25/7/2017, số 113/KH-ĐHHL ngày 11/7/2018 và số 23/KH-ĐHHL ngày 02/01/2018); kế hoạch triển khai các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng hàng năm (số 42/KH-ĐHHL ngày 12/3/2015, số 160/KH-ĐHHL ngày 14/12/2015, số 173/KH-ĐHHL ngày 31/10/2017, số 152/KH-ĐHHL ngày 05/10/2017); kế hoạch về triển khai các nhiệm vụ NCKH hàng năm (số 114/KH-ĐHHL ngày 26/8/2014, số 99/KH-ĐHHL ngày 13/8/2015, số 107/KH-ĐHHL ngày 29/6/2017, số 132/KH-ĐHHL ngày 31/8/2017, số 77/KH-ĐHHL ngày 14/5/2018); Quy chế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức (số 265/QĐ-ĐHHL ngày 11/05/2018); Quy định về quản lý hoạt động NCKH và công nghệ

trong Trường ĐHHL (số 168/QĐ-ĐHHL ngày 05/09/2007), Quy định về hoạt động NCKH của SV (số 262/QĐ-ĐHHL ngày 02/11/2010).

- Các Nghị quyết, kết luận của tổ chức Công đoàn, ĐTN, HSV được cụ thể hóa thành các Chương trình, Kế hoạch công tác Công đoàn, ĐTN, HSV hàng năm.

- Các Kết luận của các Hội đồng tư vấn như (Hội đồng nâng lương; Hội đồng thi đua, khen thưởng; Hội đồng xét học bổng, khen thưởng, kỷ luật sinh viên; Hội đồng tuyển sinh... được Hiệu trưởng chuyển tải thành các Quyết định về nâng lương cho cán bộ, viên chức, người lao động (ví dụ Biên bản họp Hội đồng lương số 441/BB-ĐHHL ngày 05/10/2017 và số 525/BB-ĐHHL ngày 09/10/2019); Quyết định xếp loại thi đua, khen thưởng cho cán bộ, viên chức, người lao động hàng năm (ví dụ các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua các năm học 2016-2017 số 262/QĐ-ĐHHL ngày 27/06/2017, năm học 2017-2018 số 301/QĐ-ĐHHL ngày 19/06/2018 ...); Quy định cấp học bổng, xét thi đua, khen thưởng cho sinh viên hàng năm; Quyết định phê duyệt kết quả tuyển sinh hàng năm...

Trên cơ sở Kế hoạch, chương trình công tác trọng tâm năm học của Nhà trường; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, các đơn vị trực thuộc đã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện. Lãnh đạo đơn vị tổ chức phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho cán bộ, viên chức thuộc đơn vị (ví dụ Khoa Nông Lâm có các văn bản số 01/KH-NL2016 ngày 23/09/2016, số 01/KH-NL ngày 20/08/2018 ... Tương tự với các Khoa Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học, Khoa Ngoại ngữ-Tin học) và các các đơn vị khác.

Nhà trường có báo cáo kết quả công tác tháng và nhiệm vụ trọng tâm công tác tháng tiếp theo (ví dụ số 25/BC-ĐHHL ngày 25/01/2018 báo cáo kết quả công tác tháng 01/2018 và nhiệm vụ trọng tâm công tác tháng 02/2018). Hằng tuần Nhà trường cũng có các báo cáo tổng hợp kết quả công tác tuần và kế hoạch công tác tuần.

Trong các văn bản nghị quyết/quyết định/kết luận chưa phân biệt rõ chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản trị với chức năng, nhiệm vụ của hệ thống lãnh đạo, quản lý (thuộc về Tiêu chuẩn 3 của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục) bao gồm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và lãnh đạo các bộ phận chức năng có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với BGH.

2. Đánh giá tiêu chí 2.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 2.3: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 2.3.

Nhà trường không có các báo cáo riêng rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị do Hội đồng

trường chưa được thành lập. Các nội dung rà soát đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản được lồng ghép trong báo cáo tổng kết năm của Đảng ủy và các tổ chức đoàn thể. Nhà trường cũng đã tiến hành thu thập ý kiến CBGV và NV đóng góp cho các dự thảo văn bản quản trị của Nhà trường.

Việc rà soát, đánh giá các văn bản của của hệ thống quản trị cũng được thể hiện gián tiếp qua việc điều chỉnh, sửa đổi bổ sung các văn bản này trong chu kỳ kiểm định (xem mục 1 mô tả Tiêu chí 2.4).

Các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị đều có báo cáo tổng kết, đánh giá hàng năm bao gồm, Đảng ủy, Công đoàn, ĐTN và HSV. Các Hội đồng tư vấn không có các báo cáo tổng kết riêng.

Việc kiểm điểm, đánh giá hàng năm nhân sự tham gia các bộ phận trong hệ thống quản trị được thực hiện thường xuyên và đầy đủ. Hiện Nhà trường còn lưu hồ sơ các văn bản: Báo cáo kiểm điểm, tự phê bình và phê bình tập thể lãnh đạo trường năm 2017, 2018, 2019, Kế hoạch kiểm điểm, đánh giá xếp loại chất lượng tổ chức đảng và cá nhân cán bộ diện Ban TVTU quản lý hàng năm, Kế hoạch đánh giá chất lượng tổ chức đảng và đảng viên hàng năm (2014 - 2018), Hướng dẫn kiểm điểm đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tổ chức đảng và đảng viên hàng năm, Quyết định xếp loại đảng viên hàng năm, Hướng dẫn đánh giá, xếp loại của đoàn, hội.

Việc đánh giá các văn bản của hệ thống quản trị đã được trình bày trong mục 1. của mô tả Tiêu chí này.

Nhà trường không có các báo cáo riêng kết quả rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị cũng như kết quả thu thập ý kiến CBGV và NV đóng góp cho các dự thảo văn bản quản trị của Nhà trường.

2. Đánh giá tiêu chí 2.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 2.4: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 2.4.

Năm 2017, trong chu kỳ tổ chức đại hội giữa nhiệm kỳ các chi bộ, Nhà trường đã thực hiện tách chi bộ Ngoại ngữ -Tin học thành 02 chi bộ: chi bộ khoa Ngoại ngữ -Tin học và chi bộ Trung tâm Ngoại ngữ -Tin học, nâng tổng số chi bộ trực thuộc từ 18 lên 19 chi bộ. Các thành phần khác về cơ bản không thay đổi trong giai đoạn 2015 - 2019.

Quy chế hoạt động của BCH Công đoàn Trường được điều chỉnh theo nhiệm kỳ (2017 - 2020) và được ban hành theo Quyết định số 06/QĐ-BCHCĐ ngày 07/10/2017.

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL (số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019) thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động cũ ban hành kèm theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 02/6/2008 của UBND tỉnh Ninh Bình đã có những điều chỉnh trong chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận trong hệ thống quản trị.

Việc phân công nhiệm vụ các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ được điều chỉnh theo nhiệm kỳ (số 510-TB/ĐU ngày 05/6/2019).

Nhân sự tham gia các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị được điều chỉnh thường xuyên theo năm học hoặc theo nhiệm kỳ công tác. Việc điều chỉnh nhân sự cấp cao của Trường được thực hiện theo các quy định của UBND, Tỉnh Ủy Ninh Bình (Quyết định của Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ số 1135-QĐ/TU ngày 08/01/2014, Quy chế bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử số 791-QĐ/TU ngày 05/12/2007, Quyết định sửa đổi bổ sung quy trình giới thiệu cán bộ ứng cử số 928-QĐ/TU ngày 07/02/2018).

Thành viên Hội đồng KH-ĐT được điều chỉnh các năm năm 2015, 2018, 2019 theo các quyết định số 224/QĐ-ĐHHL ngày 12/5/2015, số 665//QĐ-ĐHHL ngày 19/11/2018, số 306/QĐ-ĐHHL ngày 28/8/2019.

Thành viên Hội đồng tư vấn (Hội đồng thi đua, khen thưởng) cũng được điều chỉnh qua các quyết định số 227/QĐ-ĐHHL ngày 30/5/2017, số 277/QĐ-ĐHHL 29/5/2018, số 825/QĐ-ĐHHL ngày 19/12/2016, số 18/QĐ-ĐHHL ngày 16/01/2018.

Nhà trường cũng đã chú trọng công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực của các nhân sự trong hệ thống quản trị:

- Đối với cán bộ, viên chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý: hàng năm căn cứ chỉ tiêu ĐT, bồi dưỡng được giao theo kế hoạch của Tỉnh, Nhà trường đã cử cán bộ đi học Trung cấp lý luận chính trị, Cao cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng- an ninh, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý...

- Đảng bộ trường hàng năm đều cử cán bộ, đảng viên tham dự các lớp tập huấn về nghiệp vụ công tác Đảng; mở lớp bồi dưỡng cảm tình Đảng cho quần chúng ưu tú; mở các lớp học tập chỉ thị, nghị quyết của Đảng...

- Các tổ chức đoàn thể, như Công đoàn, ĐTN, HSV: hàng năm đều tổ chức các lớp tập huấn cho đoàn viên, hội viên về nghiệp vụ công tác công đoàn, công tác đoàn, hội.

Năm 2019, Nhà trường đã sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL mới (số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019) thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động cũ ban hành kèm theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 02/6/2008 của UBND tỉnh Ninh Bình.

Về cơ bản văn bản điều chỉnh và ban hành mới phù hợp với Luật Giáo dục đại học trong đó có quy định chi tiết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Hội đồng Trường.

Các thành phần cấu thành hệ thống quản trị về cơ bản không thay đổi trong giai đoạn 2015 - 2019. Việc phân tích tác động đến quản lý rủi ro của những thay đổi về chức năng nhiệm vụ, nhân sự và văn bản của hệ thống quản trị của Nhà trường chưa được phân tích và đánh giá đầy đủ.

2. Đánh giá tiêu chí 2.4 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 2:

Điểm mạnh:

Nhà trường có các tổ chức đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn đáp ứng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, các quy định khác của pháp luật và các quy định của UBND tỉnh Ninh Bình. Hệ thống quản trị của Trường ĐHHL gồm có: Đảng ủy, Hội đồng Khoa học và đào tạo: 19 thành viên; các Hội đồng tư vấn: HĐTS; Hội đồng ĐT liên thông; Hội đồng CVHT; Hội đồng thi đua, khen thưởng; Hội đồng lương; ... Tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể có: Đảng bộ Trường ĐHHL gồm 19 chi bộ trực thuộc với 220 đảng viên. Công đoàn Trường ĐHHL gồm 18 công đoàn bộ phận với 267 công đoàn viên. ĐTN gồm 08 Liên chi đoàn trực thuộc với 1.200 đoàn viên. HSV gồm 43 Chi hội trực thuộc với 1.000 hội viên. Ngoài ra, Nhà trường còn có Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ.

Các tổ chức Đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn được thành lập và hoạt động đáp ứng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, các quy định khác của pháp luật và của UBND tỉnh Ninh Bình; được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL ban hành kèm theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 02/6/2008 của UBND tỉnh Ninh Bình và cuối giai đoạn đánh giá được cải tiến, điều chỉnh tại Quyết định số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL.

Nhà trường có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của CSGD. Các nghị quyết/quyết định/kết luận của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Công đoàn, ĐTN, HSV và các tổ chức đoàn thể khác, các hội đồng tư vấn được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn và được triển khai thực hiện.

Các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị đều có báo cáo tổng kết, đánh giá hằng năm bao gồm, Đảng ủy, Công đoàn và ĐTN, HSV. Các Hội đồng tư vấn không có các báo cáo tổng kết riêng. Việc kiểm điểm, đánh giá hằng năm nhân sự tham gia các bộ phận trong hệ thống quản trị được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Năm 2017, trong chu kỳ tổ chức đại hội giữa nhiệm kỳ các chi bộ, Nhà trường đã

thực hiện tách chi bộ Ngoại ngữ -Tin học thành 02 chi bộ: chi bộ khoa Ngoại ngữ -Tin học và chi bộ Trung tâm Ngoại ngữ -Tin học, nâng tổng số chi bộ trực thuộc từ 18 lên 19 chi bộ. Các thành phần khác về cơ bản không thay đổi trong giai đoạn 2015 - 2019.

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL (số 258/2019/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019) thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL cũ (số 1076/QĐ-UBND ngày 02/6/2008) đã có những điều chỉnh trong chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận trong hệ thống quản trị, đặc biệt là đã có quy định chi tiết về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Hội đồng Trường.

Tồn tại:

Nhà trường chưa thành lập được Hội đồng trường. Hệ thống văn bản chưa thể hiện được sự quan tâm đầy đủ của hệ thống quản trị của Nhà trường đến việc giảm thiểu rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động.

Nhà trường không có các báo cáo riêng kết quả rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị cũng như kết quả thu thập ý kiến CBGV và NV đóng góp cho các dự thảo văn bản quản trị của Nhà trường.

Việc phân tích tác động của những thay đổi về chức năng nhiệm vụ, nhân sự và văn bản của hệ thống quản trị của Nhà trường đến quản lý rủi ro chưa được phân tích và đánh giá đầy đủ.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần kiến nghị UBND tỉnh Ninh Bình và Tỉnh ủy Ninh Bình sớm phê duyệt phương án nhân sự Chủ tịch Hội đồng trường và ra quyết định thành lập Hội đồng trường.

Hàng năm Nhà trường cần có các báo cáo riêng kết quả rà soát, đánh giá cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận và các văn bản của hệ thống quản trị cũng như kết quả thu thập ý kiến CBGV và NV đóng góp cho các dự thảo văn bản quản trị của Nhà trường.

Trong các văn bản nghị quyết/quyết định/kết luận cần phân biệt chức năng, nhiệm vụ của hệ thống quản trị với chức năng, nhiệm vụ của hệ thống lãnh đạo, quản lý đặc biệt là khi thành lập và triển khai hoạt động của Hội đồng trường; bổ sung vào các văn bản của hệ thống quản trị các nội dung có liên quan đến việc giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình phát triển.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 2	3,75

Tiêu chí 2.1	3
Tiêu chí 2.2	4
Tiêu chí 2.3	4
Tiêu chí 2.4	4

TIÊU CHUẨN 3: LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

Tiêu chí 3.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 3.1.

Hiện tại, cơ cấu quản lý của Trường gồm có:

- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng
- 06 phòng chức năng: Tổ chức-Tổng hợp, Đào tạo-Quản lý khoa học, Khảo thí&Đảm bảo chất lượng, Công tác sinh viên, Tài vụ, Hành chính-Quản trị;
- 07 khoa đào tạo: Tự nhiên, Xã hội-Du lịch, Tiểu học-Mầm non, Kinh tế-Kỹ thuật, Ngoại ngữ-Tin học, Nông Lâm, Giáo dục thường xuyên;
- 02 bộ môn trực thuộc: Giáo dục thể chất-Tâm lý, Lí luận chính trị;
- 03 trung tâm: Thư viện-Thiết bị, Ngoại ngữ-Tin học, Y tế-Môi trường;
- 01 Trường: Phổ thông thực hành sư phạm Trảng An;
- 01 Ban: Quản lý Ký túc xá.

Cơ cấu quản lý về cơ bản là rõ ràng. Công tác thanh tra và pháp chế được giao cho P.TC-TH (mục 2.7 của Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường ban hành theo Quyết định số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012).

Trong số 20 đơn vị của Trường có Trường phổ thông thực hành sư phạm Trảng An (Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình) được thành lập mới căn cứ vào phương án quy hoạch mạng lưới các trường Đại học Sư phạm, xuất phát từ nhu cầu học tập của địa phương và phù hợp với bối cảnh cụ thể của Nhà trường cần đa dạng hóa sản phẩm đào tạo.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản quy định rõ ràng vai trò, trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý bao gồm:

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL ban hành kèm theo Quyết định số 1076/2008/QĐ-UBND ngày 02/6/2008 của UBND tỉnh Ninh Bình và sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL;

- Quyết định số 17/2012/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc;

- Thẩm quyền, trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Hiệu trưởng quy định tại Điều 11, Điều 48, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL ban hành Quyết định số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL và Thông báo phân công nhiệm vụ BGH.

- Thẩm quyền, trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Phó Hiệu trưởng quy định tại Điều 12, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL ban hành Quyết định số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL và Thông báo phân công nhiệm vụ BGH.

- Thẩm quyền, trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Trưởng, Phó các phòng, khoa, bộ môn, trung tâm, ban, trường thực hành sư phạm được quy định tại Điều 13, 14, 15, 16, 17, 18, 52, 53, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL ban hành kèm theo Quyết định số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL.

- Chế độ phân công, phối hợp công tác; chế độ hội họp; chế độ thông tin, báo cáo; chế độ soạn thảo và ký văn bản... thực hiện theo Điều 56, 59, 60, 61, 62, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL ban hành Quyết định số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL.

- Mối liên hệ giữa BGH với Đảng ủy, Hội đồng trường, các tổ chức chính trị- xã hội trong trường (Công đoàn, ĐTN, HSV), các đơn vị trực thuộc thực hiện theo Điều 47, 72, 73, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL ban hành Quyết định số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL.

Nhà trường chưa lập Bộ phận/cán bộ Thanh tra chuyên trách (Quy định tại Điều 6 Thông tư số: 51/2012/TT-BGDĐT ngày 18/12/2012 của Bộ GD-ĐT). Cán bộ P.TC-TH được Trưởng phòng giao nhiệm vụ thực hiện công tác thanh tra có nội dung công việc không phù hợp với Thông tư 51. Nhà trường cũng chưa lập Bộ phận/cán bộ Pháp chế chuyên trách. Chưa thực hiện việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác pháp chế theo từng năm học, trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định tại Công văn số 3878/BGDĐT- PC ngày 24/07/2014 hướng dẫn tổ chức làm công tác pháp chế trong các cơ sở giáo dục đại học.

2. *Đánh giá tiêu chí 3.1 đạt mức: 3*

Tiêu chí 3.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 3.2.

Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Trường ĐHHL được công bố trong các văn bản: Định hướng xây dựng và phát triển Trường giai đoạn 2009-2020; Quyết định số 643/QĐ-ĐHHL ngày 05/11/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL về việc công bố “sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường ĐHHL”.

Ngoài ra sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi còn được nhắc lại trong Quyết định số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL; Quyết định số 42/QĐ-ĐHHL ngày 13/01/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL về việc ban hành Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030.

Sau khi ban hành chính thức, BGH Nhà trường đã chỉ đạo xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, các mục tiêu chiến lược đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, SV Nhà trường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan. Hiệu trưởng Nhà trường đã trực tiếp quán triệt, giải thích tại Hội nghị cán bộ chủ chốt, Hội nghị cán bộ, viên chức và lao động, các buổi sinh hoạt chính trị toàn trường hàng tháng và Hội nghị đối thoại với SV. Đồng thời, Hiệu trưởng cũng báo cáo với UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, các ban xây dựng Đảng tại Hội nghị kiểm điểm, tự phê bình và phê bình tập thể lãnh đạo Trường cuối năm 2018, 2019; gửi báo cáo Bộ GD&ĐT, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh có liên quan biết để chỉ đạo, phối hợp, giúp đỡ Nhà trường triển khai thực hiện thành công sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đề ra.

Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức tuyên truyền đến các bên liên quan, với các hình thức:

- Đăng trên Website của trường (<http://www.hluv.edu.vn>), mạng xã hội Facebook, hệ thống quản lý văn bản I-office.

- Biên tập nội dung, in ấn và phát hành trong cuốn Thông tin đào tạo gửi đến các đơn vị và SV.

- Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, các mục tiêu chiến lược phát triển tại các hoạt động giao lưu, tư vấn TS, tư vấn hướng nghiệp tại các trường THPT, các trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trong tỉnh.

Những hoạt động kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi còn hạn chế. Nhà trường có triển khai các hoạt động tiếp nhận phản hồi từ các bên liên quan trong trường nhưng do bộ câu hỏi khảo sát còn đóng nên chưa có hiệu quả rõ ràng.

2. Đánh giá tiêu chí 3.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 3.3: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 3.3.

Kết quả rà soát cơ cấu quản lý của Nhà trường được trình bày trong Báo cáo tình hình hoạt động của Trường 05 năm trở lại đây và các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế (số 81/BC-ĐHHL ngày 22/05/2017) và Báo cáo tình hình hoạt động của Trường từ năm 2017 đến nay (số 175/BC-ĐHHL ngày 10/10/2019).

Năm 2015 và năm 2018, căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; căn cứ văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình, Nhà trường đã triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm theo quy định gửi Sở Nội vụ thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt. Tại Đề án, Nhà trường đã xác định 50 vị trí cán bộ lãnh đạo, quản lý, gồm: BGH có 01 Hiệu trưởng, 03 Phó Hiệu trưởng; các đơn vị trực thuộc có 01 cấp trưởng, 02 cấp phó. Căn cứ theo Đề án, trên cơ sở quy hoạch cán bộ, nhu cầu và năng lực cán bộ, Nhà trường đã củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc.

Năm 2019, để đảm bảo các hoạt động của Trường ĐHHL thực hiện đúng pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL mới kèm theo Quyết định số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019 của Hiệu trưởng Trường ĐHHL thay cho Quy chế số 1076/QĐ-UBND ngày 02/6/2008. Quy chế mới này là sự cụ thể hóa Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan, bao gồm: vị trí pháp lý, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức, nhân sự và các hoạt động của Trường; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, viên chức và người học; nguyên tắc, chế độ làm việc và mối quan hệ công tác của tập thể và cá nhân trong và ngoài Trường.

Việc định kỳ đánh giá nhân sự tham gia vào cơ cấu lãnh đạo và quản lý được Nhà trường thực hiện đầy đủ. Nhà trường có văn bản Hướng dẫn đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm (số 600/HD-ĐHHL ngày 22/11/2016, số 437/TB-ĐHHL ngày 19/11/2017). Nhà trường lưu trữ đầy đủ biên bản hội nghị kiểm

điểm và báo cáo kết quả kiểm điểm tự phê bình và phê bình của tập thể BGH các năm và Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm (số 22/QĐ-ĐHHL ngày 13/01/2017, số 15/QĐ-ĐHHL ngày 12/01/2018, số 05/QĐ-ĐHHL ngày 04/01/2019).

Nhà trường thực hiện quy hoạch đội ngũ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị, bộ phận theo Hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của Tỉnh ủy Ninh Bình (số 05-HD/BTCTU ngày 27/11/2012) và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2015 - 2020, 2016 - 2021 và nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2012 - 2016 (số 138-KH/TU ngày 11/3/2019).

Nhà trường đã có Tờ trình đề nghị phê duyệt kết quả rà soát, xây dựng quy hoạch cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhiệm kỳ 2016 - 2021; 2021 - 2026 (số 598/TTr-ĐHHL ngày 21/11/2016).

Đối với cán bộ thuộc diện Nhà trường quản lý, Nhà trường đã có Quyết định phê duyệt kết quả quy hoạch cán bộ quản lý các đơn vị trực thuộc trường nhiệm kỳ 2012 - 2026 (số 809/QĐ-ĐHHL ngày 22/11/2016), Quyết định phê duyệt kết quả quy hoạch cán bộ giai đoạn 2016 - 2021; 2021 - 2026 (số 124/QĐ-ĐHHL ngày 19/4/2019).

Nhà trường không có các báo cáo riêng rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý. Minh chứng cho việc rà soát nằm rải rác trong các báo cáo sơ kết, tổng kết các lĩnh vực hoạt động của Trường (ví dụ Báo cáo của Nhà trường về tình hình hoạt động của trường 5 năm trở lại đây (2012 - 2016) và các giải pháp khắc phục những tồn tại hạn chế trong thời gian tới, số 81/BC-ĐHHL ngày 22/05/2017).

2. Đánh giá tiêu chí 3.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 3.4: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 3.4.

Nhà trường chỉ có một điều chỉnh duy nhất về cơ cấu tổ chức lãnh đạo và quản lý từ năm 2014 đến cuối giai đoạn đánh giá (tháng 11/2019) bao gồm việc thành lập Trường phổ thông thực hành sư phạm Tràn An trực thuộc Trường Đại học Hoa Lư (Quyết định thành lập số 1415/QĐ-UBND ngày 27/11/2019).

Những điều chỉnh của Nhà trường bổ sung quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý được thể hiện ở:

- Điều chỉnh và ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường bằng Quyết định Số 258 /2019/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019 thay thế cho Quy chế 2008 (ban hành theo văn bản số 1076/2008/QĐ-UBND ngày 02/6/2008);

- Điều chỉnh phân công trong BGH vào các năm 2016 và 2018 khi thay đổi nhân sự BGH theo các thông báo số 236/TB-ĐHHL ngày 15/6/2016, số 303/TB-ĐHHL ngày 09/7/2018 và số 618/TB-ĐHHL ngày 21/11/2018.

- Điều chỉnh Đề án vị trí việc làm được ban hành lần thứ nhất theo quyết định số 426/ĐA-ĐHHL ngày 30/11/2015 và sau đó là Quyết định số 355/ĐA-ĐHHL ngày 14/8/2018.

Về cơ bản những điều chỉnh này là sát hợp với điều kiện của Nhà trường, sự chỉ đạo của cấp trên và các văn bản quy định (như Luật GD ĐH).

Nhân sự tham gia cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Nhà trường được điều chỉnh, luân chuyển dựa trên kết quả đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc (xem mục 1.3 mô tả điểm mạnh TC3.3).

- Số lượng cán bộ lãnh đạo và quản lý từng bước được điều chỉnh, bổ sung đảm bảo đúng cơ cấu theo quy định của Điều lệ trường đại học, Đề án vị trí việc làm. Số lượng Phó Hiệu trưởng giảm từ 4 (2014) đến 3 (2016) và 2 (2018).

- Kịch bản toàn bổ sung cán bộ quản lý đảm bảo cơ cấu gồm 01 cấp trưởng, 02 cấp phó.

- Nhân sự tham gia cơ cấu lãnh đạo và quản lý dần được trẻ hóa theo quy định của Nhà nước. Độ tuổi bình quân của cán bộ lãnh đạo, quản lý là 45 - 50 tuổi (2014) nay giảm xuống còn 35 - 40 tuổi và đảm bảo đủ các điều kiện về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, kỹ năng quản lý của từng vị trí chức danh lãnh đạo, quản lý. Từ năm 2013 đến nay, đội ngũ cán bộ quản lý đều đã đi học trung cấp lý luận chính trị, bổ sung hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh quản lý theo quy định của pháp luật.

Từ 2014 đến nay, Nhà trường đã có các Quyết định điều động, bổ nhiệm một số chức danh cán bộ quản lý: số 419/QĐ-ĐHHL ngày 05/10/2015, số 165/QĐ-ĐHHL ngày 04/5/2016, số 309/QĐ-ĐHHL ngày 28/8/2017 và số 466/QĐ-ĐHHL ngày 26/10/2018.

Điều chỉnh quy chế tổ chức và hoạt động của trường cũng như quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý quá muộn sau 11 năm (từ 2008) và cuối giai đoạn đánh giá (tháng 7/2019) nên hạn chế tác dụng của việc điều chỉnh.

2. Đánh giá tiêu chí 3.4 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 3:

Điểm mạnh:

Nhà trường có cơ cấu quản lý rõ ràng. Trường phổ thông thực hành sư phạm Trảng An được thành lập mới vào cuối giai đoạn đánh giá (năm 2019) căn cứ vào phương án quy hoạch mạng lưới các trường Đại học Sư phạm, xuất phát từ nhu cầu học tập của địa phương và phù hợp với bối cảnh cụ thể của Nhà trường cần đa dạng hóa sản phẩm đào tạo.

Lãnh đạo CSGD kết nối các bên liên quan tham gia vào việc định hướng tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của CSGD; tổ chức các hoạt động tuyên truyền về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường đến các bên liên quan.

Năm 2015 và năm 2018, Nhà trường đã triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm xác định 50 vị trí cán bộ lãnh đạo, quản lý từ BGH đến các đơn vị trực thuộc. Năm 2019, Nhà trường đã rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL mới bao gồm: vị trí pháp lý, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức, nhân sự và các hoạt động của Trường; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, viên chức và người học; nguyên tắc, chế độ làm việc và mối quan hệ công tác của tập thể và cá nhân trong và ngoài Trường.

Nhân sự tham gia vào cơ cấu lãnh đạo và quản lý được đánh giá định kỳ hằng năm; được điều chỉnh, luân chuyển dựa trên kết quả đánh giá năng lực lãnh đạo, quản lý và hiệu quả công việc.

Nhà trường thực hiện quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị, bộ phận theo Hướng dẫn về công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của Tỉnh ủy Ninh Bình và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ.

Tồn tại:

Nhà trường chưa lập Bộ phận/cán bộ Thanh tra chuyên trách. Cán bộ P.TC-TH được Trưởng phòng giao nhiệm vụ thực hiện công tác thanh tra có nội dung công việc không phù hợp với Thông tư 51. Nhà trường cũng chưa lập Bộ phận/cán bộ Pháp chế chuyên trách. Chưa thực hiện việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác pháp chế theo từng năm học, trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

Những hoạt động kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường trong quá trình xây dựng tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi còn hạn chế.

Nhà trường không có các báo cáo riêng rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý. Việc điều chỉnh quy chế tổ chức và hoạt động của trường cũng như quy định về vai trò, chức năng,

nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý quá muộn, sau 11 năm (từ 2008) và cuối giai đoạn đánh giá (tháng 7/2019) nên hạn chế tác dụng của việc điều chỉnh.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần sớm lập Bộ phận/cán bộ Thanh tra chuyên trách và Bộ phận/cán bộ Pháp chế chuyên trách. Cần thực hiện việc xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện công tác pháp chế theo từng năm học, trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định tại Công văn số 3878/BGDĐT-PC ngày 24/07/2014 hướng dẫn tổ chức làm công tác pháp chế trong các cơ sở giáo dục đại học.

Nhà trường cần đổi mới các hoạt động kết nối các bên liên quan; điều chỉnh, bổ sung các bộ câu hỏi khảo sát phản hồi để huy động hiệu quả sự đóng góp trí tuệ và trải nghiệm thực tiễn nhằm định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường trong quá trình phát triển.

Nhà trường cần định kỳ có các báo cáo riêng rà soát các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý bao gồm khảo sát các bên liên quan, phân tích, đánh giá hiệu quả tác động và đề xuất các bổ sung, sửa đổi cần thiết. Trên cơ sở đó có những điều chỉnh kịp thời để thúc đẩy tiến trình đổi mới và nâng cao năng lực cạnh tranh của Nhà trường.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 3	3,75
Tiêu chí 3.1	3
Tiêu chí 3.2	4
Tiêu chí 3.3	4
Tiêu chí 3.4	4

TIÊU CHUẨN 4: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Tiêu chí 4.1: Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 4.1.

Trường Đại học Hoa Lư được thành lập vào năm 2007 và năm 2009, Nhà trường đã xây dựng văn bản “Định hướng xây dựng và phát triển Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2009 - 2020”. Căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2010 - 2015, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016 - 2020 (số 192/KH-ĐHHL ngày 29/12/2015). Năm 2019 Nhà trường đã triển khai xây dựng “Đề án quy hoạch phát triển Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2020 -2025, định hướng đến năm 2030”. Trong quá trình xây dựng các văn bản kế hoạch chiến lược phát triển nói trên, Nhà trường đều thành lập các Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện (số 104/QĐ-ĐHHL ngày 31/01/2009 và số 605/QĐ-ĐHHL ngày 13/11/2019). Đơn vị trực tiếp giúp BGH xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển là P.TC-TH. Để theo dõi kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược đã ban hành, Hiệu trưởng có quyết định thành lập Ban theo dõi “Đề án quy hoạch phát triển Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” (số 46/QĐ-ĐHHL ngày 14/01/2020). Kết quả phỏng vấn cho thấy: Các phòng chức năng có nhiệm vụ theo dõi kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch thuộc các lĩnh vực có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao; P.TC-TH có nhiệm vụ tổng hợp viết báo cáo tổng kết hằng năm.

Khi xây dựng “Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” vào năm 2019, Nhà trường đã lập kế hoạch thực hiện và có văn bản Hướng dẫn quy trình xây dựng đề án (số 589/HD-ĐHHL ngày 13/11/2019). Theo đó, quy trình gồm 10 bước, trong đó có các bước lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về đề cương chi tiết của Đề án và về dự thảo của Đề án, tiếp thu chỉnh sửa trước khi ban hành. Quy trình về cơ bản là chặt chẽ, khoa học và phát huy được sự tham gia của toàn thể các thành viên của Nhà trường vào việc xây dựng Đề án. Sau khi “Đề án quy hoạch phát triển Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” được ban hành, Nhà trường đã xây dựng Chương trình hành động để thực hiện Đề án.

Trong chu kỳ kiểm định, các kế hoạch, chiến lược được Nhà trường tập trung thực hiện là “Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020”, Kế hoạch phát triển Trường giai đoạn 2010 - 2015 và Kế hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016 - 2020. Các kế hoạch, chiến lược phát triển chung cũng như các kế hoạch chiến lược phát triển trên một số lĩnh vực đều hướng đến thực hiện sứ mạng là “Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Ninh Bình và các vùng lân cận”.

Sau khi ban hành kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn giai đoạn 2009 - 2020, Nhà trường không xây dựng kế hoạch chiến lược theo từng lĩnh vực như phát triển nguồn nhân lực, phát triển đào tạo, phát triển KHCN, phát triển tài chính và cơ sở vật chất, phát triển hợp tác trong và ngoài nước.

2. Đánh giá tiêu chí 4.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 4.2: Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 4.2.

Trong giai đoạn 2015 - 2019, Nhà trường có các kế hoạch chiến lược: “Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020” và “Kế hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2020”. Trong “Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020” đã đề ra một số chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về xây dựng bộ máy tổ chức và đội ngũ; về công tác đào tạo và NCKH; về xây dựng cơ sở vật chất - thiết bị trường học - tài chính. Kế hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2020 đã điều chỉnh một số chỉ tiêu đến 2020 như: Về cơ cấu tổ chức có 22 đơn vị trực thuộc với 07 phòng chức năng, 07 khoa, 02 bộ môn, 05 trung tâm và 01 ban; về đội ngũ có 270 - 300 cán bộ giảng viên, 75 - 90% GV có trình độ ThS trở lên trong đó từ 15 - 20% có trình độ tiến sĩ; về quy mô đào tạo có 3.500 SV với 3.000 SV chính quy; về NCKH mỗi năm có từ 01 đến 02 đề tài cấp Bộ và cấp Tỉnh, từ 20 - 25 đề tài cấp trường, 25 - 30% GV có kết quả NCKH được công bố trên các tạp chí quốc tế và trong nước được tính điểm theo quy định của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước; về tài chính với tỉ lệ nguồn thu ngân sách từ 85 - 90%, nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu khác từ 10 - 15% tổng thu... Nhà trường rất quan tâm đến công tác phát triển đội ngũ nên đã ban hành nhiều văn bản có liên quan đến công tác đào tạo cán bộ như: Kế hoạch đào tạo tiến sĩ của Trường ĐHHL giai đoạn 2011 - 2020; Kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025; Kế hoạch thực hiện công tác đảm bảo chất lượng giáo dục hằng năm và giai đoạn 2018 - 2020; kế hoạch hoạt động KHCN hằng năm.

Minh chứng cho thấy, Nhà trường đều ban hành kế hoạch năm học. Kế hoạch các năm học đã bám sát vào kế hoạch trung hạn và những chỉ tiêu chiến lược cũng như các nhiệm vụ cụ thể của từng thời điểm.

Kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn và kế hoạch các năm học đều được công bố rộng rãi qua đường văn thư gửi đến các đơn vị để quán triệt tới cán bộ và SV. Trong quá trình thực hiện, các phòng chức năng đã chủ động giúp lãnh đạo Nhà trường xây dựng kế hoạch ngắn hạn của Trường trong các lĩnh vực được phân công theo chức năng nhiệm vụ được giao. Qua các báo cáo tổng kết năm học và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của một số lĩnh vực của Trường cho thấy: Các đơn vị, CB, GV và SV đã tích cực triển khai các hoạt động để thực hiện các kế hoạch, chỉ tiêu chiến lược đã được ban hành.

Nhà trường chưa có các kế hoạch chi tiết về phát triển một số lĩnh vực chủ yếu. Nhà trường chưa có hướng dẫn các đơn vị, nhất là với các khoa và bộ môn xây dựng kế hoạch phát triển của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch phát triển chung của Trường.

Các đơn vị trực thuộc chưa có các kế hoạch hoạt động riêng của đơn vị để thực hiện kế hoạch chung của Nhà trường.

2. Đánh giá tiêu chí 4.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 4.3: Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 4.3.

Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020 đã tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu là: Bộ máy tổ chức, đội ngũ, ĐT, NCKH, cơ sở vật chất và tài chính. Trong mỗi lĩnh vực đều xác định khá rõ ràng những chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính. Về cơ cấu tổ chức phải từng bước xây dựng và hoàn thiện để Trường có cơ cấu phù hợp với thực tiễn và đặc điểm phát triển kinh tế xã hội của địa phương và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Trong đó, chỉ tiêu đến năm 2015 có 07 phòng chức năng, 07 khoa và 01 bộ môn trực thuộc, 06 trung tâm và 02 ban; đến năm 2020 có 08 phòng chức năng, 09 khoa, 06 trung tâm và 02 ban. Về đội ngũ đến năm 2015 có 300 - 350 CBGV, trong đó 60 - 70% GV có trình độ ThS và 10 - 15% GV có trình độ tiến sĩ; đến năm 2020 có 400 - 500 CBGV, trong đó 70 - 80 GV có trình độ ThS và 15 - 20% GV có trình độ tiến sĩ. Về quy mô đào tạo, đến năm 2015 có 6.000 - 7.000 SV trong đó có 5.000 SV chính quy; đến năm 2020 có 8.000 - 10.000 SV trong đó có 7.000 SV chính quy... Về tài chính đến năm 2015 có tổng thu 55 tỷ đồng, trong đó thu sự nghiệp là 10 tỷ đồng; đến năm 2020 có tổng thu 75 tỷ đồng trong đó thu sự nghiệp là 15 tỷ đồng... Trong giai đoạn 2010 - 2020, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch phát triển trung hạn 05 năm giai đoạn 2010 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020... Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 có từ 1 - 2 đề tài cấp Nhà nước, từ 2 - 3 đề tài cấp Bộ, từ 4 - 5 đề tài cấp Tỉnh...

Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 đã xây dựng các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phấn đấu trên 10 lĩnh vực: Đào tạo, NCKH, tổ chức bộ máy, đảm bảo chất lượng, đội ngũ, đối ngoại, cơ sở vật chất, tài chính, công tác SV, công tác truyền thông. Chỉ tiêu về đội ngũ được xác định đến năm 2025 có 240 người với 220 GV, 100% GV có trình độ ThS trở lên trong đó có 10 - 15% GV có trình độ tiến sĩ và có từ 1 - 2 PGS.

Các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính mà Nhà trường đã xác định tương đối rõ ràng và có tính khả thi, có thể đo lường được kết quả thực hiện và có mốc thời gian thực hiện.

Hồ sơ minh chứng cho thấy, Nhà trường đã thực hiện việc giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu chiến lược tương đối chặt chẽ thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch trung hạn giai đoạn 2010 - 2015, Báo cáo thực trạng trường ĐHHL 05 năm (2012 - 2017) và các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế (số 30a/BC-ĐHHL ngày 25/02/2017), Báo cáo rà soát Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020 (số 175/BC-ĐHHL ngày 29/10/2018), báo cáo tổng kết các năm học, báo cáo tháng, báo cáo tuần. Ngoài ra, việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển còn được thể hiện qua các báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ Trường ĐHHL.

Qua việc giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và căn cứ vào tình hình thực tế, Nhà trường đã điều chỉnh một số chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 như: Về cơ cấu tổ chức giảm số đơn vị trực thuộc từ 25 xuống 22, không thành lập Khoa Sau đại học và Khoa Lí luận chính trị.

Hồ sơ minh chứng chưa thấy rõ việc phân tích, đánh giá nguyên nhân của những chỉ tiêu không thực hiện được, nhất là với những chỉ tiêu đạt được ở mức độ thấp như về quy mô cán bộ, quy mô SV, tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ và kinh phí (chỉ tiêu năm 2015 thu 130 tỷ đồng nhưng thực tế chỉ thu 45,5 tỷ đồng) cũng như cơ sở của việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch.

Trong các kế hoạch chiến lược dài hạn trung hạn và hằng năm chưa nêu rõ chỉ tiêu phấn đấu về nhiệm vụ PVCD.

2. Đánh giá tiêu chí 4.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 4.4: Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 4.4.

Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn quy trình xây dựng đề án Quy hoạch và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” (số 601/HD-ĐHHL ngày 15/11/2019). Trên cơ sở “Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020” và kết quả thực hiện kế hoạch 05 năm giai đoạn 2010 - 2015, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch 05 năm giai đoạn 2016 - 2020 (số 192/KH-ĐHHL ngày 29/12/2015). Một số chỉ tiêu chính đã được đối sánh đánh giá kết quả thực hiện được so với mục tiêu như công tác tuyển sinh, quy mô đào tạo, số lượng đề tài NCKH của GV và SV, cơ cấu tổ chức bộ máy, quy mô và chất lượng đội ngũ cán bộ GV, công tác tài chính. Nhà trường đã điều chỉnh chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 như bộ máy tổ chức chỉ gồm 07 phòng chức năng, 07 khoa, 02 bộ môn, 05 trung tâm và 01 ban (không có Khoa Lí luận Chính trị và Khoa Sau đại học, không có Ban quản lí các dự án

như chỉ tiêu trước đây); giảm chỉ tiêu số lượng CBVC từ 400 - 450 xuống 270 - 300; tăng tỉ lệ GV có trình độ từ ThS trở lên từ 70 - 80% lên 75 - 90%; giảm quy mô SV từ 8.000 - 10.000 xuống 3.500...

Từ việc tổng kết, đánh giá, Nhà trường đã có những điều chỉnh hợp lý đối với một số chỉ tiêu chính như về quy mô đội ngũ cán bộ viên chức, quy mô SV, nguồn thu tài chính... Đồng thời một số giải pháp đã được đề xuất để triển khai thực hiện. Ví dụ về công tác xây dựng đội ngũ có giải pháp: Xây dựng chế độ chính sách đãi ngộ hợp lý, khuyến khích cán bộ GV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn ở bậc ThS, tiến sĩ đi đôi với yêu cầu bắt buộc về trình độ chuyên môn đối với các vị trí việc làm; xây dựng chính sách thu hút những người có trình độ tiến sĩ về công tác tại Trường...

Trong quá trình thực hiện “Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020”, Nhà trường không có quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch mà những điều chỉnh này chỉ được thể hiện trong bản ‘Kế hoạch xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2020’.

Mặc dù có giám sát, đối sánh kết quả thực hiện được so với chỉ tiêu nhưng ở một vài lĩnh vực chưa có được những giải pháp hữu hiệu để triển khai nhằm đạt được mục tiêu đề ra như về chất lượng đội ngũ GV. Chỉ tiêu đến năm 2020 có từ 15 - 20% GV đạt trình độ tiến sĩ nhưng kết quả mới có 16 tiến sĩ /191 GV (chiếm 8,3%). Tỉ lệ này là khá thấp so với tỉ lệ chung của khối các trường đại học Việt Nam.

2. Đánh giá tiêu chí 4.4 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 4:

Điểm mạnh:

Trường Đại học Hoa Lư được thành lập vào năm 2007 và năm 2009, Nhà trường đã xây dựng văn bản “Định hướng xây dựng và phát triển Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2009 - 2020”. Căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2010 - 2015, Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch phát triển Trường giai đoạn 2016 - 2020. Năm 2019, Nhà trường đã triển khai xây dựng “Đề án quy hoạch phát triển Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Đơn vị trực tiếp giúp BGH xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển là P.TC-TH. Các phòng chức năng có nhiệm vụ theo dõi kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch thuộc các lĩnh vực có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao; P.TC-TH có nhiệm vụ tổng hợp viết báo cáo tổng kết hằng năm. Khi xây dựng “Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” vào năm 2019, Nhà trường đã lập kế hoạch thực hiện và có văn bản Hướng dẫn quy trình xây dựng đề án gồm 10 bước. Sau khi “Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng

đến năm 2030” được ban hành, Nhà trường đã xây dựng Chương trình hành động để thực hiện Đề án.

Các kế hoạch, chiến lược phát triển chung cũng như các kế hoạch chiến lược phát triển trên một số lĩnh vực đều hướng đến thực hiện sứ mạng là “Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Ninh Bình và các vùng lân cận”. Trong “Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020” đã đề ra một số chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về xây dựng bộ máy tổ chức và đội ngũ; về công tác đào tạo và NCKH; về xây dựng cơ sở vật chất - thiết bị trường học - tài chính. Kế hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2020 đã điều chỉnh một số chỉ tiêu đến 2020 như: về cơ cấu tổ chức có 22 đơn vị trực thuộc với 07 phòng chức năng, 07 khoa, 02 bộ môn, 05 trung tâm và 01 ban; về đội ngũ có 270 - 300 CBGV, 75 - 90% GV có trình độ ThS trở lên trong đó từ 15 - 20% có trình độ tiến sĩ; về quy mô đào tạo có 3.500 SV với 3.000 SV chính quy; về NCKH mỗi năm có từ 01 đến 02 đề tài cấp Bộ và cấp Tỉnh, từ 20 - 25 đề tài cấp trường, 25 - 30% GV có kết quả NCKH được công bố trên các tạp chí quốc tế và trong nước được tính điểm theo quy định của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước; về tài chính với tỉ lệ nguồn thu ngân sách từ 85 - 90%, nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu khác từ 10 - 15% tổng thu... Nhà trường đã rất quan tâm đến công tác phát triển đội ngũ nên đã ban hành nhiều văn bản có liên quan đến công tác đào tạo cán bộ như: Kế hoạch đào tạo tiến sĩ của Trường ĐHHL giai đoạn 2012 - 2020; Kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025. Kế hoạch các năm học đã bám sát vào kế hoạch trung hạn và những chỉ tiêu chiến lược và những nhiệm vụ cụ thể của từng thời điểm.

Các văn bản về kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn và kế hoạch các năm học đều được gửi đến các đơn vị để quán triệt cho cán bộ và SV triển khai thực hiện. Trong mỗi lĩnh vực đều xác định khá rõ ràng những chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính như chỉ tiêu đến năm 2015 có 07 phòng chức năng, 07 khoa và 01 bộ môn trực thuộc, 06 trung tâm và 02 ban; đến năm 2020 có 08 phòng chức năng, 09 khoa, 06 trung tâm và 02 ban. Về đội ngũ đến năm 2015 có 300 - 350 CBGV, trong đó 60 - 70% GV có trình độ ThS và 10 - 15% GV có trình độ tiến sĩ ... Trong giai đoạn 2010 - 2020, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch phát triển trung hạn 05 năm giai đoạn 2010 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020.

Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 đã xây dựng các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phấn đấu trên 10 lĩnh vực: Đào tạo, NCKH, tổ chức bộ máy, đảm bảo chất lượng, đội ngũ, đối ngoại, cơ sở vật chất, tài chính, công tác SV, công tác truyền thông. Các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu chính mà Nhà trường đã xác định tương đối rõ ràng và cơ bản có tính khả thi, có thể đo lường được kết quả thực hiện và có mốc thời gian thực hiện. Nhà trường đã thực hiện việc giám sát,

đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu phấn đấu tương đối chặt chẽ thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch trung hạn giai đoạn 2010 - 2015, Báo cáo thực trạng trường ĐHHL 05 năm (2012 - 2017) và các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế. Qua việc giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và căn cứ vào tình hình thực tế, Nhà trường đã điều chỉnh một số chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 như về cơ cấu tổ chức giảm số đơn vị trực thuộc từ 25 xuống 22, không thành lập Khoa Sau đại học và Khoa Lí luận chính trị, giảm quy mô đào tạo và quy mô đội ngũ cán bộ...

Tồn tại:

Sau khi ban hành kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn giai đoạn 2009 - 2020, Nhà trường không xây dựng kế hoạch chiến lược theo từng lĩnh vực như phát triển nguồn nhân lực, phát triển đào tạo, phát triển KHCN, phát triển tài chính và cơ sở vật chất, phát triển hợp tác trong và ngoài nước. Nhà trường chưa có các kế hoạch chi tiết về phát triển một số lĩnh vực chủ yếu. Nhà trường chưa có hướng dẫn các đơn vị, nhất là với các khoa và bộ môn xây dựng kế hoạch phát triển của đơn vị mình trên cơ sở kế hoạch phát triển chung của Trường. Các đơn vị trực thuộc chưa có các kế hoạch hoạt động riêng của đơn vị để thực hiện kế hoạch chung của Nhà trường. Hồ sơ minh chứng chưa thấy rõ việc phân tích, đánh giá nguyên nhân của những chỉ tiêu không thực hiện được, nhất là với những chỉ tiêu đạt được ở mức độ thấp như về quy mô cán bộ, quy mô SV, tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ và kinh phí (chỉ tiêu năm 2015 thu 130 tỷ đồng nhưng thực tế chỉ thu 45,5 tỷ đồng) cũng như cơ sở của việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch.

Trong các kế hoạch chiến lược dài hạn, trung hạn và hằng năm chưa nêu rõ chỉ tiêu phấn đấu về nhiệm vụ PVCĐ. Trong quá trình thực hiện “Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020”, Nhà trường không có quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch mà những điều chỉnh này chỉ được thể hiện trong bản “Kế hoạch xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2020”. Mặc dù có giám sát, đối sánh kết quả thực hiện được so với chỉ tiêu nhưng ở một vài lĩnh vực chưa có được những giải pháp hữu hiệu để triển khai nhằm đạt được mục tiêu đề ra như về chất lượng đội ngũ GV. Chỉ tiêu đến năm 2020 có từ 15 - 20% GV đạt trình độ tiến sĩ nhưng kết quả mới có 16 tiến sĩ /191 GV (chiếm 8,3%). Tỉ lệ này là khá thấp so với tỉ lệ chung của khối các trường đại học Việt Nam.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường nên ban hành Hướng dẫn xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển để thực hiện ở quy mô cấp trường cũng như các đơn vị trực thuộc. Sau khi ban hành “Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” cần xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển của một số lĩnh vực chủ yếu trong giai đoạn 2020 - 2025 như phát triển nguồn nhân lực, phát triển ĐT, phát triển NCKH, phát triển PVCĐ, phát triển hợp tác trong và ngoài nước... Nhà trường nên xây dựng kế hoạch

trung hạn theo từng lĩnh vực: Phát triển đội ngũ cán bộ, ĐT, NCKH, hợp tác trong và ngoài nước, đảm bảo chất lượng giáo dục, PVCĐ... Nên công bố kịp thời các Kế hoạch chiến lược phát triển trung hạn, dài hạn và ngắn hạn trên Cổng thông tin điện tử của Trường ngoài việc phổ biến qua đường văn thư như hiện nay. Mỗi lần sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các kế hoạch chiến lược, Nhà trường cần quan tâm hơn đến việc phân tích nguyên nhân chủ quan và khách quan đối với các kết quả đã đạt được.

Khi xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn mới cần tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn trước, làm cơ sở cho việc xây dựng các KPIs và các chỉ tiêu phấn đấu mới. Khi xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn cần quan tâm hơn đến nhiệm vụ PVCĐ của một trường đại học. Trong quá trình thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn nếu có điều chỉnh chỉ tiêu phấn đấu thì cần ban hành quyết định điều chỉnh của Hiệu trưởng.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4,00
Tiêu chí 4.1	4
Tiêu chí 4.2	4
Tiêu chí 4.3	4
Tiêu chí 4.4	4

TIÊU CHUẨN 5: CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 5.1: Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 5.1.

Trường ĐHHL đã có một hệ thống tổ chức để xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường tương đối chặt chẽ. Hiệu trưởng đã phân công trách nhiệm cho các thành viên BGH trong việc chỉ đạo xây dựng các chính sách có liên quan đến các hoạt động chủ yếu của Nhà trường. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chung còn mỗi Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chỉ đạo những lĩnh vực có liên quan được phân công. Các Phòng chức năng được giao giúp Hiệu trưởng xây dựng các chính sách thuộc mảng công việc được phân công quản lí. Căn cứ vào Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường

ĐHHL do UBND tỉnh Ninh Bình ban hành (số 1076/2008/QĐ-UBND ngày 02/06/2008), Nhà trường đã có văn bản Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong trường ĐHHL (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012). Theo đó, P.TC-TH có trách nhiệm xây dựng chính sách về phát triển đội ngũ GV và nhân viên hỗ trợ, chính sách PVCD đối với cán bộ viên chức; P.ĐT-QLKH có trách nhiệm xây dựng các chính sách về tuyển sinh, tổ chức đào tạo, phát triển CTĐT, phát triển NCKH trong GV và SV; P.CTSV có trách nhiệm xây dựng các chính sách đối với người học và chính sách PVCD đối với SV; P.TV có trách nhiệm phối hợp với các phòng có liên quan để xây dựng các chính sách về tài chính có liên quan đến chính sách về ĐT, NCKH và PVCD. Ngoài ra, Công đoàn, ĐTN đều có sự phối hợp chặt chẽ với chính quyền trong việc hoạch định các chính sách của Nhà trường.

Một số chính sách nổi bật của Nhà trường trong chu kỳ kiểm định là:

Chính sách phát triển nguồn nhân lực để thực hiện các CTĐT: Đã có quy định về đào tạo bồi dưỡng bắt buộc đối với CBVC; ưu tiên tuyển dụng người có trình độ tiến sĩ về công tác; dành nguồn kinh phí hợp lí cho công tác đào tạo bồi dưỡng GV và nhân viên...

Chính sách về đào tạo: Phát triển quy mô đào tạo, phát triển ngành nghề đào tạo, công tác tuyển sinh được thể hiện trong các văn bản: Hướng dẫn và quy định về các mặt hoạt động này; thể hiện trong kế hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020 và kế hoạch 05 năm 2016 - 2020; thể hiện trong Nghị quyết của Đảng uỷ Trường, Nghị quyết của Hội nghị cán bộ viên chức và người lao động hằng năm; thể hiện trong kế hoạch công tác năm học...

Chính sách về NCKH: Nhà trường đã có chính sách thúc đẩy hoạt động NCKH trong đội ngũ GV như có quy định về nhiệm vụ NCKH của GV (số 328/QĐ-ĐHHL ngày 20/07/2015); hỗ trợ kinh phí để thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường của GV (tối đa 8 triệu đồng/đề tài) và của SV (700.000 đồng/đề tài); thưởng các công trình được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước. Nhà trường khuyến khích tăng cường hợp tác với các cơ sở nghiên cứu ở trong và ngoài nước.

Chính sách về phát triển nguồn nhân lực để phục vụ cho hoạt động ĐT và NCKH: Khuyến khích GV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm. Hỗ trợ GV đi học tiến sĩ, ThS, đi tập huấn chuyên môn, học tập nâng cao lí luận chính trị... (Quy chế chi tiêu nội bộ), chính sách ưu tiên tuyển chọn người có trình độ chuyên môn cao về công tác...

Chính sách PVCD: Nhà trường khuyến khích các hoạt động thiện nguyện, tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ của Tỉnh và cho giáo viên các trường phổ thông của địa phương, mở rộng liên kết đào tạo nguồn nhân lực cho Tỉnh U-đôm- xay của nước

CHDCND Lào, tham gia tích cực vào các hoạt động, sự kiện chính trị xã hội của địa phương.

Các chính sách được ban hành đều dựa trên các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, của các Bộ, Ngành, tỉnh Ninh Bình và chiến lược phát triển của Trường. Vì vậy, nội dung các chính sách của Nhà trường đều phù hợp với Luật GDĐH, các quy định của Bộ GD&ĐT, quy định của tỉnh Ninh Bình, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường.

Trước khi ban hành, dự thảo các chính sách đều được gửi đến các đơn vị để cán bộ viên chức thảo luận dân chủ. Hình thức lấy ý kiến góp ý gồm tổ chức các cuộc họp, lấy phiếu khảo sát trực tiếp hoặc lấy phiếu online.

Nhà trường chưa ban hành một hướng dẫn tổng thể việc xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ mà còn nằm rải rác ở một số văn bản. Nhà trường chưa định kỳ tổ chức tập huấn cho CBQL về kỹ năng xây dựng các chính sách cũng như biên soạn các văn bản quản lí.

2. Đánh giá tiêu chí 5.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 5.2: Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 5.2.

Nhà trường có phân công cụ thể các đơn vị và cá nhân chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ. Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn có trách nhiệm quản lí, chỉ đạo thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các chính sách về ĐT, NCKH. Phó Hiệu trưởng phụ trách Tài chính - Cơ sở Vật chất có trách nhiệm quản lí, chỉ đạo thực hiện và giám sát quá trình thực hiện các chính sách về PVCĐ. Hiệu trưởng chỉ đạo chung và trực tiếp giám sát quá trình thực hiện các chính sách về phát triển nguồn nhân lực.

Theo Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012) thì các phòng chức năng đều có nhiệm vụ giúp Hiệu trưởng theo dõi giám sát việc thực hiện các văn bản quản lí và các chính sách trên phạm vi toàn trường có liên quan đến mảng công việc được giao. Ngoài các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc khác đều có trách nhiệm giám sát việc thực hiện các chính sách của đơn vị mình.

Cán bộ thanh tra thuộc P.TC-TH và Thanh tra nhân dân có trách nhiệm giám sát mọi hoạt động của Nhà trường. Ban chấp hành Công đoàn Trường đã ban hành Quy định về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ gồm 06 bước (số 22/KH-BCH ngày 22/11/2017).

Các văn bản liên quan đến chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ đều được gửi đến các đơn vị, phổ biến cho cán bộ và các lớp SV biết để thực hiện. Hồ sơ minh chứng cho thấy, kết quả giám sát việc thực hiện các chính sách được thể hiện trong các Hội nghị giao ban, báo cáo công tác tháng, báo cáo tổng kết năm học, báo cáo gửi cấp trên theo yêu cầu, báo cáo tại Hội nghị CBVC và người lao động (như báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị được trình bày tại hội nghị CBVC và người lao động năm 2018, 2019).

Định kỳ, Nhà trường chưa thực hiện tổng kết đánh giá kết quả thực hiện một số chính sách chủ yếu để có những điều chỉnh kịp thời. Một số chính sách chậm được đổi mới như chính sách thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác, chính sách đào tạo bồi dưỡng CBGV, chính sách về hoạt động NCKH mặc dù có nguyên nhân khách quan là phụ thuộc nhiều vào quy định của tỉnh Ninh Bình.

2. Đánh giá tiêu chí 5.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 5.3: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 5.3.

Việc rà soát các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ được quy định trong Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường (số 1076/2008/QĐ-UBND ngày 02/06/2008 và số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/07/2019). Trong Hướng dẫn xây dựng kế hoạch quản lý, kế hoạch tổ chức các hoạt động trong Trường ĐHHL ban hành tại văn bản số 601/HD-ĐHHL ngày 15/11/2018 đã có quy định công tác rà soát đánh giá kết quả thực hiện (bước 05 trong quy trình thực hiện). Kết quả phỏng vấn lãnh đạo các phòng: TC-TH, ĐT-QLKH và TV cho thấy, định kỳ vào cuối năm học, các phòng chức năng có nhiệm vụ báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện các chính sách của Nhà trường trong năm học và thường xuyên phải cập nhật các văn bản quản lý của cấp trên để có những điều chỉnh kịp thời các chính sách của Trường. Xem xét bản tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị do Ban tổ chức trình bày tại Hội nghị CBVC và người lao động năm học 2018 - 2019 nhận thấy, các đơn vị đã có nhiều góp ý về việc thực hiện các chính sách: Khoa Ngoại ngữ -Tin học đề nghị cần điều chỉnh định mức chi hỗ trợ đề tài NCKH cấp trường theo chất lượng sản phẩm như nếu có kết quả đăng trên tạp chí khoa học thuộc hệ thống ISI thì cấp 30 - 50 triệu đồng/bài

Những công việc có tính chất thời vụ thì được thực hiện tổng kết đánh giá ngay sau khi kết thúc quá trình thực hiện như chính sách về tuyển sinh, đào tạo bồi dưỡng cán bộ.

Nhà trường chưa có kế hoạch tổng thể về công tác PVCD nên việc rà soát đánh giá kết quả thực hiện các chính sách về hoạt động này chưa hệ thống, chưa tổng hợp thành một mảng hoạt động của Nhà trường.

2. Đánh giá tiêu chí 5.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 5.4: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 5.4.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, Nhà trường đã có những điều chỉnh chính sách thông qua việc ban hành các văn bản mới. Một số các chính sách đã có sự điều chỉnh như: Về đào tạo bồi dưỡng CBVC đã tăng hỗ trợ học tiến sĩ trong nước từ 450 nghìn đồng/tháng thực học năm 2015 lên một triệu đồng/tháng thực học từ năm 2016 đến nay. Về công tác biên soạn giáo trình tài liệu học tập đã tăng hỗ trợ 500 nghìn đồng/tin chỉ, năm 2015 lên 750 nghìn đồng từ năm 2016 đến nay. Về xây dựng mới CTĐT đã tăng mức hỗ trợ từ 2,5 triệu đồng/01 CTĐT lên 13 triệu đồng/01 CTĐT.

Để khuyến khích GV nâng cao chất lượng NCKH, Nhà trường đã tăng mức thưởng từ 0 đồng năm 2015 lên 2 triệu đồng/01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế.

Về chính sách tuyển sinh, Nhà trường đã thay đổi tiêu chí tuyển chọn như với các ngành ngoài Sư phạm tuyển theo điểm sàn của Bộ GD&ĐT, lấy điểm tuyển ngành Du lịch cao hơn điểm tuyển của các ngành còn lại để đáp ứng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho ngành Du lịch của Tỉnh, tổ chức thi năng khiếu tại Trường thay vì gửi thí sinh đi thi tại trường đại học khác...

Về công tác NCKH, Nhà trường đã có sự điều chỉnh quy trình xét duyệt đề tài và định mức kinh phí được cấp theo chất lượng sản phẩm từ 4 - 8 triệu đồng chứ không chỉ một mức 4 triệu đồng như trước (theo kết quả phỏng vấn).

Một số chính sách còn chậm được đổi mới nên hiệu quả chưa cao như chính sách thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác, chính sách nâng cao chất lượng NCKH thông qua mức thưởng các bài báo công bố quốc tế (2 triệu đồng/01 bài là thấp). Nhà trường chậm thực hiện khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về các chính sách trong ĐT, NCKH và PVCD.

2. Đánh giá tiêu chí 5.4 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 5:

Điểm mạnh:

Trường ĐHHL đã có một hệ thống tổ chức để xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ của Trường tương đối chặt chẽ. Các phòng chức năng được giao giúp Hiệu trưởng xây dựng các chính sách thuộc mảng công việc được phân công quản lí. Ngoài ra, Công đoàn, Đoàn thanh niên đều có sự phối hợp chặt chẽ với chính quyền trong việc hoạch định các chính sách của Nhà trường. Một số chính sách nổi bật của Nhà trường trong chu kỳ kiểm định là: Quy định về đào tạo bồi dưỡng bắt buộc đối với CBVC; ưu tiên tuyển dụng người có trình độ tiến sĩ về công tác; dành nguồn kinh phí hợp lí cho công tác đào tạo bồi dưỡng CBVC. Chính sách phát triển quy mô đào tạo, phát triển ngành nghề đào tạo, công tác tuyển sinh được thể hiện trong kế hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020 và kế hoạch 05 năm 2016 - 2020; thể hiện trong Nghị quyết của Đảng uỷ Trường, Nghị quyết của Hội nghị CBVC và người lao động hằng năm; thể hiện trong kế hoạch công tác năm học. Nhà trường đã có chính sách thúc đẩy hoạt động NCKH trong đội ngũ GV như quy định về nhiệm vụ NCKH của GV, hỗ trợ kinh phí để thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường của GV (tối đa 8 triệu đồng/đề tài) và của SV (700.000 đồng/đề tài); thưởng các công trình được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước. Chính sách về phát triển nguồn nhân lực như hỗ trợ GV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm, chính sách ưu tiên tuyển chọn người có trình độ chuyên môn cao về công tác... Nhà trường đã khuyến khích các hoạt động thiện nguyện, tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn cho CB của Tỉnh và cho giáo viên các trường phổ thông của địa phương, mở rộng liên kết đào tạo nguồn nhân lực cho Tỉnh U-đôm- xay của nước CHDCND Lào, tham gia tích cực vào các hoạt động, sự kiện chính trị xã hội của địa phương.

Nội dung các chính sách của Nhà trường đều phù hợp với Luật GDĐH, các quy định của Bộ GD&ĐT, quy định của tỉnh Ninh Bình, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường. Trước khi ban hành, dự thảo các chính sách đều được gửi đến các đơn vị để CBVC thảo luận dân chủ. Nhà trường đều thực hiện khá tốt công tác giám sát thực hiện các chính sách đã ban hành. Ngoài các phòng chức năng, các đơn vị trực thuộc khác đều có trách nhiệm giám sát việc thực hiện các chính sách của đơn vị mình. Các văn bản liên quan đến chính sách về ĐT, NCKH và PVCĐ đều được gửi đến các đơn vị, phổ biến cho các lớp SV biết để thực hiện. Kết quả giám sát việc thực hiện các chính sách được thể hiện trong các Hội nghị giao ban, báo cáo công tác tháng, báo cáo tổng kết năm học, báo cáo gửi cấp trên theo yêu cầu, báo cáo tại Hội nghị CBVC và người lao động. Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, Nhà trường đã có những điều chỉnh chính sách như: Về đào tạo bồi dưỡng cán bộ nhân viên đã tăng hỗ trợ học tiến sĩ trong nước từ 450 nghìn đồng/tháng thực học năm 2015 lên 1 triệu đồng/tháng thực học từ năm 2016 đến nay. Về công tác biên soạn giáo trình tài liệu học tập đã tăng hỗ trợ 500 nghìn đồng/tín chỉ năm 2015 lên 750 nghìn đồng từ năm 2016 đến nay...

Về chính sách tuyển sinh, Nhà trường đã thay đổi tiêu chí tuyển chọn như với các ngành ngoài Sư phạm tuyển theo điểm sàn của Bộ GD&ĐT, lấy điểm tuyển ngành Du lịch cao hơn điểm tuyển của các ngành còn lại để đáp ứng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho ngành Du lịch của Tỉnh, tổ chức thi năng khiếu tại Trường thay vì gửi thí sinh đi thi tại trường đại học khác... Về công tác NCKH, Nhà trường đã có sự điều chỉnh quy trình xét duyệt đề tài và định mức kinh phí được cấp theo chất lượng sản phẩm từ 4 - 8 triệu đồng/đề tài chứ không chỉ một mức 4 triệu đồng như trước.

Tồn tại:

Nhà trường chưa ban hành hướng dẫn tổng thể việc xây dựng các chính sách về ĐT, NCKH và PVCD mà còn nằm rải rác ở một số văn bản; chưa định kỳ tổ chức tập huấn cho CBQL về kỹ năng xây dựng các chính sách cũng như kỹ năng biên soạn các văn bản quản lý. Nhà trường chưa định kỳ thực hiện tổng kết đánh giá kết quả thực hiện một số chính sách chủ yếu để có những điều chỉnh kịp thời. Một số chính sách còn chậm được đổi mới như chính sách thu hút người có trình độ chuyên môn cao về công tác, chính sách đào tạo bồi dưỡng CBGV, chính sách về hoạt động NCKH, chính sách nâng cao chất lượng NCKH thông qua mức thưởng các bài báo công bố quốc tế (mặc dù có nguyên nhân khách quan là phụ thuộc nhiều vào quy định của tỉnh Ninh Bình). Nhà trường chưa có kế hoạch tổng thể về công tác PVCD nên việc rà soát đánh giá kết quả thực hiện các chính sách về hoạt động này chưa hệ thống, chưa tổng hợp thành một mảng hoạt động của Nhà trường, Nhà trường chậm thực hiện khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về các chính sách trong ĐT, NCKH và PVCD.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần ban hành hướng dẫn chi tiết về quy trình xây dựng các chính sách, văn bản quản lý có liên quan đến các hoạt động của đơn vị và triển khai tập huấn cho tất cả các cán bộ lãnh đạo của các đơn vị trực thuộc. Cần chủ động hơn trong việc hoạch định các chính sách bản lề để thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. Nên định kỳ tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các chính sách đã ban hành để phân tích hiệu quả, tác động của các chính sách đó đến sự phát triển của Trường, làm cơ sở cho những điều chỉnh nếu thấy cần thiết. Cần cập nhật kịp thời các chính sách của Trường và của Nhà nước có liên quan lên Cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Cần xây dựng các chính sách và kế hoạch tổng thể về phát triển công tác PVCD để việc rà soát đánh giá kết quả thực hiện được thuận lợi. Cần chủ động hơn trong việc điều chỉnh các chính sách, nhất là chính sách về phát triển nguồn nhân lực, phát triển ĐT, NCKH. Cần tạo động lực cho CBGV trong việc nâng cao trình độ chuyên môn và tham gia hoạt động NCKH (vừa khuyến khích nhưng cũng là bắt buộc). Nên có chính sách khuyến khích GV liên kết phối hợp cùng xây dựng hoặc tham gia đề tài NCKH với các nhà khoa học khác ở ngoài Trường. Định kỳ cần khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan về các chính sách đã ban hành để có những điều chỉnh thích hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 5	4,00
Tiêu chí 5.1	4
Tiêu chí 5.2	4
Tiêu chí 5.3	4
Tiêu chí 5.4	4

TIÊU CHUẨN 6: QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

Tiêu chí 6.1: Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 6.1.

Công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Nhà trường được thể hiện trong các văn bản “Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020” và “Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”, “Kế hoạch xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2020” (số 192/KH-ĐHHL ngày 29/12/2015). Nội dung quy hoạch bao gồm mục tiêu quy hoạch, số lượng và chất lượng đội ngũ. Định hướng phát triển Trường ĐHHL ban hành năm 2019 đã xác định mục tiêu xây dựng đội ngũ GV theo hướng chuẩn hoá, đồng bộ về cơ cấu, chuyên môn, đủ về số lượng có khả năng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong xu thế hội nhập quốc tế. Quy mô cán bộ được xác định ở thời điểm 2015 với số lượng 300 - 350 người (60 - 70% GV có trình độ từ ThS trở lên trong đó có 10 - 15% GV có trình độ tiến sĩ, 3 - 5% GV sử dụng được tiếng Anh trong giảng dạy...) và ở thời điểm 2020 với số lượng 400 - 450 người (70 - 80% GV có trình độ từ ThS trở lên trong đó có 15 - 20% GV có trình độ tiến sĩ, 5 - 10% GV sử dụng được tiếng Anh trong giảng dạy). Căn cứ vào tình hình thực tế tuyển sinh, Kế hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2020 đã điều chỉnh quy hoạch đội ngũ cán bộ đến năm 2020 giảm xuống còn 270 - 300 người (75 - 90% GV có trình độ từ ThS trở lên trong đó có 15 - 20% GV có trình độ tiến sĩ, 5 - 10% GV sử dụng được tiếng Anh trong giảng dạy). Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ viên chức được dựa trên định hướng quy mô SV, tiêu chuẩn cán bộ giảng dạy đại học... Nhà trường đã xây dựng Đề án Vị trí việc làm (Đề án số 426/ĐA-ĐHHL ngày 30/11/2015 và Đề án số 355/ĐA-ĐHHL ngày 14/08/2018). Đề án Vị trí việc làm đã thể hiện rõ quy hoạch về

số lượng và chất lượng người lao động với từng vị trí việc làm như có 50 vị trí lãnh đạo quản lý với 50 người, 29 vị trí giảng viên ứng với 158 người, 10 vị trí nhân viên hỗ trợ và phục vụ ứng với 69 người. Như vậy tổng số cán bộ viên chức và người lao động của Trường theo Đề án Vị trí việc làm (năm 2018) là 278 người. Để chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quy hoạch, Nhà trường đã xây dựng Đề án đào tạo tiến sĩ cho CBGV giai đoạn 2012 - 2020 (tờ trình số 470/TrĐA-ĐHHL ngày 21/09/2012) và giai đoạn 2020 - 2030 (văn bản số 76/ĐHHL ngày 15/01/2020). Kết quả thực hiện quy hoạch đến cuối năm 2019, Nhà trường có 267 CBVC, trong đó có 191 GV với 16 tiến sĩ, 165 ThS, 10 đại học.

Nhà trường không xây dựng kế hoạch trung hạn về phát triển nguồn nhân lực ở quy mô toàn trường gắn với các đơn vị. Ví dụ, với quy mô đến năm 2020 có 300 người thì số GV là bao nhiêu, số nhân viên hành chính và phục vụ khác là bao nhiêu, số người của mỗi đơn vị trực thuộc ra sao?

Quy hoạch về chất lượng đội ngũ GV chưa đáp ứng về chất lượng nguồn lực (đến năm 2020 mới chỉ có 15 - 20% GV có trình độ tiến sĩ) để thực hiện sứ mạng của Trường là “Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ”.

2. Đánh giá tiêu chí 6.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 6.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 6.2.

Nhà trường thực hiện tuyển dụng lao động theo quy định của Luật Viên chức và quy định của UBND tỉnh Ninh Bình. Trong chu kỳ kiểm định, Nhà trường đã tuyển được 20 người, trong đó 01 người có trình độ tiến sĩ, 08 người có trình độ ThS. Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng quy định của UBND tỉnh Ninh Bình và đảm bảo công khai, minh bạch.

Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý và sắp xếp nhân sự được thực hiện theo Luật Viên chức, Luật GDĐH, Điều lệ Trường Đại học, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại luân chuyển từ chức, miễn nhiệm cán bộ công chức lãnh đạo của UBND tỉnh Ninh Bình (số 961/2003/QĐ-UBND ngày 19/05/2003). Trên cơ sở các văn bản pháp quy, Nhà trường đã ban hành Hướng dẫn quy trình, tiêu chí bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBQL các đơn vị trực thuộc (số 247/HD-ĐHHL ngày 23/05/2014). Công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý được thực hiện theo đúng quy định. Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2015 - 2020 và xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2021 - 2025 (số 153/KH-ĐHHL ngày

08/10/2016), sau đó đã có quyết định phê duyệt kết quả quy hoạch 102 cán bộ vào chức danh Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc (số 809/QĐ-ĐHHL ngày 22/11/2016). Công tác quy hoạch được định kỳ rà soát, điều chỉnh bổ sung nên đến năm 2019, Nhà trường đã có Quyết định phê duyệt kết quả quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2026 (số 124/QĐ-ĐHHL ngày 19/04/2019). Căn cứ vào văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh Ninh Bình, Nhà trường đã thực hiện quy trình thi tuyển chức danh Trưởng Khoa Giáo dục thường xuyên (số 189/KH-ĐHHL ngày 01/11/2018).

Trong thời gian từ 2015 đến năm 2019, có 31 cán bộ được bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý lần đầu và 38 cán bộ được bổ nhiệm lại chức danh lãnh đạo quản lý đã đảm nhiệm.

Các văn bản có liên quan đến công tác tuyển dụng, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý đều được công bố rộng rãi bằng hình thức gửi văn bản đến các đơn vị.

Chất lượng tuyển dụng GV chưa cao, trong 05 năm mới tuyển được 01 người có trình độ tiến sĩ. Cho đến thời điểm đánh giá còn 05 khoa có Trưởng hoặc Phó Trưởng khoa phụ trách với trình độ chuyên môn ThS, 08 Phó Trưởng khoa và 15 Trưởng bộ môn là ThS. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý chưa đáp ứng quy định của Điều lệ Trường đại học và Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường do UBND tỉnh Ninh Bình ban hành năm 2008 và Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường do Trường ban hành năm 2019.

2. Đánh giá tiêu chí 6.2 đạt mức: 3

Tiêu chí 6.3: Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 6.3.

Nhà trường đã xây dựng Đề án Vị trí việc làm vào năm 2015 (số 426/ĐA-ĐHHL ngày 30/11/2015) và sau đó được hoàn thiện bổ sung vào năm 2018 (số 355/ĐA-ĐHHL ngày 14/08/2018). Trong đó, xác định vị trí lãnh đạo quản lý gắn với khung năng lực, kỹ năng và yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, kỹ năng giao tiếp. Đề án Vị trí việc làm xác định rõ vị trí công việc của các nhóm đối tượng: 50 vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo quản lý, 29 vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp (giảng dạy), 10 vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ, phục vụ. Tất cả các vị trí việc làm đều có yêu cầu về năng lực, kỹ năng, về trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Các tiêu chuẩn về các chức danh lãnh đạo quản lý còn được thể hiện trong Hướng dẫn quy trình, tiêu chí bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBQL các đơn vị trực thuộc (số 247/HD-ĐHHL ngày 23/05/2014). Tiêu chuẩn các vị trí việc làm còn được thể hiện trong tiêu chí tuyển dụng lao động của Trường và Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.

Khung năng lực, kỹ năng và yêu cầu về trình độ chuyên môn của các vị trí lãnh đạo phân chia theo chức danh trưởng, phó các đơn vị là chưa thật hợp lý. Yêu cầu về trình độ chuyên môn của trưởng bộ môn chỉ tốt nghiệp đại học trở lên (trong Đề án Vị trí việc làm) là chưa phù hợp với quy định hiện hành (phải có trình độ tiến sĩ). Yêu cầu về trình độ chuyên môn của phó trưởng khoa phải từ ThS trở lên (trong Đề án Vị trí việc làm) là chưa đầy đủ so với quy định hiện hành (riêng phó trưởng khoa phụ trách công tác ĐT, NCKH phải có trình độ tiến sĩ).

2. Đánh giá tiêu chí 6.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 6.4: Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 6.4.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV nhân viên được xác định từ Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường trong mỗi giai đoạn. Chỉ tiêu chiến lược của Trường đến năm 2020 có 270 - 300 cán bộ, trong đó có 75 - 90% GV có trình độ từ ThS trở lên, 15 - 20% GV có trình độ tiến sĩ, 100% CBQL có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên, 100% cán bộ GV có trình độ B tiếng Anh (80% GV đạt trình độ B1 trở lên), 5 - 10% GV sử dụng được tiếng Anh trong giảng dạy. Công tác phát triển đội ngũ được Đảng uỷ Trường quan tâm thể hiện qua Nghị quyết về công tác đào tạo, bồi dưỡng CBVC giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025 (số 287-NQ/ĐU ngày 24/12/2017). Trên cơ sở định hướng chiến lược phát triển đội ngũ và yêu cầu của các đơn vị, hằng năm Nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBVC, nhất là đối với đội ngũ GV (như kế hoạch số 23/KH-ĐHHL ngày 25/01/2018 dự kiến trong giai đoạn 2018 - 2020 cử 20 GV đi học tiến sĩ, 06 GV đi học ThS...). Nghị quyết của Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động hằng năm đều xác định chỉ tiêu về đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực. Năm 2019, Nhà trường đã có công văn gửi các đơn vị đề xuất nhu cầu đào tạo bồi dưỡng cán bộ, GV (số 327/ĐHHL-TCTH ngày 11/07/2019). Các GV đi học sau đại học được hưởng chính sách hỗ trợ tài chính theo quy định của UBND tỉnh Ninh Bình.

Trong chu kỳ kiểm định, Nhà trường đã cử được 03 người đi học tiến sĩ và 27 người đi học ThS trong nước, 64 người đi học lý luận chính trị cao cấp và trung cấp, 171 người được học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, 150 người học lớp bồi dưỡng thi nâng ngạch giảng viên chính, 236 lượt tham gia tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá, 267 người tham gia lớp tập huấn về PCCC và 266 lượt tham gia các lớp tập huấn khác. Bình quân có 4,2 lượt/05 năm/01 cán bộ được đi bồi dưỡng tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ. Tổng kinh phí chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng CBVC từ 2015 đến 2018 là gần 1,4 tỷ đồng. Nhờ triển khai nhiều giải pháp nên số lượng GV có trình độ ThS đã tăng từ 150 năm 2015 lên 165 năm 2019, số GV có trình độ

tiến sĩ tăng từ 06 năm 2015 lên 16 năm 2019, số GV có trình độ đại học giảm từ 44 năm 2015 xuống còn 10 năm 2019.

Nhà trường chưa có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cụ thể phù hợp với đặc thù của Trường gồm các nội dung như cử đi đào tạo tiến sĩ, ThS; học lí luận chính trị cao cấp, trung cấp; bồi dưỡng tin học, tiếng Anh, nghiệp vụ sư phạm... của từng năm, từng đơn vị kèm theo dự kiến kinh phí để thực hiện.

Kết quả đào tạo GV có trình độ tiến sĩ chưa đạt được chỉ tiêu tối thiểu là 30 người vào năm 2020, mặc dù đã có sự gia tăng từ 06 lên 16 trong 05 năm. Tỉ lệ GV có trình độ tiến sĩ còn ở mức thấp so với mặt bằng chung của ngành. Cá biệt vẫn còn GV chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

2. Đánh giá tiêu chí 6.4 đạt mức: 4

Tiêu chí 6.5: Hệ thống quản lí việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 6.5.

Việc quản trị theo kết quả công việc của cán bộ viên chức được thực hiện công khai, dân chủ và minh bạch. Đầu năm, các đơn vị đều có bản phân công nhiệm vụ cho cán bộ viên chức, phân công giảng dạy cho các GV. Điều này thể hiện qua nội dung các văn bản có liên quan và quy trình thực hiện. Theo chức năng nhiệm vụ (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012), P.TC-TH có trách nhiệm tham mưu cho BGH, quản lí, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ viên chức và người lao động, trong đó có công tác đánh giá phân loại, công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật cán bộ. Các văn bản hướng dẫn về đánh giá phân loại công chức, bình xét thi đua khen thưởng, kết quả phân loại và bình xét danh hiệu thi đua khen thưởng đều được công bố công khai đến các đơn vị. Hằng năm, Nhà trường đều ban hành Hướng dẫn đánh giá và phân loại cán bộ, viên chức, người lao động (số 603/HD-ĐHHL ngày 19/11/2018). Trong đó, hướng dẫn phân loại 03 đối tượng đánh giá gồm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lí, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo quản lí, người lao động; hướng dẫn tiêu chí đánh giá đối với từng đối tượng; hướng dẫn trình tự đánh giá phân loại. Thẩm quyền đánh giá phân loại được quy định: UBND Tỉnh đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của BGH, Ban Giám hiệu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên còn lại của Trường. Hiệu trưởng đánh giá phân loại đối với Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc. Trưởng các đơn vị trực thuộc đánh giá phân loại đối với viên chức người lao động trong đơn vị. Kết quả thực hiện công việc trong năm học được đánh giá theo các mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn

thành nhiệm vụ. Quá trình đánh giá đã kết hợp xem xét kết quả hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ ở vị trí việc làm được giao với nhiệm vụ học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ cũng như các nhiệm vụ khác (PVCĐ, CVHT...). Để có cơ sở đánh giá phân loại đối với GV, Nhà trường đã ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với GV (số 328/QĐ-ĐHHL ngày 20/07/2015) và sau đó được điều chỉnh bổ sung vào tháng 11/2015, tháng 06/2016 và tháng 10/2017.

Quy trình đánh giá phân loại gồm các bước: Cá nhân viết bản tự đánh giá; đơn vị họp góp ý bản tự nhận xét của cán bộ, viên chức người, lao động; đơn vị bỏ phiếu đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của mỗi cá nhân; P.TC-TH nhận và tổng hợp kết quả phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, viên chức, người lao động của tất cả các đơn vị để trình BGH xem xét phê duyệt. Ban Giám hiệu họp xét và ra quyết định. Công tác đánh giá phân loại cán bộ, viên chức, người lao động được thực hiện dân chủ công khai. Kết quả phỏng vấn CBGV cho thấy, hầu hết đều hài lòng về tiêu chí quy trình đánh giá phân loại và xét thi đua khen thưởng của Trường.

Nhà trường lưu trữ khá đầy đủ dữ liệu về kết quả phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ viên chức và người lao động của tất cả các năm trong chu kỳ kiểm định. Năm 2019, Nhà trường đã đánh giá phân loại 221 viên chức và 43 người lao động, trong đó có 151 người hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 103 người hoàn thành tốt nhiệm vụ, 05 người hoàn thành nhiệm vụ, 02 người không hoàn thành nhiệm vụ và 02 người không đánh giá phân loại (Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá phân loại CBVC và người lao động số 678/QĐ-ĐHHL ngày 31/12/2019).

Kết quả đánh giá phân loại CBVC và người lao động được sử dụng trong việc quy hoạch và bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý, bố trí sử dụng, cử đi đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, xét tăng bậc lương...(Hướng dẫn bình xét thi đua khen thưởng và tổng kết năm học của các năm). Để khuyến khích những người không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, Nhà trường có quy định “Số lượng đề nghị khen thưởng cấp Tỉnh, cấp Bộ phải có ít nhất 50% là cán bộ, viên chức và người lao động trực tiếp không hưởng hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý trong tổng số cá nhân được đề nghị”. Minh chứng về kết quả xét tặng danh hiệu thi đua hàng năm cho thấy, trong 05 năm có 203 người được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 27 người được tặng bằng khen của Tỉnh và của Bộ GD&ĐT. Số lượng GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp là 192 chiếm tỉ lệ 94,5%.

Việc quản trị theo kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao đã thúc đẩy tinh thần trách nhiệm của CBGV trong việc thực hiện các nhiệm vụ chung của Nhà trường về công tác ĐT, NCKH và PVCĐ, đặc biệt là công tác nâng chuẩn CBGV, chất lượng các hoạt động hỗ trợ cán bộ và người học. Kết quả khảo sát trực tiếp CBGV cho thấy, tất cả đều hài lòng về công tác đánh giá phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên trong Trường.

Việc quy đổi các hoạt động biên soạn sách giáo trình, chủ trì xây dựng CTĐT và các quy định, quy chế sang giờ NCKH hoặc chuyển ngược giờ giảng dạy sang giờ NCKH là chưa phù hợp với thông tư 47/2014/TT-BGD&ĐT ngày 31/12/2014 quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên. Nhà trường chưa có hướng dẫn chi tiết với những tiêu chí cụ thể về đánh giá phân loại các đối tượng GV, nhân viên hành chính, nhân viên phục vụ.

2. Đánh giá tiêu chí 6.5 đạt mức: 4

Tiêu chí 6.6: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 6.6.

Nhà trường đã giao cho P.TC-TH là đơn vị có “Nhiệm vụ tham mưu cho BGH về xây dựng, tổ chức thực hiện công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ viên chức; quản lý hướng dẫn và tổ chức thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ viên chức và người lao động” (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012). Minh chứng cho thấy, Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 23/10/2012 của UBND tỉnh Ninh Bình về công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ viên chức, trong đó có quy định hỗ trợ kinh phí đào tạo, hỗ trợ sinh hoạt phí với nữ cán bộ đi học. Ngoài ra, Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ cán bộ viên chức được cử đi học ThS, tiến sĩ như: Học tiến sĩ trong nước được hỗ trợ 50 triệu đồng/người/khoá ĐT, hỗ trợ tiền tài liệu 04 triệu đồng/khoá ĐT, hỗ trợ làm luận án tốt nghiệp 07 triệu đồng/người; học tiến sĩ ở nước ngoài được hỗ trợ 5,5 triệu đồng/người/năm, hỗ trợ tiền tài liệu 05 triệu đồng/khoá ĐT, hỗ trợ làm luận án tốt nghiệp 10 triệu đồng/người; học ThS được hỗ trợ 03 triệu đồng/người/năm, hỗ trợ tiền tài liệu 02 triệu đồng/khoá ĐT, hỗ trợ làm luận văn tốt nghiệp 03 triệu đồng/người (Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2017).

Kinh phí hỗ trợ cán bộ viên chức đi học được rà soát điều chỉnh trong quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2015, 2016, 2017. Tuy nhiên mức độ thay đổi không nhiều do Nhà trường sử dụng nguồn ngân sách là chủ yếu (khoảng 85%) nên tính chủ động có phần hạn chế, phụ thuộc vào các quy định của Tỉnh. Nhà trường đã hỗ trợ tiền học phí cho 52 cán bộ quản lý và cán bộ thuộc diện quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý học nâng cao trình độ lý luận chính trị, 23 cán bộ học lớp bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV chính hạng II, 05 cán bộ học lớp kiểm định viên. Kinh phí chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ viên chức các năm như sau: 875 triệu đồng năm 2015, 552 triệu đồng năm 2016, 437 triệu đồng năm 2017...

Để đẩy mạnh hoạt động NCKH, Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ các tác giả có công trình nghiên cứu được đăng trên các tạp chí khoa học ở trong và ngoài nước. Mức hỗ trợ công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong nước là 500.000 đồng/bài,

đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài 1.000.000 đồng/bài, đăng trên tạp chí ISI/Scopus hoặc được giải thưởng khoa học cấp Bộ 2000.000 đồng/bài hoặc giải thưởng. Chi thực hiện đề tài cấp cơ sở tối đa là 8 triệu đồng/đề tài, chi hỗ trợ SV thực hiện đề tài NCKH là 700.000 đồng/đề tài...

Nhà trường đã thực hiện đúng chính sách nâng lương trước hạn cho cán bộ viên chức. Trong giai đoạn đánh giá đã có 137 người được nâng lương trước hạn.

Mnh chứng cho thấy, công tác rà soát đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, quy trình, quy hoạch nguồn nhân lực không được thực hiện theo chuyên đề riêng mà lồng ghép trong các hội nghị giao ban, trong dịp góp ý dự thảo báo cáo tổng kết năm học, tại Hội nghị công chức viên chức của Trường và của các đơn vị.

Nhà trường chưa ban hành Hướng dẫn về công tác quy hoạch nguồn nhân lực làm cơ sở để các đơn vị xây dựng quy hoạch trên định hướng phát triển của Trường ĐHHL và bản Quy hoạch nguồn nhân lực của Trường qua các năm. Do vậy, khi rà soát về nguồn nhân lực mới chỉ là thống kê số lượng, chất lượng đội ngũ, chưa có phân tích đánh giá kết quả đạt được cũng như tác động của những chính sách đến kết quả triển khai. Chưa có hướng dẫn việc thực hiện rà soát đánh giá kết quả thực hiện các chính sách do Nhà trường ban hành.

2. Đánh giá tiêu chí 6.6 đạt mức: 4

Tiêu chí 6.7: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 6.7.

Trên cơ sở rà soát đánh giá đánh giá kết quả thực hiện, Nhà trường đã có cải tiến thay đổi một số chính sách trong phạm vi quyền hạn của Nhà trường như: Điều chỉnh Quy định về chế độ làm việc của GV vào năm 2018 và 2019; điều chỉnh chế độ thanh toán giờ giảng; đã thí điểm thực hiện việc thi tuyển chức danh Trưởng Khoa Giáo dục thường xuyên năm 2018. Quy hoạch nguồn nhân lực được thể hiện trong Đề án Vị trí việc làm 2015 và được điều chỉnh vào năm 2018.

Nhà trường chưa thực sự chủ động trong công tác quy hoạch đội ngũ, chưa chủ động đề xuất với Tỉnh để giao quyền tự chủ và chịu trách nhiệm giải trình cao cho Trường; chưa cải tiến quy trình quy hoạch về nguồn nhân lực mặc dù đã có điều chỉnh quy hoạch đội ngũ năm 2016 và năm 2019. Các chính sách về tuyển dụng lao động, hỗ trợ cán bộ đi học sau đại học, hỗ trợ đi dự hội nghị hội thảo, thưởng các công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, kinh phí chi thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở cho cán bộ và hỗ trợ SV thực hiện NCKH ít có sự thay đổi trong suốt chu kỳ đánh giá. Chính sách đào tạo bồi dưỡng GV chưa thực sự có hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ giảng dạy của các đơn vị (sự

gia tăng về GV có trình độ tiến sĩ quá thấp, có khoa hiện không có GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ). Chưa có chính sách về sử dụng nguồn nhân lực thích ứng với thực tế tuyển sinh đào tạo của các khoa, nhất là với các khoa khó tuyển SV.

2. Đánh giá tiêu chí 6.7 đạt mức: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 6:

Điểm mạnh:

Công tác quy hoạch nguồn nhân lực của Nhà trường được thể hiện trong các văn bản “Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020” và “Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”. Nội dung quy hoạch bao gồm mục tiêu quy hoạch, số lượng và chất lượng đội ngũ, như: quy mô cán bộ được xác định ở thời điểm 2015 với số lượng 300 - 350 người (60 - 70% GV có trình độ từ ThS trở lên trong đó có 10 - 15% GV có trình độ tiến sĩ, 3 - 5% GV sử dụng được tiếng Anh trong giảng dạy..) và ở thời điểm 2020 với số lượng 400 - 450 người (70 - 80% GV có trình độ từ ThS trở lên trong đó có 15 - 20% GV có trình độ tiến sĩ, 5 - 10% GV sử dụng được tiếng Anh trong giảng dạy..). Việc quy hoạch đội ngũ cán bộ viên chức được dựa trên định hướng quy mô SV, tiêu chuẩn cán bộ giảng dạy đại học... Nhà trường đã xây dựng Đề án Vị trí việc làm vào năm 2015 và 2018. Đề án Vị trí việc làm đã thể hiện rõ quy hoạch về số lượng và chất lượng người lao động với từng vị trí việc làm như có 51 vị trí lãnh đạo quản lý với 51 người, 29 vị trí giảng viên ứng với 158 người, 10 vị trí nhân viên hỗ trợ và phục vụ ứng với 69 người. Trong đó, xác định vị trí lãnh đạo quản lý gắn với khung năng lực, kỹ năng và yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức, kỹ năng giao tiếp. Kết quả thực hiện quy hoạch đến cuối năm 2019, Nhà trường có 267 cán bộ viên chức, trong đó có 191 GV với 16 tiến sĩ, 165 ThS, 10 đại học. Nhà trường thực hiện tuyển dụng lao động theo quy định của Luật viên chức và quy định của UBND tỉnh Ninh Bình. Trong chu kỳ kiểm định, Nhà trường đã tuyển được 20 người, trong đó 01 người có trình độ tiến sĩ, 08 người có trình độ ThS. Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng quy định của UBND tỉnh Ninh Bình và đảm bảo công khai minh bạch.

Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý và sắp xếp nhân sự được thực hiện theo Luật viên chức, Luật GDĐH, Điều lệ Trường đại học, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại luân chuyển từ chức, miễn nhiệm cán bộ công chức lãnh đạo của UBND tỉnh Ninh Bình. Công tác quy hoạch các chức danh lãnh đạo quản lý được thực hiện theo đúng quy định, đã có quyết định phê duyệt kết quả quy hoạch 102 cán bộ vào chức danh Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc giai đoạn 2016 - 2020 và giai đoạn 2021 - 2026. Trong thời gian từ 2015 đến năm 2019, đã có 31 cán bộ được bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý lần đầu và 38 cán bộ được bổ nhiệm lại chức danh lãnh đạo quản lý đã đảm nhiệm.

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV, nhân viên được xác định từ Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường trong mỗi giai đoạn. Trên cơ sở định hướng chiến lược phát triển đội ngũ và yêu cầu của các đơn vị, hằng năm, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng CBVC, nhất là đối với đội ngũ GV. Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ khuyến khích GV đi học sau đại học theo quy định của UBND tỉnh Ninh Bình. Trong chu kỳ kiểm định, Nhà trường đã cử được 03 người đi học tiến sĩ trong nước, 27 người đi học ThS trong nước, 64 người đi học lí luận chính trị cao cấp và trung cấp, 171 người được học lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm... Nhờ triển khai nhiều giải pháp nên số lượng GV có trình độ ThS đã tăng từ 150 năm 2015 lên 165 năm 2019, số GV có trình độ tiến sĩ tăng từ 06 năm 2015 lên 16 năm 2019, số GV có trình độ đại học giảm từ 44 năm 2015 xuống còn 10 năm 2019.

Việc quản trị theo kết quả công việc của cán bộ viên chức được thực hiện công khai, dân chủ và minh bạch. Hằng năm, Nhà trường đều ban hành Hướng dẫn đánh giá và phân loại CBVC và người lao động. Công tác đánh giá phân loại CBVC, người lao động được thực hiện dân chủ công khai. Hầu hết CBVC, người lao động đều hài lòng về tiêu chí, quy trình đánh giá phân loại và xét thi đua khen thưởng của Trường.

Để đẩy mạnh hoạt động NCKH, Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ các tác giả có công trình nghiên cứu được đăng trên các tạp chí khoa học ở trong và ngoài nước. Nhà trường đã thực hiện đúng chính sách nâng lương trước hạn cho cán bộ viên chức. Trong giai đoạn đánh giá đã có 137 người được nâng lương trước hạn.

Tồn tại:

Nhà trường không xây dựng kế hoạch trung hạn về phát triển nguồn nhân lực ở quy mô toàn Trường gắn với các đơn vị. Quy hoạch về chất lượng đội ngũ GV chưa đáp ứng đầy đủ nguồn lực (đến năm 2020 mới chỉ có 15 - 20% GV có trình độ tiến sĩ) để thực hiện sứ mạng của Trường là “Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ”.

Chất lượng tuyển dụng GV chưa cao, trong 05 năm mới tuyển được 01 người có trình độ tiến sĩ. Cho đến thời điểm đánh giá còn 05 khoa có Trưởng hoặc Phó Trưởng khoa phụ trách với trình độ chuyên môn ThS, 08 Phó Trưởng khoa và 15 Trưởng bộ môn là ThS. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lí chưa đáp ứng quy định của Điều lệ Trường đại học và Quy chế Tổ chức hoạt động của Trường do UBND tỉnh Ninh Bình ban hành năm 2008 và Quy chế Tổ chức hoạt động do Trường ban hành năm 2019.

Khung năng lực, kỹ năng và yêu cầu về trình độ chuyên môn của các vị trí lãnh đạo phân chia theo chức danh trưởng, phó các đơn vị là chưa hợp lí. Yêu cầu về trình độ chuyên môn của trưởng bộ môn chỉ tốt nghiệp đại học trở lên trong Đề án Vị trí việc làm là chưa phù hợp với quy định hiện hành (phải có trình độ tiến sĩ). Yêu cầu về trình độ chuyên môn của phó trưởng khoa phải từ ThS trở lên trong Đề án Vị trí việc làm là chưa

đầy đủ so với quy định hiện hành (phó trưởng khoa phụ trách ĐT, NCKH phải có trình độ tiến sĩ).

Kết quả đào tạo GV có trình độ tiến sĩ chưa đạt được chỉ tiêu tối thiểu là 30 người vào năm 2020 mặc dù đã có sự gia tăng từ 06 lên 16 trong 05 năm. Tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ còn ở mức thấp so với mặt bằng chung của ngành. Cá biệt vẫn còn GV chưa có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định. Nhà trường chưa có hướng dẫn chi tiết với những tiêu chí cụ thể về đánh giá phân loại các đối tượng GV, nhân viên hành chính, nhân viên phục vụ. Nhà trường chưa ban hành Hướng dẫn về công tác quy hoạch nguồn nhân lực làm cơ sở để các đơn vị xây dựng quy hoạch trên định hướng phát triển của Trường ĐHHL và bản Quy hoạch nguồn nhân lực của Trường qua các năm. Do vậy, khi rà soát về nguồn nhân lực mới chỉ là thống kê số lượng, chất lượng đội ngũ, chưa có phân tích đánh giá kết quả đạt được cũng như tác động của những chính sách đến kết quả triển khai. Chưa có hướng dẫn việc thực hiện rà soát đánh giá kết quả thực hiện các chính sách do Nhà trường ban hành.

Các chính sách về tuyển dụng lao động, hỗ trợ cán bộ đi học sau đại học, hỗ trợ đi dự hội nghị hội thảo, thưởng các công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, kinh phí chi thực hiện đề tài NCKH cấp cơ sở cho cán bộ và hỗ trợ SV thực hiện NCKH... ít có sự thay đổi trong suốt chu kỳ đánh giá. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng GV chưa thực sự có hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ GV của các đơn vị (sự gia tăng về GV có trình độ tiến sĩ quá thấp, có khoa hiện không có GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ). Chưa có chính sách về sử dụng nguồn nhân lực thích ứng với thực tế tuyển sinh của các khoa, nhất là với các khoa khó tuyển SV.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường nên xây dựng kế hoạch trung hạn phát triển nguồn nhân lực chung của Trường và kế hoạch phát triển nguồn nhân lực riêng của các đơn vị trực thuộc. Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cần có mốc thời gian theo các năm kèm các giải pháp và nguồn lực để thực hiện. Nên xây dựng Quy hoạch phát triển ngành và chuyên ngành đào tạo là một trong những cơ sở quan trọng để xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực.

Trên cơ sở các quy định hiện hành và yêu cầu phát triển của đơn vị, Nhà trường cần ban hành Quy định về công tác tuyển dụng, luân chuyển, cho thôi việc đối với cán bộ viên chức và người lao động. Cần thực hiện tốt hơn công tác quy hoạch cán bộ quản lý để đảm bảo tất cả các chức danh lãnh đạo quản lý đều đáp ứng các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

Khi xây dựng khung năng lực của các đối tượng CBVC và người lao động cần phân loại các đơn vị trực thuộc thành các nhóm: Các phòng chức năng, các khoa và bộ môn trực thuộc, các trung tâm và đơn vị phục vụ khác. Đồng thời cần cập nhật các văn

bản pháp quy để quy định của Nhà trường phù hợp hoàn toàn với các quy định hiện hành về năng lực của CBVC. Bộ phận pháp chế cần rà soát các văn bản trước khi ban hành để đảm bảo tính phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật.

Nhà trường cần có giải pháp hữu hiệu cả về hành chính lẫn khuyến khích động viên, chủ động tìm nguồn kinh phí, học bổng để cử các GV đi học tiến sĩ ở trong và ngoài nước. Trước mắt, hỗ trợ GV nâng cao trình độ ngoại ngữ và chuyên môn để sớm đạt tiêu chí tuyển nghiên cứu sinh của các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước. Cần có giải pháp ưu tiên bồi dưỡng để một số GV sớm đạt được chuẩn chức danh PGS, nhất là chuẩn về NCKH và ngoại ngữ.

Nhà trường cần xây dựng tiêu chí cụ thể để đánh giá phân loại nhân viên hành chính và nhân viên phục vụ. Cần làm rõ hơn mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH của GV, chú ý đến sản phẩm chứ không chỉ quan tâm đến giờ chuẩn NCKH.

Nhà trường nên ban hành hướng dẫn về công tác quy hoạch đội ngũ và kế hoạch thực hiện trong giai đoạn 2020-2025. Định kỳ nên tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện một số chính sách chủ yếu có liên quan đến công tác cán bộ như tiêu chí đánh giá cán bộ, tiêu chí bình xét danh hiệu thi đua, tiêu chí bổ nhiệm lãnh đạo quản lý, chế độ tài chính về đào tạo bồi dưỡng cán bộ, chính sách thu hút và sử dụng cán bộ có chuyên môn giỏi...

Trên cơ sở Phương án tự chủ được UBND tỉnh Ninh Bình phê duyệt và Luật GDĐH sửa đổi, Nhà trường cần chủ động xây dựng các chính sách và giải pháp đột phá có tính khả thi để nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCD đáp ứng yêu cầu thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Trường. Trước mắt ưu tiên tìm giải pháp tăng nguồn thu tài chính, nâng cao chất lượng tuyển sinh cả về quy mô lẫn chất lượng. Nên thường xuyên rà soát nguồn quy hoạch CBQL và GV để có điều chỉnh hợp lý.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 6	3,71
Tiêu chí 6.1	4
Tiêu chí 6.2	3
Tiêu chí 6.3	4
Tiêu chí 6.4	4
Tiêu chí 6.5	4

Tiêu chí 6.6	4
Tiêu chí 6.7	3

TIÊU CHUẨN 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tiêu chí 7.1: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 7.1.

Phòng Tài vụ gồm 06 cán bộ được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, theo dõi và giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính của Trường (Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường tại quyết định số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012). P.TV là đơn vị phối hợp với P.TC-TH xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển dài hạn và trung hạn của Trường (trong đó có Kế hoạch chiến lược phát triển tài chính và cơ sở vật chất), là đơn vị đầu mối xây dựng Kế hoạch tài chính năm, dự toán thu chi và quyết toán ngân sách hằng năm.

Kế hoạch phát triển giai đoạn 2016 - 2020 của Trường đã xác định kế hoạch phát triển tài chính hằng năm, phân đầu đưa nguồn thu ngân sách đầu tư xây dựng phát triển Nhà trường từ 30 tỉ đồng năm 2016 lên 38 tỉ đồng năm 2019 và 40 tỉ đồng năm 2020, tỉ trọng nguồn thu ngân sách từ 85 - 90%; nâng cấp hoàn thiện các công trình phục vụ ĐT, NCKH và bổ sung đầy đủ các trang thiết bị phục vụ ĐT, đặc biệt là đào tạo các ngành kinh tế, du lịch. Chiến lược phát triển về tài chính đến năm 2025 đã xác định một số chỉ tiêu như: Nguồn thu học phí tăng bình quân mỗi năm 10%, đạt tỉ lệ 60 - 70% nguồn thu đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên; nguồn thu từ hoạt động NCKH, đào tạo ngắn hạn, tư vấn, dịch vụ chiếm 10 - 20% tổng nguồn thu; vốn huy động xã hội hoá, tài trợ chiếm 5 - 10% tổng vốn chi đầu tư phát triển; nguồn thu ngân sách chiếm 80%...

Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tài chính, dự toán thu chi hằng năm và các quy định về quản lý tài chính, thanh quyết toán nội bộ. Kết quả hoạt động tài chính đều được công bố công khai tại Hội nghị CBVC và người lao động của Trường. Năm 2017, trên cơ sở quyết định của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với Trường ĐHHL, Nhà trường đã xây dựng Phương án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và tài chính (Phương án số 419/PA-ĐHHL ngày 15/09/2017) với mức đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên là 20,7%.

Kết quả kiểm toán và báo cáo của Thanh tra nhân dân cho thấy, Nhà trường đã thực hiện việc thu chi tài chính theo đúng các quy định hiện hành, không có các vi phạm. P.TV đã sử dụng phần mềm kế toán để theo dõi mọi hoạt động thu chi tài chính của Nhà trường. Cơ cấu nguồn thu chi hằng năm được rà soát đánh giá trong báo cáo công khai tài chính.

Nhà trường chưa ban hành hướng dẫn về công tác lập dự toán ngân sách hằng năm trên cơ sở hướng dẫn của các cơ quan cấp trên.

Chưa chủ động trong việc xây dựng giải pháp tăng nguồn thu. Kinh phí còn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn ngân sách cấp (80% tổng nguồn thu vào năm 2025).

2. Đánh giá tiêu chí 7.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 7.2.

Theo quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc tại quyết định số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012 thì Trung tâm Thư viện-Thiết bị là đơn vị chủ trì, phối hợp với P.TV có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung, bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị thí nghiệm, trang thiết bị dạy học, thiết bị tin học....

Trong Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020, Kế hoạch xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2020, Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030 đều có nội dung về kế hoạch phát triển cơ sở vật chất. Mục tiêu đến năm 2020 được xác định là: “Xây dựng và phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, khu nhà làm việc, khu giảng đường, ký túc xá SV, khu sinh hoạt văn hoá thể thao, thư viện, khu xưởng thực hành, nâng cấp hoàn thiện các công trình phục vụ ĐT, NCKH và các mặt hoạt động của Nhà trường, bổ sung đầy đủ trang thiết bị phục vụ đào tạo đại học đặc biệt là đào tạo các ngành Kinh tế, Du lịch...”

Hằng năm, Nhà trường đều có kế hoạch sửa chữa cơ sở hạ tầng, bổ sung trang thiết bị dạy học trên cơ sở đề xuất của các đơn vị và nguồn lực tài chính của Trường. Hồ sơ minh chứng về dự toán kinh phí năm 2018 của các đơn vị trực thuộc đều có mục dự trù mua sắm trang thiết bị (như của Bộ môn tiếng Anh, Bộ môn Giáo dục Thể chất-Tâm lý...). Kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị còn thể hiện trong dự toán thu chi hằng năm.

Trong chu kỳ kiểm định đã chi 19,86 tỷ đồng để nâng cấp cơ sở vật chất, mua trang thiết bị dạy học và thực hành thí nghiệm.

Hàng năm, Nhà trường đã thực hiện việc kiểm kê tài sản theo quy định của Nhà nước và năm học 2018 - 2019 đã triển khai khảo sát sự hài lòng của 147 GV và SV về cơ sở vật chất phục vụ công tác ĐT. Kết quả có 85,2% hài lòng.

Hàng năm không có bảng tổng hợp thống kê nhu cầu và kế hoạch về cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ ĐT được phê duyệt.

Nhà trường chưa thực hiện đầy đủ việc đánh giá hiệu quả của trang thiết bị phục vụ các hoạt động của Trường làm cơ sở để xây dựng kế hoạch khai thác và bổ sung thiết bị

2. Đánh giá tiêu chí 7.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 7.3: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 7.3.

Theo Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012) thì Trung tâm TV-TB có nhiệm vụ quản lý, phối hợp với các đơn vị khai thác sử dụng phòng công nghệ thông tin, các trang thiết bị tin học; chủ trì phối hợp với P.TV và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị tin học...”. Tổ Thiết bị-Kỹ thuật của Trung tâm TV-TB là bộ phận trực tiếp quản trị hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng về CNTT. Nhà trường giao cho P.ĐT-QLKH quản lý hệ thống máy chủ.

Năm 2018, Nhà trường đã chi 90 triệu đồng để nâng cấp công nghệ thông tin điện tử cả Tiếng Việt lẫn Tiếng Anh. Nhà trường có quyết định phân quyền truy cập máy chủ và quy định về công tác biên tập tin và cập nhật tin trên công nghệ thông tin điện tử. Hàng năm, Trung tâm TV-TB đều có báo cáo tổng kết và kế hoạch về công tác tin học. Thiết bị CNTT của Trường hiện có 03 máy chủ, 377 máy tính (05 phòng thực hành tin học với 205 máy tính, 11 máy tính để khai thác dữ liệu trên Thư viện, 120 máy tính phục vụ cho công tác hành chính và chuyên môn, 41 máy tính xách tay phục vụ giảng dạy và quản lý), 45 máy chiếu, 03 phần mềm quản lý. Kinh phí chi cho mua mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng và thiết bị CNTT và thiết bị dạy học trong 05 năm qua là 5,289 tỷ đồng.

Nhà trường chưa có phần mềm hỗ trợ cho công tác giảng dạy và NCKH. Phần mềm quản lý còn khá ít và các phần mềm chưa được kết nối với nhau để có thể khai thác

được dữ liệu dùng chung. Hệ thống wifi chưa phủ sóng toàn bộ khuôn viên của Trường. Nhà trường chưa xây dựng thư viện điện tử và việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập còn hạn chế. Thông tin trên cổng thông tin điện tử còn nghèo nàn, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý và phục vụ cho các hoạt động ĐT và NCKH (không có dữ liệu về các văn bản pháp quy...). Nhà trường chưa sử dụng phần mềm quản lý hành chính nội bộ (E-Office).

Nhà trường chưa khảo sát chi tiết sự hài lòng của cán bộ GV, SV về cơ sở hạ tầng và thiết bị CNTT như số lượng và chất lượng của máy tính, máy chiếu, tốc độ đường truyền, điều kiện khai thác dữ liệu trên mạng nội bộ, phần mềm hỗ trợ giảng dạy và NCKH...

2. Đánh giá tiêu chí 7.3 đạt mức: 3

Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 7.4.

Theo Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012) thì Trung tâm TV-TB có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch mua sắm sách giáo trình, tài liệu, trang thiết bị phục vụ ĐT; quản lý, hướng dẫn khai thác, sử dụng hiệu quả tư liệu, giáo trình học liệu, thư viện. Trung tâm TV-TB có Tổ Thư viện gồm 07 người, trong đó 03 ThS, người có chuyên môn phù hợp là 04. Nhà trường có Thư viện với diện tích 1126m², phòng đọc có 150 chỗ ngồi cho độc giả, phòng máy với 15 máy tính được nối mạng, có gần 8000 đầu tài liệu với 89.359 bản, 26 đầu tạp chí, 2043 đĩa tài liệu điện tử. Nhà trường đã mua cơ sở dữ liệu trực tuyến Proquest Central. Trong chu kỳ kiểm định, Thư viện đã chi 1,68 tỷ đồng để mua bổ sung nguồn học liệu. Ngoài ra, tài liệu giảng dạy của GV, báo cáo tổng kết các đề tài NCKH, luận văn ThS, tiến sĩ của GV đã được bổ sung cho Thư viện.

Kết quả khảo sát 389 SV vào năm học 2018-2019, có 80,89% cho rằng nguồn tài liệu thường xuyên được cập nhật, 79,43% cho rằng Thư viện có đầy đủ tài liệu, loại hình học liệu phong phú đáp ứng nhu cầu bạn đọc, 87,66% cho rằng nhân viên thư viện phục vụ tận tình chu đáo.

Kết quả kiểm tra độc lập của Đoàn đánh giá ngoài với 35 tài liệu học tập chính và 32 tài liệu tham khảo trong đề cương học phần của 05 CTĐT thì Thư viện có 34/35 tài liệu học tập chính và 29/32 tài liệu tham khảo.

Chưa số hoá tài liệu có trong thư viện mà mới chỉ số hoá danh mục tài liệu. Nhà trường chưa có thư viện điện tử mà bước đầu mới mua quyền khai thác cơ sở dữ liệu của Trường Đại học Vinh. Học liệu phục vụ cho công tác NCKH còn hạn chế.

2. Đánh giá tiêu chí 7.4 đạt mức: 4

Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 7.5.

Bộ phận quản trị về môi trường, sức khỏe, an ninh an toàn và trật tự xã hội của Trường gồm Trung tâm YT-MT, Phòng CTSV, Phòng TC-TH. Theo Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012) thì: Trung tâm YT-MT có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và triển khai các biện pháp phòng bệnh, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ SV, thực hiện công tác bảo hiểm y tế cho cán bộ GV và SV; Phòng HC-QT xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt..

Nhà trường có Tổ Y tế thuộc Trung tâm YT-MT gồm 05 cán bộ, 04 phòng với 10 giường bệnh. Tổ Y tế có nhiệm vụ sơ cứu chữa bệnh ban đầu cho CBVC và SV, chủ trì phối hợp với các đơn vị khác thực hiện việc khám sức khỏe cho SV mới nhập học năm thứ nhất. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho CBVC. Các đơn vị đã tuyên truyền phổ biến cho SV về chính sách bảo hiểm y tế và kết quả 100% SV đã mua bảo hiểm y tế.

Nhà trường đã triển khai khá tốt công tác PCCC. Các nơi làm việc trong khuôn viên trường đều có bình chữa cháy còn hạn sử dụng và có tiêu lệnh dán kèm. Nhà trường đã thành lập Đội PCCC (số 664/QĐ-ĐHHL ngày 24/12/2019) gồm 30 thành viên, ban hành Nội quy PCCC (số 404/QĐ-ĐHHL ngày 25/08/2014). Năm 2019 đã mời Công an Tỉnh về tổ chức huấn luyện nghiệp vụ an toàn PCCC cho 267 CBVC. Kiểm tra thực tế tại các phòng thí nghiệm cho thấy, các phòng đều có dán Nội quy PTN; thoáng mát, sạch sẽ.

Khuôn viên Nhà trường sạch đẹp, có nhiều cây xanh và việc thu gom rác thải được ký hợp đồng với cơ quan Môi trường đô thị của Thành phố Ninh Bình. Việc vệ sinh giảng đường và khuôn viên được ký hợp đồng lao động với 04 người.

Nhà trường có ký túc xá SV với 700 chỗ. Kiểm tra thực tế cho thấy, khuôn viên phòng ở sạch sẽ, có nhà sinh hoạt cộng đồng dành cho SV Lào. Ký túc xá đảm bảo điều kiện an toàn, vệ sinh.

Nhà trường đã ký hợp đồng cho thuê diện tích để làm nhà ăn, canteen cho cán bộ và SV. Nhà ăn đã được UBND Thành phố Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (số 01/2020/UBND-ATTP ngày 17/01/2020).

Nhà trường có tổ bảo vệ gồm 06 người, thực hiện trực 24/24 và có lắp đặt hệ thống camera để theo dõi tình hình an ninh tại khuôn viên Nhà trường.

Thực hiện Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá, Nhà trường đã lập kế hoạch xây dựng môi trường không khói thuốc tại Trường ĐHHL (số 92/KH-ĐHHL ngày 05/06/2017), trong đó có quy định cấm hút thuốc lá tại các khu vực trong Nhà trường, cấm nhận tài trợ của các công ty thuốc lá...

Hàng năm, các phòng chức năng đều có báo cáo về kết quả thực hiện công tác sức khỏe, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Kết quả khảo sát vào năm học 2018 - 2019 đối với 102 SV ở ký túc xá có 85,86% ý kiến cho rằng phòng ở trong ký túc xá đảm bảo về ánh sáng, thoáng mát và các trang bị cần thiết, vệ sinh sạch sẽ; khảo sát 389 SV có 85,35% ý kiến cho rằng công tác chăm sóc y tế đáp ứng yêu cầu.

Phòng đựng hoá chất chưa có tủ hốt mặc dù phòng tương đối thoáng, có quạt thông gió. Tổ Y tế chưa có cán bộ có trình độ bác sĩ. Do được xây dựng từ nhiều năm về trước nên việc thiết kế các khu làm việc và học tập chưa chú ý đến nhu cầu đi lại của người khuyết tật.

2. Đánh giá tiêu chí 7.5 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 7:

Điểm mạnh:

Nhà trường có Phòng TV là đơn vị đầu mối xây dựng Kế hoạch tài chính năm, dự toán thu chi và quyết toán ngân sách hằng năm. Kế hoạch phát triển giai đoạn 2016 - 2020 của Trường đã xác định kế hoạch phát triển tài chính hằng năm, phần đầu đưa nguồn thu ngân sách đầu tư xây dựng phát triển Nhà trường từ 30 tỉ đồng năm 2016 lên 38 tỉ đồng năm 2019 và 40 tỉ đồng năm 2020, tỉ trọng nguồn thu ngân sách từ 85 - 90%. Trên cơ sở các quy định của Nhà nước, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tài chính, dự toán thu chi hằng năm và các quy định về quản lý tài chính, thanh quyết toán nội bộ. Kết quả hoạt động tài chính đều được công bố công khai tại Hội nghị cán bộ viên chức và người lao động của Trường. Năm 2017, trên cơ sở quyết định của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với Trường ĐHHL, Nhà trường đã xây dựng Phương án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và tài chính vào năm 2017 với mức đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên là 20,7%.

Kết quả kiểm toán và báo cáo của Thanh tra nhân dân cho thấy, Nhà trường đã thực hiện việc thu chi tài chính theo đúng các quy định hiện hành, không có các vi phạm. Phòng TV đã sử dụng phần mềm kế toán để theo dõi mọi hoạt động thu chi tài chính của

Nhà trường. Cơ cấu nguồn thu chi hằng năm được rà soát đánh giá trong báo cáo công khai tài chính. Trong chu kỳ kiểm định đã chi 19,86 tỷ đồng để nâng cấp cơ sở vật chất, mua trang thiết bị dạy học và thực hành thí nghiệm. Về cơ bản diện tích phòng học, phòng thí nghiệm đáp ứng được yêu cầu đào tạo trước mắt của các CTĐT.

Thiết bị CNTT của Trường hiện có 03 máy chủ, 377 máy tính (05 phòng thực hành tin học với 205 máy tính, 11 máy tính để khai thác dữ liệu trên Thư viện, 120 máy tính phục vụ cho công tác hành chính và chuyên môn, 41 máy tính xách tay phục vụ giảng dạy và quản lý), 45 máy chiếu, 03 phần mềm quản lý. Kinh phí chi cho mua mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng và thiết bị CNTT và thiết bị dạy học trong 05 năm qua là 5,289 tỷ đồng.

Trung tâm TV-TB có Tổ Thư viện gồm 07 người, trong đó 03 ThS, người có chuyên môn phù hợp là 04. Nhà trường có Thư viện với diện tích 1126m², phòng đọc có 150 chỗ ngồi cho độc giả, phòng máy với 15 máy tính được nối mạng, có gần 8000 đầu tài liệu với 89.359 bản, 26 đầu tạp chí, 2043 đĩa tài liệu điện tử. Nhà trường đã mua cơ sở dữ liệu trực tuyến Proquest Central. Trong chu kỳ kiểm định, Thư viện đã chi 1,68 tỷ đồng để mua bổ sung nguồn học liệu. Kết quả khảo sát 389 SV vào năm học 2018-2019, có 80,89% cho rằng nguồn tài liệu thường xuyên được cập nhật, 79,43% cho rằng Thư viện có đầy đủ tài liệu, loại hình học liệu phong phú đáp ứng nhu cầu bạn đọc. Kết quả kiểm tra độc lập của Đoàn đánh giá ngoài với 35 đề cương học phần cho thấy, có đủ 100% tài liệu học tập chính và 91,2 % tài liệu tham khảo theo đề cương môn học. Nhà trường có Tổ Y tế thuộc Trung tâm YT-MT gồm 05 cán bộ, 04 phòng với 10 giường bệnh. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ miễn phí cho cán bộ GV. Các đơn vị đã tuyên truyền phổ biến cho SV về chính sách bảo hiểm y tế và kết quả có 100 % SV đã mua bảo hiểm y tế.

Nhà trường đã triển khai khá tốt công tác PCCC. Các nơi làm việc trong khuôn viên trường đều có bình chữa cháy còn hạn sử dụng và có tiêu lệnh dán kèm. Kiểm tra thực tế tại các phòng thí nghiệm cho thấy, các phòng đều có dán nội quy phòng thí nghiệm, thoáng, sạch. Khuôn viên sạch đẹp có nhiều cây xanh..

Nhà trường có ký túc xá SV với 700 chỗ. Kiểm tra thực tế cho thấy, khuôn viên phòng ở sạch sẽ, có nhà sinh hoạt cộng đồng dành cho SV Lào. Ký túc xá đảm bảo điều kiện an toàn, vệ sinh. Nhà ăn, canteen cho cán bộ và SV được UBND Thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Kết quả khảo sát vào năm học 2018-2019 đối với 102 SV ở ký túc xá có 85,86% ý kiến cho rằng phòng ở trong ký túc xá đảm bảo về ánh sáng, thoáng mát và các trang bị cần thiết, vệ sinh sạch sẽ; khảo sát 389 SV có 85,35% ý kiến cho rằng công tác chăm sóc y tế đáp ứng yêu cầu.

Tồn tại:

Nhà trường chưa ban hành hướng dẫn về công tác lập dự toán ngân sách hằng năm trên cơ sở hướng dẫn của các cơ quan cấp trên. Chưa chủ động trong việc xây dựng giải pháp tăng nguồn thu. Hằng năm không có bảng tổng hợp thống kê nhu cầu và kế hoạch về cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ ĐT được phê duyệt. Nhà trường chưa thực hiện đầy đủ việc đánh giá hiệu quả của trang thiết bị phục vụ các hoạt động của Trường làm cơ sở để xây dựng kế hoạch khai thác và bổ sung thiết bị mới. Nhà trường chưa có phần mềm hỗ trợ cho công tác giảng dạy và NCKH. Phần mềm quản lí còn khá ít và các phần mềm chưa được kết nối với nhau để có thể khai thác được dữ liệu dùng chung. Hệ thống wifi chưa phủ sóng toàn bộ khuôn viên của Trường. Nhà trường chưa xây dựng thư viện điện tử và việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập còn hạn chế. Thông tin trên cổng thông tin điện tử còn nghèo nàn, chưa đáp ứng yêu cầu quản lí và phục vụ cho các hoạt động ĐT và NCKH (không có dữ liệu về các văn bản pháp quy...). Nhà trường chưa sử dụng phần mềm quản lí hành chính nội bộ (E-Office).

Nhà trường chưa khảo sát chi tiết sự hài lòng của cán bộ GV, SV về cơ sở hạ tầng và thiết bị CNTT như số lượng và chất lượng của máy tính, máy chiếu, tốc độ đường truyền, điều kiện khai thác dữ liệu trên mạng nội bộ, phần mềm hỗ trợ giảng dạy và NCKH...

Chưa số hoá tài liệu có trong thư viện mà mới chỉ số hoá danh mục tài liệu. Nhà trường chưa có thư viện điện tử mà bước đầu mới mua quyền khai thác cơ sở dữ liệu của Trường Đại học Vinh. Học liệu phục vụ cho công tác NCKH còn hạn chế. Phòng đựng hoá chất chưa có tủ hốt mặc dù phòng tương đối thoáng, có quạt thông gió. Tổ Y tế chưa có cán bộ có trình độ bác sĩ. Do được xây dựng từ nhiều năm về trước nên việc thiết kế các khu làm việc và học tập chưa chú ý đến nhu cầu đi lại của người khuyết tật.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần có hướng dẫn chi tiết về công tác lập kế hoạch ngân sách và dự toán thu chi hằng năm để việc lập dự toán sát hơn với yêu cầu của đơn vị và có tính khả thi cao. Cần có giải pháp để tăng cường nguồn thu ngoài ngân sách như mở rộng các loại hình đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ ngắn hạn, đẩy mạnh hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, tăng cường hợp tác trong trao đổi cán bộ sinh viên, tăng hoạt động dịch vụ...

Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Nhà trường cần có hội nghị rà soát dự toán tài chính và cơ sở vật chất của các đơn vị để có quyết định phê duyệt kế hoạch chi tiết. Đây cũng là dữ liệu cần thiết để đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu ĐT và NCKH của Trường đối với các đơn vị.

Nhà trường nên đầu tư hơn về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị CNTT, nhất là đang trong quá trình thực hiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Tăng thêm phần mềm phục vụ cho công tác quản lí và hỗ trợ công tác dạy-học. Thường xuyên nâng cao trình độ ứng

dụng tin học của cán bộ viên chức trong giảng dạy, NCKH và quản lí. Từng bước nâng chuẩn trình độ tin học đối với GV và CDR về kỹ năng tin học của các CTĐT.

Nhà trường cần quan tâm hơn đến việc xây dựng thư viện điện tử và từng bước số hoá những tài liệu đã có trong thư viện, nhất là những tài liệu nội sinh.

Khi xây dựng Trường tại cơ sở 2, cần chú ý đến nhu cầu của người khuyết tật. Cần đầu tư phát triển Tổ Y tế của Trung tâm YT-MT về cơ sở vật chất, thiết bị, thuốc điều trị và có cán bộ là bác sĩ để nâng cao hơn chất lượng khám chữa bệnh cho cán bộ và SV.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 7	3,80
Tiêu chí 7.1	4
Tiêu chí 7.2	4
Tiêu chí 7.3	3
Tiêu chí 7.4	4
Tiêu chí 7.5	4

TIÊU CHUẨN 8: CÁC MẠNG LƯỚI VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Tiêu chí 8.1: Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 8.1.

Nhà trường đã thành lập Phòng Quan hệ đối ngoại-Quản lí khoa học-Kiểm định chất lượng (theo quyết định số 2354/QĐ-UBND ngày 05/10/2007 của UBND tỉnh Ninh Bình) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện hoạt động đối ngoại. Từ năm 2012, Nhà trường đã giao cho P.TC-TH chịu trách nhiệm lập kế hoạch hoạt động đối ngoại hàng năm, tổ chức các hội nghị, hội thảo, ký kết hợp tác với các đối tác nước ngoài, quản lí CB, GV, NV của Trường đi công tác/học tập trong và ngoài nước; báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động đối ngoại.

Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Hoa Lư năm 2008 (số 1076/2008/QĐ-UBND) trong đó đã đề cập đến các hoạt động đối ngoại (Chương “Quan hệ quốc tế”), đến năm 2019 được thay thế bằng “Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế” trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL (số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019). Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch hoạt động đối ngoại (năm 2015: số 154 và số 173/KH-ĐHHL; năm 2016: số 147/KH-ĐHHL; năm 2017: số 119 & 138/KH-ĐHHL; năm 2019: số 180/KH-ĐHHL) bao gồm kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, bám sát tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Bên cạnh P.TC-TH, các đơn vị như P.ĐT-QLKH, P.CTSV, khoa GDTX, TT.NN-TH có các hoạt động đối ngoại liên quan trong chức năng nhiệm vụ (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012) đã phân công cán bộ trong đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, quản lý, theo dõi giám sát các mảng hoạt động đối ngoại có liên quan. Các báo cáo kết quả công tác/học tập sau các đợt học tập/công tác của CBGV được Nhà trường lưu trữ đầy đủ.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn các bên liên quan cho thấy, hoạt động đối ngoại của Nhà trường được công khai và phổ biến đến các bên liên quan; các văn bản về kế hoạch phát triển công tác HTQT và mạng lưới các đối tác đều được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường và gửi đến tất cả các đơn vị trực thuộc qua phần mềm quản lý văn bản của nhà trường để thuận lợi cho việc tra cứu.

Nhà trường chưa có đơn vị chịu trách nhiệm về công tác đối ngoại HTQT đồng thời chưa ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại mà chủ yếu được lồng ghép trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, Quy chế đào tạo bồi dưỡng, Quy chế quản lý lưu học sinh.

2. Đánh giá tiêu chí 8.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 8.2: Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 8.2.

Giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường đã triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại dựa trên các biên bản hợp tác/hợp đồng đã ký kết với các tổ chức, đơn vị trong và ngoài nước như Trường THPT Gia Viễn, Nguyễn Huệ (Ninh Bình), Trường ĐH Vinh, Trường ĐH Luật Hà Nội, ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQGHN, tỉnh U-Đômxay nước CHDCND Lào, ĐH Daewon (Jecheon, Hàn Quốc), Trường ĐH Công nghệ giao thông vận tải Hà Nội.

Nhà trường đã thực hiện hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên (01 GV của Trường T78), trao đổi người học với các đối tác (hiện đang có 51 sinh viên

Lào được trường đào tạo cho nước bạn Lào), thông qua các hoạt động dự án dưới hình thức học tập ngắn hạn, tham quan (tại Nhật Bản).

Nhà trường đã thực hiện hợp tác NCKH với 32 đối tác trong đó có 22 đối tác trong nước như Trường ĐH Xây dựng HN, Trường ĐH Bách khoa HN, Trường ĐH Hải Phòng, ĐH Thái Nguyên, Sở KH-CN tỉnh Ninh Bình... và 10 đối tác ngoài nước như Hàn Quốc (ĐH Quốc gia Chung Nam), Trung Quốc (ĐH Hunan), Nhật Bản (ĐH Osaka, ĐH Kobe, ĐH Nông nghiệp Tokyo), Thái Lan, Singapore, Viện Hàn lâm & Khoa học Liên bang Nga.

Nhà trường đã tổ chức/đồng tổ chức các 03 hội nghị hội thảo bao gồm các nội dung về đổi mới phương pháp dạy-học (02), chuyên đề NCKH (01), chuyên đề Toán học (01) với các đối tác trong nước như Sở GDĐT Ninh Bình, Hội Toán học HN, Hội Toán ứng dụng VN, các trường THPT, THPT chuyên trên khắp cả nước; Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về Mô hình bảo tồn các loài động thực vật của Vườn thực vật và các hoạt động giáo dục gắn với mô hình.

Nhà trường chưa có chính sách tăng cường mạng lưới quan hệ đối ngoại và mở rộng hợp tác với các đối tác về các lĩnh vực khác.

2. Đánh giá tiêu chí 8.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 8.3: Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 8.3.

Các hoạt động đối ngoại của Nhà trường được tổng kết báo cáo hàng năm bằng văn bản (năm 2016: số 102/BC-ĐHHL; năm 2017: số 109/BC-ĐHHL; năm 2018: số 179/BC-ĐHHL; năm 2019: số 192/BC-ĐHH) trong đó đã đề cập tới các kết quả đã thực hiện, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại; xây dựng kế hoạch và phương hướng thực hiện năm tiếp theo về các mảng của hoạt động đối ngoại.

Hệ thống văn bản quản lý, các quy định về đối ngoại của Nhà trường được cụ thể hóa trong Chương “Quan hệ quốc tế” của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL (số 1076/2008/QĐ-UBND ngày 02/6/2008). Năm 2019, Nhà trường đã rà soát và cập nhật/ thay thế nội dung “Quan hệ quốc tế” bằng “Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế” trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL (số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019).

Trong chu kỳ kiểm định, Nhà trường không có bất kỳ vi phạm hay bị các cơ quan hữu quan phê bình về việc tuân thủ các quy định trong HTQT.

Công tác rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Nhà trường chưa được thực hiện định kỳ và cụ thể hóa thành văn bản, mà chủ yếu được tổng hợp trong báo cáo tổng kết hoạt động đối ngoại hàng năm hoặc Báo cáo phục vụ Thanh tra chuyên ngành tại tỉnh Ninh Bình (năm 2019) về việc rà soát đoàn ra, đoàn vào từ năm 2016 đến 2019.

2. Đánh giá tiêu chí 8.3 đạt mức: 3

Tiêu chí 8.4: Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 8.4.

Trong giai đoạn tự đánh giá, Nhà trường đã mở rộng công tác trao đổi học thuật, NCKH với các đối tác mới như Hàn Quốc, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải Hà Nội, Trường Đại học Vinh, bên cạnh việc duy trì quan hệ hợp tác với các tổ chức, đơn vị khác.

Nhà trường đã từng bước có biện pháp cải thiện mối quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại với các đối tác trong nước như các trường THPT, các đơn vị trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, các trường ĐH trong cả nước (ĐH Thái Nguyên, ĐH Luật, ĐH Quốc gia HN, ĐH Vinh...) và các nước lân cận như Lào...

Nhà trường đã thực hiện cập nhật bổ sung chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược thể hiện trong Đề án Quy hoạch và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030 (số 42/QĐ-ĐHHL ngày 13/01/2020) và Kế hoạch xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Hoa Lư đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 (số 152A/KH-ĐHHL ngày 02/10/2018).

Các biện pháp cải thiện các mối quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại sau rà soát đánh giá chưa được tăng cường.

Việc cập nhật bổ sung chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại chưa được cụ thể hóa bằng văn bản dành riêng.

2. Đánh giá tiêu chí 8.4 đạt mức: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 8:

Điểm mạnh:

Nhà trường đã thành lập Phòng QHĐN-QLKH-KĐCL năm 2007, có trách nhiệm tổ chức thực hiện hoạt động đối ngoại. Từ năm 2012, Nhà trường đã giao cho P.TC-TH chịu trách nhiệm lập kế hoạch hoạt động đối ngoại hàng năm, tổ chức các hội nghị, hội thảo, ký kết hợp tác với các đối tác nước ngoài, quản lý cán bộ, giảng viên, nhân viên của

trường đi công tác/học tập trong và ngoài nước; báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động đối ngoại.

Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL năm 2008 trong đó đã đề cập đến các hoạt động đối ngoại, năm 2019 được thay thế bằng “Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế” trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL (số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019). Hàng năm, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch hoạt động đối ngoại bao gồm kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Bên cạnh P.TC-TH, các đơn vị như P.ĐT-QLKH, P.CTSV, khoa GDTX, TT.NN-TH có các hoạt động đối ngoại liên quan trong chức năng nhiệm vụ, phân công CB trong đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, quản lý, theo dõi giám sát các mảng hoạt động đối ngoại có liên quan.

Hoạt động đối ngoại của Nhà trường được công khai và phổ biến đến các bên liên quan; các văn bản về kế hoạch phát triển công tác HTQT và mạng lưới các đối tác đều được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường và gửi đến tất cả các đơn vị trực thuộc qua phần mềm quản lý văn bản của nhà trường để thuận lợi cho việc tra cứu.

Giai đoạn 2014 -2019, Nhà trường đã triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại dựa trên các biên bản hợp tác/hợp đồng đã ký kết với các tổ chức, đơn vị trong và ngoài nước; thực hiện hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên, người học với các đối tác thông qua các hoạt động dự án dưới hình thức học tập ngắn hạn, tham quan.

Nhà trường đã thực hiện hợp tác NCKH với 32 đối tác trong đó có 22 đối tác trong nước và 10 đối tác ngoài nước. Nhà trường đã tổ chức/đồng tổ chức hội nghị hội thảo với các đối tác trong nước.

Các hoạt động đối ngoại của Nhà trường được tổng kết báo cáo hàng năm bằng văn bản, trong đó đã đề cập tới các kết quả đã thực hiện, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại; xây dựng kế hoạch và phương hướng thực hiện năm tiếp theo về các mảng của hoạt động đối ngoại.

Trong chu kỳ kiểm định chất lượng, Nhà trường không có bất kỳ vi phạm hay bị các cơ quan hữu quan phê bình về việc tuân thủ các quy định trong HTQT.

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã mở rộng công tác trao đổi học thuật, NCKH với các đối tác mới như Hàn Quốc, Trường ĐH Công nghệ Giao thông vận tải Hà Nội, Trường ĐH Vinh bên cạnh việc duy trì quan hệ hợp tác với các tổ chức, đơn vị khác.

Nhà trường từng bước có biện pháp cải thiện môi quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại với các đối tác trong nước và các nước lân cận như Lào...

Nhà trường đã thực hiện cập nhật bổ sung chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược thể hiện trong Đề án Quy hoạch và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch xây dựng Chiến lược phát triển Trường ĐHHL đến năm 2030, định hướng đến năm 2035.

Tồn tại:

Nhà trường chưa có đơn vị phụ trách về công tác đối ngoại HTQT đồng thời chưa ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại mà chủ yếu được lồng ghép trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, Quy chế đào tạo bồi dưỡng, Quy chế quản lý lưu học sinh....

Nhà trường chưa có chính sách tăng cường mạng lưới quan hệ đối ngoại và mở rộng hợp tác với các đối tác về các lĩnh vực khác.

Công tác rà soát, đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Nhà trường chưa được định kỳ và cụ thể hóa thành văn bản, mà chủ yếu được tổng hợp trong báo cáo tổng kết hoạt động đối ngoại hàng năm hoặc Báo cáo phục vụ Thanh tra chuyên ngành tại tỉnh Ninh Bình (năm 2019) về việc rà soát đoàn ra, đoàn vào từ năm 2016 đến 2019.

Các biện pháp cải thiện các mối quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại sau rà soát đánh giá chưa được tăng cường.

Việc cập nhật bổ sung chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại chưa được cụ thể hóa bằng văn bản riêng.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần sớm thành lập Bộ phận/đơn vị quản lý hoạt động đối ngoại hợp tác quốc tế và cần ban hành Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại nhằm xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược mà Nhà trường đã đề ra.

Nhà trường cần có biện pháp cải tiến mở rộng, tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước.

Nhà trường nên văn bản hóa kế hoạch/kết quả rà soát và đánh giá hiệu quả hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại nhằm đưa ra được các tiêu chí/quy trình rà soát lựa chọn các đối tác trong hoạt động đối ngoại của Nhà trường cũng như thực hiện việc quản lý hoạt động đối ngoại một cách bài bản.

Nhà trường cần xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả các mối quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại, đặc biệt là các đối tác nước ngoài, trên cơ sở đó để có biện pháp cải thiện thường xuyên, định kỳ.

Nhà trường cần cập nhật bổ sung chiến lược, chính sách để phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bằng văn bản một cách độc lập.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 8	3,5
Tiêu chí 8.1	4
Tiêu chí 8.2	4
Tiêu chí 8.3	3
Tiêu chí 8.4	3

TIÊU CHUẨN 9: HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

Tiêu chí 9.1: Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 9.1.

Ngay sau khi thành lập Trường (4/2007), bộ phận chuyên trách về ĐBCL đã được hình thành, thuộc Phòng Quan hệ đối ngoại - Quản lý khoa học - Kiểm định chất lượng (số 2354/QĐ-UBND ngày 05/10/2007). Hai năm sau, Phòng KT&ĐBCL được thành lập (số 47/QĐ/UBND ngày 15/01/2009).

Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chuyên trách về hoạt động ĐBCL có chức năng nhiệm vụ được xác định cụ thể trong Quy định về chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm, cơ cấu tổ chức và biên chế Trường ĐHHL (số 47/QĐ/UBND/2009, số 17/QĐ-ĐHHL/2012, số 258/QĐ-ĐHHL/2019). Phòng KT&ĐBCL có nhiệm vụ lập kế hoạch đảm bảo chất lượng cho toàn Trường, thực hiện đánh giá nội bộ, tổng hợp dữ liệu của tất cả các đơn vị. Phòng KT&ĐBCL có 09 cán bộ chuyên trách.

Mạng lưới ĐBCL tại các đơn vị/bộ phận của Trường được hình thành vào năm 2016, được bổ sung vào năm 2018, gồm 36 thành viên thuộc 18 đơn vị (số 325/QĐ-ĐHHL ngày 04/9/2018). Năm 2019 mạng lưới ĐBCL của Trường tiếp tục được kiện toàn gồm 46 thành viên do Hiệu trưởng Nhà trường trực tiếp phụ trách (số 357/QĐ-ĐHHL ngày 24/9/2019). Tất cả cán bộ của Phòng KT&ĐBCL và hầu hết cán bộ thuộc mạng lưới

ĐBCL của Trường có giấy chứng nhận tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về công tác ĐBCL, trong đó có 05 cán bộ đã được cấp Chứng chỉ KĐCLGD.

Nhà trường đã ban hành Quy định hoạt động ĐBCL Trường ĐHHL (số 362/QĐ-ĐHHL ngày 16/10/2017) và các quy định, hướng dẫn thực hiện hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý như: Quy định chế độ làm việc của GV (số 474/QĐ-ĐHHL ngày 23/6/2016), Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức (số 265/QĐ-ĐHHL ngày 11/5/2018), Quy định về việc rà soát, xây dựng CĐR cho các CTĐT (số 404/QĐ-ĐHHL, ngày 24/9/2018), Quy định về công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động đào tạo (số 467/QĐ-ĐHHL ngày 26/10/2018), Hướng dẫn đánh giá cán bộ, giảng viên và nhân viên các năm 2016, 2017, 2018 (số 600/HD-ĐHHL ngày 22/11/2016, số 215/HD-ĐHHL ngày 18/5/2017, số 246/HD-ĐHHL ngày 28/5/2018), Hướng dẫn quy trình xây dựng kế hoạch quản lý, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Trường ĐHHL (số 601/HD-ĐHHL ngày 15/11/2018), Xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm (số 355/ĐA-ĐHHL ngày 14/8/2018), ban hành Sổ tay sinh viên các năm (từ năm 2014 đến năm 2019).

Trong các văn bản kể trên của Nhà trường đã có quy định về cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình, giải trình đột xuất khi có yêu cầu của từng vị trí công việc (mục tiêu nhiệm vụ; kinh phí hoạt động; chế độ báo cáo; các yêu cầu về phẩm chất, kỹ năng của CB, GV và NV theo các nhiệm vụ cụ thể của từng vị trí việc làm).

Tuy vậy, Nhà trường chưa có văn bản riêng, quy định cụ thể về việc phối hợp công tác ĐBCL giữa Phòng KT&ĐBCL với các đơn vị thuộc mạng lưới ĐBCL của Trường (lưu trữ, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL).

2. Đánh giá tiêu chí 9.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 9.2: Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 9.2.

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược ĐBCL giai đoạn 2016 - 2018 (số 21/KH-ĐHHL ngày 29/02/2016), Kế hoạch Chiến lược ĐBCL giai đoạn 2018 - 2020 (số 84/KH-ĐHHL ngày 15/5/2018), Kế hoạch ĐBCL hằng năm (số 42/2015, số 32/2016, số 152/2017, số 120/2018, số 160/2019). Trong Kế hoạch chiến lược ĐBCL các giai đoạn của Trường đã chỉ rõ các hoạt động cần thực hiện, các mục tiêu chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao năng lực về ĐBCL, đồng thời quy định trách nhiệm của bộ phận thực hiện chính và các bộ phận hỗ trợ.

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã ban hành, điều chỉnh, bổ sung một số quy định, hướng dẫn nhằm tạo ra/điều chỉnh/bổ sung cơ chế, chính sách theo hướng ưu tiên cho hoạt động ĐBCL như: Quy chế chi tiêu nội bộ các năm 2015, 2016, 2017; Quy định chế độ làm việc của giảng viên (số 474/QĐ-ĐHHL ngày 23/6/2016), Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức (số 265/QĐ-ĐHHL ngày 11/5/2018), đặc biệt là Nghị quyết BCH Đảng ủy về công tác ĐBCL (Số 286/NQ-ĐHHL ngày 24/12/2017) và Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của BCH Đảng ủy (số 27/KH-ĐHHL ngày 06/02/2018). Các chính sách ưu tiên còn được Nhà trường cụ thể hóa trong các quy định, kế hoạch/hướng dẫn các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, chẳng hạn:

- Kế hoạch đào tạo tiến sĩ của Trường ĐHHL giai đoạn 2011 - 2020 đã xây dựng chế độ chính sách đãi ngộ hợp lý, khuyến khích CB, GV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn ở bậc ThS, tiến sĩ đi đôi với yêu cầu bắt buộc về trình độ chuyên môn đối với các vị trí việc làm;

- Kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2020 có xây dựng chính sách thu hút những người có trình độ tiến sĩ về công tác tại Trường...

Các Kế hoạch giai đoạn, kế hoạch hằng năm của Nhà trường được lưu trữ và cập nhật trên Cổng thông tin điện tử trường (www.hluv.edu.vn).

Trong quá trình triển khai hoạt động ĐBCL để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL, Nhà trường đã thực hiện nhiều đợt khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan theo kế hoạch, cụ thể: Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học đối với GV từ năm 2014 đến năm 2018 (số 177/KH-ĐHHL/2014, số 131/2015, số 168/2016, số 152/2017, số 199/2018); Kế hoạch khảo sát việc làm của cựu SV từ năm 2017 đến năm 2019 (số 174/KH-ĐHHL/2017, số 180/ KH-ĐHHL/2018, số 170/ KH-ĐHHL/2019); Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH (số 181/KH-ĐHHL/2018); Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi về hoạt động PVCĐ (số 208/KH-ĐHHL/2018).

Nhà trường có Sổ tay Đảm bảo chất lượng (bản dự thảo) vào cuối năm 2019.

Qua nghiên cứu hồ sơ và phỏng vấn lãnh đạo Nhà trường cho thấy: Kế hoạch chiến lược về ĐBCL của Trường trong giai đoạn tiếp theo (2020 - 2025) chưa được xây dựng riêng, đang là chiến lược thành phần (Mục VI) trong “Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

2. Đánh giá tiêu chí 9.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 9.3: Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 9.3.

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2020; ban hành Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 (số 42/QĐ-ĐHHL ngày 13/01/2020), trong đó có nội dung về Chiến lược ĐBCL của Trường.

Nhà trường đã chuyển tải Kế hoạch chiến lược ĐBCL giai đoạn 2016 - 2018 (số 21/KH-ĐHHL, ngày 29/02/2016), Kế hoạch Chiến lược ĐBCL giai đoạn 2018 - 2020 (số 84/KH-ĐHHL, ngày 15/5/2018) thành các kế hoạch ngắn hạn, hằng năm cho từng lĩnh vực và triển khai hoạt động. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị đầu mối xây dựng và triển khai công tác ĐBCL cho các lĩnh vực hoạt động của Trường. Hằng năm, Nhà trường có Kế hoạch ĐBCL năm học cho các đơn vị, bộ phận, các khoa/bộ môn thực hiện theo sự phân cấp, phân nhiệm của Trường.

Việc phổ biến, triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược ĐBCL được quán triệt tại một số hội nghị, các cuộc tập huấn, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Trường (www.hluv.edu.vn).

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã tổ chức được 03 đợt tập huấn về công tác ĐBCL cho cán bộ trong Trường theo kế hoạch (số 173/KH-ĐHHL ngày 31/10/2017, số 123/KH-ĐHHL ngày 14/8/2018, số 219/KH-ĐHHL ngày 13/12/2018). 25 CB, GV được cấp giấy chứng nhận hoàn thành lớp bồi dưỡng công tác ĐBCL, 05 cán bộ được cấp Chứng chỉ KĐCLGD.

Hằng năm, Nhà trường đã thực hiện nhiều đợt khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về các lĩnh vực hoạt động của Trường (*xem thêm Tiêu chí 9.2*); kết quả các hoạt động về công tác ĐBCL từ các đơn vị/bộ phận được Phòng KT&ĐBCL tổng hợp báo cáo vào cuối mỗi năm học.

Tuy vậy, một số chỉ tiêu phần đầu trong Kế hoạch chiến lược về ĐBCL giai đoạn 2018 - 2020 còn chồng chéo, thiếu đồng bộ với kế hoạch ĐBCL năm học (chẳng hạn, các chỉ số khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên).

2. Đánh giá tiêu chí 9.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 9.4: Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 9.4.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống lưu trữ văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL. Trong các quy trình, thủ tục ĐBCL về hoạt động đào tạo, NCKH, tài chính, chính sách giảng viên, người học có mô tả công việc cụ thể, có các biểu mẫu và

văn bản hướng dẫn thực hiện.

Các văn bản quản lý, cơ sở dữ liệu về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Nhà trường được lưu trữ tại các đơn vị theo chức năng được phân công, được đăng tải trên website của Nhà trường, có hệ thống và dễ dàng tiếp cận.

Nhà trường đã phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL cho các bên liên quan (gửi văn bản, đăng tải trên website của Trường, website nội bộ các đơn vị, phổ biến tại các Hội thảo, Hội nghị, tập huấn, biên tập trong Sổ tay ĐBCL 2019...).

Nhà trường có thực hiện việc rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL, có các báo cáo rà soát vào các năm 2017 và 2019 (số 216/BC-ĐHHL ngày 29/12/2017, số 191/BC-ĐHHL ngày 13/11/2019). Thông qua việc rà soát, cuối chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã ban hành “Quy trình quản lý và giải quyết công việc trên các mặt hoạt động của Trường ĐHHL” (số 224/QĐ-ĐHHL ngày 26/12/2019). Qua nghiên cứu văn bản, Đoàn nhận thấy: về công tác tổ chức cán bộ có 13 quy trình; tài chính có 2 quy trình; hành chính - quản trị có 3 quy trình; đào tạo - quản lý khoa học có 12 quy trình; CTSV có 5 quy trình; khảo thí và ĐBCL có 8 quy trình ... Nhìn chung, về cơ bản quy trình là chặt chẽ, khoa học, có tính khả thi, phát huy được sự tham gia của CB, GV, NV trong việc xây dựng và thực hiện quy trình.

Qua kiểm tra minh chứng và phỏng vấn các đối tượng bên trong CSGD cho thấy, các văn bản quản lý của Trường được phổ biến bằng nhiều hình thức (thông báo bằng văn bản, website nội bộ, email cá nhân) và được lưu trữ, cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Trường (www.hluv.edu.vn).

Mặc dù vậy, một số văn bản quản lý, cơ sở dữ liệu về hệ thống chưa hoặc chậm được rà soát trong chu kỳ đánh giá, chẳng hạn: Quy chế quản lý văn thư, lưu trữ của Trường (số 357/QĐ-ĐHHL/2009) đến nay vẫn chưa được bổ sung, cập nhật (*hướng dẫn gần nhất cần cập nhật: Thông tư 04/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ*); Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (số 1076/QĐ-ĐHHL/2008) đến cuối chu kỳ đánh giá mới được rà soát, điều chỉnh (số 258/QĐ-ĐHHL, ngày 09/7/2019).

2. Đánh giá tiêu chí 9.4 đạt mức: 4

Tiêu chí 9.5: Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 9.5.

Trong các Kế hoạch chiến lược ĐBCL của Trường ĐHHL giai đoạn 2016 - 2018, giai đoạn 2018 - 2020 và kế hoạch hoạt động ĐBCL hằng năm của Nhà trường đã có các nhóm chỉ tiêu phấn đấu chính và chỉ số thực hiện chính để đo lường và đánh giá kết quả

công tác ĐBCL. Trong đó có quy định Phòng KT&ĐBCL là đơn vị chịu trách nhiệm chính; các đơn vị trong Trường, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp/hỗ trợ theo từng mảng công việc được giao. Các đơn vị/bộ phận có các báo cáo tổng kết đánh giá kết quả hoạt động, mức độ hoàn thành chỉ tiêu cuối mỗi năm học.

Cuối chu kỳ đánh giá Nhà trường xây dựng và ban hành bộ KPIs tổng thể nhằm thực hiện tốt mục tiêu chiến lược đã đề ra trong “Đề án Quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

Bộ KPIs có 23 nhóm chỉ tiêu phấn đấu chính cho 6 lĩnh vực công tác:

1. Quy hoạch, phát triển tổ chức bộ máy;
2. Đội ngũ cán bộ;
3. Công tác đào tạo;
4. Công tác NCKH;
5. Công tác ĐBCL/KĐCL;
6. Công tác tài chính-CSVC.

Cuối năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã thực hiện đối sánh kết quả đạt được ở một số lĩnh vực (Đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ) với chỉ tiêu phấn đấu chính đã đề ra trong Kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2018 - 2020 để đánh giá mức độ hoàn thành công tác, hoàn thành kế hoạch năm học (số 120/BC-ĐHHL ngày 05/7/2019).

Tuy vậy, một số chỉ tiêu phấn đấu chính ở các lĩnh vực hoạt động chưa phù hợp với quy định hiện hành/với tình hình thực tế xã hội hoặc chưa có các biện pháp hữu hiệu để hoàn thành các chỉ tiêu, chẳng hạn: chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ tiến sĩ cơ hữu/GV cơ hữu của Trường đạt 10 - 15%, hiện tại tỷ lệ này của Trường là 8,3% (16 tiến sĩ/191 GV), đây là tỷ lệ khá thấp so với khối các trường đại học Việt Nam và cũng chưa phù hợp với Sứ mạng, mục tiêu chiến lược của Trường đã đề ra. Nhà trường chưa có các chỉ tiêu phấn đấu chính của lĩnh vực PVCD.

2. Đánh giá tiêu chí 9.5 đạt mức: 4

Tiêu chí 9.6: Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 9.6.

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã thực hiện rà soát quy trình lập kế hoạch vào các năm 2017, 2018 và 2019, có các Báo cáo và Biên bản rà soát (số 216/BC-ĐHHL ngày 29/12/2017, BB rà soát ngày 30/8/2018, số 191/BC-ĐHHL ngày 13/11/2019), trên cơ sở đó, Nhà trường đã ban hành các chính sách phù hợp, nhằm thực hiện điều chỉnh, cải tiến quy trình lập kế hoạch để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của Trường.

Thông qua việc rà soát, giữa chu kỳ đánh giá Nhà trường đã có hướng dẫn cải tiến, ban hành (mới) Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu chính (KPIs) trong các lĩnh vực hoạt động (số 601/DH-ĐHHL ngày 15/11/2018). Quy trình gồm 5 bước cụ thể như sau:

Bước 1. Công tác chuẩn bị lập kế hoạch;

Bước 2. Phân tích tác động các bên liên quan;

Bước 3. Xác định Định hướng chiến lược, mốc thời gian;

Bước 4. Xác định các giải pháp thực hiện;

Bước 5. Tổ chức thực hiện, giám sát thực hiện kế hoạch và hoạt động cải tiến.

Cuối chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã xây dựng và ban hành bộ “Quy trình quản lí và giải quyết công việc trên các mặt hoạt động của Trường ĐHHL” (số 224/QĐ-ĐHHL ngày 26/12/2019) nhằm tiếp tục bổ sung, cải tiến quy trình lập kế hoạch cho các lĩnh vực hoạt động của Trường trong giai đoạn sau khi hoàn thành TĐG.

Qua nghiên cứu của Đoàn về “Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” nhận thấy: Nhà trường đã xây dựng được các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu chính trên 10 lĩnh vực: đào tạo, NCKH, tổ chức bộ máy, ĐBCL, đội ngũ, đối ngoại, CSVC, tài chính, công tác SV, công tác truyền thông. Chẳng hạn, chỉ tiêu về đội ngũ được xác định: đến năm 2025 có 240 người với 220 GV, 100% GV có trình độ ThS trở lên trong đó có 10-15% GV có trình độ tiến sĩ và có từ 1 đến 2 PGS...

Nhà trường có sử dụng kết quả công tác hằng năm của đơn vị/bộ phận để đánh giá kết quả đạt được, thực hiện đối sánh với chỉ tiêu phấn đấu (các KPIs) đã đề ra của năm học. Kết quả đối sánh, đánh giá được sử dụng để điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu phấn đấu, từ đó các chỉ số KPIs mới được thiết lập và được đưa vào kế hoạch ĐBCL và kế hoạch hoạt động cho năm học tiếp theo.

Nhà trường chưa thực hiện đầy đủ việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trước và sau mỗi lần cải tiến các chỉ số phấn đấu chính.

2. Đánh giá tiêu chí 9.6 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 9:

Điểm mạnh:

Nhà trường có đơn vị chuyên trách về hoạt động ĐBCL, có mạng lưới ĐBCL tại các đơn vị/bộ phận, có hệ thống văn bản quy định về hoạt động ĐBCL.

Có Kế hoạch chiến lược ĐBCL giai đoạn 2016 - 2018 và 2018 - 2020; có các chính sách ưu tiên cho hoạt động ĐBCL; đã thực hiện nhiều đợt khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan theo kế hoạch.

Nhà trường đã phổ biến, triển khai các hoạt động thực hiện chiến lược ĐBCL; đã tổ chức 3 đợt tập huấn về công tác ĐBCL cho CB, GV, NV trong toàn Trường.

Có hệ thống lưu trữ văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL; thực hiện rà soát vào các năm 2017 và 2019; đã ban hành bộ KPIs tổng thể vào năm 2019.

Đã rà soát quy trình lập kế hoạch vào các năm 2017, 2018; có thực hiện cải tiến quy trình lập kế hoạch (số 601/2018).

Tồn tại:

Nhà trường chưa có văn bản quy định cụ thể về việc phối hợp trong công tác ĐBCL giữa Phòng KT&ĐBCL với các đơn vị mạng lưới ĐBCL của Trường.

Kế hoạch chiến lược về ĐBCL của Trường trong giai đoạn tiếp theo (2020 - 2025) chưa được xây dựng riêng, đang là chiến lược thành phần (Mục VI) trong “Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030”.

Một số văn bản quản lý, cơ sở dữ liệu về hệ thống chưa hoặc chậm được rà soát trong chu kỳ đánh giá, chẳng hạn: Quy chế quản lý văn thư, lưu trữ của Trường (số 357/QĐ-ĐHHL/2009) đến nay vẫn chưa được bổ sung, cập nhật (*hướng dẫn gần nhất cần cập nhật: Thông tư 04/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ*); Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (số 1076/QĐ-ĐHHL/2008) đến cuối chu kỳ đánh giá mới được rà soát, điều chỉnh (số 258/QĐ-ĐHHL, ngày 09/7/2019).

Một số chỉ tiêu phấn đấu chính ở các lĩnh vực hoạt động chưa phù hợp với quy định hiện hành/với tình hình thực tế xã hội hoặc chưa có các biện pháp hữu hiệu để hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, chẳng hạn: chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ tiên sỹ cơ hữu/GV cơ hữu của Trường đạt 10-15%; hiện tại tỷ lệ này của Trường là 8,3% (16 tiên sỹ/191 GV), đây là tỷ lệ khá thấp so với khối các trường đại học Việt Nam và cũng chưa phù hợp với Sứ mạng, MTCL của Trường đã đề ra. Nhà trường chưa có các chỉ tiêu phấn đấu chính của lĩnh vực PVCD.

Nhà trường chưa thực hiện đầy đủ việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trước và sau mỗi lần cải tiến các chỉ số phấn đấu chính.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần rà soát, hoàn thiện các thể chế, quy định, công cụ/hướng dẫn về công tác ĐBCL, quy định cụ thể về sự phối hợp ĐBCL nội bộ bên trong.

Cần ban hành Kế hoạch chiến lược về ĐBCL giai đoạn tiếp theo (2020 - 2025) phù hợp với MTCL phát triển của Trường đã nêu ra trong “Đề án quy hoạch phát triển Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030”.

Nhà trường cần tiếp tục rà soát để điều chỉnh, cập nhật các văn bản quản lí, các quy định, công cụ và hướng dẫn nhằm đưa chính sách đi vào thực tiễn; rà soát, tăng cường sự kết nối giữa chiến lược ĐBCL với kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, các chỉ tiêu phân đầu chính; xây dựng các chỉ số thực hiện và các chỉ tiêu phân đầu cụ thể cho từng năm.

Nhà trường cần khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính trước/sau mỗi lần cải tiến.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 9	4,00
Tiêu chí 9.1	4
Tiêu chí 9.2	4
Tiêu chí 9.3	4
Tiêu chí 9.4	4
Tiêu chí 9.5	4
Tiêu chí 9.6	4

TIÊU CHUẨN 10: TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tiêu chí 10.1: Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 10.1.

Ngay sau khi có Chỉ thị 46/CT-BGDĐT ngày 05/8/2008 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc “tăng cường công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục” đến nay, Trường ĐHHL đã có 3 lần thực hiện TĐG, cụ thể: năm 2010, Nhà trường đã thành lập Hội đồng TĐG (số 453/QĐ-ĐHHL ngày 19/10/2010), ban hành Kế hoạch TĐG (số 35/KH-ĐHHL ngày 15/01/2011) và hoàn thành Báo cáo TĐG cuối năm 2011. Năm 2015,

Nhà trường thành lập Hội đồng TĐG theo Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT (số 534/QĐ-ĐHHL ngày 16/11/2015), ban hành Kế hoạch TĐG (số 160/KH-ĐHHL ngày 14/12/2015), hoàn thành Báo cáo TĐG trong năm 2016. Năm 2018, Nhà trường thành lập Hội đồng TĐG (số 332/QĐ-ĐHHL ngày 03/8/2018) theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, xây dựng Kế hoạch TĐG (số 121/KH-ĐHHL ngày 11/8/2018), thành lập Ban Thư ký và các nhóm công tác (số 164/QĐ-ĐHHL ngày 30/3/2018), hoàn thành công tác TĐG vào tháng 4/2019.

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường có Nghị quyết của Đảng ủy, các Kế hoạch ĐBCL (giai đoạn và hằng năm) trong đó xác định rõ lộ trình, kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài CSGD và 05 CTĐT vào năm 2020 (số 286-NQ/ĐU ngày 24/12/2017; số 203/KH-ĐHHL ngày 18/12/2017; số 175/KH-ĐHHL ngày 16/10/2019); trong Kế hoạch TĐG của Trường thể hiện rõ ràng, cụ thể tiến độ thực hiện, nội dung thực hiện; xác định rõ trách nhiệm của các nhóm công tác, của từng thành viên Hội đồng tham gia công tác TĐG.

Nhà trường đã ban hành “Quy định về hoạt động ĐBCL trong Trường ĐHHL” (số 362/QĐ-ĐHHL ngày 16/10/2017), trong đó có quy định, hướng dẫn công tác tự đánh giá CSGD và CTĐT, kèm theo lộ trình, kế hoạch, công cụ thực hiện. Chẳng hạn:

- Hướng dẫn Quy trình khảo sát việc làm của cựu SV (số 174/KH-ĐHHL/2017, số 180/KH-ĐHHL/2018);
- Quy trình khảo sát các bên liên quan về CĐR các chương trình đào tạo (số 170/KH-ĐHHL/2019);
- Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về hoạt động NCKH (số 181/KH-ĐHHL/2019);
- Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về hoạt động PVCD (số 208/KH-ĐHHL/2018);
- Hướng dẫn đối sánh chất lượng giáo dục (số 72/HD-ĐHHL/2019).

Các quy định, hướng dẫn được Nhà trường phổ biến rộng rãi cho toàn thể CB, GV, NV và SV tại các Hội nghị, các đợt tập huấn về công tác TĐG CSGD và CTĐT theo kế hoạch (số 123/KH-ĐHHL ngày 14/8/2018, số 219/KH-ĐHHL ngày 13/12/2018);

Sau khi hoàn thành công tác TĐG, Nhà trường đã công bố công khai Báo cáo TĐG chất lượng cơ sở giáo dục cho các bên liên quan (số 17/TB-ĐHHL ngày 25/3/2019), đăng tải trên website của Trường và báo cáo về Cục QLCL, Bộ GD&ĐT theo đúng quy định.

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục nhằm khắc phục tồn tại, phát hiện trong quá trình TĐG (số 159/KH-ĐHHL, ngày 13/10/2018) và sau quá trình TĐG (số 84/KH-ĐHHL ngày 06/5/2019).

Ngày 12/10/2019, Nhà trường đã đăng ký kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục với Trung tâm KĐCLGD-Trường Đại học Vinh (số 639/ĐHHL-TCHC), đồng thời báo cáo về Cục QLCL, Bộ GD&ĐT theo quy định.

Qua phỏng vấn các bên liên quan cho thấy, các cấp lãnh đạo của Trường luôn quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác TĐG và chuẩn bị cho ĐGN CSGD.

Tuy nhiên, lộ trình, kế hoạch TĐG và ĐGN các CTĐT trong giai đoạn tiếp theo chưa phù hợp với quy định/hướng dẫn của cấp trên và thực tiễn của Nhà trường.

2. Đánh giá tiêu chí 10.1 đạt mức: 5

Tiêu chí 10.2: Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 10.2.

Ngày 11/8/2018, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá CSGD (số 121/KH-ĐHHL); thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm công tác, trong đó có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên ở mỗi nhóm công tác; xây dựng lộ trình, kế hoạch chuẩn bị cho việc ĐGN CSGD và CTĐT (02 CTĐT) trong năm 2020; ngày 13/02/2020 Nhà trường đã phối hợp với Trung tâm KĐCLGD-Trường ĐH Vinh và Đoàn ĐGN tiến hành khảo sát sơ bộ, chuẩn bị cho việc khảo sát chính thức SCGD; từ ngày 05/3 đến hết ngày 10/3/2020 Đoàn ĐGN đã tiến hành khảo sát chính thức tại Trường.

Hội đồng TĐG của Nhà trường có 21 thành viên, tất cả các thành viên đã tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL/KĐCLGD; có 05 thành viên được cấp chứng chỉ đào tạo KĐV KĐCLGD. Nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ chuyên trách về công tác ĐBCL, tháng 9/2018, Nhà trường đã cử 02 CB tham gia khóa đào tạo trình độ thạc sỹ chuyên ngành Đo lường đánh giá tại ĐHQGHN.

Nhà trường đã đăng ký Kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục với Trung tâm KĐCLGD-Trường Đại học Vinh (số 639/ĐHHL-TCHC ngày 12/10/2019), đồng thời báo cáo về Cục QLCL, Bộ GD&ĐT theo quy định.

Nhà trường chưa có CB được cấp thẻ KĐV.KĐCLGD (ít nhất 01 người) để tham gia Hội đồng TĐG chất lượng CSGD/CTĐT theo quy định.

2. Đánh giá tiêu chí 10.2 đạt mức: 3

Tiêu chí 10.3: Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 10.3.

Trong quá trình TĐG, Nhà trường đã thực hiện rà soát, xác định được các điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động, từ đó đề ra Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 1 (số 159/KH-ĐHHL ngày 13/10/2018).

Trong Kế hoạch cải tiến chất lượng giai đoạn 1, Nhà trường đã chỉ rõ 27 nhóm công việc cần rà soát, cải tiến theo từng lĩnh vực:

- Lĩnh vực ĐBCL về chiến lược: 6 nhóm;
- Lĩnh vực ĐBCL về hệ thống: 6 nhóm;
- Lĩnh vực ĐBCL về thực hiện các chức năng: 9 nhóm;
- Lĩnh vực ĐBCL về kết quả hoạt động: 6 nhóm.

Để khắc phục những tồn tại được phát hiện trong giai đoạn đầu của TĐG, Nhà trường đã ban hành, bổ sung, điều chỉnh một số chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục để thực hiện cải tiến chất lượng, cụ thể:

- Báo cáo rà soát kết quả thực hiện định hướng xây dựng và phát triển Trường giai đoạn 2009 - 2020 (số 175/BC-ĐHHL, ngày 29/10/2018);
- Công bố Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi của Trường ĐHHL (số 643/QĐ-ĐHHL ngày 05/11/2018);
- Thành lập Ban chỉ đạo rà soát CDR các chương trình đào tạo của Trường (số 404/QĐ-ĐHHL ngày 24/10/2018);
- Ban hành Quy định về công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về hoạt động đào tạo (số 476/QĐ-ĐHHL ngày 26/10/2018);
- Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về hoạt động PVCĐ (kèm theo kế hoạch số 208/KH-ĐHHL/2018);
- Quy trình khảo sát việc làm của cựu sinh viên (kèm theo kế hoạch số 180/KH-ĐHHL/2018);
- Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về hoạt động NCKH (kèm theo kế hoạch số 181/KH-ĐHHL/2019);
- Quy trình khảo sát các bên liên quan về chuẩn đầu ra các ngành đào tạo (kèm theo kế hoạch số 170/KH-ĐHHL/2019);
- Hướng dẫn đối sánh chất lượng giáo dục (số 72/HD-ĐHHL/2019).

Sau khi hoàn thành công tác TĐG, thực hiện khuyến nghị của Hội đồng TĐG (Biên bản họp ngày 20/3/2019), Nhà trường tiếp tục ban hành Kế hoạch cải tiến chất lượng sau khi kết thúc TĐG (số 84/KH-ĐHHL, ngày 06/5/2019), gồm 22 nhóm nội dung công việc cần rà soát, cải tiến của tất cả các lĩnh vực hoạt động.

Tại thời điểm khảo sát chính thức, Nhà trường đã thực hiện được một số nhiệm vụ theo Kế hoạch, chẳng hạn:

- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hoa Lư (số 258/QĐ-ĐHHL ngày 09/7/2019);
- Điều chỉnh, bổ sung tầm nhìn của Trường (số 21/QĐ-ĐHHL ngày 08/01/2020);
- Công bố Triết lí giáo dục của Trường (số 22/QĐ-ĐHHL ngày 08/01/2020);

Trước khi thực hiện ĐGN, Nhà trường đã có Báo cáo tổng hợp về kết quả cải tiến chất lượng sau hoạt động TĐG (số 240/BC-ĐHHL ngày 31/12/2019).

Qua nghiên cứu hồ sơ, minh chứng cho thấy: Báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau hoạt động TĐG (số 240) đang dừng lại ở mức độ thống kê các nội dung công việc đã thực hiện theo từng lĩnh vực hoạt động mà chưa phân tích, đánh giá chất lượng, hiệu quả đạt được.

2. Đánh giá tiêu chí 10.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 10.4: Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 10.4.

Sau 2 lần TĐG vào các năm 2010 và 2015, Nhà trường đã rà soát, đánh giá tất cả các quy trình: lập kế hoạch, phân công trách nhiệm cho các thành viên trong Hội đồng, thành lập ban thư ký và các nhóm chuyên trách, cách thức thực hiện (phân tích tiêu chí, thu thập xử lí minh chứng, viết báo cáo,...) nhằm thực hiện tốt nhất cho lần TĐG thứ 3, năm 2018 theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT.

Trong quá trình TĐG, Nhà trường chú trọng đến việc kiểm tra chéo, phản biện chéo giữa các Nhóm chuyên trách để xác định chính xác điểm mạnh, tồn tại; tổ chức nhiều cuộc họp rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt (thu thập, lưu trữ minh chứng, khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn), nội dung các cuộc họp được Ban thư ký của Hội đồng TĐG tổng hợp, đánh giá làm cơ sở cho việc cải tiến quy trình, cách thức thực hiện...

Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động rà soát, cải tiến quy trình tự đánh giá; có báo cáo tổng kết, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm ngay trong quá trình TĐG (số 177/BC-ĐHHL ngày 30/10/2018).

Sau khi kết thúc quá trình TĐG, để chuẩn bị cho công tác ĐGN CSGD và chuẩn bị cho việc hoàn thành công tác TĐG 02 CTĐT, Nhà trường tiếp tục cho rà soát, cải tiến quy trình TĐG lần thứ 2 (số 107/BC-ĐHHL ngày 08/6/2019).

Nhà trường đã cử nhiều lượt cán bộ chuyên trách đến thăm quan, học hỏi kinh nghiệm tại các CSGD và Trung tâm KĐCLGD (Vinh, Đà Nẵng) nhằm thực hiện rà soát, cải tiến quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị cho ĐGN.

Các ý kiến góp ý nhằm tải tiến quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị cho ĐGN chưa đầy đủ các bên liên quan và chất lượng các ý kiến chưa cao.

2. Đánh giá tiêu chí 10.4 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 10:

Điểm mạnh:

Nhà trường có Kế hoạch TĐG (số 121/KH-ĐHHL ngày 11/8/2018); có các văn bản hướng dẫn thực hiện TĐG; đặc biệt, Lãnh đạo Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện TĐG và chuẩn bị cho ĐGN CSGD.

Đã thực hiện rà soát, xác định điểm mạnh, tồn tại của các lĩnh vực hoạt động, từ đó đề ra Kế hoạch cải tiến chất lượng trong quá trình TĐG và sau khi kết thúc TĐG.

Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động rà soát, cải tiến quy trình TĐG; có báo cáo, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm ngay trong và sau quá trình TĐG.

Đã chú trọng việc kiểm tra/phản biện chéo giữa các nhóm chuyên trách để xác định chính xác điểm mạnh, tồn tại; tổ chức nhiều cuộc họp rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt (thu thập, lưu trữ minh chứng, khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn).

Tồn tại:

Lộ trình, kế hoạch TĐG/ĐGN các CTĐT cho giai đoạn tiếp theo chưa đáp ứng yêu cầu với quy định/hướng dẫn của cấp trên và thực tiễn của Nhà trường.

Chưa có cán bộ được cấp thẻ KĐV.KĐCLGD (ít nhất 01 người) để tham gia Hội đồng TĐG chất lượng CSGD/CTĐT theo quy định.

Báo cáo kết quả cải tiến chất lượng sau hoạt động TĐG (số 240) đang dừng lại ở mức độ thống kê các nội dung công việc đã thực hiện theo từng lĩnh vực hoạt động mà chưa phân tích, đánh giá chất lượng, hiệu quả đạt được.

Các ý kiến góp ý nhằm tải tiến quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị cho ĐGN chưa đầy đủ các bên liên quan, chất lượng chưa cao.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần có kế hoạch cử CB, GV tham gia các khóa tập huấn về ĐBCL/KĐCL, các lớp đào tạo cấp chứng chỉ/thẻ KĐV KĐCLGD để nâng cao năng lực cho mạng lưới ĐBCL, đáp ứng các yêu cầu khi tham gia Hội đồng TĐG.

Tiếp tục rà soát các lĩnh vực hoạt động, chú ý các tiêu chí ĐGN ở mức thấp; bổ sung các nguồn lực, tăng cường kiểm tra, giám sát việc cải tiến chất lượng sau khi kết thúc ĐGN.

Trên cơ sở rà soát, cải tiến quy trình TĐG, quy trình chuẩn bị cho ĐGN cấp CSGD, Nhà trường cần đánh giá, cải tiến quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị ĐGN các CTĐT.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 10	4,00
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	3
Tiêu chí 10.3	4
Tiêu chí 10.4	4

TIÊU CHUẨN 11: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

Tiêu chí 11.1: Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 11.1.

Nhà trường có kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong (bao gồm thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan) để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ (số 134/KH-ĐHHL ngày 29/8/2018). Nhà trường căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của các đơn vị được quy định tại Quy chế tổ chức hoạt động (số 1076/QĐ-UBND ngày 02/6/2008) và chức năng nhiệm vụ của một số đơn vị/bộ phận mới thành lập trong giai đoạn 2015 - 2019 để xây dựng kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong. Cụ thể, Nhà trường giao cho Phòng KT&ĐBCL là đơn vị đầu mối, phối hợp với Tổ chuyên trách để quản lý, duy trì hoạt động hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong (số 01/BB-TCT ngày 30/8/2018). Thông tin ĐBCL của Trường được lưu trữ dưới 2 dạng phổ biến: văn bản cứng (giấy) và văn bản mềm (điện tử). Nhà trường

đã thiết lập được hệ thống các văn bản quản lý, điều hành; các quy trình, quy định, hướng dẫn nhằm hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường giao cho các đơn vị có chức năng phù hợp làm bộ phận hỗ trợ quản lý thông tin theo các mảng hoạt động (ĐT, NCKH, HTQT, Nhân sự, Tài chính, CSVC-TB, hỗ trợ người học, kết nối và PVCĐ, ...). Trường có các văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận, cá nhân thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin (số 128/CV-ĐHHL ngày 25/3/2019); có quyết định thành lập các tổ quản lý các mảng thông tin và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong tổ, như: Tổ quản lý phần mềm, Tổ website, Tổ quản lý zalo, facebook ... (số 355/QĐ-ĐHHL ngày 17/8/2018). Trường có quy định lấy ý kiến các bên liên quan (bên trong) về việc quản lý thông tin các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, quản lý nhân sự, tài chính (số 467/QĐ-ĐHHL ngày 26/10/2018).

Từ năm 2016, Nhà trường đã triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng các phần mềm để hỗ trợ quản lý hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ (số 47/KH-ĐHHL ngày 31/3/2016).

Qua kiểm tra thực tế cho thấy, hệ thống quản lý thông tin của Trường chưa cung cấp được các thông tin ĐBCL tích hợp; phương án ứng dụng CNTT chưa bao phủ các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường.

2. Đánh giá tiêu chí 11.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 11.2: Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 11.2.

Về cơ bản, hệ thống quản lý thông tin về ĐBCL bên trong của Nhà trường đã được xây dựng trên nền tảng công nghệ thông tin. Thiết bị CNTT của Trường hiện có 03 máy chủ, 377 máy tính (05 phòng thực hành tin học với 205 máy tính, 11 máy tính để khai thác dữ liệu của Thư viện, 120 máy tính phục vụ cho công tác hành chính và chuyên môn, 41 máy tính xách tay phục vụ giảng dạy và quản lý), 45 máy chiếu và các phần mềm quản lý.

Tại thời điểm ĐGN, Nhà trường có phần mềm Quản lý đào tạo, phần mềm quản lý cán bộ, phần mềm quản lý thư viện, phần mềm tài chính IMAX, phần mềm quản lý tài sản MISA, phần mềm thi trắc nghiệm, để hỗ trợ cho công tác quản lý, điều hành, đồng thời sẵn sàng trích xuất dữ liệu kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định.

Nhà trường đã có quy định, hướng dẫn về việc quản trị các phần mềm của các đơn

vị/bộ phận (số 355/QĐ-ĐHHL ngày 17/9/2018) trong đó, có phân quyền trong việc sử dụng và quản lý các phần mềm cho đơn vị/bộ phận/cá nhân để lưu trữ, quản lý và phân tích dữ liệu đảm bảo tính chính xác và đầy đủ theo từng lĩnh vực hoạt động.

Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lý, vận hành, sử dụng Cổng thông tin điện tử Trường ĐHHL (số 353/QĐ-ĐHHL ngày 14/8/2018); Quy định về hoạt động Cổng thông tin điện tử (số 687/QĐ-ĐHHL ngày 07/12/2018), trong đó, có quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình tiếp nhận, xử lý và cung cấp thông tin, đồng thời quy định các chính sách, an toàn bảo mật về Quản trị, Quản lý và cung cấp thông tin.

Nhà trường đã xây dựng hệ thống thông tin dự phòng có độ tin cậy, có tính khả thi. Ngoài máy chủ (Server) Nhà trường còn sử dụng ổ cứng với dung lượng lớn để sao lưu dữ liệu; có giao nhiệm vụ cho CB chuyên trách và quy định chặt chẽ công tác sao lưu dữ liệu.

Cuối chu kỳ đánh giá, trên cơ sở rà soát tổng thể hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong (số 186/BC-ĐHHL ngày 06/11/2018), Nhà trường đã ban hành mới Quy định về chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống thông tin ĐBCL Trường ĐHHL (số 90/QĐ-ĐHHL ngày 22/3/2019).

Nhà trường đã tổ chức các buổi tập huấn sử dụng phần mềm, sử dụng Cổng thông tin điện tử, đồng thời thông báo về các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn thông tin với hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong cho cán bộ, giảng viên và nhân viên; có hướng dẫn sử dụng Cổng thông tin điện tử cho người học (trong Sổ tay SV các năm 2018, 2019).

Qua khảo sát thực tế của Đoàn cho thấy: hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường chưa được quản lý thống nhất, đồng bộ; dữ liệu ĐBCL bên trong chưa được tích hợp, chưa thực hiện phân tích xu hướng các kết quả hoạt động; việc đặt máy chủ ở tầng 1 (phòng ĐT-NCKH) là chưa đảm bảo an toàn, an ninh.

Nhà trường chưa sử dụng phần mềm quản lý hành chính nội bộ (E-Office).

2. Đánh giá tiêu chí 11.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 11.3: Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 11.3.

Trong các năm 2017, 2018 và 2019, Nhà trường đã thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong (số 216/BC-ĐHHL ngày 29/12/2017, số 186/BC-ĐHHL ngày 06/11/2018, số 191/BC-ĐHHL ngày 13/11/2019), trong đó, tập trung chủ

yếu vào việc rà soát các quy định, quy trình thủ tục quản lý, điều hành nhằm nâng cao chất lượng của các hoạt động.

Thông qua việc rà soát, Nhà trường đã hướng dẫn cải tiến quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính (KPIs) và chỉ tiêu phấn đấu chính trong các lĩnh vực hoạt động (số 601/DH-ĐHHL ngày 15/11/2018).

Cuối chu kỳ đánh giá Nhà trường đã xây dựng và ban hành bộ “Quy trình quản lý và giải quyết công việc trên các mặt hoạt động của Trường ĐHHL” (số 224/QĐ-ĐHHL ngày 26/12/2019) nhằm bổ sung, điều chỉnh, đồng bộ cơ sở dữ liệu, nhất quán nội dung thông tin, tiến độ thực hiện, đặc biệt chú trọng về việc rà soát để cải tiến quy trình lập kế hoạch cho các hoạt động, chẳng hạn có: 13 quy trình về công tác tổ chức cán bộ; 02 quy trình về tài chính; 03 quy trình về hành chính - quản trị; 12 quy trình về đào tạo - quản lý khoa học; 05 quy trình về CTSV; 08 quy trình về Khảo thí và ĐBCL... Nhà trường có khảo sát lấy ý kiến cán bộ, giảng viên và nhân viên về tính hiệu quả của việc sử dụng các phần mềm chuyên dụng, từ đó bổ sung, cải tiến các tính năng của các phần mềm (biểu mẫu, thống kê, bảo mật,...) để đáp ứng nhu cầu thực tế của Nhà trường.

Cuối chu kỳ đánh giá, thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng sau khi kết thúc TĐG (số 84/KH-ĐHHL ngày 06/5/2019), Nhà trường đã bước đầu thực hiện số hóa một số dữ liệu có tầm chiến lược nhằm hỗ trợ công tác chỉ đạo, quản lý các hoạt động của Trường và đồng thời, phục vụ công tác TĐG và ĐGN các CTĐT trong năm 2020; cũng trong thời gian này, Nhà trường đã nâng cấp phần mềm Thư viện, ký hợp đồng nguyên tắc với Thư viện điện tử Nguyễn Thúc Hào của Trường Đại học Vinh trong việc hợp tác chia sẻ nguồn học liệu (số 84/HĐNT-2020 ngày 24/02/2020).

Công tác rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường chưa thực hiện đồng bộ; việc sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan (bên trong) để phục vụ cho việc rà soát, điều chỉnh, cải tiến còn hạn chế.

2. Đánh giá tiêu chí 11.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 11.4: Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 11.4.

Trên cơ sở thực hiện rà soát, hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường bước đầu được cải tiến, các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được Nhà trường bổ sung, điều chỉnh.

Nhà trường đã ban hành bộ Quy trình quản lý và giải quyết công việc trên các mặt hoạt động của Trường ĐHHL (số 224/QĐ-ĐHHL ngày 26/12/2019); ban hành Sổ tay

chất lượng (bản dự thảo 2019); bước đầu thực hiện cải tiến việc lưu trữ minh chứng (cơ sở dữ liệu) bằng cách số hóa và đưa vào hệ thống phần mềm quản trị của Nhà trường; ban hành các quy định, quy trình và hướng dẫn nhằm thực hiện tốt nhất cho việc hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ (xem thêm Tiêu chí 10.4).

Quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường chưa được cải tiến đồng bộ; còn hạn chế trong việc phân tích, đánh giá tính hiệu quả của việc cải tiến.

2. Đánh giá tiêu chí 11.4 đạt mức: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 11:

Điểm mạnh:

Nhà trường có Kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong (số 134/KH-ĐHHL/2018); có các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý, điều hành, đồng thời sẵn sàng trích xuất dữ liệu kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đã ban hành quy định về chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống thông tin ĐBCL bên trong (số 90/QĐ-ĐHHL/2019).

Nhà trường đã thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, có Báo cáo rà soát (số 216/2017; số 186/2018; số 191/2019).

Tồn tại:

Hệ thống quản lý thông tin của Trường chưa cung cấp được các thông tin ĐBCL tích hợp; phương án ứng dụng CNTT chưa bao phủ các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường.

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường chưa được quản lý thống nhất, đồng bộ; dữ liệu ĐBCL bên trong chưa được tích hợp, chưa thực hiện phân tích xu hướng các kết quả hoạt động nhằm hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho việc ra quyết định.

Việc rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường chưa thực hiện đồng bộ. Thông tin khảo sát các bên liên quan bên trong CSGD để phục vụ cho việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh còn hạn chế.

Quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Nhà trường chưa được cải tiến đồng bộ; còn hạn chế trong việc phân tích, đánh giá tính hiệu quả của việc cải tiến.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần có phương án tích hợp dữ liệu ĐBCL, phân tích, đánh giá đầy đủ kết quả các lĩnh vực hoạt động, chú trọng đến việc phân tích xu hướng nhằm hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường cần định kỳ (hàng năm), rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL một cách tổng thể, đồng bộ. Trên cơ sở đó bổ sung, điều chỉnh hệ thống thông tin quản lý, chất lượng, số lượng, sự thống nhất, an toàn dữ liệu và thông tin; chú trọng việc lấy ý kiến và sử dụng phản hồi của các bên liên quan để bổ sung, điều chỉnh hệ thống thông tin.

Tăng cường phân tích, đánh giá tính hiệu quả của việc cải tiến các quy trình và kế hoạch, từ đó điều chỉnh, bổ sung kịp thời về quy trình, kế hoạch và các KPIs cho giai đoạn tiếp theo nhằm đáp ứng MTCL của Nhà trường.

Nhà trường cần có phương án quy hoạch tổng thể về việc ứng dụng CNTT để quản lý thông tin ĐBCL bên trong, chú trọng tính đồng bộ, tích hợp và bao phủ các lĩnh vực hoạt động nhằm hỗ trợ kịp thời, hiệu quả cho việc ra quyết định.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 11	3,75
Tiêu chí 11.1	4
Tiêu chí 11.2	4
Tiêu chí 11.3	4
Tiêu chí 11.4	3

TIÊU CHUẨN 12: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 12.1: Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 12.1.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch ĐBCL hàng năm (từ 2015 - 2019), Kế hoạch hoạt động ĐBCL giai đoạn (2016 - 2018) và giai đoạn (2018 - 2020). Trong đó, có chỉ rõ mốc thời gian và các chỉ tiêu cụ thể của các hoạt động cần thực hiện; có các chính sách, quy trình, thủ tục, sự tham gia của các bên liên quan; có đào tạo, bồi dưỡng,

tập huấn nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, có quy định trách nhiệm của bộ phận thực hiện chính và các bộ phận hỗ trợ.

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường có Nghị quyết của BCH Đảng ủy về nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025 (số 287/NQ-ĐU ngày 16/01/2018); Nghị quyết của BCH Đảng ủy về nâng cao chất lượng NCKH (số 403/NQ-ĐU ngày 01/11/2018); ban hành chính sách về nhân sự, bao gồm có các nội dung: tuyển dụng cán bộ; quy hoạch; đào tạo và bồi dưỡng; phúc lợi và đãi ngộ (số 474/QĐ-ĐHHL ngày 23/6/2016, số 265/QĐ-ĐHHL ngày 11/5/2018); ban hành chính sách miễn giảm học phí (số 392/TB-ĐHHL ngày 06/9/2018).

Trong các Báo cáo tổng kết năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019 cho thấy, Nhà trường đã đạt được một số kết quả về nâng cao chất lượng, chẳng hạn: nâng cao trình độ tiếng Anh (văn bằng 2) cho 51 cán bộ, giảng viên của Trường trong 2 năm học; nâng cao chất lượng thực tập sư phạm, thực tập nghề cho SV (khối ngành SP: năm 2018 có 251/325 sinh viên xếp loại xuất sắc, chiếm 77,2%; năm 2019 có 168/199 sinh viên xếp loại xuất sắc, chiếm 84,4%). Nhà trường đã áp dụng một số biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về lĩnh vực PVCĐ, điển hình nhất là phong trào SV tình nguyện của Trường. Trong lĩnh vực đào tạo, Nhà trường đã và đang cập nhật, chỉnh sửa CTDH và ĐCCT học phần của tất cả các ngành, đẩy mạnh đổi mới thi, kiểm tra đánh giá, tích hợp các kỹ năng thiết yếu vào ĐCCT từng học phần và tổ chức các hoạt động ngoài giờ nhằm phát triển kỹ năng mềm cho SV trong quá trình đào tạo.

Tuy vậy, các chỉ tiêu cụ thể trong Kế hoạch nâng cao chất lượng về hoạt động NCKH chưa thật sự phù hợp nên kết quả hoạt động hằng năm còn khiêm tốn; các văn bản quy định/quy trình/hướng dẫn việc thực hiện cải tiến chất lượng của Trường chưa đầy đủ.

2. Đánh giá tiêu chí 12.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 12.2: Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 12.2.

Nhà trường có quy định, quy trình, hướng dẫn về việc lựa chọn đối tác, các tiêu chí, nội dung để thực hiện so chuẩn và đối sánh chất lượng (số 72/QĐ-ĐHHL ngày 19/2/2019). Tiêu chí lựa chọn các đối tác đối sánh bao gồm:

- Tiêu chí lựa chọn:

i) Đối sánh nội bộ: Thực hiện đối sánh chất lượng giáo dục giữa các khoa, bộ môn trong trường.

ii) Đối sánh ngoài: Thực hiện đối sánh chất lượng giáo dục của Nhà trường với các CSGD đại học trong nước có uy tín hoặc đã được KĐCLGD.

- Nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng: Chương trình đào tạo; chất lượng đào tạo; kết quả hoạt động NCKH; kết quả hoạt động PVCĐ.

- Tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh. Chẳng hạn, để đối sánh về CTĐT, cần có các tiêu chí sau: i) Thời gian đào tạo; ii) Mục tiêu và CĐR; iii) Khối lượng kiến thức toàn khóa; iv) Tỷ lệ các học phần thực hành, rèn nghề, tự chọn.

Quy trình lựa chọn đối tác của Nhà trường gồm 03 bước:

i) Chuẩn bị dữ liệu đối sánh;

ii) Thực hiện đối sánh, phân tích, đánh giá kết quả đối sánh;

iii) Sử dụng kết quả đối sánh để cải tiến nâng cao chất lượng;

Nhà trường đã có công văn hướng dẫn sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng (số 78/CV-ĐHHL ngày 25/2/2019), kèm theo các biểu mẫu thống kê, báo cáo. Trong chu kỳ kiểm định, Nhà trường đã lập kế hoạch đối sánh 05 CTĐT với các CTĐT của Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN, Trường Đại học Hùng Vương, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; tự đối sánh kết quả PVCĐ trong 5 năm gần nhất.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã lựa chọn các đơn vị có cơ sở nghiên cứu mạnh, có tiềm năng về NCKH và chuyển giao Công nghệ để thực hiện đối sánh một số nội dung phù hợp với tiềm lực và điều kiện thực tế của mình, đồng thời hợp tác thực hiện chung các đề tài khoa học ứng dụng, tổ chức các hội nghị khoa học, trao đổi lĩnh vực nghiên cứu, như: Viện nghiên cứu quốc tế về khoa học Vật liệu (ITIMS-Trường ĐHBK Hà Nội), Trường ĐHSP Hà Nội, Viện Toán cao cấp; Nhóm nghiên cứu của GS. Nguyễn Minh Chí, nhóm Isensors của GS. Nguyễn Văn Hiếu; Trường Đại học Daewon (Hàn Quốc), Trường ĐH Thượng Hải, Trường ĐH Chungnam (Trung Quốc),...

Nhà trường chưa văn bản hóa các tiêu chí lựa chọn đối tác quốc tế để đối sánh chất lượng; các biểu mẫu thống kê, báo cáo,... chưa đầy đủ.

2. Đánh giá tiêu chí 12.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 12.3: Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 12.3.

Trong giai đoạn đánh giá, Nhà trường đã lựa chọn CTĐT của 05 ngành được xem là thế mạnh của Trường để thực hiện việc so chuẩn và đối sánh chất lượng. Nhà trường lựa chọn các CSGD uy tín trong nước, đã được KĐCLGD (CSGD/CTĐT); có phong trào SV NCKH tốt; có chương trình liên kết đào tạo; có các CTĐT tương thích (bao gồm:

CĐR, thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức toàn khóa, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp...); có chính sách tuyển sinh, mức học phí phù hợp; có liên kết đào tạo để thực hiện đối sánh, so chuẩn. Cụ thể:

- Ngành Sư phạm toán - đối sánh với Trường Đại học Vinh;
- Ngành Giáo dục tiểu học - đối sánh với Trường Đại học Sư phạm HN;
- Ngành Giáo dục mầm non - đối sánh với Trường Đại học Sư phạm HN;
- Ngành Kế toán - đối sánh với Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN;
- Ngành Quản trị kinh doanh - đối sánh với Trường Đại học Hùng Vương.

Kết quả đối sánh được Nhà trường sử dụng trong việc rà soát, điều chỉnh quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát; điều chỉnh chương trình dạy học cơ bản. Trong đó, tập trung vào một số tiêu chí cơ bản nhất để bổ sung CĐR; điều chỉnh phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và tiến độ đào tạo.

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã thực hiện (tự) đối sánh kết quả NCKH của SV qua các năm và theo từng khoa; đối sánh kết quả NCKH của SV trường mình với SV Trường ĐH Thủ Dầu Một. Từ kết quả đối sánh và sử dụng ý kiến phản hồi của người học, Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp cải tiến để tăng số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của người học, chẳng hạn: có chính sách khen thưởng cho SV đạt thành tích trong NCKH (cấp giấy khen, cộng điểm thưởng vào điểm rèn luyện của học kỳ để làm căn cứ xét cấp học bổng và xếp loại thi đua, xét làm khóa luận tốt nghiệp); đầu tư CSVC phục vụ cho dạy, học và NCKH; thành lập các Câu lạc bộ học tập để SV trao đổi phương pháp học tập và NCKH.

Hàng năm, Nhà trường đã phối hợp với Sở KH&CN tỉnh Ninh Bình tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày KH&CN Việt Nam (18/5), trong đó có (tự) đối sánh kết quả đạt được qua từng năm; có đánh giá vai trò, vị trí, kinh nghiệm và thành tích đạt được của CB, GV và SV trong hoạt động NCKH, đồng thời trao giải thưởng cho CB, GV, SV có thành tích trong NCKH.

Nhà trường đã (tự) đối sánh, phân tích, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tuyển sinh với kết quả tuyển sinh hàng năm, từ đó bổ sung, cải tiến phương pháp, quy trình nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh và tuân thủ quy định, quy chế trong công tác tuyển sinh, nhập học của BGD&ĐT.

Nhà trường cũng thực hiện (tự) đối sánh kết quả hoạt động hàng năm với kế hoạch đề ra của từng đơn vị. Kết quả so chuẩn và đối sánh được Nhà trường sử dụng để tăng cường các hoạt động nâng cao chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Tuy vậy, hoạt động đối sánh, so chuẩn chỉ mới được Nhà trường thực hiện tương đối mạnh mẽ ở nửa sau của chu kỳ đánh giá; kết quả cải tiến sau đối sánh, so chuẩn của Nhà trường còn khiêm tốn.

2. Đánh giá tiêu chí 12.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 12.4: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 12.4.

Nhà trường đã có công văn hướng dẫn sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng (số 78/CV-ĐHHL ngày 25/2/2019), kèm theo các biểu mẫu thống kê, báo cáo; kế hoạch đối sánh 05 CTĐT với các CTĐT của Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN, Trường Đại học Hùng Vương, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; tự đối sánh kết quả PVCĐ trong 5 năm gần nhất.

Đầu năm 2019, Nhà trường đã thực hiện khá tốt việc đối sánh CTĐT của 05 ngành; tự đối sánh hoạt động NCKH của GV và SV; tự đối sánh kết quả hoạt động PVCĐ trong 5 năm gần nhất. Sau khi đối sánh, Nhà trường có thực hiện rà soát quy trình lựa chọn đối tác, tiêu chí/nội dung so chuẩn và đối sánh của các lĩnh vực hoạt động này, nhằm kịp thời điều chỉnh quy trình, bổ sung các nội dung/tiêu chí.

Về NCKH, Nhà trường đã thực hiện rà soát các đối tác đã ký kết văn bản ghi nhớ nhưng chưa hoặc không triển khai thực hiện được (tiêu chí lựa chọn đối tác/nội dung đối sánh không còn phù hợp) để dừng hợp tác (Trường ĐH Daewon, Trường ĐH Bạc Liêu) và tìm kiếm đối tác mới phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng Nhà trường (ký kết văn bản hợp tác toàn diện với Trường ĐH Vinh, tháng 10/2019). Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành một số quy định/quy trình/hướng dẫn nhằm điều chỉnh cơ chế chính sách, bổ sung, thay thế quy định/hướng dẫn không còn phù hợp được phát hiện trong quá trình rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng thông tin so chuẩn và đối sánh, chẳng hạn: Quy trình khảo sát các bên liên quan về CĐR các ngành DT (số 170/KH-ĐHHL/2019); Quy trình khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về hoạt động NCKH (số 181/KH-ĐHHL/2019); Quy định về việc hỗ trợ SV và công tác PVCĐ (số 205/QĐ-ĐHHL ngày 09/5/2019).

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã tổ chức 02 đợt rà soát hoạt động SHTT theo kế hoạch (số 211/KH-ĐHHL ngày 05/12/2018, số 235A/KH-ĐHHL ngày 30/12/2019) và 03 cuộc khảo sát: Khảo sát cựu sinh viên (tốt nghiệp năm 2018) về mức độ hài lòng đối với CTĐT (số 239/BC-ĐHHL ngày 12/9/2019); Khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động phục vụ, hỗ trợ SV và PVCĐ (số 220/KH-ĐHHL ngày 23/12/2019); Khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng sinh viên tốt nghiệp (số 147/BC-ĐHHL ngày 31/12/2019).

Nhà trường có tham chiếu các tiêu chí đối sánh chất lượng (CTĐT) của Trường Đại học Vinh để xác định thang đo chuẩn.

Hoạt động đối sánh, so chuẩn chỉ mới được Nhà trường thực hiện tương đối mạnh mẽ ở nửa sau của chu kỳ đánh giá nên việc rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông

tin so chuẩn và đối sánh, chỉ mới được thực hiện ở một số nội dung thuộc lĩnh vực ĐT, hỗ trợ người học và PVCĐ. Trong khi đó, các văn bản quy định/hướng dẫn việc thực hiện rà soát ở một số lĩnh vực hoạt động còn ở mức độ khiêm tốn, chưa đáp ứng đầy đủ nội hàm công việc rà soát; kết quả rà soát chưa được báo cáo một cách bài bản, chỉ là một nội dung trong Báo cáo rà soát công tác chuẩn bị cho ĐGN (số 21/BC-ĐHHL/2020). Việc tham khảo, đối chiếu các tiêu chí đối sánh chất lượng của CSGD khác để xác định thang đo chuẩn còn hạn chế.

2. Đánh giá tiêu chí 12.4 đạt mức: 3

Tiêu chí 12.5: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 12.5.

Hàng năm, trên cơ sở tự đối sánh, các tiêu chí lựa chọn đối tác đã được Nhà trường bổ sung, cải tiến; kết quả đối sánh được Nhà trường sử dụng trong việc rà soát, điều chỉnh quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát; điều chỉnh chương trình dạy học cơ bản. Trong đó, tập trung vào một số tiêu chí cơ bản nhất để điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới CĐR; điều chỉnh phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá và tiến độ đào tạo. Nhà trường đã tổ chức khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về CĐR các ngành đào tạo (số 170/KH-ĐHHL/2019); Kết quả đối sánh CTĐT với các CSGD khác được nhà trường sử dụng trong việc xây dựng và ban hành (mới) CĐR các ngành đào tạo (số 248/QĐ-ĐHHL ngày 28/6/2019). Từ đó, Nhà trường đã điều chỉnh, cải tiến một số tiêu chí/nội dung đối sánh trong hoạt động đào tạo cho phù hợp tình hình thực tế của Trường.

Trong quá trình TĐG, Nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động đối sánh các phiên bản khác nhau của 3 lần TĐG, rà soát, cải tiến quy trình tự đánh giá; có các báo cáo tổng kết, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt, có tính đổi mới, sáng tạo. (Báo cáo tổng hợp về kết quả cải tiến chất lượng sau hoạt động TĐG (số 240/BC-ĐHHL ngày 31/12/2019).

Từ việc rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng thông tin so chuẩn và đối sánh chưa được thực hiện một cách sâu rộng và bài bản dẫn tới việc ***cải tiến quy trình*** lựa chọn, sử dụng thông tin so chuẩn và đối sánh của Nhà trường hiện nay còn có nhiều hạn chế (*xem thêm tồn tại của Tiêu chí 12.4*), việc ***cải tiến quy trình*** mới chỉ thực hiện ở một số hoạt động trong lĩnh vực ĐT, NCKH, hỗ trợ người học và ban hành một số văn bản quản lý để thay thế/bổ sung các văn bản không còn phù hợp.

2. Đánh giá tiêu chí 12.5 đạt mức: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 12:

Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch ĐBCL hằng năm, Kế hoạch hoạt động ĐBCL giai đoạn (2016 - 2018) và (2018 - 2020); có các chính sách, quy trình, thủ tục, sự tham gia của các bên liên quan; có đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động ĐT, NCKH và PVCD.

Có quy định, quy trình, hướng dẫn về việc lựa chọn đối tác, các tiêu chí/nội dung để thực hiện so chuẩn và đối sánh chất lượng (số 72/2019); có hướng dẫn sử dụng các tiêu chí lựa chọn đối tác, đối sánh chất lượng (số 78/2019).

Nhà trường đã thực hiện đối sánh 05 CTĐT với các CTĐT của Trường ĐH Vinh, Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN, Trường ĐH Hùng Vương, Trường ĐHSPHN; (tự) đối sánh kết quả PVCD trong 5 năm gần nhất.

Nhà trường đã thực hiện (tự) đối sánh kết quả NCKH của SV qua các năm và theo từng khoa; đối sánh kết quả NCKH của SV trường mình với SV Trường ĐH Thủ Dầu Một.

Tồn tại:

Các chỉ tiêu cụ thể trong Kế hoạch nâng cao chất lượng về hoạt động NCKH chưa thật sự phù hợp nên kết quả hoạt động hằng năm còn khiêm tốn; các văn bản quy định/quy trình/hướng dẫn việc thực hiện cải tiến chất lượng của Trường chưa đầy đủ.

Nhà trường chưa văn bản hóa các tiêu chí lựa chọn đối tác quốc tế để đối sánh chất lượng; các biểu mẫu thống kê, báo cáo,... chưa đầy đủ.

Hoạt động đối sánh, so chuẩn chỉ mới được Nhà trường thực hiện tương đối mạnh mẽ ở nửa sau của chu kỳ đánh giá; kết quả cải tiến sau đối sánh, so chuẩn của Nhà trường còn khiêm tốn.

Công tác rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh, chỉ mới được thực hiện ở một số nội dung thuộc lĩnh vực ĐT, hỗ trợ người học và PVCD. Trong khi đó, các văn bản quy định/hướng dẫn việc thực hiện rà soát ở một số lĩnh vực hoạt động còn ở mức độ khiêm tốn, chưa đáp ứng đầy đủ nội hàm công việc rà soát; kết quả rà soát chưa được báo cáo một cách bài bản, chỉ là một nội dung trong Báo cáo rà soát công tác chuẩn bị cho ĐGN (số 21/BC-ĐHHL/2020). Việc tham khảo, đối chiếu các tiêu chí đối sánh chất lượng của CSGD khác để xác định thang đo chuẩn còn hạn chế.

Từ việc rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng thông tin so chuẩn và đối sánh chưa được thực hiện một cách sâu rộng và bài bản dẫn tới việc **cải tiến quy trình** lựa chọn, sử dụng thông tin so chuẩn và đối sánh của Nhà trường hiện nay còn có nhiều hạn chế (*xem thêm tồn tại của Tiêu chí 12.4*), việc **cải tiến quy trình** mới chỉ thực hiện ở một số hoạt động trong lĩnh vực ĐT, NCKH, hỗ trợ người học và ban hành một số văn bản quản lý để thay thế/bổ sung các văn bản không còn phù hợp.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần có kế hoạch tổng thể về nâng cao chất lượng các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực, tính liên tục với các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể để đảm bảo tốt nhất hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Cần rà soát, bổ sung các tiêu chí lựa chọn đối tác so chuẩn, đối sánh chất lượng phù hợp với tình hình thực tế của Trường; tham khảo CTĐT của các CSGD uy tín trong và ngoài nước, có lộ trình xây dựng các CTĐT tiên tiến/chất lượng cao.

Cần chú trọng đến việc sử dụng kết quả đối sánh để bổ sung, điều chỉnh cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các đơn vị/cá nhân đổi mới, sáng tạo trong các hoạt động ĐBCL.

Nhà trường cần ban hành Quy định về việc rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để thực hiện rà soát và báo cáo sau rà soát một cách đầy đủ, bài bản cho tất cả các lĩnh vực hoạt động.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 12	3,60
Tiêu chí 12.1	4
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	3
Tiêu chí 12.5	3

TIÊU CHUẨN 13: TUYỂN SINH VÀ NHẬP HỌC

Tiêu chí 13.1: Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 13.1.

Hàng năm, công tác tuyển sinh được Nhà trường triển khai thực hiện theo đúng quy định của BGD&ĐT như xây dựng Đề án tuyển sinh (năm 2014: số 479/ĐA-ĐHHL, năm 2016: số 252/ĐA-ĐHHL, năm 2017: số 02/ ĐA-ĐHHL; năm 2018: 20/3/2018; năm

2019: 14/6/2019), Báo cáo xác định và đăng kí chỉ tiêu tuyển sinh (số 109/BC-ĐHHL ngày 15/6/2019, số 50/BC-ĐHHL ngày 17/3/2018; số 199/BC-ĐHHL ngày 19/12/2016; số 189 ngày 9/12/2014), Tờ trình UBND tỉnh Ninh Bình về việc đăng kí chỉ tiêu tuyển sinh đại học, cao đẳng (số 574/TTr-ĐHHL ngày 9/12/2014; số 455/TT-ĐHHL ngày 16/12/2015; số 639/TT-ĐHHL ngày 19/12/2016; số 44/TT-ĐHHL ngày 22/01/2018). Các tài liệu về Đề án tuyển sinh, Kế hoạch tuyển sinh, Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh (các đợt trong các năm học) cho tất cả các ngành đào tạo ĐH và CĐ (GDMN, GDTH, Du lịch, Kế toán), tuyển sinh hệ ĐH, Văn bằng 2, hệ vừa làm vừa học liên kết với các trường trong nước (ĐH Luật, ĐH Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội) với các tiêu chí, phương thức tuyển sinh rõ ràng được Nhà trường lưu trữ đầy đủ cho giai đoạn 2014 - 2019.

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy (số 56/QĐ-ĐHHL năm 2015; số 541 (2016); số 16 (2017); số 02 (2018); số 684 (2019), HĐTS ĐH hình thức vừa làm vừa học (2014: số 99/QĐ-ĐHHL; số 502 (2015); số 131 (2017); số 12 (2018), HĐTS hệ liên thông từ Cao đẳng lên ĐH chính quy (số 598/QĐ-ĐHHL ngày 8/10/2016); HĐTS liên thông từ Cao đẳng lên ĐH hình thức vừa làm vừa học (số 676/QĐ-ĐHHL ngày 30/12/2019); HĐTS ĐH ngành GDMN hình thức vừa làm vừa học năm 2019 (số 305/QĐ-ĐHHL ngày 28/8/2019) và các bộ phận giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh tiến hành xây dựng Kế hoạch tuyển sinh (số 35/KH-ĐHHL ngày 15/3/2016, số 44/KH-ĐHHL ngày 13/3/2017, số 51/KH-ĐHHL ngày 19/3/2018, số 52/KH-ĐHHL ngày 18/3/2019) với các mốc thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cá nhân/đơn vị liên quan như P.ĐT-QLKH, P.TC-TH, P.HC-QT, P.CTSV, P.TV, ĐTN, HSV và các khoa, bộ môn, các đơn vị liên quan khác.

Nhà trường đã thành lập Ban tuyên truyền tuyển sinh (số 140/QĐ-ĐHHL ngày 6/4/2016, số 97/QĐ-ĐHHL ngày 26/02/2018, số 11/QĐ-ĐHHL ngày 07/01/2019) thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch và nhiệm vụ đã phân công (số 82/KH-ĐHHL ngày 30/5/2016, số 58/KH-ĐHHL ngày 03/4/2018, số 23/KH-ĐHHL ngày 26/01/2019). Công tác truyền thông về tuyển sinh đã làm rõ đối tượng, quy trình thi, đánh giá đầu vào; quy trình xét tuyển; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, hình thức tuyên truyền, thời gian địa điểm thực hiện, dự trù kinh phí và phân công rõ trách nhiệm cho các cá nhân/đơn vị (số 337/TB-ĐHHL ngày 22/7/2019, số 315 ngày 17/7/2018, số 300 ngày 29/7/2016, số 255 ngày 25/8/2015, số 376 ngày 20/8/2014). Nhà trường còn thực hiện tuyển sinh theo hình thức liên kết với Trường ĐH Luật Hà Nội, Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội. Thông tin tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, qua các fanpage (<http://hluv.edu/tuyen-sinh>, <https://www.facebook.com/>), các tạp chí, tờ rơi, tư vấn trực tuyến qua đường dây nóng, qua các video, các chương trình tư vấn hướng nghiệp tại các trường phổ thông trong tỉnh, tổ chức đưa SV tỉnh ngoài về quê ăn Tết phối hợp với tuyên truyền tuyển sinh...

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, công tác tuyển sinh được Nhà trường lên kế hoạch, xây dựng chính sách và thực hiện truyền thông một cách chi tiết với mỗi CTĐT của Nhà trường.

Nhà trường chưa thống nhất về thể thức văn bản liên quan đến công tác tuyển sinh. Văn bản lưu trữ chưa được sắp xếp một cách hệ thống .

2. Đánh giá tiêu chí 13.1 đạt mức: 5

Tiêu chí 13.2: Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 13.2.

Nhà trường đã xây dựng đề án tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy; đã ra thông báo và xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho các hệ liên thông, hệ vừa làm vừa học, ngành Giáo dục mầm non...với các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh rõ ràng theo quy định cho từng CTĐT và ý kiến đồng ý của UBND tỉnh.

Giai đoạn 2014 đến trước 2016, Nhà trường sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để thực hiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển với tổ hợp môn của từng ngành và kết hợp xét tuyển với thi tuyển (đối với ngành Giáo dục mầm non trình độ ĐH và Cao đẳng) đảm bảo tuân thủ các văn bản chỉ đạo của BGD&ĐT. Từ năm 2016, Nhà trường đã triển khai áp dụng đồng thời 02 phương thức gồm xét tuyển sử dụng kết quả thi THPT quốc gia và xét tuyển học bạ lớp 12 theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đối với một số ngành đặc thù như Giáo dục Mầm non hệ Cao đẳng và Đại học, Trường đã có quy định cụ thể về phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi THPT hoặc học bạ 02 môn Văn, Toán và kết quả thi môn Năng khiếu. Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh đào tạo Liên thông theo đúng Quy định chung về công tác đào tạo liên thông theo Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, và thực hiện 2 đợt/năm. Công tác tuyển sinh hệ vừa làm vừa học, do trường đào tạo hoặc liên kết đào tạo đều được thông báo cụ thể về tiêu chuẩn, tiêu chí (số 675/ĐHHL-TBTS ngày 29/12/2018).

Hàng năm, công tác tuyển sinh được Nhà trường triển khai thực hiện theo đúng quy định của BGD&ĐT như xây dựng Đề án tuyển sinh, Báo cáo xác định và đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, Tờ trình UBND tỉnh Ninh Bình về việc đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh đại học, cao đẳng...với các tiêu chí, phương thức tuyển sinh rõ ràng. Các văn bản được Nhà trường lưu trữ đầy đủ cho giai đoạn 2014 - 2019.

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy, HĐTS ĐH hình thức vừa làm vừa học, HĐTS hệ liên thông từ Cao đẳng lên ĐH chính quy, HĐTS liên thông từ Cao đẳng lên ĐH hình thức vừa làm vừa học, HĐTS ĐH ngành GD Mầm non hình thức vừa làm vừa học (năm 2019) và các Bộ phận giúp việc

cho Hội đồng tuyển sinh, tiến hành xây dựng Kế hoạch tuyển sinh với các mốc thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể cho các cá nhân/đơn vị liên quan như P.ĐT-QLKH, P.TC-TH, P.HC-QT, P.CTSV, P.TV, ĐTN, HSV và các khoa, bộ môn, các đơn vị liên quan khác.

Nhà trường đã thành lập Ban tuyên truyền tuyển sinh thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch và nhiệm vụ phân công đã đề ra. Công tác truyền thông về tuyển sinh đã làm rõ đối tượng, quy trình thi, đánh giá đầu vào; quy trình xét tuyển; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, hình thức tuyên truyền, thời gian địa điểm thực hiện, dự trù kinh phí và phân công rõ trách nhiệm cho các cá nhân/đơn vị.

Nhà trường cũng đã thực hiện tuyển sinh theo hình thức liên kết với Trường ĐH Luật Hà Nội, Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội. Thông tin tuyển sinh của Nhà trường được công bố công khai đến các bên liên quan dưới nhiều hình thức khác nhau.

Nhà trường đã thành lập Ban thanh tra Nhân dân, Tổ thanh tra công tác thi tuyển sinh giám sát mọi hoạt động của quá trình tuyển sinh đối với các hệ đào tạo chính quy, liên thông, vừa làm vừa học, các ngành có các môn thi tại Trường (môn Năng khiếu ngành GDMN...)

Nhà trường đã thực hiện giám sát chặt chẽ khâu lọc hồ sơ đảm bảo đạt các tiêu chí đã đặt ra theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và theo Đề án tuyển sinh của trường như đảm bảo đạt từ điểm sàn trở lên.

Để có thể thu hút được đối tượng học sinh đăng ký dự tuyển vào trường, sau mỗi kỳ tuyển sinh, căn cứ vào thực tế và kết quả đã đạt được thông qua các báo cáo tổng hợp mỗi đợt tuyển sinh trong/hàng năm, Nhà trường đã phân tích, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tuyển sinh, từ đó có kế hoạch, biện pháp thay đổi, cải tiến phương pháp, quy trình tuyển sinh và vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định trong công tác tuyển sinh, nhập học của BGD&ĐT.

Nhà trường đã thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi về công tác tuyển sinh, tuyên truyền tuyển sinh và công tác nhập học từ đối tượng khảo sát là sinh viên của Trường.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, Nhà trường đã xây dựng và thực hiện đúng các tiêu chí tuyển sinh đảm bảo chất lượng đầu vào phù hợp với yêu cầu đào tạo và thực tế nguồn tuyển của Trường.

2. Đánh giá tiêu chí 13.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 13.3: Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 13.3.

Hàng năm, Nhà trường thành lập “Tổ thanh tra công tác thi tuyển sinh” (số 22/QĐ-ĐHHL/2015; số 500, số 648/QĐ-ĐHHL/2016; số 269, số 343/QĐ-ĐHHL/2017; số 319/QĐ-ĐHHL/2018; số 226, 247, 308, 587/QĐ-ĐHHL/2019), có nhiệm vụ thanh tra, giám sát công tác tuyển sinh, nhập học đối với tất cả các hệ đào tạo của Trường (chính quy, liên thông, vừa làm vừa học, các ngành có các môn thi năng khiếu...). Bên cạnh đó, Ban thanh tra Nhân dân của Trường đã phân công (một đến hai) thành viên của mình, tham gia vào quá trình giám sát các đợt tuyển sinh, nhập học đối với hệ chính quy của Trường.

Nhà trường căn cứ “*Hướng dẫn công tác thanh tra tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy*” hằng năm của Bộ GD&ĐT (số 2598/BGDĐT-TTTr ngày 19/6/2017, số 4359/BGDĐT-TTTr ngày 24/9/2018, số 2969/BGDĐT-TTTr ngày 15/7/2019) để xây dựng Kế hoạch giám sát công tác tuyển sinh, nhập học của Trường (số 25/KH-Tr, ngày 22/1/2015; số 22/KH-BCH, ngày 22/11/2017; số 03/KH-BCH, ngày 13/9/2018). Trong các văn bản này, đã có hướng dẫn cụ thể về quy trình thực hiện các bước thanh tra, giám sát quá trình tuyển sinh, nhập học; có quy định cụ thể đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính và các mốc thời gian để thực hiện. Kết thúc mỗi đợt tuyển sinh, các đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát thực hiện báo cáo bằng văn bản kết quả thanh tra, giám sát. Kế hoạch hoạt động và Báo cáo thanh, tra giám sát công tác tuyển sinh, nhập học của Nhà trường được lưu trữ đầy đủ.

Nhà trường chưa lập Đơn vị/Bộ phận Thanh tra chuyên trách (*xem tiêu chí 3.1*) nên công tác giám sát tuyển sinh, nhập học tùy theo từng năm cụ thể, được giao cho nhiều cá nhân/đơn vị/bộ phận đồng thời tham gia (Ban thanh tra Nhân dân, Tổ thanh tra, Đoàn thanh tra ...) dẫn tới còn có sự chồng chéo nhất định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Đánh giá tiêu chí 13.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 13.4: Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 13.4.

Hội đồng tuyển sinh, Ban Tuyên truyền tuyển sinh, Ban Thanh tra Nhân dân, Tổ/Đoàn thanh tra tuyển sinh của Nhà trường luôn bám sát công tác tuyển sinh, nhập học.

Nhà trường đã thực hiện giám sát chặt chẽ khâu lọc hồ sơ đảm bảo đạt các tiêu chí đã đặt ra theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và theo Đề án tuyển sinh của trường như đảm bảo đạt từ điểm sàn trở lên. Năm 2017, 2018 để đảm bảo chất lượng tuyển sinh đầu vào, Nhà trường thực hiện mức điểm tổng 3 môn phải đạt trên 15,5 điểm, trong đó không có môn nào dưới 5 điểm. Bộ phận Tuyển sinh (Ban thư ký tuyển sinh), P.ĐT-QLKH của Nhà trường đã phối hợp rà soát hồ sơ đăng ký xét tuyển và hồ sơ sinh viên nhập học.

Sau mỗi đợt tuyển sinh, hoàn thành công tác nhập học, Nhà trường đã tổ chức họp rút kinh nghiệm, rà soát lại quy trình tuyển sinh - nhập học và đề xuất cải tiến, định hướng cho kỳ tuyển sinh và nhập học kế tiếp. Biên bản họp của Hội đồng tuyển sinh, Báo cáo tổng kết công tác TS ĐH, CĐ; Biên bản hội nghị tổng kết công tác tuyển sinh - nhập học ĐH, CĐ được lưu trữ đầy đủ.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn các bên liên quan cho thấy, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Ban Tuyên truyền tuyển sinh và Ban thanh tra thực hiện nhiệm vụ báo cáo tổng hợp kết quả tuyển sinh, nhập học nhằm tham mưu cho Hội đồng tuyển sinh, BGH về cải tiến công tác tuyển sinh, giám sát quy trình tuyển sinh và nhập học.

Công tác phân tích kết quả tuyển sinh, nhập học đối với hệ đào tạo Liên thông, hệ vừa làm vừa học chưa được Nhà trường chú trọng.

2. Đánh giá tiêu chí 13.4 đạt mức: 4

Tiêu chí 13.5: Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 13.5.

Để có thể thu hút được đối tượng học sinh đăng ký dự tuyển vào trường, sau mỗi kỳ tuyển sinh, căn cứ vào thực tế và kết quả đã đạt được thông qua các báo cáo tổng hợp mỗi đợt tuyển sinh trong/hàng năm (Báo cáo ngày 28/10/2016, số 176/BC-HĐTS ngày 03/11/2017, số 212/BC-HĐTS ngày 29/12/2017, số 154/BC-HĐTS ngày 25/9/2018, Báo cáo ngày 6/9/2019), Nhà trường đã phân tích, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tuyển sinh, từ đó có kế hoạch, biện pháp thay đổi, cải tiến phương pháp, quy trình tuyển sinh đảm bảo tuân thủ các quy định trong công tác tuyển sinh, nhập học của BGD&ĐT.

Hàng năm, căn cứ trên thực tế tuyển sinh và các số liệu phân tích đánh giá qua các đợt tuyển sinh nhập học, Ban tuyên truyền tuyển sinh đã đề xuất tới HĐTS, BGH hướng điều chỉnh, cải tiến công tác tuyển sinh - nhập học như “*thiết lập mở rộng mối quan hệ hợp tác với doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong tỉnh, khảo sát nhu cầu học tập của tỉnh..., thực hiện liên kết đào tạo các ngành nghề mà nhu cầu trong tỉnh đang cần..*”

Nhà trường đã thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên mới nhập học về công tác tuyển sinh, tuyên truyền tuyển sinh và nhập học.

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan ngoài trường về công tác tuyên truyền tuyển sinh. Việc cải tiến, điều chỉnh chiến lược, chính sách tuyển sinh, nhập học nhằm thu hút người học đăng ký học tại trường chưa hiệu quả như mong đợi.

2. Đánh giá tiêu chí 13.5 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 13:

Điểm mạnh:

Hàng năm, công tác tuyển sinh được Nhà trường triển khai thực hiện theo đúng quy định của BGD&ĐT như xây dựng Đề án tuyển sinh, Báo cáo xác định và đăng kí chỉ tiêu tuyển sinh, Tờ trình UBND tỉnh Ninh Bình về việc đăng kí chỉ tiêu tuyển sinh đại học, cao đẳng... với các tiêu chí, phương thức tuyển sinh rõ ràng được Nhà trường lưu trữ đầy đủ cho giai đoạn 2014-2019.

Hàng năm, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy, HĐTS ĐH hình thức vừa làm vừa học, HĐTS hệ liên thông từ Cao đẳng lên ĐH chính quy, HĐTS liên thông từ Cao đẳng lên ĐH hình thức vừa làm vừa học, HĐTS ĐH ngành GD Mầm non hình thức vừa làm vừa học năm 2019 và các bộ phận giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh, tiến hành xây dựng Kế hoạch tuyển sinh với các mốc thời gian và phân công trách nhiệm cụ thể cho cá nhân/đơn vị liên quan như P.ĐT-QLKH, P.TC-TH, P.HC-QT, P.CTSV, P.TV, ĐTN, HSV và các khoa, bộ môn, các đơn vị liên quan khác.

Nhà trường đã thành lập Ban tuyên truyền tuyển sinh thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch và nhiệm vụ phân công đã đề ra. Công tác truyền thông về tuyển sinh đã làm rõ đối tượng, quy trình thi, đánh giá đầu vào; quy trình xét tuyển; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên, hình thức tuyên truyền, thời gian địa điểm thực hiện, dự trù kinh phí và phân công rõ trách nhiệm cho cá nhân/đơn vị.

Nhà trường cũng đã thực hiện TS theo hình thức liên kết với Trường ĐH Luật Hà Nội, Trường Đại học Ngoại ngữ-ĐHQG HN. Thông tin tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường, qua các fanpage (<http://hluv.edu/tuyen-sinh>, <https://www.facebook.com/>), các tạp chí, tờ rơi, tư vấn trực tuyến qua đường dây nóng, qua các video, các chương trình tư vấn hướng nghiệp tại các trường phổ thông trong tỉnh, tổ chức đưa SV tỉnh ngoài về quê ăn Tết phối hợp với tuyên truyền tuyển sinh...

Giai đoạn 2014 đến trước 2016, Nhà trường sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để thực hiện tuyển sinh theo phương thức xét tuyển với tổ hợp môn của từng ngành và kết hợp xét tuyển với thi tuyển (đối với ngành Giáo dục mầm non trình độ ĐH và Cao đẳng) đảm bảo tuân thủ các văn bản chỉ đạo của BGD&ĐT. Từ năm 2016, Nhà trường đã triển khai áp dụng đồng thời 02 phương thức gồm xét tuyển sử dụng kết quả thi THPT quốc gia và xét tuyển học bạ lớp 12 theo quy định của Bộ GD&ĐT. Đối với một số ngành đặc thù như Giáo dục Mầm non hệ CD và ĐH, Trường đã có quy định cụ thể về phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi THPT hoặc học bạ 02 môn Văn, Toán và kết quả thi môn Năng khiếu. Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh đào tạo liên thông theo đúng Quy định chung về công tác đào tạo liên thông theo Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, và thực hiện 2 đợt/năm. Công tác tuyển sinh

hệ vừa làm vừa học, do Trường đào tạo hoặc liên kết đào tạo đều được thông báo cụ thể về tiêu chuẩn, tiêu chí.

Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình làm thủ tục nhập học. Ban thanh tra nhân dân, Tổ/Đoàn thanh tra tuyển sinh được Nhà trường giao nhiệm vụ đồng thời giám sát công tác tuyển sinh và nhập học tuân thủ văn bản chỉ đạo của BGD&ĐT. Kết thúc mỗi đợt tuyển sinh, các đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát công tác tuyển sinh đều thực hiện báo cáo bằng văn bản kết quả thanh tra giám sát. Kế hoạch hoạt động và Báo cáo thanh tra giám sát công tác tuyển sinh, nhập học được lưu trữ đầy đủ.

Nhà trường đã thực hiện giám sát chặt chẽ khâu lọc hồ sơ đảm bảo đạt các tiêu chí đã đặt ra theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và theo Đề án tuyển sinh của Trường như đảm bảo đạt từ điểm sàn trở lên.

Để có thể thu hút được đối tượng học sinh đăng ký dự tuyển vào trường, sau mỗi kỳ tuyển sinh, căn cứ vào thực tế và kết quả đã đạt được thông qua các báo cáo tổng hợp mỗi đợt tuyển sinh trong/hàng năm, Nhà trường đã phân tích, đánh giá việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu tuyển sinh, từ đó có kế hoạch, biện pháp thay đổi, cải tiến phương pháp, quy trình tuyển sinh và vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định trong công tác tuyển sinh, nhập học của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường đã thực hiện công tác lấy ý kiến phản hồi về công tác tuyển sinh, tuyên truyền tuyển sinh và công tác nhập học từ đối tượng khảo sát là sinh viên của Trường.

Tồn tại:

Nhà trường chưa thống nhất về thể thức văn bản liên quan đến công tác tuyển sinh. Văn bản lưu trữ chưa được sắp xếp một cách hệ thống .

Nhà trường chưa lập Đơn vị/Bộ phận Thanh tra chuyên trách (*xem tiêu chí 3.1*) nên công tác giám sát tuyển sinh, nhập học hằng năm được giao cho nhiều cá nhân/đơn vị/bộ phận đồng thời tham gia (Ban thanh tra Nhân dân, Tổ thanh tra, Đoàn thanh tra ...) dẫn tới còn có sự chông chéo nhất định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Công tác phân tích kết quả tuyển sinh, nhập học của hệ đào tạo Liên thông, hệ Vừa làm vừa học chưa được Nhà trường chú trọng đến.

Nhà trường chưa định kỳ khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan ngoài trường về công tác tuyên truyền tuyển sinh. Việc cải tiến, điều chỉnh chiến lược, chính sách tuyển sinh, nhập học nhằm thu hút người học đăng ký học tại trường chưa hiệu quả như mong đợi.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần ban hành quy định về quản lý và lưu trữ văn bản để đảm bảo công tác văn thư lưu trữ thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và đồng bộ.

Nhà trường cần rà soát quy trình giám sát công tác tuyển sinh, nhập học để vừa đảm bảo thực hiện đúng quy định/hướng dẫn của Bộ GD&ĐT vừa phù hợp với quy mô, đối tượng tuyển sinh của Trường trong giai đoạn mới.

Nhà trường cần thành lập Đơn vị Thanh tra chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ giám sát công tác tuyển sinh, nhập học ngày càng đồng bộ, chặt chẽ và bài bản.

Nhà trường cần phân tích và đánh giá nhu cầu xã hội thông qua phân tích dữ liệu tuyển sinh và tăng cường lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm cải tiến công tác truyền thông, thông tin truyền thông nhằm thu hút người học để công tác tuyển sinh đạt hiệu quả.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 13	4,20
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	4
Tiêu chí 13.3	4
Tiêu chí 13.4	4
Tiêu chí 13.5	4

TIÊU CHUẨN 14: THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tiêu chí 14.1: Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 14.1.

Nhà trường có các văn bản quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cho GV, khoa và các phòng ban liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định và phê duyệt, ban hành CTDH của các CTĐT (số 327/QĐ-ĐHHL ngày 20/7/2015; số 71/HD-ĐHHL ngày 06/02/2018; số 347/Q.tr-ĐHHL ngày 13/8/2018).

Nhà trường đã có các hướng dẫn và phân công trách nhiệm về xây dựng, giám sát, rà soát thẩm định và phê duyệt ban hành đề cương môn học/học phần trong một số văn bản về đào tạo. ĐCCT học phần hiện nay đang được chỉnh sửa, bổ sung theo định dạng hoàn thiện hơn với tương đối đầy đủ các thông tin về học phần.

Từ năm 2018, CTĐT được xây dựng, rà soát và thẩm định phê duyệt theo quy trình chặt chẽ, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng.

Các CTDH được rà soát và điều chỉnh (2015, 2018, 2019), cơ bản đáp ứng Khung trình độ quốc gia, yêu cầu khối lượng kiến thức tối thiểu và năng lực theo TT 07/2015, có tham khảo và đối sánh với một số CTĐT trong nước. Đặc biệt phiên bản CTDH năm 2019 đã bổ sung một số nội dung như CĐR các học phần, mối quan hệ giữa CĐR học phần và CĐR CTĐT, phương thức kiểm tra đánh giá theo CĐR.

Việc rà soát và điều chỉnh, bổ sung CTDH được tiến hành có khảo sát ý kiến từ các bên liên quan, bao gồm nhà tuyển dụng, cựu SV (số 12/KH-KTKT ngày 7/12/2017, số 19/KH-ĐHHL ngày 22/01/2018).

Tuy vậy, một số nội dung quy định trong TT 07/2015 về quy trình xây dựng CTĐT chưa được hướng dẫn cụ thể trong quy trình số 347/Q.tr- ĐHHL (xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CĐR CTĐT, đối sánh với các CTĐT trong và ngoài nước...).

2. Đánh giá tiêu chí 14.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 14.2: Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 14.2.

Nhà trường thực hiện việc xây dựng và điều chỉnh CĐR các CTĐT theo TT08/2011 và TT07/2015 của Bộ GD&ĐT. Đến năm 2018 Nhà trường ban hành Quy trình số 347/Qtr-ĐHHL quy định, hướng dẫn và phân công trách nhiệm trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CĐR của CTĐT, có phân công cụ thể cho các đơn vị và cá nhân trong quá trình xây dựng và điều chỉnh CĐR CTĐT có tham khảo ý kiến các bên liên quan.

Năm 2018, Nhà trường đã triển khai rà soát CĐR (số 155/KH-ĐHHL ngày 04/10/2018), có thu thập ý kiến phản hồi các bên liên quan (số 467/QĐ-ĐHHL). Tính đến 2019, Nhà trường đã có 2 phiên bản CĐR các CTĐT được chính thức phê duyệt và ban hành vào năm 2013 (số 410/QĐ-ĐHHL), và năm 2019 (số 248/QĐ ngày 28/6/2019).

Công tác thu thập ý kiến phản hồi phục vụ việc rà soát chỉnh sửa, cập nhật CĐR được triển khai đầy đủ theo quy định từ năm 2018 (số 181/KH-ĐHHL ngày 31/10/2018,

CV số 568/ĐHHL-ĐT&QLKH ngày 29/10/2018, số 467/QĐ-ĐHHL ngày 26/10/2018, số 636/QĐ-ĐHHL ngày 31/10/2018).

Việc rà soát điều chỉnh CĐR CTĐT được tiến hành còn chậm. Ba CĐR cuối cùng của hầu hết các CTĐT (2019) được mô tả rất giống nhau, chưa thể hiện rõ tính đặc thù của ngành đào tạo.

2. Đánh giá tiêu chí 14.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 14.3: Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 14.3.

Đề cương học phần và kế hoạch giảng dạy của các CTĐT đã được Nhà trường văn bản hóa và công bố theo các quyết định số 255/QĐ-ĐHHL ngày 30/5/2015; số 568/QĐ-ĐHHL ngày 16/9/2016; số 568/QĐ-ĐHHL (2016); số 316/QĐ-ĐHHL ngày 30/8/2019; và một số QĐ cá biệt khác. Kiểm tra minh chứng cho thấy các ĐCCT học phần đều được phê duyệt từ cấp bộ môn, cấp khoa và cấp trường.

Kế hoạch giảng dạy theo năm học được xây dựng chi tiết đến học kỳ, cụ thể nhiệm vụ đến từng GV. Kế hoạch giảng dạy của mỗi học phần được GV công bố đến từng SV trước khi thực hiện trong các hoạt động sinh hoạt chính trị đầu khóa và trước khi học mỗi học phần.

Năm 2019, Nhà trường đã triển khai cập nhật ĐCCT học phần, bao gồm CĐR học phần tham chiếu với CĐR CTĐT, kế hoạch dạy học, phương thức đánh giá ... thể hiện khả năng đạt CĐR của CTĐT.

ĐCCT học phần được GV thường xuyên rà soát và cập nhật theo năm học.

Nhà trường có đầy đủ minh chứng việc thực hiện quy định phân công trách nhiệm giám sát các kế hoạch dạy học cho các đơn vị chức năng và SV.

Qua nghiên cứu các minh chứng được cung cấp cho thấy các ĐCCT học phần được thực hiện từ 2018 trở về trước chưa thể hiện CĐR học phần và mối liên hệ giữa CĐR học phần với CĐR CTĐT. Tuy vậy, ĐCCT các học phần từ năm 2019 đã mô tả CĐR học phần tham chiếu với CĐR của CTĐT một cách khoa học.

Nhà trường chưa hoàn thành việc rà soát và cập nhật các ĐCCT cho tất cả học phần của các CTĐT theo biểu mẫu mới. Mô tả nội dung hướng dẫn hoạt động học cho SV ở nhiều đề cương học phần còn chung chung, chưa đảm bảo việc học tập chủ động của SV.

Việc quán triệt thực hiện triết lí GD trong các CTĐT, trong các học phần và hoạt động dạy học còn hạn chế.

2. Đánh giá tiêu chí 14.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 14.4: Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 14.4.

Nhà trường đã tiến hành rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát CTĐT, CĐR các ngành đào tạo ban hành theo văn bản số 347/Qtr-ĐHHL ngày 13/8/2018, và một số văn bản liên quan (biên bản họp rà soát ngày 28/11/2019). Trước đó, tháng 2 năm 2019 Nhà trường có văn bản hướng dẫn số 72 về việc đối sánh chất lượng GD trong đó có hướng dẫn đối sánh CTĐT để bổ sung cho quy trình thiết kế, rà soát CTĐT. Sau khi rà soát quy trình Nhà trường đã ban hành kế hoạch số 224/KH-ĐHHL ngày 26/12/2019 về xây dựng quy trình quản lí và giải quyết công việc.

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã rà soát CTDH các ngành đào tạo, thực hiện việc chuyển đổi sang hệ thống tín chỉ năm 2015, rà soát và sửa đổi bổ sung năm 2018 và 2019 (QĐ ban hành CTĐT số 316/QĐ-ĐHHL ngày 30/8/2019), có đối sánh CTĐT với một số trường trong nước (CV số 78/CV-ĐHHL, ngày 25/2/2019, các báo cáo kết quả đối sánh của các CTĐT: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Du lịch, GDMN, SP Văn, SP Toán, Việt Nam học) và lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan. Qua rà soát, chỉnh sửa các CTĐT đã có bước phát triển đáng kể, đặc biệt là năm 2019, góp phần nâng cao chất lượng CTĐT dựa trên CĐR.

Trong quy trình thiết kế, đánh giá, rà soát CTĐT và CĐR (quy trình số 347/Qtr-ĐHHL) việc xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CĐR của CTĐT, đối sánh với các CTĐT khác, thiết kế ĐCCT các học phần chưa được mô tả rõ ràng theo Thông tư 07/2015 (các bước 2, 4 và 5 trong Thông tư 07/2015).

Nhà trường đã đối sánh CTĐT với một số CSGD đại học khác trong nước, nhưng chưa tiến hành đối sánh với các chương trình tiên tiến và chương trình của nước ngoài cùng ngành đào tạo.

Việc thu thập ý kiến phản hồi của cựu SV để đánh giá đúng mức độ phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm trong xã hội còn chưa được nhiều.

2. Đánh giá tiêu chí 14.4 đạt mức: 4

Tiêu chí 14.5: Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 14.5.

Quy trình xây dựng CTĐT và CDR CTĐT (số 347/2018) đã được bổ sung bằng một số văn bản để triển khai thực hiện (hướng dẫn số 72 về việc đối sánh chất lượng GD trong đó có hướng dẫn đối sánh CTĐT, kế hoạch số 224/KH-ĐHHL ngày 26/12/2019 về xây dựng quy trình quản lý và giải quyết công việc).

Năm 2015, Nhà trường rà soát và chuyển đổi các CTĐT từ niên chế sang học chế tín chỉ và ban hành và công bố 09 CTĐT đại học, 13 CTĐT cao đẳng (số 255/QĐ-ĐHHL). Năm 2018, có 5 CTĐT đại học và 1 CTĐT cao đẳng được cập nhật và được ban hành. Cũng năm 2018, Nhà trường tiếp tục rà soát cập nhật các CTĐT và CDR dựa trên việc khảo sát ý kiến các bên liên quan, hoàn thành và ban hành phiên bản cập nhật mới nhất năm 2019 cho 5 ngành đào tạo đại học (GDTH, GDMN, Du lịch, Kế toán, QTKD,) và 2 ngành đào tạo cao đẳng (GDTH, GDMN).

CTDH của các ngành đều có cấu trúc gồm khối kiến thức GD đại cương và khối kiến thức GD chuyên nghiệp, được sắp xếp khá hợp lý có sự lồng ghép phát triển các kỹ năng cơ bản. Các học phần đều có xác định điều kiện tiên quyết, được sơ đồ hóa thể hiện sự gắn kết và logic của chương trình.

Qua các lần cập nhật, tỷ lệ giờ thực hành, thực tập và thực tế có tăng, các kỹ năng cơ bản được đưa vào CDR. Khảo sát CTDH của một số ngành đào tạo hiện nay (ban hành năm 2019) cho thấy tỷ lệ học phần thực hành, thực tập và thực tế có xu hướng tăng ở hầu hết các CTĐT, mức tăng cao nhất là 9% (GDMN 26% lên 35%), thấp nhất là 3% (Kế toán 16% lên 19%) so với phiên bản năm 2015. Một số kỹ năng mềm thiết yếu đã được đưa vào CDR của chương trình như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm (100% số CTDH). Một số kỹ năng mềm được nhà trường cung cấp cho SV qua các hoạt động ngoài chương trình.

Mặc dù đã được rà soát song đến hết năm 2019 quy trình xây dựng, đánh giá CTDH và đề cương học phần chưa được cập nhật và ban hành lại để đảm bảo sự thống nhất và đầy đủ hơn.

Tỷ lệ tín chỉ tự chọn nhìn chung có xu hướng giảm ở hầu hết các ngành, giảm nhiều nhất ở GDMN (từ 25% xuống 15%).

2. Đánh giá tiêu chí 14.5 đạt mức: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 14:

Điểm mạnh:

CTĐT được xây dựng, rà soát và thẩm định phê duyệt theo quy trình chặt chẽ, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng, có tham khảo ý kiến các bên liên quan, CTDH của các ngành đào tạo bậc ĐH và cao đẳng cơ bản đáp ứng Khung trình độ quốc gia và khối lượng kiến thức tối thiểu theo Thông tư 07/2015.

Nhà trường có đầy đủ ĐCCT các học phần được phê duyệt và ban hành, được GV công bố đến từng SV trước khi thực hiện. Hoạt động dạy học được kế hoạch hóa chi tiết, được giám sát thực hiện.

Tỷ lệ giờ thực hành, thực tập và thực tế có tăng, một số kỹ năng cơ bản đã được đưa vào CĐR.

Tồn tại:

Trong quy trình thiết kế, đánh giá, rà soát CTĐT và CĐR (số 347/Qtr-ĐHHL) việc xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CĐR của CTĐT, đối sánh với các CTĐT khác, thiết kế ĐCCT các học phần chưa được mô tả rõ ràng theo Thông tư 07/2015 (các bước 2, 4 và 5 trong Thông tư 07/2015).

Nhà trường chưa có quy định đầy đủ về việc xây dựng, rà soát, thẩm định và phê duyệt đề cương học phần.

Việc cụ thể hóa CĐR CTĐT vào trong CĐR học phần chưa được đầy đủ cho tất cả các học phần. CĐR một số CTĐT chưa thể hiện được tính đặc thù của ngành đào tạo.

Việc quán triệt thực hiện triết lí GD trong các CTĐT, trong các học phần và hoạt động dạy học còn hạn chế.

Quy trình xây dựng, đánh giá CTDH và đề cương học phần chưa được cải tiến.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần tiếp tục rà soát quy trình thiết kế, đánh giá, rà soát CTĐT và CĐR (số 347/Qtr-ĐHHL), từ đó cải tiến và ban hành quy định, quy trình/hướng dẫn (mới) về việc phát triển CTĐT, CTDH và ĐCCT học phần.

Cần tích cực hoàn thiện bộ ĐCCT học phần của các CTDH, chú trọng khả năng đạt được CĐR CTĐT, thực hiện triết lí giáo dục và giá trị cốt lõi trong xây dựng, đánh giá CTĐT.

Cần thường xuyên thu thập đầy đủ ý kiến phản hồi của các bên liên quan phục vụ phát triển CTĐT.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 14	3,80

Tiêu chí 14.1	4
Tiêu chí 14.2	4
Tiêu chí 14.3	4
Tiêu chí 14.4	4
Tiêu chí 14.5	3

TIÊU CHUẨN 15: GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Tiêu chí 15.1: Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 15.1.

Nhà trường có nhiều văn bản và các cuộc họp, hội nghị chỉ đạo các đơn vị xây dựng, rà soát CTĐT và CDR đảm bảo phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của Nhà trường đã tuyên bố. Minh chứng và kết quả phỏng vấn GV cho thấy Nhà trường đã chú trọng công tác bồi dưỡng nghiệp vụ giảng dạy của GV bằng việc tổ chức một số khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, dự giờ trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, tổ chức tập huấn cho GV về xây dựng điều chỉnh CTĐT (số 219/KH-ĐHHL ngày 13/12/2018). Đầu năm 2020, Nhà trường tuyên bố triết lý giáo dục “Toàn diện, Sáng tạo, Nhân văn”.

Qua minh chứng và phỏng vấn cho thấy các khoa, bộ môn có tổ chức sinh hoạt chuyên môn thảo luận về các hoạt động dạy và học phù hợp với mục tiêu giáo dục và CDR.

Nhà trường có sự phân công trách nhiệm các đơn vị, cá nhân trong việc xây dựng và triển khai thực hiện, giám sát quá trình dạy học hướng đến đạt CDR. Những cải tiến trong việc xây dựng ĐCCT học phần từ năm 2019 đã góp phần quan trọng đảm bảo cho hoạt động dạy và học đạt CDR.

Nhà trường chậm ban hành văn bản quy định/hướng dẫn và biểu mẫu việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được CDR.

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường chưa có quy định, hướng dẫn để GV và người học đưa triết lý giáo dục và giá trị cốt lõi vào CTĐT, đó đó chưa thể hiện rõ trong các CDR CTĐT và CDR các học phần.

Nội dung hướng dẫn SV học và tự học trong đề cương của một số học phần còn chung chung.

2. Đánh giá tiêu chí 15.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 15.2: Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 15.2.

Áp dụng chính sách thu hút tuyển dụng của tỉnh Ninh Bình ban hành năm 2011 (số 27/2011/NQ-HĐND ngày 15/12/2011), Nhà trường có các kế hoạch ngắn hạn và trung hạn về công tác đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng cán bộ. Nhà trường đã có Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ hàng năm và giai đoạn 2018 - 2020 định hướng đến 2025 (số 23/KH-ĐHHL ngày 25/01/2018) và Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ (số 265/QĐ-ĐHHL ngày 11/5/2018).

Nhà trường có quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị trong Quy chế tổ chức hoạt động của Trường (số 258/QĐ_ĐHHL, 09/7/2019), Quy định chế độ làm việc của GV (số 662/QĐ-ĐHHL ngày 23/12/2019) thực hiện phân cấp quản lý đánh giá chuyên môn và phân công lao động cho các đơn vị theo vị trí việc làm, phù hợp với năng lực và tình hình thực tế công tác kết hợp với việc điều động GV tham gia các hoạt động khác của Nhà trường một cách hợp lý. Việc phân công chuyên môn, dự giờ đánh giá GV được tiến hành hằng năm, có hồ sơ lưu giữ đầy đủ.

Nhà trường chưa có chiến lược dài hạn được tỉnh phê duyệt về phát triển nguồn nhân lực chuyên môn gắn với chiến lược/định hướng phát triển tổng thể của Nhà trường, nhằm đồng thời đáp ứng điều kiện đảm bảo chất lượng, vừa thích ứng với sự biến động về quy mô và cơ cấu ngành đào tạo của Nhà trường. Nhiều GV thiếu giờ dạy ở một số đơn vị không tuyển sinh được trong các năm gần đây, một số GV phải đảm nhận giảng dạy các môn học khác ngành đào tạo (ngành gần).

Tỷ lệ cán bộ đi đào tạo bậc tiến sĩ còn thấp so với yêu cầu công tác và kế hoạch đặt ra, dự báo không đạt các chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2018 - 2020. Trong cả giai đoạn 2015 - 2019, Nhà trường chỉ đào tạo được 6 tiến sĩ, tuyển dụng 01 tiến sĩ.

2. Đánh giá tiêu chí 15.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 15.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 15.3.

Nhà trường có các hoạt động nhằm tạo dựng môi trường học tập đa dạng cho người học để đạt CĐR. Nhà trường có nhiều văn bản chỉ đạo và hoạt động triển khai ở các đơn vị chuyên môn nhằm đa dạng hóa các hình thức tổ chức và phương pháp dạy học

tích cực. Minh chứng cho thấy nhà trường đã có hợp tác với các doanh nghiệp, công ty, thường xuyên liên hệ với các cơ quan quản lý giáo dục và trường học trong việc triển khai đào tạo các ngành nghề. Nhà trường có các hoạt động thực tập ngắn hạn cho SV tại doanh nghiệp và cơ quan. Trong các năm từ 2015 đến 2019, có 443 lượt SV đi thực tập ngắn hạn tại các doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu ở tỉnh Ninh Bình. Các hoạt động PVCD cũng được Nhà trường chú trọng tổ chức: hoạt động tình nguyện của SV hàng năm, bảo vệ môi trường, hiến máu nhân đạo, hỗ trợ người nghèo, cứu trợ thiên tai, tham gia các hoạt động và sự kiện của tỉnh, hoạt động công ích cho Nhà trường...

Khảo sát thực tế cho thấy không gian học tập trong trường bao gồm giảng đường, các PTN, PTH, phòng máy tính, một số không gian ngoài trời phục vụ nhu cầu tự học ngoài giờ,... đáp ứng yêu cầu đào tạo.

Nhà trường đã có các hoạt động hỗ trợ GV đổi mới phương pháp dạy học trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, phát triển môi trường học tập và đổi mới các hoạt động dạy học hướng đến đạt CDR. Trong các năm từ 2016 đến 2019, Nhà trường thường xuyên tổ chức tập huấn (1 lần/năm) nâng cao năng lực sử dụng CNTT cho CBGV để ứng dụng các phương pháp, công nghệ dạy học hiện đại. Minh chứng cho thấy nhiều GV đã tích cực sử dụng các phần mềm hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Các hình thức học tập tích cực (NCKH, tiểu luận, khóa luận, thực tế nghề nghiệp) được khuyến khích. Hình thức bài tập tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp được triển khai ở một số CTĐT (Kế toán, QTKD). Nhà trường đã triển khai tổ chức một số loại hình hoạt động ngoài giờ như thi Ý tưởng khởi nghiệp (SV khoa kinh tế kỹ thuật, 2018), Hành trình trên đất Cố đô (SV khoa Xã hội- Du lịch, 2016), Hội thi nghiệp vụ sư phạm, Hội thi nghề nghiệp được tổ chức hàng năm. Hoạt động SV NCKH từ 2014 - 2019 thu hút từ 1,31% đến 1,98% số người học tham gia, có 63 đề tài NCKH, trong đó có 28 đề tài đạt giải cấp trường (tỷ lệ 46%), và 70 đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường thường xuyên có SV Lào theo học các CTĐT, tuy nhiên Nhà trường chưa có chương trình trao đổi sinh viên với các trường đại học nước ngoài. Qua ý kiến nhà sử dụng lao động, Nhà trường cần tăng cường các hoạt động đào tạo thông qua trải nghiệm nghề nghiệp thực tiễn.

Kết quả kiểm tra độc lập của Đoàn đánh giá ngoài với 35 tài liệu học tập chính và 32 tài liệu tham khảo trong đề cương học phần của 05 CTĐT thì Thư viện có 34/35 tài liệu học tập chính và 29/32 tài liệu tham khảo. Thư viện đã khai thác nguồn tài liệu số phục vụ đào tạo từ cuối năm 2019.

Hoạt động dạy học tích cực, dạy học theo dự án (Project - based learning), hướng dẫn và đánh giá việc tự học của SV cần được tăng cường.

2. Đánh giá tiêu chí 15.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 15.4: Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 15.4.

Nhà trường có hệ thống giám sát hoạt động dạy học, được phân cấp rõ ràng cho các đơn vị: P.ĐT-QLKH; Khoa, Bộ môn; Ban thanh tra nhân dân. Dựa trên kế hoạch tổng thể năm học và phân công chuyên môn đã phê duyệt và thực tế triển khai, việc giám sát có hồ sơ đầy đủ: trực theo dõi giảng dạy, lịch dạy bù, sổ theo dõi giảng dạy, báo cáo tình hình giảng dạy (có hồ sơ kế hoạch và các bản phân công nhiệm vụ hàng năm từ 2015-2019).

Nhà trường phân cấp đánh giá GV và nhân viên cho trường các đơn vị, việc đánh giá cán bộ quản lý do Ban Giám hiệu thực hiện. Bộ môn và các khoa đào tạo tổ chức dự giờ đột xuất, sinh hoạt chuyên môn góp ý GV.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức đối thoại với SV, thu thập ý kiến phản hồi của SV về hoạt động dạy học làm cơ sở đánh giá từng GV và để cải tiến chất lượng. Qua báo cáo phân tích, độ tin cậy của các số liệu khảo sát ngày càng được cải thiện.

Dựa trên thông tin phản hồi và các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, dự giờ GV, Nhà trường triển khai thực hiện cải tiến chất lượng phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học từ cấp Bộ môn. Các đề xuất cải tiến được P.ĐT- QLKH tập hợp và BGH phê duyệt.

Minh chứng cho thấy hàng năm Nhà trường có tổ chức tập huấn và hội thảo về ứng dụng CNTT trong giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học nhằm cải thiện chất lượng hoạt động dạy học.

Nhà trường chưa có phần mềm dành cho việc thu thập và xử lý số liệu khảo sát các bên liên quan, các số liệu nêu trong báo cáo chủ yếu là số liệu thô, chưa được xử lý sâu để có thông tin phong phú hơn cho công tác quản lý.

Số liệu về kết quả học tập và khảo sát ý kiến SV về các môn học chưa được xử lý thống kê một cách đầy đủ để có thông tin cần thiết phục vụ hoạt động cải tiến chất lượng.

Việc lấy ý kiến SV sau khi tốt nghiệp về chất lượng CTĐT đã được thực hiện, tuy nhiên nội dung các phiếu khảo sát chưa đầy đủ về các điều kiện đảm bảo chất lượng liên quan đến CTĐT.

2. Đánh giá tiêu chí 15.4 đạt mức: 4

Tiêu chí 15.5: Triết lí giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 15.5.

Tháng 1 năm 2020, Nhà trường lần đầu tiên công bố triết lí giáo dục “Toàn diện, Sáng tạo, Nhân văn” (số 22/QĐ-ĐHHL ngày 08/01/2020), thể hiện quan điểm giáo dục toàn diện và hướng tới mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã tuyên bố. Nhà trường đã xây dựng Chương trình hành động thực hiện “Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lí giáo dục” (số 33/Ctr-ĐHHL ngày 13/01/2020).

Trước đó, Nhà trường chỉ đạo các đơn vị đào tạo xây dựng, rà soát CTĐT và thực hiện hoạt động dạy học nhằm đạt mục tiêu giáo dục. Nhà trường đã tiến hành thu thập ý kiến phản hồi của SV về hoạt động dạy học sau mỗi năm học.

Minh chứng cho thấy hàng năm các bộ môn có sinh hoạt chuyên môn góp ý, rà soát và điều chỉnh các hoạt động dạy học. CTDH cũng đã được rà soát và chỉnh sửa ban hành lại vào các năm 2015, 2018 và 2019. Nhà trường đang tiếp tục tiến hành rà soát, chỉnh sửa ĐCCT các học phần của CTDH 2019 theo hướng đảm bảo đạt CĐR CTĐT và hỗ trợ SV tự học hiệu quả hơn.

Trong quá trình xây dựng triết lí giáo dục, Nhà trường đã lấy ý kiến góp ý của GV toàn trường (số 675/TB-ĐHHL ngày 28/12/2019).

Minh chứng cho thấy Nhà trường đã thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động dạy học, có các hoạt động cải tiến chất lượng giảng dạy ở cấp bộ môn.

Triết lí giáo dục chậm được công bố (tháng 1/2020), do đó trong chu kỳ đánh giá, Nhà trường chưa có các hoạt động nhằm đảm bảo triết lí giáo dục được triển khai trong các CTĐT, các hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá.

Việc thu thập ý kiến phản hồi của cựu SV và nhà tuyển dụng chưa được thường xuyên, chưa lấy ý kiến đầy đủ các bên liên quan khác về triết lí giáo dục.

2. Đánh giá tiêu chí 15.5 đạt mức: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 15:

Điểm mạnh:

Nhà trường có quan tâm chỉ đạo và tổ chức các hoạt động hỗ trợ GV để xây dựng CTĐT và CĐR đổi mới phương pháp dạy học trên cơ sở ứng dụng công nghệ hiện đại, phát triển môi trường học tập hướng đến đạt CĐR, bám sát mục tiêu giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố.

Nhà trường có hệ thống giám sát hoạt động dạy học, được phân cấp rõ ràng cho đến từng đơn vị. Hoạt động dạy học được lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và được giám sát hiệu quả, được thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV để cải tiến chất lượng.

Đề cương chi tiết các học phần đang tiếp tục được cập nhật, chỉnh sửa, các hình thức học tập tích cực (NCKH, tiểu luận, khóa luận, thực tế nghề nghiệp) được khuyến khích nhằm đảm bảo quá trình đào tạo đạt CĐR.

Tồn tại:

Môi trường học tập trực tuyến hỗ trợ dạy học và quản lý đào tạo chưa được phát triển theo kịp xu hướng hiện nay.

Nội dung hướng dẫn SV học và tự học trong đề cương các học phần còn chung chung, hoạt động dạy học tích cực, dạy học theo dự án (Project - based learning), hướng dẫn và đánh giá việc tự học của SV chưa phổ biến.

Số liệu khảo sát chưa được xử lý sâu để có thông tin đầy đủ và tin cậy, giúp cho GV cải tiến chất lượng giảng dạy và đánh giá GV, làm cơ sở cải tiến chất lượng của nhà trường.

Triết lý giáo dục chậm được công bố, chưa có các hoạt động nhằm đảm bảo triết lý giáo dục được triển khai trong các CTĐT, các hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần lấy ý kiến các bên liên quan và tăng cường truyền thông về triết lý giáo dục, hướng dẫn và triển khai để GV và người học vận dụng hiệu quả triết lý giáo dục mới được công bố.

Nhà trường cần đẩy nhanh việc rà soát chỉnh sửa, cập nhật ĐCCT các học phần, tăng tỷ lệ các hoạt động dạy học tích cực, tự học, hoạt động SV NCKH và khởi nghiệp sáng tạo để đảm bảo đạt CĐR của CTĐT.

Cần đầu tư xây dựng môi trường học tập trực tuyến, tăng cường và kết nối các nguồn lực hỗ trợ dạy học và khuyến khích tự học của SV.

Tăng cường việc xử lý thống kê số liệu khảo sát để có thông tin đầy đủ và tin cậy, giúp cho GV cải tiến chất lượng giảng dạy và đánh giá GV, làm cơ sở cải tiến chất lượng của nhà trường.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 15	3,80
Tiêu chí 15.1	4
Tiêu chí 15.2	4
Tiêu chí 15.3	4

Tiêu chí 15.4	4
Tiêu chí 15.5	3

TIÊU CHUẨN 16: ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 16.1: Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 16.1.

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định và phân công các đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm lập kế hoạch, lựa chọn các loại hình đánh giá người học (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012, Quy định chức năng nhiệm vụ các đơn vị; số 327/QĐ-ĐHHL ngày 20/7/2015, Quy định trách nhiệm các đơn vị khi đào tạo tín chỉ; số 653/QĐ-ĐHHL năm 2016, Quy định về thi kết thúc học phần; số 107/QĐ-ĐHHL ngày 31/3/2015, Quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ; số 128/QĐ-ĐHHL ngày 02/3/2018 bổ sung QĐ số 107). P.KT&ĐBCL là đơn vị đầu mối tham mưu cho Nhà trường về các văn bản quy định quy trình lập kế hoạch, phân công trách nhiệm, lựa chọn phương thức và tổ chức thi đánh giá kết quả học tập.

Nhà trường đã ban hành các quy định về đánh giá người học trong đó có sự phân cấp việc lập kế hoạch và lựa chọn loại hình đánh giá phù hợp với các hoạt động đánh giá (số 653/QĐ-ĐHHL, số 107/QĐ-ĐHHL, số 128/QĐ-ĐHHL). Việc đánh giá quá trình được giao cho GV quyết định kế hoạch, nội dung và hình thức đánh giá; các kì thi kết thúc học phần do P.KT&ĐBCL phối hợp với các khoa thực hiện; kế hoạch và đánh giá thực tập, thi cuối khóa và khóa luận được giao cho P.ĐT-QLKH phối hợp các khoa thực hiện.

Khảo sát các minh chứng cho thấy quy trình tổ chức thi được Nhà trường thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, kế hoạch kỳ thi được xây dựng từ đầu năm học, kế hoạch cụ thể được xây dựng trước khi thực hiện ít nhất 2 tháng và công bố trước 1 tháng. Các kỳ thi học phần Nhà trường đều thành lập Ban coi thi và các tiểu ban, trực tiếp triển khai thực hiện kế hoạch. Các học phần đều có bài kiểm tra thường xuyên (hệ số 1, tỷ lệ 12,5%) và bài kiểm tra giữa kỳ (hệ số 2, tỷ lệ 25%) do GV thực hiện, bài thi kết thúc học phần (hệ số 5, tỷ lệ 62,5%) được P.KT&ĐBCL chủ trì tổ chức thực hiện.

Các loại hình, tiêu chí và nội dung đánh giá kết quả học tập của SV đã từng bước được cải thiện trong ĐCCT học phần năm 2019 (có mục tiêu cụ thể, CĐR học phần tham

chiếu CĐR CTĐT, quy định kiểm tra đánh giá, tham chiếu nội dung dạy học và các hình thức kiểm tra đánh giá ...).

Khảo sát các đề cương học phần của một số CTĐT cho thấy, trong các phiên bản ĐCCT học phần những năm từ 2018 trở về trước việc xác định các loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá trong quá trình học tập còn thiếu cơ sở. Cụ thể, ĐCCT một số học phần thực hiện năm 2015, 2016, 2017 thiếu nhiều nội dung như CĐR học phần, quy định phương thức đánh giá và tiêu chuẩn đánh giá kết quả học tập mô tả sơ sài, chung chung, chưa đủ cơ sở để đảm bảo việc đạt CĐR CTĐT khi thực hiện dạy học. Các nội dung còn thiếu đã được khắc phục và bổ sung một phần trong phiên bản ĐCCT năm 2018 và tương đối đầy đủ trong phiên bản đang xây dựng và thực hiện từ năm 2019.

Kết quả thi, kiểm tra chưa được xử lý thống kê phân tích số liệu nhằm có các thông tin cho việc cải tiến chất lượng dạy học và đánh giá.

2. Đánh giá tiêu chí 16.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 16.2: Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 16.2.

Nhà trường có quy trình và các quy định rõ ràng để thực hiện đánh giá người học, được công khai và thực hiện đầy đủ: Quy định đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy theo học chế tín chỉ của Trường (số 101/2015-QĐ-ĐHHL ngày 31/3/2015) quy định các nội dung và quy trình đánh giá kết quả người học ở Chương III (Kiểm tra và thi học phần), và Chương IV (Xét và công nhận tốt nghiệp); bổ sung quy định đánh giá học phần thực hành (số 128/QĐ-ĐHHL ngày 02/3/2018); quy trình cụ thể việc thi học phần được quy định trong Quy định về tổ chức thi kết thúc học phần (số 653/QĐ-ĐHHL ngày 21/11/2016).

Quy trình các hoạt động đánh giá được nêu rõ ràng, có công bố các văn bản liên quan trên website P.KT&ĐBCL, được GV thông báo cho SV trước mỗi học phần và Nhà trường công bố kế hoạch cụ thể trước kì thi ít nhất 01 tháng.

Việc đa dạng hóa các phương pháp kiểm tra đánh giá đã được Nhà trường và các khoa, bộ môn quan tâm, việc đánh giá quá trình được coi trọng hơn (chiếm 37,5%). Nhà trường hiện đang áp dụng các phương pháp kiểm tra đánh giá người học chủ yếu là tự luận, trắc nghiệm khách quan trên giấy hoặc trên máy tính, thực hành trên máy tính, vấn đáp, khóa luận.

Kiểm tra thực tế tại P.KT&ĐBCL và qua phỏng vấn GV, SV cho thấy Nhà trường đã thực hiện đúng quy định về quản lí bài thi, đề thi, tổ chức chấm thi và quản lí điểm.

Từ năm 2019, Nhà trường đã triển khai xây dựng ĐCCT học phần theo hướng dẫn mới (CV 634/ĐHHL-ĐT&QLKH, ngày 03/12/2018, các biểu mẫu kèm theo) trong đó thể

hiện rõ mối quan hệ giữa CĐR học phần với CĐT CTĐT, các phương thức đánh giá người học với các CĐR học phần nên đảm bảo việc đánh giá kết quả người học dựa trên CĐR.

Tuy nhiên, trong nửa đầu chu kỳ đánh giá, ĐCCT học phần (năm 2018 về trước) chưa mô tả CĐR, hoặc chưa có ma trận tham chiếu CĐR với bộ câu hỏi thi và đề thi, thiếu thông tin chi tiết về mối quan hệ giữa phương thức và nội dung đánh giá với các nội dung, mục tiêu và CĐR học phần. Việc xây dựng ngân hàng đề thi còn chưa đầy đủ ở một số môn học.

2. Đánh giá tiêu chí 16.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 16.3: Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 16.3.

Nhà trường đã triển khai rà soát, đánh giá quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học đến từng học phần theo kế hoạch số 195/KH-ĐHHL ngày 15/11/2018 (về rà soát, đánh giá quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học). Minh chứng cho thấy kế hoạch được triển khai thực hiện đến từng GV, tất cả các môn học đã có báo cáo đánh giá về việc thi, kiểm tra, bao gồm hình thức, nội dung, kết quả và quy trình thực hiện. Trên cơ sở đó, năm 2019 các Bộ môn đã có những xem xét, phân tích và kiến nghị đề xuất cải tiến chất lượng cho công tác đánh giá người học. Trước đó, năm 2016 Nhà trường thực hiện đề tài NCKH cấp trường về “Đổi mới công tác thi, kiểm tra và đánh giá ở trường ĐH Hoa Lư theo học chế tín chỉ” nhằm đáp ứng việc chuyển đổi đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Kiểm tra thực tế cho thấy kết quả thi được Nhà trường công bố công khai bằng cả hai hình thức: trên cổng thông tin đào tạo để sinh viên truy cập và in bảng điểm dán công khai. Số liệu thống kê trong các năm 2017-2019 có 17 đơn phúc khảo bài thi của 12 học phần, đã được nhà trường giải quyết thỏa đáng, trong đó có 3 trường hợp thay đổi kết quả.

Nhà trường đã thường xuyên lấy ý kiến người học về hoạt động kiểm tra đánh giá ở 4 nội dung: hình thức, phương pháp, nội dung đánh giá và tính công bằng, chính xác của kết quả đánh giá. Không thấy minh chứng về tình trạng khiếu nại, phản nàn về hoạt động kiểm tra đánh giá.

Việc phân tích sâu các số liệu bài thi nhằm đánh giá chất lượng đề thi (độ khó, độ phân biệt, độ tin cậy...), tình hình dạy học, và phân tích tác động của các hình thức kiểm tra đánh giá đến chất lượng dạy học còn chưa được hiệu quả.

2. Đánh giá tiêu chí 16.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 16.4: Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 16.4.

Nhà trường đã chú trọng việc cải tiến phương pháp đánh giá người học hướng tới đạt CĐR. Từ năm 2015 đến nay, ĐCCT được cập nhật theo từng năm học đã từng bước chú trọng đến các nội dung về kiểm tra đánh giá, xu hướng cải tiến phương thức kiểm tra đánh giá cuối học phần đã khá rõ nét: một số môn học chuyển từ thi tự luận sang thi vấn đáp hoặc trắc nghiệm trên máy tính, một số học phần có thiết kế các rubrics đánh giá kết quả người học trong quá trình học tập. Các học phần của khoa Ngoại ngữ - Tin học có nhiều đổi mới và cải tiến về phương pháp kiểm tra đánh giá, đa dạng hóa và phù hợp với mục tiêu đánh giá, cần được phổ biến và nhân rộng. Theo thống kê năm học 2018-2019 tính trên số bài thi học phần, hình thức thi tự luận chiếm trung bình 82,7%, trắc nghiệm khách quan chiếm 0,31 % (chỉ 1 môn, khóa D10), vấn đáp chiếm 14,5%; thực hành chiếm từ 1,4 - 6,9 %.

Các phương pháp kiểm tra đánh giá của mỗi học phần đều được thông báo công khai đến người học qua ĐCCT và qua kế hoạch thi hàng kỳ.

Nhà trường đã thực hiện tốt các quy định hiện hành về công tác khảo thí nên không có tình trạng khiếu nại, phản nản về kết quả thi, kiểm tra. Số liệu thống kê trong các năm 2017-2019, có 17 đơn phúc khảo bài thi của 12 học phần, đã được nhà trường giải quyết thỏa đáng, trong đó có 3 trường hợp thay đổi kết quả. Qua hồ sơ và phỏng vấn người học cho thấy, không có tình trạng đơn thư khiếu nại, phản nản của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập.

Việc cải tiến các loại hình thi, kiểm tra đánh giá còn chưa mạnh mẽ và đồng bộ, đánh giá quá trình vẫn còn phụ thuộc chủ yếu vào các bài kiểm tra viết (thường xuyên và giữa kỳ). Việc đánh giá các kỹ năng chưa được thể hiện trong hoạt động đánh giá mô tả trong các ĐCCT.

Nhà trường chưa có quy trình/hướng dẫn xây dựng công cụ và phương pháp đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá; về cơ bản chưa có hoạt động kiểm chứng phương pháp trước khi áp dụng.

2. Đánh giá tiêu chí 16.4 đạt mức: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 16:

Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định và phân công các đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm trong công tác đánh giá người học, được công khai rộng rãi. Quy trình tổ

chức thi, kế hoạch các kỳ thi được xây dựng và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, được rà soát, đánh giá đến từng học phần.

Nhà trường thường xuyên thống kê số liệu tình hình kết quả thi kiểm tra đánh giá, lấy ý kiến người học về hoạt động kiểm tra đánh giá.

Các hình thức, phương pháp, tiêu chí và nội dung kiểm tra đánh giá đã từng bước được cải thiện, hướng tới đạt CĐR.

Nhà trường đã thực hiện tốt các quy định hiện hành về công tác khảo thí nên không có tình trạng khiếu nại, phản nản về kết quả thi, kiểm tra.

Tồn tại:

Nhà trường chưa có quy định/hướng dẫn cụ thể việc thiết kế xây dựng hoạt động kiểm tra đánh giá nhằm đạt mục tiêu và CĐR học phần. Hồ sơ các học phần chưa thể hiện đầy đủ việc thiết kế hoạt động đánh giá đảm bảo sự phù hợp với CĐR

Nhà trường chưa có hướng dẫn và quy định để đánh giá tính chính xác và độ tin cậy cũng như khả năng đo lường được mức độ đạt CĐR của các phương pháp và kết quả kiểm tra đánh giá, chưa có các công cụ và phương pháp đánh giá sâu kết quả thi, kiểm tra nhằm cải thiện chất lượng đề thi, điều chỉnh hoạt động dạy học.

Đề xuất hướng khắc phục:

Cần rà soát và bổ sung, cập nhật các quy định liên quan đến việc thiết kế, biên soạn, rà soát, cập nhật ĐCCT học phần và CTDH để hoạt động đánh giá người học đo lường được mức độ đạt CĐR.

Nhà trường cần tập huấn cho GV để nâng cao năng lực thiết kế các hoạt động đánh giá người học nhằm đảm bảo đạt CĐR học phần và CĐR CTĐT.

Cần thường xuyên có phân tích xử lý số liệu bài thi, kiểm tra để có biện pháp cải tiến chất lượng đề thi, ngân hàng đề thi; đánh giá độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp kiểm tra đánh giá; chú trọng đánh giá năng lực người học.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chí 16.1	4
Tiêu chí 16.2	4

Tiêu chí 16.3	4
Tiêu chí 16.4	3

TIÊU CHUẨN 17: CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ VÀ PHỤC VỤ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 17.1: Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 17.1.

Nhà trường đã ban hành Quy định về Công tác tổ chức, quản lý SV hệ ĐH chính quy (số 07/QĐ-ĐHHL ngày 04/1/2017), Quy định về công tác tư vấn, hỗ trợ SV và các hoạt động PVD của Trường ĐHHL (số 205/QĐ-ĐHHL ngày 9/5/2019), Quy định về công tác Trợ lý SV (số 851/QĐ-ĐHHL ngày 31/12/2016), Quy định về công tác quản lý học sinh, sinh viên ngoại trú (số 583/QĐ-ĐHHL ngày 31/12/2010), Quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với SV hệ chính quy (số 68/QĐ-ĐHHL ngày 25/2/2019), Quy định về công tác Giáo viên chủ nhiệm (số 425/QĐ-ĐHHL ngày 4/10/2018), Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên.

Kế hoạch hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được Nhà trường xây dựng lồng ghép trong Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ mỗi năm học trong đó, có kế hoạch và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện, đồng thời tiến hành phân công cụ thể tới các cá nhân theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị/kế hoạch năm học của trường/đơn vị. Các tài liệu về Kế hoạch và văn bản phân công nhiệm vụ cho mỗi cán bộ trong các đơn vị theo từng năm học (vào tháng 8 hàng năm: 20/8/2014; 15/8/2015; 22/8/2016; 20/8/2017; 20/8/2018..); Sổ tay CVHT, Sổ tay GVCN, Sổ tay TLSV được Nhà trường lưu trữ đầy đủ.

Công tác NCKH của SV được Nhà trường quan tâm. Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động NCKH của SV trường ĐHHL (số 262/QĐ-ĐHHL ngày 15/10/2010) trong đó quy định cụ thể về điều kiện, quyền lợi, trách nhiệm của SV tham gia NCKH và GV hướng dẫn. Trong giai đoạn 2014 - 2019 đã có 70 đề tài của SV (2014: 16 đề tài, 2015: 12 đề tài; 2016: 17 đề tài, 2017: 7 đề tài; 2018: 11 đề tài; 2019: 7 đề tài) với 140 SV hệ ĐH chính quy năm thứ hai/ba tham gia, được Nhà trường xét duyệt, phê duyệt và được nghiệm thu theo đúng quy định. Tổng kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV trong giai đoạn đánh giá là 50 triệu VND (Nhà trường hỗ trợ trung bình 700.000 VND/đề tài, từ năm 2019 là 800.000VND/đề tài). Nhà trường cũng đã tổ chức các Hội nghị tổng kết NCKH và thi nghiệp vụ nghề nghiệp của SV, trao thưởng cho SV đạt giải.

Kết quả thống kê cho thấy, trong giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường đã chi gần 2,5 tỷ VND cho công tác khen thưởng sinh viên đạt thành tích cao trong học tập, công tác và

học bổng khuyến khích học tập cho người học có thành tích xuất sắc trong học tập theo đúng quy định của TT 31/2013/TT-BGDĐT ngày 1/8/2013 của Bộ GD&ĐT. Nhà trường cũng đảm bảo thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các đối tượng theo đúng quy định của Nhà nước. Các hoạt động khác như: hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, tổ chức hội nghị gặp gỡ đối thoại giữa Nhà trường và đại diện SV các năm học (số 56/KH-ĐHHL ngày 8/4/2014, số 60 ngày 13/4/2015, số 64 ngày 27/4/2016, số 56 ngày 27/3/2017; số 05 ngày 4/1/2018, số 04 ngày 4/1/2019); tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức khởi sự doanh nghiệp, tổ chức “*Thanh niên với nghề nghiệp và việc làm*”... được Nhà trường và các đơn vị chức năng triển khai thường niên.

Công tác bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe cho người học cũng được Nhà trường quan tâm theo dõi, thực hiện đúng chế độ của Nhà nước đối với người học. Hệ thống thư viện cung cấp thông tin, tư liệu hỗ trợ người học trong hoạt động học tập và NCKH tại trường. Sinh viên đăng ký ở ký túc xá được Nhà trường cho ở miễn phí hết năm thứ nhất.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn các bên liên quan cho thấy, Nhà trường có phần mềm quản lý đào tạo và đội ngũ cố vấn học tập chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động đào tạo liên quan đến người học. Người học có thể theo dõi kết quả học tập trên trang cá nhân để có thể tự chủ trong việc xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân. Đội ngũ CVHT có thể căn cứ trên kết quả học tập của người học để tư vấn giúp người học sớm đạt được mục tiêu học tập. Kết quả giám sát, tư vấn hỗ trợ người học được đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo dõi cập nhật trong sổ tay theo mẫu quy định của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức các hội thảo về phương pháp học tập của sinh viên, giúp người học lựa chọn được phương pháp tối ưu cho bản thân.

Cuối mỗi năm học, Nhà trường thực hiện tổng kết năm học có phân loại đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ trong đó có đội ngũ CB hỗ trợ người học. Nhà trường đã tiến hành xây dựng bộ phiếu khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người học về các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học.

Hoạt động đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường chủ yếu thông qua các tiêu chí trong Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi đối với một số hoạt động riêng lẻ, hoặc qua tổng kết cuối năm học. Nhà trường chưa xây dựng riêng Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ; đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ.

2. Đánh giá tiêu chí 17.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 17.2: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 17.2.

Nhà trường đã phân công cho các đơn vị chuyên trách, tổ chức đoàn thể phụ trách từng lĩnh vực trong hoạt động tư vấn, dịch vụ hỗ trợ người học. Trong đó quy định bộ phận/cán bộ tư vấn, hỗ trợ, phục vụ SV trực thuộc P.CTSV là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm chung về hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV với đội ngũ nhân viên hỗ trợ có đủ trình độ tư vấn, hỗ trợ người học.

Đội ngũ cố vấn học tập gồm 22 CBGV, đội ngũ TLSV gồm 11 - 16 CBGV từ các bộ môn/đơn vị với tuổi đời từ 29 đến 46 và từ 4 năm đến 25 năm kinh nghiệm công tác, có nhiệm vụ hỗ trợ người học tại các lớp về các vấn đề liên quan đến học tập, NCKH, đời sống. Các CVHT, GVCN, TLSV có sổ tay theo dõi hoạt động của lớp/nhóm được giao phụ trách theo mẫu quy định chung của Nhà trường.

P.CTSV gồm 8 cán bộ, trong đó có 05 CB trình độ Thạc sĩ và 03 CB trình độ Đại học chịu trách nhiệm hỗ trợ người học các hoạt động liên quan đến chế độ chính sách, xét khen thưởng kỷ luật, xét điều kiện đạt học bổng khuyến khích học tập và các hoạt động hỗ trợ khác giúp người học hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức để SV dễ dàng hội nhập với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

CVHT, GVCN, TLSV xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động định kỳ hàng tháng để cung cấp thông tin cho SV về chương trình, kế hoạch ĐT đồng thời hướng dẫn, giám sát tiến trình học tập của SV. Nhà trường thực hiện giám sát quản lý kết quả học tập thông qua phần mềm quản lý ĐT theo dõi, đánh giá tiến trình và kết quả học tập của SV để nhắc nhở SV điều chỉnh kịp thời việc đăng ký các học phần phù hợp và học tập theo đúng tiến độ ĐT trong học kỳ. Công tác đánh giá rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật được P.CTSV chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường và BGD&ĐT.

Nhà trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến của SV hệ chính quy và SV sau tốt nghiệp đánh giá về hiệu quả, chất lượng dịch vụ và năng lực của đội ngũ CBGV tham gia phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của nhà trường. Qua phỏng vấn các bên liên quan và kết quả khảo sát đánh giá năng lực đội ngũ cố vấn học tập, cán bộ hỗ trợ cho thấy trên 90% người học hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ và đội ngũ cán bộ tư vấn hỗ trợ.

Nhà trường chưa biên soạn các biểu mẫu liên quan để theo dõi công tác tư vấn học tập, NCKH cho người học.

2. Đánh giá tiêu chí 17.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 17.3: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 17.3.

Nhà trường đã thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học thông qua các Báo cáo tổng kết năm học hàng năm; Báo cáo tại Hội nghị CBVC - NLĐ; Báo cáo về hoạt động tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp; Báo cáo kết quả công tác hàng tháng và nhiệm vụ trọng tâm cho tháng tiếp theo, trong đó đã đánh giá và đề ra phương hướng và kế hoạch trọng tâm cho tháng kế tiếp. Đồng thời, tại các hội nghị giao ban chuyên môn, Nhà trường đã đưa ra các biện pháp, kế hoạch cải tiến hoạt động và giao tới từng đơn vị trong trường.

Các hoạt động hỗ trợ người học còn được Nhà trường thông qua các hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo trường và đại diện sinh viên được ghi nhận và đưa ra các biện pháp cải tiến cũng như giao nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan.

Nhà trường cũng đã thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát người học như CVHT, GVCN, TLSV thông qua các Báo cáo tổng kết công tác TLSV, CVHT, GVCN của các khoa, Báo cáo tổng kết học kỳ, năm học của GVCN, CVHT. Các báo cáo tổng kết được Nhà trường lưu trữ đầy đủ.

Qua phỏng vấn các bên liên quan và kết quả khảo sát đánh giá năng lực đội ngũ cố vấn học tập, cán bộ hỗ trợ cho thấy trên 95% người học hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ và đội ngũ cán bộ tư vấn hỗ trợ.

Nhà trường chưa cụ thể hóa các dịch vụ hỗ trợ người học cần cải tiến trong năm học/kỳ học kế tiếp thành văn bản.

2. Đánh giá tiêu chí 17.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 17.4: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 17.4.

Nhà trường thường xuyên cập nhật, điều chỉnh các quy định, quy chế, chính sách sau mỗi kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả thực hiện công tác hỗ trợ giám sát người học như chính sách về học phí, về học bổng khuyến khích học tập. Nhà trường đã thực hiện trích 8% từ nguồn thu học phí theo đúng quy định để thực hiện chi cho học bổng khuyến khích học tập. Kết quả thống kê cho thấy, số người học đạt kết quả khá, giỏi, xuất sắc được Nhà trường cấp học bổng trong giai đoạn tự đánh giá là 2.440 lượt với số tiền gần 2,5 tỷ VNĐ; Nhà trường đã rà soát cập nhật các quy định về đánh giá rèn luyện, Quy định hoạt động của Cố vấn học tập (số 354/QĐ-ĐHHL ngày 26/8/2015, số 461 ngày 22/10/2018); Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV trường ĐHHL (đối với khối ngành ngoài sư phạm: số 08/QĐ-ĐHHL ngày 7/1/2015, số 27 ngày 22/1/2018).

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, số SV đạt kết quả khá giỏi giai đoạn 2014 - 2019 như sau: năm 2015: 38,1% (700/2.100); năm 2016: 49% (652/1.331); năm 2017: 66,3% (546/823); năm 2018: 39,4% (329/833) và năm 2019: 30,5% (213/698). Đội ngũ CVHT, GVCN luôn tư vấn hỗ trợ SV có kết quả học tập chưa tốt trong việc lựa chọn học phần và phương pháp học, ôn thi.

Qua phỏng vấn các bên liên quan và căn cứ trên dữ liệu khảo sát cho thấy trên 90% SV, cựu SV hài lòng về các hình thức cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, giám sát người học.

Qua phỏng vấn các bên liên quan và nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, việc cải tiến công tác tư vấn hỗ trợ người học có kết quả học tập kém cải thiện kết quả học tập chưa thật sự hiệu quả.

2. Đánh giá tiêu chí 17.4 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 17:

Điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành Quy định về Công tác tổ chức, quản lý SV hệ ĐH chính quy và Quy định về công tác tư vấn, hỗ trợ SV và các hoạt động PVCĐ của Trường ĐHHL, Quy định về công tác Trợ lý SV, Quy định về công tác quản lý học sinh, sinh viên ngoại trú, Quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với SV hệ chính quy, Quy định về công tác Giáo viên chủ nhiệm, Quy định về đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên...

Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được Nhà trường xây dựng lồng ghép trong Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ mỗi năm học, có kế hoạch và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện, đồng thời tiến hành phân công cụ thể tới các cá nhân theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị/kế hoạch năm học của trường/đơn vị.

Công tác NCKH của SV được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động NCKH của SV trường ĐHHL trong đó quy định cụ thể về điều kiện, quyền lợi, trách nhiệm của SV tham gia NCKH và GV hướng dẫn. Tổng kinh phí chi cho hoạt động NCKH của SV trong giai đoạn tự đánh giá là 50 triệu VND. Nhà trường cũng đã tổ chức các Hội nghị tổng kết NCKH và thi nghiệp vụ nghề nghiệp của SV, trao giải cho SV có kết quả NCKH đạt giải.

Kết quả thống kê cho thấy, trong giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường đã chi gần 2,5 tỷ VND cho công tác khen thưởng sinh viên đạt thành tích cao trong học tập, công tác và học bổng khuyến khích học tập cho người học có thành tích xuất sắc trong học tập theo đúng quy định của TT 31/2013/TT-BGDĐT ngày 1/8/2013 của Bộ GD&ĐT. Nhà trường cũng đảm bảo thực hiện chế độ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho các đối

tượng theo đúng quy định của Nhà nước. Các hoạt động khác như: hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, tổ chức hội nghị gặp gỡ đối thoại giữa Nhà trường và đại diện SV các năm học; tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức khởi sự doanh nghiệp, tổ chức “*Thanh niên với nghề nghiệp và việc làm*”... được Nhà trường và các đơn vị chức năng triển khai thường niên.

Công tác bảo hiểm y tế, chăm sóc sức khỏe cho người học cũng được Nhà trường quan tâm theo dõi, thực hiện đúng chế độ của Nhà nước đối với người học. Hệ thống thư viện cung cấp thông tin, tư liệu hỗ trợ người học trong hoạt động học tập và NCKH tại Trường.

Nhà trường có phần mềm quản lý đào tạo và đội ngũ cố vấn học tập chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động đào tạo liên quan đến người học. Người học có thể theo dõi kết quả học tập trên trang cá nhân để có thể tự chủ trong việc xây dựng kế hoạch học tập cho bản thân. Đội ngũ CVHT có thể căn cứ trên kết quả học tập của người học để tư vấn giúp người học sớm đạt được mục tiêu học tập. Kết quả giám sát, tư vấn hỗ trợ người học được đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo dõi cập nhật trong sổ tay theo mẫu quy định của Nhà trường. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức các hội thảo về phương pháp học tập của sinh viên, giúp người học lựa chọn được phương pháp tối ưu cho bản thân.

Cuối mỗi năm học, Nhà trường thực hiện tổng kết năm học có phân loại đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ trong đó có đội ngũ CB hỗ trợ người học. Nhà trường đã tiến hành xây dựng bộ phiếu khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người học về các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học.

Nhà trường đã phân công cho các đơn vị chuyên trách, tổ chức đoàn thể phụ trách từng lĩnh vực trong hoạt động tư vấn, dịch vụ hỗ trợ người học. Trong đó quy định bộ phận/cán bộ tư vấn, hỗ trợ, phục vụ SV trực thuộc P.CTSV là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm chung về hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV với đội ngũ nhân viên hỗ trợ có đủ trình độ tư vấn, hỗ trợ người học.

CVHT, GVCN, TLSV xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động định kỳ hàng tháng để cung cấp thông tin cho SV về chương trình, kế hoạch ĐT đồng thời hướng dẫn, giám sát tiến trình học tập của SV. Nhà trường thực hiện giám sát quản lý kết quả học tập thông qua phần mềm quản lý ĐT theo dõi, đánh giá tiến trình và kết quả học tập của SV để nhắc nhở SV điều chỉnh kịp thời việc đăng ký các học phần phù hợp và học tập theo đúng tiến trình ĐT trong học kỳ. Công tác đánh giá rèn luyện, khen thưởng kỷ luật được phòng CTSV chịu trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường và Bộ GD&ĐT.

Nhà trường đã tổ chức khảo sát lấy ý kiến của SV hệ chính quy và SV sau tốt nghiệp đánh giá về hiệu quả, chất lượng dịch vụ và năng lực của đội ngũ CBGV tham gia phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học của nhà trường.

Nhà trường đã thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học thông qua các Báo cáo tổng kết năm học hàng năm, Báo cáo tại Hội nghị CBVC - NLĐ; Báo cáo về hoạt động tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp; Báo cáo kết quả công tác hàng tháng và nhiệm vụ trọng tâm cho tháng tiếp theo, trong đó đã đánh giá và đưa ra phương hướng và kế hoạch trọng tâm cho tháng kế tiếp. Đồng thời, tại các hội nghị giao ban chuyên môn, Nhà trường đã đưa ra các biện pháp, kế hoạch cải tiến hoạt động và giao tới từng đơn vị trong trường.

Các hoạt động hỗ trợ người học còn được Nhà trường thông qua các hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo trường và đại diện sinh viên được ghi nhận và đưa ra các biện pháp cải tiến cũng như giao nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan.

Nhà trường cũng đã thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát người học như CVHT, GVCN, TLSV thông qua các Báo cáo tổng kết công tác TLSV, CVHT, GVCN của các Khoa, Báo cáo tổng kết học kỳ, năm học của GVCN, CVHT. Các báo cáo tổng kết được Nhà trường lưu trữ đầy đủ.

Nhà trường thường xuyên cập nhật, điều chỉnh các quy định, quy chế, chính sách sau mỗi kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả thực hiện công tác hỗ trợ giám sát người học như chính sách về học phí, về học bổng khuyến khích học tập. Nhà trường đã thực hiện trích 8% từ nguồn thu học phí theo đúng quy định để thực hiện chi cho học bổng khuyến khích học tập. Nhà trường đã rà soát cập nhật các quy định về đánh giá rèn luyện, Quy định hoạt động của Cố vấn học tập; Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập cho HSSV Trường ĐHHL.

Tồn tại:

Hoạt động đánh giá năng lực đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường chủ yếu thông qua các tiêu chí trong Bộ phiếu khảo sát lấy ý kiến phản hồi đối với một số hoạt động riêng lẻ, hoặc qua tổng kết cuối năm học. Nhà trường chưa xây dựng riêng Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ; đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ.

Nhà trường chưa biên soạn các biểu mẫu liên quan để theo dõi công tác tư vấn học tập, NCKH cho người học.

Nhà trường chưa cụ thể hóa các dịch vụ hỗ trợ người học cần cải tiến trong năm học/kỳ học kế tiếp thành văn bản và việc cải tiến công tác tư vấn hỗ trợ người học có kết quả học tập kém cải thiện kết quả học tập chưa thật sự hiệu quả.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường nên sớm ban hành Bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ, đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ và triển khai thực hiện.

Nhà trường nên ban hành các biểu mẫu liên quan đến công tác tư vấn hỗ trợ người học trong các hoạt động đào tạo, NCKH.

Nhà trường cần có kế hoạch cải tiến cụ thể việc triển khai dịch vụ hỗ trợ người học trong năm học/kỳ học kế tiếp sau rà soát, đánh giá.

Nhà trường cần kế hoạch và biện pháp cải tiến hơn nữa công tác tư vấn hỗ trợ người học đối với SV có kết quả học tập kém.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chí 17.1	4
Tiêu chí 17.2	4
Tiêu chí 17.3	4
Tiêu chí 17.4	4

TIÊU CHUẨN 18: QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 18.1: Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 18.1.

Hệ thống quản lý, giám sát, đánh giá các hoạt động nghiên cứu NCKH của Trường, bao gồm: Đảng uỷ, BGH, Hội đồng KH&ĐT Trường và các phòng chức năng liên quan, cụ thể: Phân công Hiệu trưởng chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của Nhà trường (bao gồm hoạt động KHCN); giao 01 Phó hiệu trưởng quản lý, điều hành các hoạt động NCKH và phụ trách các phòng chức năng thực hiện hoạt động NCKH; giao P.ĐT-QLKH chịu trách nhiệm quản lý hoạt động NCKH, các kết quả nghiên cứu và ứng dụng kết quả NCKH vào thực tiễn công tác của Nhà trường, bao gồm cả chức năng giám sát, rà soát và đánh giá các hoạt động NCKH và công nghệ (Thông báo Phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng các năm 2013, 2016, 2018, 2019 và

bản phân công nhiệm vụ cho các đơn vị năm học 2018-2019); thành lập Ban Thanh tra nhân dân thực hiện thanh tra, kiểm tra nội bộ các hoạt động của Trường (bao gồm hoạt động KHCN). Việc kiểm tra, rà soát các hoạt động KHCN thực hiện định kỳ hằng năm và đột xuất theo yêu cầu của Hiệu trưởng.

Nhà trường ban hành Quy định về quản lý hoạt động KHCN trong Trường ĐHHL (số 168/QĐ-ĐHHL ngày 5/9/2007); Quy định về hoạt động SHTT (số 681/QĐ-ĐHHL ngày 04/12/2018); Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên các năm 2015, 2016, 2017 và 2019 để xác định khối lượng NCKH đối với CB, GV của Trường. Trong đó, quy định rõ các chính sách, cơ chế quản lý thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động NCKH và công nghệ; quy trình nghiệp vụ trong hoạt động NCKH (quy trình xây dựng kế hoạch và đăng kí đề tài NCKH; xét duyệt đề cương, kiểm tra giám định và nghiệm thu đề tài NCKH; thực hiện khoá luận tốt nghiệp, viết giáo trình; quy định trích dẫn, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thực thi đạo đức trong NCKH); khối lượng NCKH của CB, GV...

Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường các năm 2015, 2016, 2017 có quy định về định mức và kinh phí chi cho hoạt động NCKH; Dự toán ngân sách hàng năm và các công văn hướng dẫn việc xây dựng Dự toán ngân sách năm 2016, 2017, 2018 đều có nội dung và dự toán kinh phí cho hoạt động NCKH. Trên cơ sở đó, thực hiện đảm bảo kinh phí cho hoạt động NCKH của CBGV và SV theo kế hoạch. Dự toán kinh phí NCKH giai đoạn 2015-2019 có xu hướng tăng: năm 2015: 380 triệu đồng, đến năm 2019: 761 triệu đồng.

Định mức NCKH hàng năm của GV được quy định tại các văn bản: Quy định về quản lý hoạt động NCKH và công nghệ trong Trường ĐHHL và Quy định Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên các năm 2015, 2016, 2017 và 2019. Theo đó, NCKH là yêu cầu bắt buộc đối với GV và là một tiêu chí bình xét thi đua, khen thưởng; mỗi giảng viên mỗi năm phải ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc để làm nhiệm vụ NCKH được tính là 600 giờ và bằng 200 giờ chuẩn cho NCKH...., thông qua các hoạt động: nghiên cứu đề tài khoa học; công bố khoa học; biên soạn giáo trình; hướng dẫn SV NCKH và được quy định khác nhau đối với từng chức danh nghề nghiệp; quy định rõ việc quy đổi giờ NCKH, bảo lưu giờ vượt định mức NCKH trong 1 năm kế tiếp. Hằng năm, Nhà trường có kế hoạch kiểm tra tiến độ thực hiện và thông báo kết quả để đôn đốc thực hiện đúng kế hoạch (các thông báo kiểm tra và báo cáo kết quả kiểm tra tiến độ NCKH các năm từ năm 2014-2019); Hằng năm học, mỗi CB, GV được đánh giá kết quả công việc, (gồm cả kết quả NCKH). Các kết quả NCKH còn được đánh giá qua các hội đồng nghiệm thu sản phẩm; tỉ lệ hoàn thành đúng hạn đạt 100 % và đáp ứng yêu cầu chất lượng theo kế hoạch đề ra.

Nhà trường có thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động NCKH nhưng chưa dựa trên tiêu chí đánh giá.

Quy định về quản lý hoạt động KH&CN trong Trường ĐHHL ban hành từ 2007 đã quá cũ và lạc hậu do chưa cập nhật những quy định mới của các văn bản cấp trên.

2. Đánh giá tiêu chí 18.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 18.2: Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 18.2.

Để tăng nguồn thu cho hoạt động KH&CN, Đề án Quy hoạch phát triển trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2030; Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020; Kế hoạch xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2011 - 2015, giai đoạn 2016 - 2020 và các năm 2014, 2015, 2016; Kế hoạch hoạt động KH&CN giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025 (Kế hoạch số 202/KH-ĐHHL ngày 26/11/2018) đã xác định “*Nghiên cứu mở thêm dịch vụ đào tạo; dịch vụ NCKH, chuyển giao công nghệ và các dịch vụ khác để tăng thêm nguồn thu....*” hay “*Khai thác hiệu quả các nguồn kinh phí dành cho hoạt động KH&CN như: Nguồn vốn Nhà nước, của Bộ GD&ĐT, của UDND tỉnh Ninh Bình, các nguồn vốn viện trợ của các tổ chức trong và ngoài nước..., thông qua các hợp đồng NCKH và chuyển giao công nghệ, các dự án, các hoạt động hỗ trợ trong NCKH với các tổ chức trong và ngoài nước*”.

Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030, đã xác định rõ chỉ tiêu cho cả giai đoạn và từng năm như: “*Đến năm 2030 trở thành trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của tỉnh Ninh Bình và khu vực đồng bằng sông Hồng*”; từ năm 2020 - 2025: Thành lập được Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng KH&CN và chuyển giao công nghệ; các nhóm nghiên cứu chuyên lĩnh vực; thực hiện các chương trình hợp tác nghiên cứu với các đối tác trong và ngoài nước; tham gia các hoạt động KH&CN cấp tỉnh, bộ, quốc gia và phấn đấu đạt ít nhất 2 giải thưởng KH&CN cấp tỉnh, bộ hoặc quốc gia/năm” và “Phấn đấu chỉ tiêu giai đoạn 2020 - 2025 đến 2030... Nguồn thu từ các hoạt động NCKH, đào tạo ngắn hạn, tư vấn, dịch vụ đóng góp từ 10% - 20% tổng nguồn thu tài chính”. Thực hiện chiến lược tăng nguồn thu từ hoạt động KH&CN, trong Kế hoạch hoạt động KH&CN giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025 đã xác định rõ 3 nhóm nghiên cứu chuyên sâu (Nhóm NCKHTN, KT&CN; nhóm KTNN; nhóm KHXH&NV). CB, GV của Trường đã tham gia nhiều đề tài NCKH và đã giành được các giải thưởng cấp quốc gia, cấp tỉnh; viết và xuất bản nhiều giáo trình, tài liệu chuyên khảo; thực hiện một số hợp đồng chuyển giao công nghệ với các đơn vị ngoài Trường như: Bộ KH&CN; Sở KH&CN, Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình. Trong

giai đoạn 2014 - 2019, tổng nguồn thu của Nhà trường từ các hợp đồng NCKH, giải thưởng NCKH các cấp là 3.316.500.000 đồng.

Nhà trường đã ban hành chính sách thu hút, khuyến khích CB, GV, SV tham gia hoạt động NCKH như: Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường các năm 2015, 2016, 2017; Quy định về hoạt động NCKH của SV Trường ĐHHL, ban hành Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ để bảo hộ quyền tác giả đối với các tài sản trí tuệ, Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên các năm 2015, 2016, 2017 và 2019, Quy định mức tài chính chi hỗ trợ hoạt động NCKH và chấm khoa luận tốt nghiệp của SV; hỗ trợ các thủ tục hồ sơ pháp lý để CB, GV thực hiện tốt các nhiệm vụ nghiên cứu; tạo điều kiện về thời gian, sắp xếp công việc để tham gia các hợp tác, dự án nghiên cứu các cấp; hỗ trợ kinh phí....

Giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường đã hợp tác nghiên cứu với 05 Trường ĐH, Viện ITIMS, Viện Toán học Việt Nam, Trung tâm NC của Nhật Bản, Hàn Quốc ở các lĩnh vực KHTN để thực hiện chung đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Tỉnh, viết báo; đã xuất bản 37 cuốn sách, tài liệu; tổ chức các Hội thảo khoa học các cấp tại Trường (Hội thảo khoa học các chuyên đề Olympic Toán học, Hội thảo tập huấn Emodo và Google form...). Nhà trường đã chủ trì thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước; 06 đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh; 181 đề tài cấp Cơ sở; xuất bản 37 cuốn sách, tài liệu; có 29 bài báo công bố trên các Tạp chí quốc tế (ISI, SCOPUS và các tạp chí quốc tế khác); 240 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước và 30 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế; 18 giải thưởng khoa học, bằng lao động sáng tạo; tham gia với các đối tác thực hiện 7 đề tài cấp Nhà nước.

Tổng kinh phí chi cho hoạt động NCKH của CB, GV trong giai đoạn 2015 - 2019 là 4.136 triệu đồng. Trong đó, năm 2015: 891 triệu đồng; năm 2016: 904 triệu đồng; năm 2017: 1056 triệu đồng, năm 2018: 768 triệu đồng; năm 2019: 517 triệu đồng. Bình quân là 827 triệu đồng/năm, chiếm tỉ lệ 8,02% trong tổng thu của Trường (51.557 triệu đồng).

Các CB, GV của Nhà trường chỉ tham gia nhóm nghiên cứu với các đối tác bên ngoài mà chưa chủ trì nhóm nghiên cứu chuyên sâu của Trường. Số lượng đối tác hợp tác trong NCKH và CGCN còn hạn chế (nhất là chưa có đối tác nước ngoài), chưa tương xứng với tiềm năng của Trường.

Các đề tài cấp cơ sở của Trường còn hạn chế trong thực hiện chuyển giao công nghệ; NCKH của Trường trong lĩnh vực KHKT còn hạn chế.

Tỉ lệ chi cho NCKH của SV còn thấp (bình quân 31 triệu đồng/năm, chiếm tỉ lệ 0.4% tổng nguồn thu học phí/năm), chưa đảm bảo quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ (là 3%).

2. Đánh giá tiêu chí 18.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 18.3: Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 18.3.

Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hoạt động KH&CN Trường ĐHHL giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến 2025; các Kế hoạch triển khai công tác NCKH hằng năm; Kế hoạch năm học của Nhà trường và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của từng năm học đã xác định các KPIs về số lượng và chất lượng NCKH: số lượng đề tài/nhiệm vụ NCKH các cấp; số bằng sáng chế, giải pháp hữu ích; số lượng sản phẩm KHCN được chuyển giao; số đề tài/chương trình/dự án hợp tác nghiên cứu; số lượng công bố trên các tạp chí trong nước, quốc tế, trong Kỷ yếu khoa học quốc tế; các tài liệu, giáo trình, sách chuyên khảo phục vụ giảng dạy; số lượng SV tham gia NCKH; số giải thưởng KHCN; nguồn thu từ hoạt động KHCN. Một số KPIs được cụ thể hóa trong dự toán kinh phí cho hoạt động KHCN các năm tài chính.

Hàng năm, Nhà trường đều tổng kết đánh giá mức độ đạt được các KPIs và xác định phương hướng, nhiệm vụ KHCN của năm tiếp theo. Theo đó, Nhà trường tổ chức cho các cá nhân, đơn vị đánh giá mức độ đạt được so với chỉ tiêu đăng ký, nhiệm vụ NCKH đề ra trong các hội nghị tổng kết năm học, trong hướng dẫn đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động; các CB, GV kê khai giờ NCKH, tập hợp, rà soát theo các nhóm chuyên môn của từng đơn vị; P.ĐT-QLKH phối hợp với P.TC-TH xác định khối lượng thực hiện nhiệm vụ NCKH của CB, GV để tổng hợp dữ liệu làm cơ sở đánh giá CB, GV hoàn thành hoặc chưa hoàn thành NCKH. Để đánh giá chất lượng hoạt động KHCN, Nhà trường căn cứ kết quả thẩm định của các hội đồng nghiệm thu kết quả NCKH. Các đề tài NCKH của GV đạt tỉ lệ đánh giá xuất sắc cao; 100% đề tài NCKH của SV được đánh giá từ loại khá trở lên. Đánh giá tác động các sản phẩm NCKH của Trường cho thấy: nhiều đề tài NCKH (nhất là các đề tài cấp Nhà nước, Tỉnh, Bộ), các sách, tài liệu, các công trình nghiên cứu tham gia được giải thưởng, các hội nghị, hội thảo đều được đưa vào phục vụ ứng dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, KHGD và công tác ĐT của Nhà trường, công tác giáo dục ở một số trường phổ thông của tỉnh Ninh Bình.

Hàng năm, Nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá các hoạt động NCKH của toàn Trường (bao gồm cả đánh giá hoạt động NCKH của SV), trong đó có rà soát các chỉ số KPIs đã đề xuất trong kế hoạch triển khai hoạt động KHCN đầu năm học; nhận xét rút kinh nghiệm, đánh giá kết quả so sánh với mục tiêu đề ra, quá trình thực hiện nhiệm vụ NCKH năm trước, từ đó định hướng, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện NCKH hiệu quả hơn trong năm học tiếp theo.

Việc thực hiện đánh giá chất lượng và số lượng NCKH chưa dựa vào các tiêu chí đánh giá cụ thể để đánh giá chính xác mức độ đạt được các KPIs.

Nhà trường chưa văn bản hoá quy trình rà soát các KPIs về NCKH và kế hoạch cải tiến các KPIs sau rà soát.

2. Đánh giá tiêu chí 18.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 18.4: Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát triển khoa học.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 18.4.

Năm 2018 - 2019, Nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá công tác quản lý hoạt động NCKH theo Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH của Trường ĐHHL năm học 2018 - 2019 (số 208/KH-ĐHHL ngày 03/12/2018). Theo đó, Nhà trường đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan (CB, GV, SV; đơn vị quản lý NCKH cấp tỉnh, sở; đơn vị sử dụng kết quả chuyển giao NCKH của Trường) với các nội dung: các văn bản văn bản pháp chế, quản lý điều hành; cơ chế, chính sách, công tác quản lý, kiểm tra giám sát, tổ chức thực hiện, biểu mẫu, tiêu chí đánh giá, CSVC phục vụ nghiên cứu, phần mềm quản lý, lưu trữ hồ sơ, sở hữu trí tuệ, hợp tác nghiên cứu, định mức NCKH.... Để thực hiện hiệu quả công tác khảo sát này, Nhà trường giao P.ĐT-QLKH chủ trì xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch khảo sát với hình thức bằng phiếu hỏi và hệ thống trực tuyến hoặc đối thoại trực tiếp. Kết quả khảo sát cho thấy: 224/245 (91,4 %) CB, GV; 37/38 (97,3%) các đối tác quản lý đề tài cấp Tỉnh, Bộ và nhận sản phẩm NCKH của Trường và 214/233 (91,8%) SV hài lòng với công tác quản lý NCKH của Trường.

Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường đã tiến hành cải tiến công tác quản lý NCKH: Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên các năm 2015, 2016, 2017 và 2019; Quy chế chi tiêu nội bộ đã được điều chỉnh theo các năm 2015, 2016 và 2017 cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn (mức kinh phí hỗ trợ có tăng lên ở từng hạng mục: đề tài cấp trường phê duyệt từ 4 triệu đồng đến 8 triệu đồng; trong năm học 2017- 2018, chỉ cho một đề tài NCKH là 8 triệu đồng; năm học 2018 - 2019 quy định thêm đề tài có bài báo đăng trên tạp chí quốc tế hỗ trợ 10 triệu đồng, đề tài có bài báo đăng trong nước có chỉ số ISSN 8 triệu đồng, các đề tài có bài đăng không có chỉ số 6 triệu đồng...); Đảng uỷ Trường đã ra Nghị quyết về nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của trường ĐHHL (số 403-NQ/ĐU ngày 01/11/2018); xây dựng và ban hành Đề án Quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn năm 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030; thành lập Hội đồng KH&ĐT Trường ĐHHL nhiệm kỳ mới; ban hành Quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ; hướng dẫn GV đăng ký tài khoản Google Scholar phục vụ nghiên cứu... Ngoài ra, năm 2016 và 2019, Nhà trường còn tổ chức rà soát các chỉ tiêu phát triển Trường ĐHHL qua từng giai đoạn để có giải pháp điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động NCKH. Kết quả rà soát cho thấy: nhiều chỉ tiêu phát triển KHCN đã được tăng lên như: số đề tài NCKH cấp trường/cấp cơ sở tăng từ 19 đề tài năm học 2014 lên 181 đề tài vào năm 2019; số đề tài cấp Nhà nước, cấp Tỉnh, cấp Bộ tăng từ 2 đề tài năm 2014 lên 14 đề tài năm 2019; số công bố khoa học quốc tế tăng từ 6 năm 2014

lên đến 77 công bố năm 2019; công bố khoa học trong nước tăng từ 31 công bố năm 2014 đến 408 công bố năm 2019.

Chưa thực hiện khảo sát thường xuyên; chưa có sự tham gia đóng góp của các đơn vị sản xuất, kinh doanh ngoài Trường.

2. *Đánh giá tiêu chí 18.4 đạt mức: 4*

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 18:

Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống quản lí, giám sát, đánh giá các hoạt động nghiên cứu NCKH; phân công trách nhiệm rõ ràng cho cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm từng khâu trong hệ thống.

Nhà trường đã ban hành Quy định về quản lí hoạt động NCKH và công nghệ trong Trường ĐHHL; Quy định về hoạt động SHTT (số 681/QĐ-ĐHHL ngày 04/12/2018); Quy định về định mức lao động và chế độ làm việc đối với giảng viên. Trong đó, có quy định các chính sách, cơ chế quản lí thực hiện giám sát và rà soát các hoạt động NCKH và công nghệ; quy trình nghiệp vụ trong hoạt động NCKH; xác định khối lượng, định mức NCKH đối với CB, GV của Trường.

Giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường đã chủ trì thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước; 06 đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh; 181 đề tài cấp Cơ sở; xuất bản 37 cuốn sách, tài liệu; có 29 bài báo công bố trên các Tạp chí quốc tế (ISI, SCOPUS và các tạp chí quốc tế khác); 240 bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước và 30 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế; 47 giải thưởng khoa học, bằng lao động sáng tạo của CB, GV, SV; tham gia với các đối tác thực hiện 7 đề tài cấp Nhà nước.

Tổng kinh phí chi cho hoạt động NCKH của CB, GV trong giai đoạn 2015 - 2019 là 4.136 triệu đồng. Trong đó, năm 2015: 891 triệu đồng; năm 2016: 904 triệu đồng; năm 2017: 1056 triệu đồng, năm 2018: 768 triệu đồng; năm 2019: 517 triệu đồng. Bình quân là 827 triệu đồng/năm, chiếm tỉ lệ 8,02% trong tổng thu của Trường (là 51.557 triệu đồng).

Các chiến lược, kế hoạch phát triển Trường và phát triển KHCN của Trường, các quy định định mức lao động, quy chế chi tiêu nội bộ của Trường đã xác định các KPIs về số lượng và chất lượng NCKH. Một số KPIs được cụ thể hóa trong dự toán kinh phí cho hoạt động KHCN các năm tài chính. Vào cuối mỗi năm học, Nhà trường rà soát, tổng kết, đánh giá mức độ đạt được các KPIs và xác định phương hướng, nhiệm vụ KHCN của năm tiếp theo. Kết quả rà soát cho thấy: nhiều chỉ tiêu về KHCN đã được tăng lên như: Số đề tài NCKH cấp trường/cấp cơ sở tăng từ 19 đề tài năm học 2014 lên 181 đề tài vào năm 2019; số đề tài cấp Nhà nước, cấp Tỉnh, cấp Bộ tăng từ 2 đề tài năm 2014 lên 14 đề

tài năm 2019; số công bố khoa học quốc tế tăng từ 6 năm 2014 lên đến 77 công bố năm 2019; công bố khoa học trong nước tăng từ 31 công bố năm 2014 đến 408 công bố năm 2019.

Tồn tại:

Nhà trường có thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động NCKH nhưng chưa dựa trên tiêu chí đánh giá.

Quy định về quản lý hoạt động KHCN trong Trường ĐHHL ban hành từ 2007 đã quá cũ và lạc hậu do chưa cập nhật những quy định mới của các văn bản cấp trên.

Số lượng đối tác hợp tác trong NCKH và CGCN còn hạn chế (nhất là chưa có đối tác nước ngoài), chưa tương xứng với tiềm năng của Trường. Các đề tài cấp Cơ sở của Trường còn hạn chế trong thực hiện chuyển giao công nghệ; NCKH của Trường trong lĩnh vực KHKT còn hạn chế.

Tỉ lệ chi cho NCKH của SV còn thấp (bình quân 31 triệu đồng/năm, chiếm tỉ lệ 0.4% tổng nguồn thu học phí/năm), chưa đảm bảo quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ (là 3%).

Việc thực hiện đánh giá chất lượng và số lượng NCKH chưa dựa vào các tiêu chí đánh giá cụ thể để đánh giá chính xác mức độ đạt được các KPIs.

Nhà trường chưa văn bản hoá quy trình rà soát các KPIs về NCKH và kế hoạch cải tiến các KPIs sau rà soát.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường nên ban hành bộ Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động KHCN, trong đó bao gồm đầy đủ các tiêu chí: kỹ thuật công nghệ, tác động xã hội; thông tin khoa học; kinh tế; thời gian và hiệu quả kết nối trong NCKH.

Nhà trường cần rà soát Quy định quản lý hoạt động KHCN trong Trường ĐHHL. Trong đó, cần cập nhật những quy định mới của Bộ GD&ĐT, Bộ KHCN và các Nghị định của Chính phủ và quy định rõ các quy trình hướng dẫn: Quy trình tuyển chọn đề tài và giáo trình; công bố khoa học; kiểm tra, rà soát hoạt động KHCN; thống kê giờ hoạt động KHCN; nghiệm thu đề tài, giáo trình cấp Trường; đăng ký sở hữu tài sản trí tuệ; cập nhật lịch khoa học.

P.ĐT-QLKH cần phối hợp với các đơn vị/cá nhân đẩy nhanh tiến độ thành lập các nhóm nghiên cứu để triển khai thực hiện các đề tài trọng điểm; phối hợp với các Viện/Trung tâm và các cá nhân khác đẩy mạnh hoạt động kết nối song phương và đa phương để gia tăng đối tác trong hợp tác và NCKH.

Nhà trường cần có kế hoạch, chính sách hỗ trợ và đầu tư kinh phí thích đáng để SV được tham gia NCKH dưới nhiều loại hình đa dạng hơn, đảm bảo tỉ lệ chi theo đúng quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ (3%).

Nhà trường cần xây dựng tiêu chí đánh giá chất lượng và số lượng NCKH cụ thể để đánh giá chính xác mức độ đạt được các KPIs từng năm; đồng thời xây dựng và thực hiện tiêu chí đánh giá tác động của NCKH và mức độ đóng góp của kết quả NCKH cho xã hội.

Định kì theo giai đoạn phát triển KHCN của Nhà trường, Nhà trường cần lập kế hoạch rà soát các KPIs về NCKH, trong đó cần có quy trình rà soát; sau rà soát cần có kế hoạch điều chỉnh, khắc phục hạn chế để điều chỉnh các KPIs cho phù hợp với thực tiễn và điều kiện của Nhà trường.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 18	4,00
Tiêu chí 18.1	4
Tiêu chí 18.2	4
Tiêu chí 18.3	4
Tiêu chí 18.4	4

TIÊU CHUẨN 19: QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Tiêu chí 19.1: Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 19.1.

Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường ĐHHL (số 681/QĐ-ĐHHL ngày 04/12/2018) đã giao cho P.ĐT-QLKH là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tổ chức và quản lý hoạt động SHTT, bao gồm cả nhiệm vụ quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả NCKH của CB, GV và SV của Trường. Để thực hiện chức năng này, P.ĐT-QLKH đã phân công cho 01 Phó trưởng phòng phụ trách mảng NCKH, SHTT; hỗ trợ, tư vấn cho các hoạt động liên quan đến TSTT.

Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường ĐHHL có quy định cụ thể về đối tượng quyền sở hữu và khai thác các TSTT; việc bảo hộ, phân bổ lợi ích do tài sản trí tuệ mang lại, trong đó có định giá các đối tượng SHTT phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế; các hành vi xâm phạm quyền tác giả; tiêu chuẩn năng lực và đạo đức của nhà giáo trong các hoạt động KH&CN. Chương 2, Quy định về quản lý hoạt động SHTT trong Trường ĐHHL đã quy định cụ thể về quyền tác giả, quyền chủ sở hữu TSTT, hành vi xâm hại quyền tác giả (bao gồm trích dẫn, sao chép). Chương 3 của Quy định này quy định rõ về việc khai thác TSTT, bao gồm các hình thức khai thác, thương mại hoá và sử dụng tài sản trí tuệ của Trường; chuyển nhượng quyền tác giả, quyền sử dụng quyền tác giả; phân chia lợi nhuận TSTT...

Để hỗ trợ các tổ chức/cá nhân trong giai đoạn chuẩn bị và khai thác thương mại, Nhà trường có các chính sách: đầu tư kinh phí hỗ trợ cho CB, GV công bố khoa học trên các tạp chí khoa học; hỗ trợ cho CB, GV, SV thực hiện đề tài NCKH có ứng dụng chuyển giao kết quả NCKH; hỗ trợ xuất bản sách, tài liệu dạy học (trong các lĩnh vực KHTN và KHGD).

Quy định về quản lý hoạt động KH&CN trong Trường ĐHHL năm 2007 đã quy định rõ về quy trình xây dựng kế hoạch và đăng kí đề tài NCKH; quản lý, giám sát và nghiệm thu các đề tài NCKH; đã hướng dẫn Quy trình công bố và lưu trữ kết quả nghiên cứu khoa học; quy định rõ các quy trình: Quy trình tuyển chọn đề tài và nghiệm thu, lưu trữ sản phẩm đề tài NCKH, giáo trình; Quy trình quản lý, thống kê giờ nghiên cứu khoa học của CBGV và Quy trình cập nhật, biểu mẫu hồ sơ, trong đó có hồ sơ lí lịch khoa học của CBGV.

Các kết quả NCKH của CBGV, người học được lưu trữ đầy đủ và cập nhật tại Trung tâm Thiết bị - Thư viện dưới dạng bản cứng và file điện tử.

Bộ GD&ĐT đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động SHTT trong các cơ sở GDDH từ năm 2007. Tuy nhiên, đến tháng 12/2018 Nhà trường mới ban hành Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường ĐHHL. Việc chậm ban hành Quy định này, khiến cho công tác quản lý hoạt động SHTT chưa được quan tâm và chậm thực hiện.

Chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về đăng kí SHTT cho CB, GV, SV của Trường.

2. Đánh giá tiêu chí 19.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 19.2: Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 19.2.

Quy định về quản lý hoạt động SHTT trong Trường ĐHHL đã quy định cụ thể quy trình và thủ tục đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ. Các TSTT của Nhà trường được đăng ký

và lưu trữ theo quy định. Các giáo trình, khoá luận tốt nghiệp của SV, luận văn, luận án của CB, GV, các công bố khoa học có danh sách do P.ĐT-QLKH quản lý theo dõi; các công bố khoa học trong nước và quốc tế được thực hiện theo đúng quy định của các tạp chí và tổ chức công bố trong nước và quốc tế; các sáng chế, giải pháp hữu ích được các tổ chức/cá nhân nộp đơn đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ; các sách, tài liệu sau khi được nghiệm thu và phê duyệt, được lưu trữ tại Trung tâm Thiết bị - Thư viện. Nhà trường đã triển khai hỗ trợ kinh phí cho các CB, GV, chủ nhiệm đề tài làm các thủ tục đăng ký đề tài; hỗ trợ xuất bản sách, tài liệu tham khảo theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Nhà trường giao P.ĐT-QLKH phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ, GV, SV của trường các quy định về quyền SHTT như đăng ký bản quyền, công nhận sản phẩm KHCN, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền SHTT của cán bộ Nhà trường và của Trường. Việc phổ biến được thực hiện bằng nhiều hình thức: thông qua Website, các thông báo, quy định, lồng ghép trong các Hội nghị CBVC hàng năm, giới thiệu về Quy chế đào tạo trong đó có nội dung SHTT và các quy định liên quan cho tất cả SV của Trường thông qua các đợt sinh hoạt công dân đầu khoá. Việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác lợi ích từ tài sản trí tuệ được thực hiện thông qua: Kết luận, đánh giá của các hội đồng nghiệm thu các đề tài, dự án, các ấn phẩm khoa học.

Việc đánh giá, nghiệm thu các đề tài NCKH các cấp (cơ sở và cấp tỉnh) được thực hiện nghiêm túc thông qua các hội đồng xét duyệt và nghiệm thu. Đối với việc công nhận các TSTT là sách, tài liệu tham khảo, đề cương bài giảng, ngoài việc tổ chức hội đồng đánh giá, Nhà trường đưa thêm một số điều khoản ràng buộc khác với tác giả theo quy định.

Nhà trường đã mời Luật sư của Đoàn Luật sư TP.Hà Nội tập huấn cho toàn thể CB, GV và SV về công tác SHTT (Kế hoạch tập huấn về hoạt động SHTT số 05/KH-ĐHHL ngày 05/01/2019); cử 02 CBGV tham dự tập huấn quy định về quyền SHTT, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa sản phẩm do Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Ninh Bình tổ chức để kịp thời phổ biến, cập nhật kiến thức và hướng dẫn hỗ trợ cho CB, GV và SV của Trường. Trong giai đoạn 2014 - 2019, qua rà soát chưa thấy xảy ra hiện tượng khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm bản quyền.

Hàng năm, P.ĐT-QLKH lập hệ thống dữ liệu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu. Các giáo trình, công trình NCKH, các công bố khoa học, luận văn, luận án của GV, công trình NCKH của SV được nộp và lưu trữ tại P.ĐT-QLKH và Trung tâm Thiết bị-Thư viện. Các cơ sở dữ liệu về TSTT của Nhà trường được lưu trữ và cập nhật thường xuyên.

Nhà trường chưa có phần mềm phát hiện đạo văn để rà soát, phát hiện đạo văn của các tài sản trí tuệ.

Việc đăng kí bảo hộ TSTT theo quy định của pháp luật đang trong giai đoạn khởi đầu (nhận thức, ban hành các quy định, hướng dẫn, chính sách) chưa được Nhà trường thực hiện triệt để trong thực tế.

Nội dung báo cáo kết quả rà soát hoạt động SHTT khá chung chung; chưa nêu rõ được điểm mạnh, tồn tại và đề xuất các biện pháp khắc phục.

2. Đánh giá tiêu chí 19.2 đạt mức: 3

Tiêu chí 19.3: Hệ thống rà soát công tác quản lí tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 19.3.

Quy định về quản lí hoạt động SHTT trong Trường ĐHHL đã quy định rõ P.ĐT-QLKH có nhiệm vụ kiểm tra, đôn đốc đơn vị/cá nhân có SPTT trí tuệ thực hiện nghĩa vụ đã cam kết với Nhà trường; thực hiện quản lí SHTT và tổng hợp kết quả SHTT... Nhà trường đã có Kế hoạch và thực hiện Kế hoạch rà soát hoạt động SHTT năm 2018 (số 211/KH-ĐHHL ngày 05/12/2018) và năm 2019 (số 235A/KH-ĐHHL ngày 30/12/2019). Trong đó, nội dung rà soát bao gồm: rà soát các quy định quản lí, bộ máy quản lí, nhận thức của CB, GV, SV về hoạt động SHTT; lưu trữ TSTT... Để thực hiện Kế hoạch rà soát, chuyên viên của P.ĐT-QLKH có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu việc thực hiện và báo cáo kết quả hoạt động NCKH; phối hợp với bộ phận quản lí đề tài để kiểm tra, đánh giá mức độ hoàn thành các sản phẩm sở hữu trí tuệ (đề tài NCKH) thông qua các buổi nghiệm thu đề tài theo định kỳ; các số liệu về hoạt động KHCN được đối chiếu, phân tích, so sánh với kế hoạch hàng năm.

Kết quả rà soát công tác quản lí hoạt động SHTT (số 02/BC-ĐT-QLKH ngày 12/12/2018 và số 04/BC-ĐT-QLKH ngày 13/01/2020) cho thấy những kết quả đã làm được trong công tác quản lí và chính sách hỗ trợ CB, GV, SV để thực hiện các NCKH và công bố khoa học và chuyển giao công nghệ; đề xuất một số giải pháp nhằm cải tiến hoạt động SHTT cho năm tiếp theo.

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường tổ chức tổng kết, đánh giá thực hiện các hoạt động NCKH hằng năm, trong đó có nội dung đề cập đến công tác quản lí TSTT.

Nhà trường đã thực hiện rà soát công tác quản lí TSTT. Tuy nhiên, nội dung rà soát còn chưa sát với nội dung quản lí TSTT do việc thực hiện chưa được nhiều mới chỉ thể hiện trên các văn bản, quán triệt nhận thức. Vì vậy, Báo cáo kết quả rà soát công tác quản lí hoạt động SHTT của Trường chưa chỉ ra được những điểm chưa làm được, những hạn chế và phân tích nguyên nhân để đề xuất cải tiến được khả thi và đầy đủ hơn.

CB, GV của Trường chưa chủ động trong việc xác lập quyền SHTT cho các sản phẩm, công trình nghiên cứu của mình. Nguồn kinh phí dành cho công tác bảo hộ quyền SHTT còn chưa được tính đến.

Việc tổng kết, đánh giá công tác quản lý TSTT chưa được coi trọng, chưa thực hiện bài bản mà chỉ tổng kết đánh giá chung với hoạt động NCKH hàng năm nên nội dung đánh giá chung chung và chưa cụ thể.

2. Đánh giá tiêu chí 19.3 đạt mức: 3

Tiêu chí 19.4: Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 19.4.

Trên cơ sở một phần kết quả rà soát các năm 2018, 2019 và qua nghiên cứu các văn bản của Bộ GD&ĐT, Nhà trường đã thực hiện cải tiến công tác quản lý TSTT như: ban hành Kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025, trong đó có hoạt động SHTT; Quy định về quản lý hoạt động SHTT; thành lập bộ phận chuyên trách quản lý SHTT trực thuộc P.ĐT-QLKH; tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về SHTT cho tất cả CB, GV, NV; tạo lập, quản lý, lưu trữ và khai thác các nguồn tin KHCN; cải tiến cách kiểm soát thông tin công bố nhằm tránh thất thoát tài sản trí tuệ (các tài sản trí tuệ phải được đưa lên trên tài khoản Google Scholar lưu giữ, kiểm tra); thay đổi cách thức truyền thông...; giao P.ĐT- QLKH giám sát việc đăng ký bảo hộ các tài sản trí tuệ. Qua cải tiến cho thấy: nhận thức của CB, GV, người học về quyền sở hữu trí tuệ được nâng lên; căn cứ danh mục các tài sản trí tuệ, P.ĐT-QLKH có thể phát hiện chủ động, phối hợp với các tác giả đăng ký sở hữu trí tuệ; chưa có bất cứ phản hồi nào về việc vi phạm sở hữu trí tuệ trong CB, GV và SV; cơ sở dữ liệu về SPTT được lưu trữ ngày càng tăng lên.

Năm 2019, Nhà trường có khảo sát lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của CB, GV Nhà trường; đơn vị sử dụng kết quả NCKH do Trường chuyển giao về hoạt động NCKH (bao gồm cả hoạt động SHTT). Kết quả khảo sát 98 CB, GV cho thấy: 77,54% hài lòng với việc triển khai thực hiện các quy định về quản lý SHTT của Trường; 94,73% cán bộ của đơn vị sử dụng sản phẩm chuyển giao công nghệ của Trường đánh giá tốt trở lên với chất lượng sản phẩm. Ngoài ra, các đối tượng khảo sát đề xuất nhiều ý kiến cải tiến công tác SHTT.

Việc cải tiến công tác quản lý TSTT còn chưa dựa trên cơ sở kết quả rà soát công tác quản lý TSTT (do nội dung rà soát còn ít và chưa sát với nội dung quản lý TSTT) do đó việc cải tiến công tác quản lý TSTT tuy đã được triển khai nhưng hiệu quả chưa đạt như mong muốn

2. Đánh giá tiêu chí 19.4 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 19:

Điểm mạnh:

Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường ĐHHL đã quy định cụ thể về đối tượng quyền sở hữu và khai thác các TSTT; việc bảo hộ, phân bổ lợi ích do tài sản trí tuệ mang lại, trong đó có định giá các đối tượng SHTT phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế; các hành vi xâm phạm quyền tác giả; tiêu chuẩn năng lực và đạo đức của nhà giáo trong các hoạt động KH&CN; quyền tác giả, quyền chủ sở hữu TSTT, hành vi xâm hại quyền tác giả (bao gồm trích dẫn, sao chép); quy trình và thủ tục đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ.

Nhà trường có chính sách hỗ trợ các tổ chức/cá nhân trong giai đoạn chuẩn bị và khai thác thương mại: đầu tư kinh phí hỗ trợ công bố khoa học, thực hiện đề tài NCKH có ứng dụng chuyển giao kết quả NCKH; hỗ trợ xuất bản sách, tài liệu.

Nhà trường đã thực hiện cải tiến công tác quản lý TSTT: Ban hành; Quy định về quản lý hoạt động SHTT; thành lập bộ phận chuyên trách quản lý SHTT trực thuộc P.ĐT-QLKH; tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức về SHTT cho tất cả CB, GV, NV; cải tiến cách kiểm soát thông tin công bố nhằm tránh thất thoát tài sản trí tuệ (các tài sản trí tuệ phải được đưa lên trên tài khoản Google Scholar lưu giữ, kiểm tra); cơ sở dữ liệu về SPTT được lưu trữ ngày càng tăng lên.

Tồn tại:

Nhà trường chậm ban hành Quy định về quản lý hoạt động SHTT, khiến cho công tác quản lý hoạt động SHTT chưa được quan tâm đúng mức và chậm thực hiện; chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về đăng kí SHTT cho CB, GV, SV của Trường.

Nhà trường chưa có phần mềm phát hiện đạo văn để rà soát, phát hiện đạo văn của các tài sản trí tuệ. Việc đăng kí bảo hộ TSTT theo đúng quy định của pháp luật của Nhà trường đang trong giai đoạn khởi đầu (nhận thức, ban hành các quy định, hướng dẫn, chính sách) chưa được thực hiện triệt để trong thực tế.

Nhà trường đã thực hiện rà soát công tác quản lý TSTT. Tuy nhiên, nội dung rà soát còn chưa sát với nội dung quản lý TSTT do việc thực hiện chưa được nhiều mới chỉ thể hiện trên các văn bản, quán triệt nhận thức.

CB, GV của Trường chưa chủ động trong việc xác lập quyền SHTT cho các sản phẩm, công trình nghiên cứu của mình. Nguồn kinh phí dành cho công tác bảo hộ quyền SHTT còn chưa được tính đến;

Việc tổng kết, đánh giá công tác quản lý TSTT chưa được coi trọng, chưa thực hiện bài bản mà chỉ tổng kết đánh giá chung với hoạt động NCKH hàng năm nên nội dung đánh giá chung chung và chưa cụ thể.

Đề xuất hướng khắc phục:

P.ĐT-QLKH cần cử nhân sự theo dõi, cập nhật thường xuyên thông tin về các văn bản mới của cơ quan cấp trên để kịp thời triển khai kịp thời, phổ biến để thực hiện; đảm bảo chất lượng của quản lý hoạt động SHTT.

Nhà trường cần ban hành hướng dẫn cụ thể về việc hỗ trợ đăng kí SHTT cho CB, GV, SV của Trường và hỗ trợ CB, GV, SV thực hiện bảo hộ quyền SHTT.

Nhà trường cần đầu tư kinh phí mua hoặc thuê chuyên gia thiết kế phần mềm phát hiện đạo văn; cần có chỉ đạo cụ thể hơn và quán triệt việc hướng dẫn và hỗ trợ, giám sát quá trình bảo hộ quyền SHTT của CB, GV của Trường.

Nhà trường cần có quy định cụ thể về rà soát các hoạt động NCKH, bao gồm hoạt động SHTT (kèm theo các biểu mẫu); báo cáo rà soát cần phân tích cụ thể điểm mạnh, hạn chế và có kế hoạch cải tiến cho năm tiếp theo.

Nhà trường cần quán triệt, hướng dẫn CB, GV, SV thực hiện đúng các quy định về SHTT, chủ động trong việc xác lập quyền SHTT cho các sản phẩm, công trình nghiên cứu của mình; có kế hoạch dành kinh phí cho công tác bảo hộ quyền SHTT hằng năm.

Nhà trường cần có Kế hoạch và tổ chức tổng kết, đánh giá công tác quản lý TSTT hằng năm; trong đó đánh giá cụ thể từng mặt hoạt động của công tác quản lý TSTT về điểm mạnh, tồn tại và đề xuất biện pháp khắc phục cho năm tiếp theo.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 19	3,50
Tiêu chí 19.1	4
Tiêu chí 19.2	3
Tiêu chí 19.3	3
Tiêu chí 19.4	4

TIÊU CHUẨN 20: HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 20.1: Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 20.1.

Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020; Đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030 đều xác định rõ mục tiêu của Trường: “...đến năm 2030 Trường ĐHHL trở thành Trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của tỉnh Ninh Bình và khu vực Đồng bằng Sông Hồng” và “Mở rộng các quan hệ đối ngoại trong và ngoài nước, học hỏi kinh nghiệm, tranh thủ sự giúp đỡ hỗ trợ về mọi mặt, phục vụ cho chiến lược phát triển Nhà trường, đặc biệt là chiến lược phát triển ĐT và NCKH. Đẩy mạnh hoạt động quan hệ đối ngoại để nâng cao uy tín về đào tạo, NCKH và vị thế của Nhà trường đối với xã hội”. Kế hoạch hoạt động KHCN Trường ĐHHL giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025 đã xác định rõ “Thành lập Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng KH và chuyển giao công nghệ; bồi dưỡng đội ngũ, xây dựng các nhóm nghiên cứu... để mở rộng hợp tác với các đối tác ngoài trường về KHCN”. Các chủ trương này phù hợp với Sứ mạng của Nhà trường “...là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ, phục vụ sự nghiệp phát triển KT-XH của tỉnh Ninh Bình và các vùng lân cận”.

Các chủ trương thiết lập các mối quan hệ hợp tác nhằm đạt được các mục tiêu về hoạt động KHCN được cụ thể hóa bằng các kế hoạch dài hạn định hướng đến 2030, kế hoạch trung hạn 2018 - 2020, 2020 - 2025 (Kế hoạch hoạt động KHCN Trường ĐHHL giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025) và các kế hoạch triển khai công tác NCKH hằng năm.

Quy định về quản lý hoạt động KH&CN Trường ĐHHL (số 168/ĐHHL-QLKH ngày 05/9/2007), Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường ĐHHL (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012); Bảng phân công nhiệm vụ của P.ĐT-QLKH các năm học từ 2016 - 2019 quy định cụ thể trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động NCKH (bao gồm cả quản lý hoạt động phát triển hợp tác và đối tác). Cụ thể: P.ĐT-QLKH là đầu mối chính chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức và quản lý các đề tài, dự án hợp tác trong và ngoài nước; các khoa/bộ môn trực thuộc Trường là đầu mối kết nối công tác NCKH của đơn vị với P.ĐT-QLKH, đồng thời phát triển các hoạt động hợp tác KHCN của đơn vị; các đơn vị/cá nhân chủ động tìm kiếm đối tác, thực hiện kết nối thông qua P.ĐT-QLKH và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; Phòng ĐT-NCKH phân công 01 Phó trưởng phòng phụ trách mảng NCKH, hợp tác NCKH, phát triển đối tác, sở hữu trí tuệ.

Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hoạt động KHCN Trường ĐHHL giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025 đã xác định rõ các KPIs về tăng cường hợp tác với các đối tác trong

NCKHL: ít nhất từ 2 - 3 đề tài NCKH cấp Tỉnh, Bộ; 15 - 20 đề tài cấp Cơ sở; ít nhất có 01 đối tác mang tầm chiến lược, 01 nhóm nghiên cứu chung; tổ chức ít nhất 01 hội thảo với đối tác; ít nhất 02 chương trình NCKH được kí kết; chi cho hoạt động KHCN chiếm 3 - 4% tổng thu (2018 - 2020). Giai đoạn 2020 - 2025: Hợp tác với các cơ quan của tỉnh Ninh Bình; hợp tác với 04 Trường ĐH nước ngoài; ít nhất 2 chương trình hợp tác NCKH được kí kết; chi cho hoạt động KHCN chiếm 4 - 5% tổng thu; phần đầu đạt 10% ngân sách hoạt động từ nguồn thu kinh phí các hoạt động KHCN. Trên cơ sở xác định các KPIs, Nhà trường đã đề xuất các giải pháp tăng cường hợp tác với các đối tác trong NCKH. Tuy nhiên, quá trình thực hiện, Nhà trường đều vượt các chỉ tiêu đề ra.

Nhà trường đã xác định KPIs cho các chiến lược, kế hoạch tăng cường hợp tác với các đối tác trong NCKH. Tuy nhiên, còn số KPIs còn hạn chế, chỉ số còn thấp và số lượng đối tác còn khiêm tốn.

Các KPIs trong chiến lược, kế hoạch phát triển Trường các giai đoạn chưa được cụ thể hóa trong các kế hoạch hoạt động NCKH hằng năm của Trường.

2. Đánh giá tiêu chí 20.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 20.2: Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 20.2.

Trên cơ sở các KPIs được xác định, Nhà trường đã triển khai các hoạt động hợp tác với đối tác trong NCKH bằng các hình thức như: phối hợp thực hiện đề tài khoa học; tham gia nhóm nghiên cứu đề tài chung; thực hiện chuyển giao công nghệ; kí hợp đồng hợp tác với các chuyên gia, với các tổ chức/đơn vị/cá nhân; công bố các kết quả nghiên cứu; tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học; cử CB, GV, SV đi học tập, tham quan, trao đổi kinh nghiệm với các đối tác nước ngoài; tiếp nhận các đoàn khách quốc tế đến thăm và hợp tác với Trường. Cụ thể:

Giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường đã lựa chọn các Sở, Ban, Ngành, các cơ quan/đơn vị, nhà tuyển dụng lao động trong tỉnh Ninh Bình; Viện nghiên cứu quốc tế về khoa học Vật liệu (ITIMS) - Trường ĐHBK Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội, Viện Toán cao cấp; Nhóm nghiên cứu của GS. Nguyễn Minh Chí, nhóm Isensors của GS. Nguyễn Văn Hiếu; Trường Đại học Daewon, thành phố Jecheon, Hàn Quốc, Trường ĐH Thượng Hải, Trường ĐH Chungnam, Trung Quốc; Trường ĐH Thành phố Osaka, Trường ĐH Kobe, Trường ĐH Lakazawa Nhật Bản là các đơn vị có cơ sở nghiên cứu mạnh, có tiềm năng về NCKH và chuyển giao Công nghệ để thực hiện chung các đề tài khoa học ứng dụng, tổ chức các hội nghị khoa học, trao đổi lĩnh vực nghiên cứu.

Để phát triển các mối quan hệ hợp tác nghiên cứu với các đối tác, Nhà trường đã đầu tư thích hợp cho triển khai các hoạt động như: ban hành các quy định, chính sách để tạo điều kiện để CB, GV tham gia hội nghị, hội thảo; cử CB, GV tham gia nghiên cứu đề tài cùng các nhóm nghiên cứu của các CSGD và các tổ chức khác; hỗ trợ các đơn vị đăng ký tuyển chọn nhiệm vụ KHCN; mời các nhà khoa học quốc tế có uy tín tham gia Hội đồng KH&ĐT của Trường; hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ và các thủ tục hành chính để GV đăng ký các đề tài khoa học cấp Tỉnh, Bộ, Nhà nước; tham dự các hội thi sáng tạo kỹ thuật; hỗ trợ kinh phí tham gia các hội nghị khoa học, viết công bố khoa học.

Giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường đã phối hợp với các đối tác nghiên cứu 14 đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh; thực hiện 05 Dự án nghiên cứu với đối tác; chuyển giao 09 đề tài NCKH, công bố chung 102 công bố khoa học với 50 đối tác (5 đối tác quốc tế), đồng tổ chức 5 tọa đàm, hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước; mời 08 đoàn từ Lào, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc... giao lưu trao đổi.

Nhà trường chưa ban hành tiêu chí lựa chọn đối tác và hợp tác NCKH; chưa có kế hoạch cụ thể trong lựa chọn đối tác hợp tác trong NCKH.

Số lượng và kết quả triển khai trong NCKH với đối tác nước ngoài còn hạn chế; nguồn thu từ các hoạt động hợp tác với đối tác trong NCKH còn rất khiêm tốn.

2. Đánh giá tiêu chí 20.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 20.3: Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 20.3.

Quy định về quản lý hoạt động KH&CN (số 168/ĐHHL-QLKH ngày 05/9/2007) đã quy định P.ĐT-QLKH có trách nhiệm rà soát hiệu quả hoạt động KHCN (bao gồm các hoạt động hợp tác nghiên cứu). P.ĐT-QLKH phân công các cá nhân nhiệm vụ rà soát hoạt động hợp tác NCKH trong toàn trường.

Hàng năm Nhà trường tổ chức thống kê các kết quả nghiên cứu NCKH của GV; thực hiện qua các hội nghị tổng kết. Năm 2017, Nhà trường tổ chức hội nghị sơ kết hiệu quả đào tạo nhân lực cho Tỉnh U Đông Xay. Nhà trường đã thực hiện rà soát các đối tác đã ký kết văn bản ghi nhớ nhưng chưa/không triển khai thực hiện để dừng hợp tác với Trường ĐH Daewon, Trường ĐH Bạc Liêu và tìm kiếm đối tác mới phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng nhà trường (ký kết văn bản hợp tác toàn diện với Trường ĐH Vinh).

Hiệu quả của các quan hệ hợp tác với đối tác được Nhà trường đánh giá qua số lượng các công bố khoa học, các sách, tài liệu giảng dạy, các giải thưởng.

Nhà trường chưa có quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH; chưa xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác.

Nhà trường chưa rà soát đầy đủ các nội dung và kết quả hợp tác; chưa đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT và NCKH và từ các đối tác.

2. Đánh giá tiêu chí 20.3 đạt mức: 3

Tiêu chí 20.4: Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 20.4.

Trên cơ sở kết quả rà soát, các báo cáo tổng kết năm học và thực tế triển khai, các quy định của cấp trên, Nhà trường đã thực hiện các hoạt động cải thiện hoạt động hợp tác NCKH với các đối tác trong và ngoài nước. Cụ thể: đề gia tăng đối tác, Trường đã ký kết thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực ĐT và NCKH với Trường ĐH Vinh; ký kết hợp tác với: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Bình và các cá nhân, đơn vị trong tỉnh Ninh Bình để gia tăng đề tài cấp Nhà nước, cấp Tỉnh; đẩy mạnh sự phối hợp với nhóm nghiên cứu ở các cơ sở nghiên cứu mạnh Nhóm nghiên cứu của GS. Nguyễn Minh Chí, nhóm Isensors của GS. Nguyễn Văn Hiếu; kí kết hợp tác giao lưu với Trường ĐH Hàn Quốc, Trung Quốc để thực hiện chung các nghiên cứu ngắn hạn; phối hợp với Trường ĐHSP Hà Nội tổ chức hội thảo; tiếp nhận các đoàn khách quốc tế đến thăm (Trường ĐH Thành phố Osaka, Trường ĐH Kobe, Trường ĐH Lakazawa Nhật Bản) để trao đổi lĩnh vực bảo tồn thực vật...

Trong giai đoạn 2014 - 2019, số lượng đối tác NCKH của Nhà trường được gia tăng với số lượng thỏa thuận/hợp đồng kí kết hợp tác NCKH tăng từ 2 thỏa thuận (năm 2014) đến 15 thỏa thuận (năm 2019); số đối tác tăng từ 04 đối tác (năm 2014) lên 15 đối tác (năm 2019); phối hợp với các đối tác nghiên cứu 08 đề tài cấp Nhà nước, 6 đề tài cấp Bộ, Tỉnh; thực hiện 05 Dự án nghiên cứu với đối tác; chuyển giao 09 đề tài NCKH, công bố chung 102 công bố khoa học với 50 đối tác (5 đối tác quốc tế), đồng tổ chức 5 tọa đàm, hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước; mời 08 đoàn từ Lào, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc...giao lưu trao đổi.

Để tăng số lượng các công bố khoa học (các bài báo quốc tế, bài báo trong nước, báo cáo khoa học đăng trên các kỷ yếu hội thảo trong nước và quốc tế, bài báo đăng trên thông báo khoa học Nhà trường), Nhà trường tổ chức cho các Chủ nhiệm đề tài đăng ký kết quả NCKH và hỗ trợ kinh phí thực hiện.

Kết quả của hoạt động phát triển hợp tác và đối tác của Nhà trường đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu gắn với đào tạo và ứng dụng, chuyển giao công nghệ của Trường. Các đề tài nghiên cứu hợp tác nghiên cứu đã góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra ở địa phương trong nuôi trồng mọt nhĩ; giáo dục đạo đức, lối sống cho SV tỉnh

Ninh Bình; tư vấn lựa chọn dịch vụ du lịch tỉnh Ninh Bình; phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh THPT trong học tập môn Vật lý; ứng dụng trong quang xúc tác và cảm biến; nâng cao năng lực tiếng Anh cho đội ngũ làm công tác du lịch...

Các hoạt động hợp tác NCKH đã góp phần gia tăng nguồn lực của Nhà trường: Vị thế của Nhà trường được nâng lên; năng lực NCKH của CB, GV của Trường được nâng cao; có được nguồn thu (còn khiêm tốn) từ hoạt động hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ. Giai đoạn 2014 - 2019, có 266 lượt CB, GV tham gia hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế và học tập, bồi dưỡng ở nước ngoài và đem lại nguồn thu cho Nhà trường là 1.628.000.000 VNĐ.

Số lượng đối tác và hợp tác với nước ngoài, nhất là các đối tác doanh nghiệp và nguồn lực mang lại từ hoạt động hợp tác đối tác ngoài nước còn hạn chế chưa tương xứng với tiềm năng của một trường ĐH.

Kinh phí đầu tư cho xây dựng và phát triển các mối quan hệ hợp tác, đối tác trong NCKH còn rất khiêm tốn (đầu tư cho CB, GV ra nước ngoài học tập, bồi dưỡng và tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế còn ít (266 lượt người trong 5 năm); hỗ trợ cho việc kết nối với các đối tác (Đoàn ra, đoàn vào, truyền thông), hỗ trợ thực hiện các thoả thuận hợp tác đối tác còn không đáng kể.

2. Đánh giá tiêu chí 20.4 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 20:

Điểm mạnh:

Nhà trường đã có các quy định thiết lập được mối quan hệ hợp tác trong NCKH như: Ban hành Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020; Đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025, trong đó xác định rõ mục tiêu phát triển KHCN của trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường; đồng thời xác định rõ các KPIs về tăng cường hợp tác với các đối tác trong NCKH.

Nhà trường đã xác định rõ các KPIs về tăng cường hợp tác với các đối tác trong NCKH trong từng giai đoạn dài hạn, ngắn hạn: ít nhất từ 2 - 3 đề tài NCKH cấp Tỉnh, Bộ; từ 15 - 20 đề tài cấp cơ sở; ít nhất có 01 đối tác mang tầm chiến lược, 01 nhóm nghiên cứu chung; tổ chức ít nhất 01 hội thảo với đối tác; ít nhất 02 chương trình NCKH được ký kết; chi cho hoạt động KHCN chiếm 3 - 4% tổng thu (2018 - 2020). Giai đoạn 2020 - 2025: Hợp tác với các cơ quan của tỉnh Ninh Bình; hợp tác với 04 Trường ĐH nước ngoài; ít nhất 2 chương trình hợp tác NCKH được ký kết; chi cho hoạt động KHCN chiếm 4 - 5% tổng thu; phấn đấu đạt 10% ngân sách hoạt động từ nguồn thu kinh phí các hoạt động KHCN. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường đều vượt chỉ tiêu đề ra.

Giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường đã phối hợp với các đối tác nghiên cứu 14 đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh; thực hiện 05 Dự án nghiên cứu với đối tác; chuyển giao 09 đề tài NCKH, công bố chung 102 công bố khoa học với 50 đối tác (5 đối tác quốc tế), đồng tổ chức 5 tọa đàm, hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài nước; mời 08 đoàn từ Lào, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc...giao lưu trao đổi.

Tồn tại:

Nhà trường đã xác định KPIs cho các chiến lược, kế hoạch tăng cường hợp tác với các đối tác trong NCKH. Tuy nhiên, còn số KPIs còn hạn chế, chỉ số còn thấp và số lượng đối tác còn khiêm tốn. Các KPIs trong chiến lược, kế hoạch phát triển Trường các giai đoạn chưa được cụ thể hóa trong các kế hoạch hoạt động NCKH hằng năm của Trường.

Nhà trường chưa ban hành tiêu chí lựa chọn đối tác và hợp tác NCKH; chưa có kế hoạch cụ thể trong lựa chọn đối tác hợp tác trong NCKH; chưa có quy trình rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH; chưa xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác.

Số lượng đối tác và hợp tác với nước ngoài, nhất là các đối tác doanh nghiệp; số lượng và kết quả triển khai trong NCKH và nguồn lực mang lại từ hoạt động hợp tác đối tác ngoài nước còn hạn chế chưa tương xứng với tiềm năng của một trường ĐH; nguồn thu từ các hoạt động hợp tác với đối tác trong NCKH còn rất khiêm tốn.

Nhà trường chưa rà soát đầy đủ các nội dung và kết quả hợp tác; chưa đánh giá đầy đủ tính hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong ĐT và NCKH và từ các đối tác.

Kinh phí đầu tư cho xây dựng và phát triển các mối quan hệ hợp tác, đối tác trong NCKH còn rất khiêm tốn (đầu tư cho CB, GV ra nước ngoài học tập, bồi dưỡng và tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế còn ít (266 lượt người trong 5 năm); hỗ trợ cho việc kết nối với các đối tác (Đoàn ra, đoàn vào, truyền thông), hỗ trợ thực hiện các thỏa thuận hợp tác đối tác còn chưa đáng kể.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần rà soát lại các KPIs trong Đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2025 để điều chỉnh các chỉ số và bổ sung thêm KPIs nhằm tăng số lượng và hình thức hợp tác, đối tác trong NCKH để tương xứng với tiềm năng của Nhà trường.

Nhà trường cần ban hành hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN hằng năm, trong đó chỉ rõ căn cứ xây dựng kế hoạch, yêu cầu cụ thể hoá các KPIs đã xác định

trong Đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025 định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025.

Nhà trường cần ban hành tiêu chí lựa chọn đối tác và hợp tác NCKH đảm bảo lựa chọn được đối tác phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường; xây dựng và triển khai kế hoạch lựa chọn đối tác hợp tác trong NCKH.

Nhà trường cần xây dựng quy trình và tiêu chí đánh giá hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong NCKH và nguồn lực cho hoạt động hợp tác: số đoàn ra tham gia hoạt động KHCN; số đoàn vào tham gia hoạt động KHCN; số thỏa thuận hợp tác được ký kết và triển khai; số chuyên gia đến; số nguồn thu từ hoạt động kết nối; nguồn lực thu được từ các hợp tác; số GV, SV được đào tạo; số hội nghị, hội thảo đồng tổ chức; số công bố chung; số đề tài, dự án, nghiên cứu chung; số hợp đồng chuyển giao.

Nhà trường cần tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong DT và NCKH và từ các đối tác trên cơ sở quy trình và tiêu chí đánh giá để kết quả đánh giá được đầy đủ và tin cậy hơn.

Nhà trường cần có những giải pháp, có thêm các chính sách hỗ trợ và tăng cường thêm nguồn lực đầu tư nguồn lực (đội ngũ, tài vật và kinh phí) để khuyến khích, thu hút nhiều hơn các đối tác và hợp tác NCKH để tăng nguồn thu từ hoạt động hợp tác NCKH.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 20	3,75
Tiêu chí 20.1	4
Tiêu chí 20.2	4
Tiêu chí 20.3	3
Tiêu chí 20.4	4

TIÊU CHUẨN 21: KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 21.1: Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

1. *Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 21.1.*

Hàng năm trong giai đoạn tự đánh giá, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng như Kế hoạch công tác hội và phong trào chữ thập đỏ

(số 17, 22, 27, 34, 50/KH-CTĐ lần lượt các năm 2014 - 2018) Kế hoạch tổ chức hiến máu tình nguyện (số 30/33/37/KH-CTĐ lần lượt các năm 2014 - 2018), Tổ chức hoạt động Tiếp sức mùa thi giai đoạn 2016 - 2018, Kế hoạch tổ chức chương trình Tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng năm 2015 (số 24/KH-HSV ngày 26/5/2015), Kế hoạch triển khai thực hiện công trình thanh niên các cấp năm 2016 (số 50/KH-ĐTN), Kế hoạch thực hiện chương trình "*Thắp sáng đường quê*" góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Yên Quang năm 2015 (số 52/KH-ĐTN)... Bên cạnh các chương trình thường niên, Nhà trường còn tham gia phối hợp và hỗ trợ các hoạt động của địa phương, của các tổ chức trên địa bàn tỉnh như Kế hoạch phục vụ Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc 2014 tại chùa Bái Đính tỉnh Ninh Bình (số 60/KH-ĐHHL ngày 15/4/2014), Kế hoạch tổ chức các hoạt động tham gia hội trại thanh niên "Sử vàng Nhà nước Đại Cồ Việt" (số 21/KH-ĐTN ngày 3/4/2018), Kế hoạch phối hợp với Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Ninh Bình tổ chức các hoạt động (số 66/KH-ĐTN ngày 21/2/2014), Kế hoạch tổ chức chương trình Xuân biên giới - Tết hải đảo (số 29/KH-ĐTN ngày 5/2/2015). Ngoài ra, Nhà trường còn có các hoạt động NCKH, ĐT phối hợp với các tổ chức/đơn vị trong và ngoài nước, thực hiện hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Udomxay – Lào. Kết quả thu được qua việc triển khai thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho thấy các chính sách, kế hoạch hoạt động của Nhà trường luôn hướng đến thực hiện tầm nhìn và sứ mạng mà Nhà trường đã xây dựng.

Để hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD đi vào nề nếp và trở thành hoạt động thường xuyên liên tục, Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác tư vấn, hỗ trợ và phục vụ cộng đồng (số 205/QĐ-ĐHHL ngày 9/5/2019) nhằm hướng dẫn và quy định rõ trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của các đơn vị trong Trường tham gia triển khai hoạt động này.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn các bên liên quan cho thấy, các hoạt động kết nối và PVCD đã được Nhà trường quan tâm và chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động đều được phân công tới các đơn vị (Công đoàn, ĐTN, HSV) và cán bộ chịu trách nhiệm trong việc xây dựng kế hoạch, theo dõi và giám sát quá trình triển khai đồng thời đánh giá kết quả đạt được từ các hoạt động này.

Trong giai đoạn 2014 - 2019, tùy tình hình thực tế mà các hoạt động phục vụ và kết nối cộng đồng của Nhà trường được triển khai và giám sát theo kế hoạch của các tổ chức trong Nhà trường như Công đoàn, ĐTN, HSV xây dựng. Giai đoạn trước năm 2018, Nhà trường chưa ban hành văn bản hướng dẫn quy định cụ thể hoạt động kết nối và PVCD để có thể quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động này một cách thống nhất và bài bản.

2. Đánh giá tiêu chí 21.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 21.2: Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng

đồng được thực hiện.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 21.2.

Trong giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường đã triển khai các kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng và đã mang lại kết quả cụ thể như: Nhà trường đã thành lập Ban biên soạn tài liệu học tập và giảng dạy tiếng Việt cho lưu học sinh Lào (số 46/QĐ-ĐHHL ngày 31/1/2018) thực hiện tổ chức bồi dưỡng tiếng Việt ngoài giờ học chính khóa cho lưu học sinh Lào nhằm nâng cao chất lượng ĐT lưu học sinh; Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về hoạt động NCKH và ứng dụng chuyển giao các sản phẩm KHCN (số 168/ĐHHL-QLKH ngày 5/9/2007); Kế hoạch triển khai công tác NCKH các năm giai đoạn 2015 - 2019 đã thu về trên 3 tỷ VND từ hoạt động chuyển giao KHCN; các hoạt động tình nguyện của giảng viên và người học như hiến máu nhân đạo (trung bình 100 đến 200 đơn vị máu/năm, triển khai 2 lần/năm), tham gia các hoạt động của địa phương, của tỉnh như xây dựng nông thôn mới với chương trình “Thắp sáng đường quê”, Chương trình “Kết nối cộng đồng - Vì an toàn giao thông”, các hoạt động thể dục thể thao, Tổ chức Chiến dịch "Thanh niên - sinh viên tình nguyện hè"... Kết quả tỷ lệ chi đầu tư PVCD/tổng chi giai đoạn 2015 - 2019 lần lượt là 5%, 8%, 8%, 7%, 8%; tỷ lệ chi cho hoạt động NCKH/tổng chi là 2%/năm trong giai đoạn 2015 - 2019.

Nhà trường đã thực hiện công tác quản lý và hướng dẫn các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD thông qua các Biên bản ghi nhớ (với tỉnh Udomxay-Lào ngày 9/10/2011), Hợp đồng ký kết, Kế hoạch triển khai các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, Biên bản thoả thuận...

Nhà trường chưa cụ thể hoá thành văn bản thống nhất quy định quản lý và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD.

2. Đánh giá tiêu chí 21.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 21.3: Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 21.3.

Các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng được Nhà trường triển khai dưới nhiều hình thức (Hiến máu nhân đạo, Tiếp sức mùa thi, Thắp sáng đường quê, Xây nhà Khăn quàng đỏ, Xuân biên giới - Tết hải đảo, Kết nối cộng đồng - Vì an toàn giao thông, Tham gia xây dựng nông thôn mới) với nhiều đối tượng tham gia và được hưởng lợi từ các hoạt động này. Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng và phỏng vấn các bên liên quan cho thấy, hàng năm, các hoạt động Thắp sáng đường quê đã triển khai được 3-4km đường/đợt tại các xã Lạc Vân, Yên Quang (huyện Nho Quan), Yên Đồng (huyện

Yên Mô), Lưu Phương (huyện Kim Sơn); chương trình xây nhà Khăn quàng đỏ dành cho trẻ em nghèovới kinh phí trung bình 20 triệu VND/hoạt động; chương trình “Ngày Chủ nhật xanh” “Thứ 7 tình nguyện” ... đã góp phần làm xanh, sạch, đẹp đường làng ngõ xóm.

Các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng được đo lường và giám sát. Báo cáo tổng kết năm học, Báo cáo kết quả thực hiện các loại hình hoạt động được các đơn vị thực hiện định kỳ. Các cá nhân, đơn vị tham gia các hoạt động đạt thành tích được khen thưởng cuối kỳ, cuối năm. Đối với sinh viên, thành tích đạt được còn được cộng thêm vào điểm rèn luyện. Các báo cáo được Nhà trường lưu trữ đầy đủ.

Nhà trường đã định kỳ xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Kết quả khảo sát được tổng hợp, báo cáo đầy đủ (số 231/BC-ĐHHL ngày 28/12/2018).

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, trong giai đoạn đánh giá, có 10 GV được khen thưởng về thành tích hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng lần lượt từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2018 - 2019 lần lượt là 02, 01, 04, 01, 02 người; cùng 41 SV được khen thưởng lần lượt các năm là 18, 21, 60, 24, 41.

Qua số liệu thống kê và phỏng vấn các bên liên quan cho thấy, hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được các bên liên quan đánh giá cao. Trên 90% ý kiến phản hồi hài lòng về những đóng góp của Nhà trường với cộng đồng.

Nhà trường chưa cụ thể hóa tiêu chí đánh giá kết quả tham gia hoạt động kết nối và PVCĐ thành quy định, quy trình đo lường và giám sát kết quả hoạt động.

2. Đánh giá tiêu chí 21.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 21.4: Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 21.4.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng. Các hoạt động được triển khai, tổng kết rút kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp cải tiến trên cơ sở các kết quả đã thực hiện được. Các văn bản liên quan được Nhà trường lưu trữ đầy đủ.

Kết quả nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, trong 5 năm qua, bên cạnh công tác đào tạo và NCKH, Nhà trường đã cử CB, GV, SV tham gia các hoạt động thiện nguyện, tham gia phối hợp NCKH. Sau mỗi đợt/kỳ hoạt động, các đối tác của Nhà trường đều có ý kiến phản hồi tích cực về tính chuyên nghiệp trong các hoạt động kết nối PVCĐ

của Nhà trường. Các ý kiến góp ý của các tổ chức cá nhân hợp tác với Nhà trường đều được Trường có biện pháp cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Nhà trường đã tiến hành khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng thông qua phiếu khảo sát và khảo sát trực tuyến (Google Form). Qua dữ liệu khảo sát cho thấy trên 90% ý kiến phản hồi hài lòng với các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

Nhà trường chưa định kỳ đối sánh kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng để có thể đưa ra biện pháp cải tiến triệt để và hiệu quả.

2. Đánh giá tiêu chí 21.4 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 21:

Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch hoạt động kết nối, PVCD như: Kế hoạch công tác hội và phong trào chữ thập đỏ, Kế hoạch tổ chức hiến máu tình nguyện, Tổ chức hoạt động Tiếp sức mùa thi giai đoạn 2016 - 2018, Kế hoạch tổ chức chương trình Tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng năm 2015, Kế hoạch triển khai thực hiện công trình thanh niên các cấp năm 2016, Kế hoạch thực hiện chương trình "*Thắp sáng đường quê*" ... Ngoài ra, Nhà trường còn có các hoạt động NCKH, ĐT phối hợp với các tổ chức/đơn vị trong và ngoài nước, thực hiện hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Udomxay-Lào. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về hoạt động NCKH và ứng dụng chuyển giao các sản phẩm KHCN.

Nhà trường đã ban hành Quy định về công tác tư vấn, hỗ trợ và phục vụ cộng đồng nhằm hướng dẫn và quy định rõ trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng của các đơn vị trong Trường tham gia triển khai hoạt động này.

Các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng được đo lường và giám sát. Báo cáo tổng kết năm học, Báo cáo kết quả thực hiện các loại hình hoạt động được các đơn vị thực hiện định kỳ. Các báo cáo được Nhà trường lưu trữ đầy đủ.

Nhà trường đã định kỳ xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường xây dựng kế hoạch cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng. Các hoạt động được triển khai, tổng kết rút kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp cải tiến trên cơ sở các kết quả đã thực hiện được.

Nhà trường đã tiến hành khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng. Qua dữ liệu

khảo sát cho thấy trên 90% ý kiến phản hồi hài lòng với các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của Nhà trường.

Tồn tại:

Giai đoạn trước năm 2018, Nhà trường chưa ban hành văn bản hướng dẫn quy định cụ thể hoạt động kết nối và PVCD để có thể quản lí, kiểm tra, giám sát các hoạt động này một cách thống nhất và bài bản.

Nhà trường chưa cụ thể hoá thành văn bản thống nhất quy định quản lí và hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD.

Nhà trường chưa cụ thể hóa tiêu chí đánh giá kết quả tham gia hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng thành quy định, quy trình đo lường và giám sát kết quả hoạt động.

Nhà trường chưa định kỳ đối sánh kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng để có thể đưa ra biện pháp cải tiến triệt để và hiệu quả.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần triển khai Quy định về công tác tư vấn, hỗ trợ và PVCD theo Quyết định số 205/QĐ-ĐHHL ban hành ngày 09/5/2019, và định kỳ rà soát, cập nhật để công tác tư vấn, hỗ trợ và PVCD của Nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

Nhà trường cần tăng cường và có chiến lược trong việc khuyến khích các hoạt động nghiên cứu khoa học mang tính thực tiễn để có thể tạo được nguồn thu từ các hoạt động chuyển giao KHCN.

Nhà trường cần sớm triển khai công tác kiểm tra, giám sát và ban hành quy trình kiểm tra giám sát các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng một cách chặt chẽ và bài bản.

Nhà trường cần ban hành quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng thông qua các tiêu chí một cách chi tiết và cụ thể hơn.

Nhà trường nên thực hiện đối sánh kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng để có biện pháp cải tiến phù hợp.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 21	4,00
Tiêu chí 21.1	4
Tiêu chí 21.2	4

Tiêu chí 21.3	4
Tiêu chí 21.4	4

TIÊU CHUẨN 22: KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

Tiêu chí 22.1: Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 22.1.

Nhà trường có hệ thống theo dõi giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, giám sát tỷ lệ học lại, thi lại các môn học.

Nhà trường có hệ thống theo dõi giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, được hỗ trợ bằng phần mềm quản lý đào tạo và khảo thí, P.ĐT-QLKH làm đầu mối, phối hợp trợ lý SV (GVCN) và cố vấn học tập thực hiện; P.KT&ĐBCL chịu trách nhiệm giám sát tỷ lệ học lại, thi lại các môn học/học phần, có thống kê báo cáo hàng năm và từng học kỳ.

Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ các năm học của toàn trường có xác lập chỉ tiêu tỷ lệ SV tốt nghiệp toàn trường.

Minh chứng cho thấy Nhà trường có đầy đủ hồ sơ số liệu về tuyển sinh đầu vào, kết quả học tập từng học kỳ, việc lưu trữ và truy xuất kết quả học tập được hỗ trợ bằng phần mềm quản lý đào tạo và khảo thí.

Tỷ lệ tốt nghiệp trung bình trong 5 năm qua của các ngành đại học tương đối cao, dao động trong khoảng 81,3% (Việt Nam học) đến 97,6% (SP Sinh học), tỷ lệ này ở các ngành cao đẳng thấp hơn, đạt từ 62,5% (SP Lịch sử) đến 93,55% (SP Hóa học). Tỷ lệ học lại và thi lại khá thấp, trung bình 5 năm của chu kỳ đánh giá là 6,76% và 2,57% tương ứng.

Các chỉ số tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học đã được Nhà trường thống kê, đối sánh nội bộ giữa các CTĐT và giữa các khóa, bước đầu có đối sánh số liệu của hai CTĐT đại học (SP Lịch sử và SP Ngữ văn) với các trường khác.

Qua minh chứng và phỏng vấn GV cho thấy Nhà trường đã và đang có các biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp, chẳng hạn các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy học, cải thiện điều kiện học tập và sinh hoạt, tăng cường các hoạt động ngoài giờ và công tác hỗ trợ SV.

Khảo sát các số liệu trong chu kỳ đánh giá cho thấy, tỷ lệ thôi học biến động mạnh, có xu hướng tăng, một vài ngành ở một số khóa có tỷ lệ thôi học cao: ở bậc đại

học SP Ngữ văn 25,9% (2018), SP Vật lí 19,23% (2014), Việt Nam học 25,64% (2017); ở bậc cao đẳng SP Toán 22,03% (2015) và 28,57% (2016), SP Lịch sử 37,5% (2015).

Việc đối sánh số liệu về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, học lại, thi lại chưa được thường xuyên và chưa có phân tích sâu về các số liệu thu được.

2. Đánh giá tiêu chí 22.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 22.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 22.2.

Nhà trường có phân công các đơn vị và cá nhân theo dõi, giám sát tiến trình, kết quả học tập và thời gian tốt nghiệp trung bình của SV, có hỗ trợ của phần mềm quản lí đào tạo.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm theo CTDH của từng chương trình đào tạo, trong đó các CTĐT bậc đại học có kế hoạch đào tạo 4 năm, CTĐT bậc cao đẳng có kế hoạch đào tạo 3 năm.

Nhà trường có phân công Phòng ĐT-QLKH phối hợp hệ thống cố vấn học tập và các khoa thường xuyên theo dõi, giám sát tiến trình và kết quả học tập của SV với sự hỗ trợ của phần mềm quản lí đào tạo, từ đó có số liệu xác định thời gian tốt nghiệp trung bình của SV (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012 quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị; số 461/QĐ-ĐHHL ngày 22/10/2018 quy định về cố vấn học tập).

Nhà trường có số liệu thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình và đối sánh giữa các CTĐT trong trường, giữa các khóa cùng CTĐT. Số liệu thống kê 5 năm 2015 - 2019 cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của các CTĐT trình độ ĐH dao động chỉ từ 4,00 đến 4,05; của trình độ cao đẳng dao động từ 3,00 đến 3,08, cho thấy đại đa số SV đã tốt nghiệp đúng tiến độ, số SV tốt nghiệp chậm rất ít.

Để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp và rút ngắn thời gian tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, Nhà trường đã có một số giải pháp tổ chức dạy học phù hợp như: tổ chức học kỳ phụ vào kỳ nghỉ hè; bố trí thời khóa biểu lịch buổi giữa các khóa nhằm tạo điều kiện cho SV học bù, học cải thiện điểm và học vượt, học lại; cho phép SV mỗi lần học được thi 2 lần (thi lại nếu chưa đạt).

Khảo sát cụ thể kế hoạch đào tạo của Nhà trường năm 2018-2019 cho thấy Nhà trường chưa xác lập thời gian tốt nghiệp trung bình của người học cho từng CTĐT như là một chỉ số thực hiện cần đạt trong các kế hoạch nhiệm vụ năm học.

Việc phân tích và đối sánh số liệu thời gian tốt nghiệp trung bình của từng CTĐT chưa được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

2. Đánh giá tiêu chí 22.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 22.3: Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 22.3.

Từ năm 2017, Nhà trường đã thực hiện việc khảo sát điều tra tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp một cách hệ thống, thường xuyên. Nhà trường có Ban chỉ đạo điều hành trực tiếp (số 640/QĐ-ĐHHL ngày 01/11/2018), P. CTSV chủ trì thực hiện, phối hợp P.ĐT-QLKH và các khoa đào tạo cung cấp thông tin SV tốt nghiệp (số 673/QĐ-ĐHHL ngày 22/11/2018).

Kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2019 khá cao, song khác nhau tùy ngành và khóa học. Thống kê số liệu khảo sát việc làm cho thấy: sau 6 tháng tốt nghiệp tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm đạt từ 51 - 66%; sau 1 năm tốt nghiệp tỷ lệ này của tất cả các ngành (ĐH và CĐ) đều đạt trên 50%, năm 2016 thấp nhất là ĐHSP Ngữ văn 51,12%, cao nhất là ngành ĐH GDMN 96,51%; năm 2017 cao nhất là CĐ Kế toán 100% (song chỉ 18,75% đúng ngành), thấp nhất là ĐH SP Toán học 79,3%; năm 2018 tỷ lệ có việc làm cao nhất là ĐH Kế toán (90,63) và ĐH GDMN (90,59%), thấp nhất là CĐ Kế toán (60%). Tỷ lệ có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp nhìn chung khá cao, đa số các ngành đạt trên 70%.

Nhà trường đã đối sánh tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT giữa các khóa của cùng CTĐT (2016, 2017, 2018); giữa các CTĐT của Trường.

Minh chứng cho thấy, Nhà trường đã triển khai một số giải pháp hỗ trợ nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp, như mở mục Tư vấn hướng nghiệp trên website của Trường, hợp tác với các Hiệp hội nghề và các doanh nghiệp, công ty, dạy tiếng Hàn Quốc miễn phí, tạo điều kiện cho các nhà tuyển dụng tiếp xúc SV và tuyển dụng tại Trường, tăng cường dạy các kỹ năng mềm cho SV, tổ chức các hội thi nghiệp vụ nghề hàng năm và nhiều hoạt động ngoài giờ khác.

Tỷ lệ có việc làm đúng ngành có xu hướng giảm ở một số ngành ĐH: SP Ngữ văn, GDMN, SP Hóa học. Chưa có số liệu khảo sát tỷ lệ có việc làm sau 3 năm tốt nghiệp.

Việc đối sánh tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của tất cả các CTĐT giữa các khóa của cùng CTĐT (2016, 2017, 2018); giữa các CTĐT của Trường, việc dự đoán tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp của các CTĐT chưa thường xuyên.

Kết quả khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng (của Nhà trường và của đoàn ĐGN) cho thấy những giải pháp của Nhà trường chưa đủ hiệu quả để cải thiện một số năng lực của SV, như năng lực ngoại ngữ, năng lực làm việc nhóm, năng lực quản lý và lãnh đạo,...

2. Đánh giá tiêu chí 22.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 22.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 22.4.

Nhà trường đã thiết lập hệ thống thu thập thông tin phản hồi và có quy định về công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan (số 467/QĐ-ĐHHL ngày 26/10/2018) nhằm thiết lập hệ thống thu thập thông tin phản hồi. P.CTSV chịu trách nhiệm chính, phối hợp với các khoa đào tạo khảo sát ý kiến người sử dụng lao động về chất lượng SV tốt nghiệp. P.KT&ĐBCL chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện kế hoạch khảo sát ý kiến về chất lượng người học tốt nghiệp, cung cấp thông tin khảo sát báo cáo BGH và các đơn vị liên quan để có giải pháp cải tiến chất lượng. Văn bản quy định rõ quy trình, phương pháp, công cụ và các chỉ số khảo sát.

Năm 2019, lần đầu tiên Nhà trường tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của các đơn vị sử dụng lao động về chất lượng SV tốt nghiệp (số 82/KH-ĐHHL ngày 06/5/2019), trong đó quy định rõ đối tượng, nội dung, công cụ khảo sát và phân công trách nhiệm chính thực hiện kế hoạch cho P.CTSV.

Kết quả khảo sát ý kiến 125 cơ quan, đơn vị hiện đang sử dụng 199 SV của trường sau tốt nghiệp (số 82/KH-ĐHHL ngày 06/5/2019, số 147/BC-ĐHHL ngày 12/9/2019) cho thấy, đa số người sử dụng lao động hài lòng với trình độ kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV tốt nghiệp, trừ kỹ năng sử dụng ngoại ngữ được đánh giá ở mức thấp.

Bước đầu, Nhà trường đã có áp dụng một số biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao mức độ hài lòng của các bên liên quan về SV tốt nghiệp. Rõ nét nhất là Nhà trường đã và đang cập nhật, chỉnh sửa CTDH và ĐCCT học phần của tất cả các ngành, đẩy mạnh đổi mới thi, kiểm tra đánh giá, tích hợp các kỹ năng thiết yếu vào ĐCCT từng học phần và tổ chức các hoạt động ngoài giờ phát triển kỹ năng mềm cho SV trong quá trình đào tạo.

Trong chu kỳ đánh giá, việc khảo sát đo lường mức độ hài lòng và ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng về người học sau tốt nghiệp được triển khai còn chậm (mới triển khai 01 lần năm 2019).

Nhà trường chưa thực hiện đối sánh về sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học sau tốt nghiệp giữa các khóa của từng ngành học. Báo cáo kết

quả khảo sát chưa có phân tích sâu và đầy đủ về số liệu: chưa nêu rõ cách thống kê và đánh giá số liệu từ phiếu khảo sát (như thế nào là hài lòng, cách tính tỷ lệ hài lòng), một số ý kiến góp ý còn mâu thuẫn với số liệu thống kê (kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp thuyết trình), chưa phân tích số liệu theo ngành đào tạo, theo khóa tốt nghiệp để việc cải tiến chất lượng được hiệu quả.

2. *Đánh giá tiêu chí 22.4 đạt mức: 3*

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 22:

Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống theo dõi giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình của tất cả các CTĐT, giám sát tỷ lệ học lại, thi lại các môn học, được hỗ trợ bằng phần mềm quản lý đào tạo và khảo thí.

Nhà trường đã thiết lập hệ thống thu thập thông tin phản hồi, có quy định và triển khai thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi các bên liên quan, thường xuyên điều tra việc làm SV sau tốt nghiệp.

Tỷ lệ có việc làm nhìn chung khá cao, đa số các ngành đạt trên 70%.

Nhà trường đã có một số giải pháp hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho SV ngay từ khi trong trường.

Tồn tại:

Nhà trường chưa dự báo và xác lập tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại và thi lại học phần, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp theo từng CTĐT trong các kế hoạch nhiệm vụ năm học.

Việc phân tích và đối sánh số liệu tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học, học lại, thi lại thời gian tốt nghiệp trung bình của từng CTĐT được thực hiện nhưng chưa thường xuyên và đầy đủ.

Nhà trường chưa thường xuyên đo lường mức độ hài lòng và ý kiến phản hồi của các nhà tuyển dụng về người học sau tốt nghiệp, số liệu khảo sát chưa được phân tích sâu và đầy đủ để có thông tin cho việc cải tiến chất lượng.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần phân tích, đối sánh và dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ thi lại và học lại, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp theo từng CTĐT, đưa vào kế hoạch thực hiện của từng năm học.

Nhà trường cần thường xuyên thu thập và sử dụng ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng về mức độ hài lòng đối với SV tốt nghiệp các CTĐT của Trường, và các góp ý về CTĐT để có biện pháp cải tiến chất lượng hiệu quả.

Nhà trường cần tăng cường những giải pháp cải thiện một số năng lực của SV, như năng lực ngoại ngữ, năng lực sử dụng CNTT, năng lực làm việc nhóm, năng lực tổ chức và lãnh đạo.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 22	3,75
Tiêu chí 22.1	4
Tiêu chí 22.2	4
Tiêu chí 22.3	4
Tiêu chí 22.4	3

TIÊU CHUẨN 23: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 23.1: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 23.1.

Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV được quy định tại các văn bản: Đề án Quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 – 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hoạt động KH&CN Trường ĐHHL giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến 2025; Kế hoạch triển khai công tác NCKH và công nghệ cấp trường giai đoạn 2014 - 2019; Quy định về quản lý hoạt động KH&CN trong Trường ĐHHL; Quy định Chế độ làm việc đối với GV Trường ĐHHL (số 474/QĐ-ĐHHL ngày 23/6/2016; số 662/QĐ-ĐHHL ngày 23/12/2019) đã xác định các loại hình và số lượng NCKH. Theo đó, các loại hình NCKH đối với GV bao gồm: nghiên cứu đề tài NCKH các cấp; công bố kết quả NCKH; dự thi các giải thưởng NCKH; viết tài liệu, giáo trình; hướng dẫn người học NCKH. Quy định Chế độ làm việc đối với GV Trường ĐHHL đã quy định định mức hoạt động KH&CN đối với mỗi chức danh nghề nghiệp, như: “*Trong năm học, giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm nhiệm vụ NCKH tương đương với 587 giờ. Tính quy đổi 3 giờ NCKH bằng 1 giờ chuẩn thì định mức giờ chuẩn NCKH/năm học của mỗi giảng viên được làm tròn là 196 giờ*” hay “*01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học (ISI, Scopus) hoặc bài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế được tính 200% (bài trong nước được tính 100%) định mức giờ chuẩn NCKH; chủ trì dự án NCKH được tính 100% định*

mức giờ chuẩn NCKH, nếu là thành viên tham gia tính 80% định mức giờ chuẩn NCKH...”

Quy định Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012) và Quy định quản lý hoạt động KH&CN trong Trường ĐHHL đã chỉ rõ: P.ĐT-QLKH có chức năng, nhiệm vụ quản lý hoạt động NCKH, trong đó có nhiệm vụ theo dõi, giám sát triển khai các hoạt động NCKH. Việc theo dõi, giám sát triển khai các hoạt động KHCN của đội ngũ GV được thực hiện dựa theo hướng dẫn tại các văn bản: Quy định quản lý khoa học công nghệ trong Trường ĐHHL (với các quy trình: xây dựng kế hoạch và đăng ký đề tài NCKH; quy trình xét duyệt đề cương, kiểm tra, giám định và nghiệm thu đề tài NCKH...) và Quy định Chế độ làm việc đối với GV Trường ĐHHL (với định mức, chỉ tiêu khối lượng NCKH).

Cơ sở dữ liệu của Trường bao gồm: danh mục các đề tài NCKH; các công bố khoa học; giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu; các giải thưởng KHCN của CB, GV; chương trình/dự án hợp tác nghiên cứu... Các cơ sở dữ liệu này được cập nhật hàng năm và được rà soát bởi P.ĐT-QLKH.

Năm học 2018 - 2019, để thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình, số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của đội ngũ CB, GV, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH của Trường ĐHHL năm học 2018 - 2019 (số 208/KH-ĐHHL ngày 03/12/2018) và tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi trên hệ thống trực tuyến. Kết quả cho thấy trên 54 % CBGV hài lòng về loại hình và khối lượng, chất lượng NCKH.

Nhà trường đã thực hiện đối sánh kết quả NCKH qua các năm và đối sánh với kết quả hoạt động NCKH của Trường ĐH Thủ Dầu Một giai đoạn 2014 - 2018. Kết quả đối sánh cho thấy, chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên có xu hướng tăng: số lượng đề tài NCKH cấp trường hầu hết các năm đều tăng và cao hơn của Trường ĐH Thủ Dầu Một; số lượng bài báo đăng tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế và trong nước của Trường ĐHHL đều thấp hơn là do không tương quan về số lượng CB, GV giữa 2 Trường (Trường ĐH Thủ Dầu Một có số lượng CB, GV cao hơn).

Trên cơ sở tổng kết, rà soát công tác NCKH của CB, GV năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, Nhà trường đã đề xuất biện pháp để cải tiến, thúc đẩy hoạt động NCKH trong các năm tiếp theo như: để xác định rõ hạn chế, nguyên nhân để đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao hoạt động NCKH; trong đó, đề xuất các nhiệm vụ NCKH: thực hiện đề tài NCKH, viết bài báo, sách, tài liệu; tổ chức hội thảo và định hướng các nội dung nghiên cứu; cải tiến việc phê duyệt kinh phí thực hiện căn cứ theo chất lượng đề tài NCKH; chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện và sẽ ban hành lại Quy định quản lý hoạt động khoa học của Trường ĐHHL và các văn bản quản lý hoạt động NCKH khác.

Số lượng các bài báo, bài đăng trên kỉ yếu hội thảo khoa học trong và ngoài nước chỉ mới tập trung ở một số ít CB, GV và chưa đồng đều giữa các lĩnh vực (chủ yếu tập trung ở lĩnh vực khoa học tự nhiên - công nghệ).

Nhà trường có thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động NCKH của đội ngũ CB, GV; có thực hiện đối sánh về loại hình và chất lượng NCKH của CB, GV nhưng chưa thực hiện bài bản.

Nhà trường đã thực hiện đối sánh. Tuy nhiên, số lượng đối tượng đối sánh ngoài còn hạn chế (01 trường ĐH), chưa có trường ĐH ngoài nước.

2. Đánh giá tiêu chí 23.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 23.2: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 23.2.

Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được quy định tại Quy định về hoạt động NCKH của SV trong các cơ sở GDĐH của Bộ GD&ĐT (số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 01/6/2012); Quy định về hoạt động NCKH của SV Trường ĐHHL. Theo đó, các loại hình NCKH đối với người học, bao gồm: tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, hội thi sáng tạo khoa học công nghệ trẻ; tham gia triển khai áp dụng những tiến bộ khoa học; viết bài đăng trên các báo, tạp chí, thông tin, thông báo khoa học; thực hiện nghiên cứu các đề tài khoa học và các hoạt động NCKH khác. Khối lượng NCKH của người học được cụ thể hóa trong Kế hoạch năm học và dự toán kinh phí hằng năm.

Nhà trường giao P.ĐT-QLKH chủ trì và phối hợp với các khoa theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của người học. Việc theo dõi, giám sát các hoạt động KHCN của người học được thực hiện theo Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường (số 03/QĐ-ĐHHL ngày 20/2/2009); Quy định về hoạt động NCKH của SV Trường Đại học Hoa Lư (số 262/QĐ - ĐHHL ngày 13/10/2010); quy trình nghiệm thu các đề tài NCKH. Hằng năm, Nhà trường ban hành kế hoạch triển khai NCKH của SV kèm theo hướng dẫn nghiệm thu đề tài NCKH của SV; thành lập các hội đồng xét duyệt đề cương và hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH của SV.

Cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của người học đã được P.ĐT-QLKH cập nhật và lưu giữ. Giai đoạn 2014 - 2018, người học của Nhà trường đã thực hiện 70 đề tài NCKH và 29 giải thưởng NCKH của SV; 200 lượt SV tham dự hội nghị, hội thảo.

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH của Trường ĐHHL năm học 2018 - 2019 (số 208/KH-ĐHHL ngày 03/12/2018) và tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi trên hệ thống trực tuyến. Kết quả cho thấy: Về các

quy định về NCKH của SV; trang bị kiến thức về NCKH có 63/63 (đạt tỉ lệ 100%) ý kiến đánh giá ở mức độ đạt, tốt và rất tốt; chính sách khen thưởng trong NCKH đối với SV có 62/63 (chiếm 98,4 %) ý kiến đánh giá ở mức độ đạt, tốt và rất tốt.

Nhà trường đã thực hiện đối sánh kết quả nghiên cứu của người học qua các năm và theo từng khoa; đối sánh với kết quả NCKH của SV với Trường ĐH Thủ Dầu Một.

Từ kết quả khảo sát và đối sánh và ý kiến phản hồi của người học, Nhà trường đã thực hiện các biện pháp cải tiến để tăng số lượng và chất lượng hoạt động NCKH của người học: có chính sách khen thưởng cho SV đạt thành tích trong NCKH như cấp giấy khen, được cộng thêm điểm thưởng vào điểm rèn luyện của học kỳ để làm căn cứ xét cấp học bổng và xếp loại thi đua, xét làm khóa luận tốt nghiệp; đầu tư CSVC phục vụ cho dạy, học và NCKH; thành lập Câu lạc bộ tiếng Anh, Câu lạc bộ nghề Du lịch... để SV trao đổi học tập và NCKH; phối hợp với Sở KH&CN tỉnh Ninh Bình tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày KH&CN Việt Nam, trong đó có tọa đàm giữa CB, GV, SV về vị trí, vai trò của hoạt động NCKH, kinh nghiệm trong NCKH, đồng thời trao giải thưởng cho GV, SV có thành tích trong NCKH. Trong kế hoạch triển khai NCKH của SV năm tiếp theo, Nhà trường đã giao chỉ tiêu cụ thể số SV NCKH/tổng số SV cho các đơn vị và sẽ tiếp tục rà soát, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện văn bản về NCKH của SV.

Nhà trường chưa quy định đầy đủ về tiêu chí, quy trình đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng NCKH của người học.

Các loại hình NCKH tham gia của người học còn chưa đa dạng, chủ yếu là đề tài NCKH và các giải thưởng khoa học.

Số lượng người học được khảo sát hàng năm rất ít (63 SV/tổng số SV toàn trường), nên kết quả khảo sát chưa có ý nghĩa thống kê.

2. Đánh giá tiêu chí 23.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 23.3: Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 23.3.

Loại hình và số lượng các công bố khoa học của đội ngũ CB, GV được quy định tại các văn bản: Kế hoạch hoạt động KH&CN Trường ĐHHL giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến 2025; Kế hoạch triển khai công tác NCKH và công nghệ cấp Trường giai đoạn 2014 - 2019; Quy định về quản lý hoạt động KH&CN trong Trường ĐHHL; Quy định Chế độ làm việc đối với GV Trường ĐHHL đã xác định các loại hình công bố khoa học bao gồm: các công bố thuộc và không thuộc hệ thống ISI/SCOPUS, công bố trên tạp chí trong nước thuộc danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước; các báo cáo khoa học tham luận tại các hội thảo khoa học; bằng sáng chế, giải

pháp hữu ích; giáo trình, chuyên khảo, sách tham khảo và sách hướng dẫn; bài đăng thông báo khoa học của Nhà trường. Số lượng công bố được quy định trong các văn bản: Quy định về chế độ làm việc đối với GV; Quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong Trường ĐHHL; Kế hoạch triển khai NCKH các năm học của Nhà trường (từ năm 2014 đến năm 2018).

Nhà trường giao P.ĐT-QLKH theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của người học (bao gồm cả theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng các công bố khoa học). Theo đó, P.ĐT-QLKH xây dựng kế hoạch, tổ chức cho các đơn vị và cá nhân đăng ký đề tài, xét duyệt đề cương, nghiệm thu đề tài NCKH; tổ chức xét duyệt đề cương, nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường; tư vấn, hướng dẫn việc triển khai các đề tài NCKH cấp Tỉnh, Bộ và cấp Nhà nước...

Cơ sở dữ liệu về NCKH của Trường bao gồm: danh mục các đề tài NCKH; các công bố khoa học; giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu; các giải thưởng KHCN của CB, GV và người học; các trích dẫn của giảng viên qua hệ thống google Scholar. Các cơ sở dữ liệu này được cập nhật hàng năm và được rà soát bởi P.ĐT-QLKH.

Năm 2019, để thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các công bố khoa học (bao gồm cả các trích dẫn qua hệ thống Google Schola), Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi về hoạt động NCKH của Trường ĐHHL năm học 2018 - 2019 (số 236/KH-ĐHHL ngày 30/12/2019) và tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi trên hệ thống trực tuyến. Kết quả cho thấy có 245 (chiếm tỉ lệ 91,2%) CB, GV hài lòng về hoạt động NCKH (bao gồm loại hình và số lượng các công bố khoa học).

Nhà trường đã thực hiện đối sánh kết quả công bố khoa học của Trường qua các năm. Kết quả đối sánh cho thấy số lượng và chất lượng công bố khoa học của Nhà trường giai đoạn 2014 - 2019 tăng dần ở một số loại hình nghiên cứu. Trên cơ sở kết quả rà soát, đối sánh, Nhà trường đã thực hiện nhiều biện pháp để cải tiến, thúc đẩy hoạt động NCKH trong các năm tiếp theo như: đề xuất phương hướng và các biện pháp cải tiến khắc phục hạn chế và tăng cường hỗ trợ phát triển NCKH: năm 2019, yêu cầu các CB, GV đăng ký sử dụng chức năng của hệ thống web của Google Scholar để lấy số liệu về trích dẫn của các công bố ISI; điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng cải tiến chính sách tài chính nhằm thu hút CB, GV tham gia các hoạt động NCKH năm học 2018 - 2019: hỗ trợ 10 triệu đồng/1 đề tài có bài đăng tạp chí quốc tế, 8 triệu đồng/1 đề tài có bài báo đăng tạp chí trong nước, hỗ trợ 6 triệu đồng/đề tài có bài đăng Thông báo khoa học của Trường; bổ sung chính sách khen thưởng, kỷ luật để khuyến khích công bố khoa học, đặc biệt là công bố quốc tế.

Nhà trường chưa quy định đầy đủ về tiêu chí, quy trình đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các công bố khoa học để thực hiện việc giám sát, đánh giá, đảm bảo kết quả đánh giá được sát thực, đầy đủ.

Việc thực hiện đối sánh loại hình và số lượng công bố khoa học (bao gồm cả chỉ số trích dẫn IF) của CB, GV mới chỉ thực hiện đối sánh nội bộ mà chưa thực hiện đối sánh với các trường đại học khác nên chưa tạo động lực cho Nhà trường phát triển các số lượng và chất lượng công bố khoa học.

2. Đánh giá tiêu chí 23.3 đạt mức: 4

Tiêu chí 23.4: Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 23.4.

Loại hình và số lượng TSTT được quy định tại Quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường ĐHHL. Theo đó, các loại hình TSTT được bảo hộ quyền tác giả, bao gồm: Sách, giáo trình, bài giảng; tài liệu tham khảo, hướng dẫn và giảng dạy do giảng viên xuất bản; báo cáo đề tài NCKH; các khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án; các công bố khoa học, các giải thưởng khoa học; các tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu công nghiệp bao gồm các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp. Tài sản này được bảo vệ khi chủ sở hữu nộp hồ sơ yêu cầu và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp văn bằng bảo hộ. Ngoài ra, Nhà trường đã quy định rõ: Quyền tác giả đối với tác phẩm phát sinh tại thời điểm tác phẩm sáng tạo được thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định, không phân biệt tác phẩm đã công bố hoặc chưa công bố, đã đăng ký hoặc chưa đăng ký bảo hộ.

Nhà trường giao P.ĐT-QLKH theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của người học (bao gồm cả theo dõi, giám sát các loại hình và số lượng TSTT). Theo đó, P.ĐT-QLKH xây dựng kế hoạch, tổ chức cho các đơn vị và cá nhân đăng ký đề tài, xét duyệt đề cương, nghiệm thu đề tài NCKH; tổ chức xét duyệt đề cương, nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường; tư vấn, hướng dẫn việc triển khai các đề tài NCKH cấp Tỉnh, Bộ và cấp Nhà nước; giám sát kết quả NCKH và ứng dụng kết quả NCKH vào thực tiễn công tác của Nhà trường, xã hội.

Cơ sở dữ liệu về TSTT của Nhà trường được cập nhật và lưu trữ tại P.ĐT-QLKH. Giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường có 634 TSTT thuộc quyền tác giả ở Nhà trường, trong đó có 542 TSTT của CB, GV và 92 TSTT của SV, bao gồm: 188 đề tài NCKH được nghiệm thu; 37 sách và tài liệu tham khảo; 299 công bố khoa học; 252 khóa luận, luận văn, luận án; 47 giải thưởng khoa học.

Thực hiện đối sánh loại hình và số lượng TSTT thuộc quyền tác giả ở Nhà trường theo các năm của Nhà trường giai đoạn 2014 - 2019 cho thấy, các công bố khoa học của nhà trường có xu hướng tăng: tổng số TSTT tăng từ 58 (2014) lên 606 (2018); công bố

khoa học của CB, GV (trên tạp chí trong nước, quốc tế và hội thảo quốc tế) tăng từ 22 (2014) lên 282 (2018); sách, tài liệu tăng từ 1 (2014) lên 33 (2018).

Trên cơ sở đối sánh, kết quả rà soát, các quy định và thực tiễn hoạt động, Nhà trường đã thực hiện một số giải pháp cải tiến: triển khai Kế hoạch tập huấn sở hữu trí tuệ (số 05/KH-ĐHHL ngày 05/01/2019), mời chuyên gia về báo cáo những vấn đề về SHTT tại Trường nhằm nâng cao nhận thức của CB, GV, SV trong việc đăng ký sở hữu trí tuệ cho công trình nghiên cứu của mình; Ban hành Quy định về quản lý hoạt động SHTT tại Trường ĐHHL (số 681/QĐ-ĐHHL ngày 04/12/2018).

Nhà trường chưa có tiêu chí và quy trình đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các TSTT.

CB, GV của Trường còn hạn chế trong nhận thức và tiếp cận quy trình đăng kí quyền SHTT và chưa chủ động đăng kí để xác lập quyền SHTT của mình. Công tác bảo hộ tài sản trí tuệ của CB, GV, NV và SV Nhà trường mới chỉ dừng lại ở các văn bản, kế hoạch chưa triển khai sâu sát và quản lý chặt chẽ.

Việc thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các TSTT của Trường mới chỉ thực hiện đối sánh nội bộ mà chưa thực hiện đối sánh với các trường đại học khác nên chưa tạo động lực cho Nhà trường phát triển các loại hình và số lượng TSTT.

Trường chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan (CB, GV, SV) về loại hình và số lượng TSTT của Trường.

2. Đánh giá tiêu chí 23.4 đạt mức: 3

Tiêu chí 23.5: Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 23.5.

Việc phân bổ kinh phí cho các hoạt động NCKH được quy định tại Điều 14 trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHHL (số 595/QĐ-ĐHHL ngày 13/12/2017) và được cụ thể hóa trong các kế hoạch hành động năm tài chính và dự toán kinh phí cho hoạt động KHCN năm tài chính hằng năm; Danh mục và kinh phí hoạt động NCKH hằng năm đã được phê duyệt. Theo đó, từ năm 2014 đến năm 2017, chỉ quy định kinh phí đề tài NCKH cấp trường hỗ trợ chung một mức 8 triệu đồng/1 đề tài; năm học 2018 - 2019, Nhà trường hỗ trợ 10 triệu đồng/1 đề tài có bài đăng tạp chí quốc tế, 8 triệu đồng/1 đề tài có bài báo đăng tạp chí trong nước, hỗ trợ 6 triệu đồng/đề tài có bài đăng Thông báo khoa học của Trường; hỗ trợ 4 triệu đồng/1 đề tài không có bài báo; hỗ trợ kinh phí đề CB, GV tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế. Tổng kinh phí chi cho hoạt động NCKH của CB, GV của Trường giai đoạn 2015 - 2019 là 4.136 triệu đồng. Trong đó, năm 2015: 891

triệu đồng; năm 2016: 904 triệu đồng; năm 2017: 1056 triệu đồng, năm 2018: 768 triệu đồng; năm 2019: 517 triệu đồng. Bình quân là 827 triệu đồng/năm, chiếm tỉ lệ 8,02% trong tổng thu của Trường là 51.557 triệu đồng).

Quy định Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường (số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012) đã quy định rõ P.TV chủ trì phối hợp với các đơn vị khác trong trường thực hiện quản lý công tác tài chính của Nhà trường, trong đó có việc giám sát, đánh giá kết quả công tác tài chính của Trường. Phương pháp đánh giá phân bổ ngân quỹ cho từng loại hình hoạt động NCKH được thực hiện theo Quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ và tình hình kinh phí thực tế của Nhà trường trong năm tài chính.

Trường đã thực hiện rà soát Quy chế chi tiêu nội bộ 4 lần và đã ban hành mới sau mỗi lần rà soát. Năm 2018, P.TV có Kế hoạch số 621/ĐHHL-TCTH ngày 26/11/2018 triển khai lấy ý kiến phản hồi của CB, GV, NV về việc rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ lần thứ 5 của Trường ĐHHL với các nội dung: sự phù hợp của ngân quỹ dành cho hoạt động NCKH; mức chi cho thực hiện đề tài NCKH; mức chi cho công bố khoa học. Hiện tại, Nhà trường chuẩn bị ban hành để thực hiện cho năm 2020.

Nhà trường đã điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐHHL bốn lần (số 196/QĐ-ĐHHL ngày 11/4/2012, số 35/QĐ-ĐHHL ngày 25/01/2015, số 832/QĐ-ĐHHL ngày 27/12/2016, số 595/QĐ-ĐHHL ngày 13/12/2017) chủ yếu điều chỉnh các định mức chi cho các hoạt động chung, trong đó điều chỉnh mức chi cho hoạt động NCKH tăng lên: Từ năm 2014 đến năm 2017 kinh phí đề tài NCKH cấp trường chi chung một mức (8 triệu đồng/1 đề tài); năm học 2018 - 2019, hỗ trợ 10 triệu đồng/1 đề tài có bài đăng tạp chí quốc tế, 8 triệu đồng/1 đề tài có bài báo đăng tạp chí trong nước, hỗ trợ 6 triệu đồng/đề tài có bài đăng Thông báo khoa học của Trường; hỗ trợ 4 triệu đồng/1 đề tài không có bài báo; hỗ trợ kinh phí để CB, GV tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế như The 7th International Conference on Sciences and Social Sciences (ICSSS 2017), The International Graduate Research Symposium 2018; VietTESSOL International Convention 2019; International Convention and Language Expo TESOL Atlanta 2019; Hội thảo khoa học quốc tế: Tích hợp trong giáo dục và Đào tạo giáo viên.

Trên cơ sở kết quả đối sánh mức kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH hằng năm, Nhà trường đã có kế hoạch nâng cao mức đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu: Từ năm học 2018 - 2019 trở đi, Hiệu trưởng đã quyết định các mức hỗ trợ kinh phí khác nhau cho mỗi đề tài trên cơ sở các tiêu chí tuyển chọn đề tài và tiêu chí do Chủ nhiệm đề tài đăng kí nhằm sử dụng hiệu quả kinh phí; tăng định mức chi cho các hoạt động NCKH.

Tỉ lệ chi cho NCKH của SV còn thấp (bình quân 31 triệu đồng/năm, chiếm tỉ lệ 0,4% tổng nguồn thu học phí/năm), chưa đảm bảo quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ (là 3%).

Nhà trường chưa ban hành quy định, hướng dẫn, tiêu chí, phương pháp đánh giá việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu.

Chưa có hệ thống và chưa thực hiện thu thập thông tin phản hồi của CB, GV về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu.

Nhà trường chưa thực hiện đối sánh, điều chỉnh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu hằng năm để có cơ sở điều chỉnh ngân quỹ chi cho hoạt động NCKH.

2. Đánh giá tiêu chí 23.5 đạt mức: 3

Tiêu chí 23.6: Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 23.6.

Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHL đã quy định chức năng, nhiệm vụ, nội dung, tổ chức và hoạt động KHCN của Nhà trường; Đề án quy hoạch phát triển trường giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025 đều xác định rõ mục tiêu của Trường: “...đến năm 2030 Trường ĐHHL trở thành Trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ hàng đầu của tỉnh Ninh Bình và khu vực Đồng bằng Sông Hồng” và xác định chỉ số về kết quả nghiên cứu và sáng tạo “*Từ năm 2020 - 2025: Thành lập được Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng KHCN và chuyển giao công nghệ; các nhóm nghiên cứu chuyên lĩnh vực; thực hiện các chương trình hợp tác nghiên cứu với các đối tác trong và ngoài nước; tham gia các hoạt động KHCN cấp tỉnh, bộ, quốc gia và phấn đấu đạt ít nhất 2 giải thưởng KHCN cấp tỉnh, bộ hoặc quốc gia/năm*” và “*Phấn đấu chỉ tiêu giai đoạn 2020 - 2025 đến 2030... Nguồn thu từ các hoạt động NCKH, đào tạo ngắn hạn, tư vấn, dịch vụ đóng góp từ 10% - 20% tổng nguồn thu tài chính*”.

Giai đoạn 2014 - 2018, CB, GV Nhà trường đã thực hiện: 01 nhiệm vụ “*Xây dựng trang thông tin điện tử tư vấn lựa chọn dịch vụ du lịch tỉnh Ninh Bình*” được chuyển giao cho Trung tâm Xúc tiến Du lịch thuộc Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình; 06 đề tài NCKH cấp Tỉnh, Bộ đều được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước; một số tài liệu tham khảo, giảng dạy cấp trường được ứng dụng vào thực tiễn trong giảng dạy cho sinh viên Lào: “*Tiếng Việt nâng cao*”, “*Tiếng Việt thực hành*”, “*Tiếng Việt chuyên ngành*”.

Nhà trường có thực hiện đối sánh với Trường ĐH Thủ Dầu Một từ năm 2013 - 2017 về sản phẩm nghiên cứu, sáng tạo.

Năm học 2017 - 2018, 2018 - 2019, Nhà trường tổ chức tổng kết, rà soát công tác NCKH của CB, GV. Trên cơ sở kết quả rà soát và ý kiến của các bên liên quan, Nhà trường đã có những biện pháp cải tiến hoạt động NCKH; trong đó, đang chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện và sẽ ban hành lại Quy định quản lý hoạt động khoa học của Trường ĐHHL và các văn bản quản lý hoạt động NCKH khác; bổ sung các chính sách khuyến khích các CB, GV chủ động mở doanh nghiệp hoặc hợp tác với một số doanh nghiệp, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài; phối hợp với Hiệp hội Du lịch tỉnh Ninh Bình, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Ninh Bình, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội tổ chức các hội thảo khoa học; điều chỉnh kinh phí hỗ trợ cho hoạt động NCKH, khuyến khích CB, GV đăng ký thực hiện đề tài NCKH cấp tỉnh, đề tài NCKH cấp trường có tính ứng dụng trong thực tiễn cao; đầu năm 2019, Nhà trường đã ký Thỏa thuận hợp tác với Công ty TNHH khách sạn Thùy Anh Ninh Bình, trong đó nội dung tư vấn định hướng nghề nghiệp, khởi nghiệp và là cầu nối giới thiệu sinh viên đến tuyển dụng các doanh nghiệp vào vị trí phù hợp.

Nhà trường chưa có hệ thống và chưa thực hiện thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp).

Nhà trường chưa có các đơn vị khởi nghiệp, thử nghiệm nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao)

Nhà trường có đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo với Trường ĐH Thủ Dầu Một. Kết quả đối sánh cho thấy: sản phẩm khoa học sáng tạo của Trường vẫn thấp cho dù số lượng sản phẩm sáng tạo của cả 2 trường đều thấp.

2. Đánh giá tiêu chí 23.6 đạt mức: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 23:

Điểm mạnh:

Nhà trường đã có các văn bản quy định rõ về loại hình, khối lượng NCKH của CB, GV, SV; loại hình và số lượng các công bố khoa học và TSTT đối với cán bộ, giảng viên và người học; quy định mức hoạt động KH&CN đối với mỗi chức danh nghề nghiệp.

Nhà trường có cơ sở dữ liệu về loại hình và khối lượng NCKH của CB, GV, người học (danh mục các đề tài NCKH; các công bố khoa học; giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu; các giải thưởng KH&CN của CB, GV; chương trình, dự án); các cơ sở dữ liệu này được cập nhật, rà soát bởi P.ĐT-QLKH hàng năm.

Cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của CB, GV, SV đã được P.ĐT-QLKH cập nhật và lưu giữ. Giai đoạn 2014 - 2019, CB, GV của Trường đã chủ trì thực hiện: 01 đề tài cấp Nhà nước; 06 đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh; 181 đề tài cấp Trường/cấp Cơ sở; xuất bản 37

cuốn sách, tài liệu phục vụ đào tạo; có 29 bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế (ISI, SCOPUS và các tạp chí quốc tế khác); 240 bài báo đăng trên tạp chí khoa học được tính điểm trong nước và 30 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế; 18 giải thưởng khoa học, bằng lao động sáng tạo; tham gia với các đối tác thực hiện 7 đề tài cấp Nhà nước; SV của Nhà trường đã thực hiện 70 đề tài NCKH và 29 giải thưởng NCKH của SV; 200 lượt SV tham dự hội nghị, hội thảo.

Cơ sở dữ liệu về TSTT của Nhà trường được cập nhật và lưu trữ tại P.ĐT-QLKH. Giai đoạn 2014 - 2018, Nhà trường có 634 TSTT thuộc quyền tác giả ở Nhà trường, trong đó có 542 TSTT của CB, GV và 92 TSTT của SV, bao gồm: 188 đề tài NCKH được nghiệm thu; 37 sách và tài liệu tham khảo; 299 công bố khoa học; 252 khóa luận, luận văn, luận án; 47 giải thưởng khoa học.

Nhà trường có cơ sở dữ liệu về các công bố khoa học: danh mục các đề tài NCKH; danh mục các công bố khoa học; danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu; danh mục các giải thưởng KHCN của CB, GV và người học; Danh mục các trích dẫn của giảng viên qua hệ thống google Scholar. Các cơ sở dữ liệu này được cập nhật hàng năm và được rà soát bởi P.ĐT-QLKH.

Nhà trường đã thực hiện đối sánh kết quả NCKH qua các năm và đối sánh với kết quả hoạt động NCKH của Trường ĐH Thủ Dầu Một giai đoạn 2014 - 2019. Kết quả đối sánh cho thấy, chất lượng hoạt động NCKH của CB, GV, SV có xu hướng tăng.

Thực hiện đối sánh loại hình và số lượng TSTT thuộc quyền tác giả ở Nhà trường theo các năm của Nhà trường giai đoạn 2014 - 2019 cho thấy, các công bố khoa học của nhà trường có xu hướng tăng: tổng số TSTT tăng từ 58 (2014) lên 606 (2018); công bố khoa học của CB, GV (trên tạp chí trong nước, quốc tế và hội thảo quốc tế) tăng từ 22 (2014) lên 282 (2018); sách, tài liệu tăng từ 1 (2014) lên 33 (2018).

Tồn tại:

Số lượng các bài báo, bài đăng trên kỷ yếu hội thảo khoa học trong và ngoài nước chỉ mới tập trung ở một số ít CB, GV và chưa đồng đều giữa các lĩnh vực (chủ yếu tập trung ở lĩnh vực khoa học tự nhiên - công nghệ).

Nhà trường chưa có văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể công tác khảo sát và đối sánh này để thực hiện thống nhất và đầy đủ trong các đơn vị; số lượng người học được khảo sát hàng năm rất ít (63 SV/tổng số SV toàn trường), nên kết quả khảo sát chưa có ý nghĩa thống kê.

Nhà trường đã thực hiện đối sánh với Trường ĐH Thủ Dầu Một. Tuy nhiên, số lượng đối tượng đối sánh còn hạn chế (01 trường ĐH), chưa có trường ĐH ngoài nước.

Nhà trường chưa quy định đầy đủ về tiêu chí, quy trình đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng NCKH của người học.

Các loại hình NCKH tham gia của người học còn chưa đa dạng, chủ yếu là đề tài NCKH và các giải thưởng khoa học.

Nhà trường chưa quy định đầy đủ về tiêu chí, quy trình đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các công bố khoa học của CB, GV, SV; tiêu chí và quy trình đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ tiêu về loại hình và số lượng các TSTT; quy định, hướng dẫn, tiêu chí, phương pháp đánh giá việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu.

CB, GV của Trường còn hạn chế trong nhận thức và tiếp cận quy trình đăng kí quyền SHTT và chưa chủ động đăng kí để xác lập quyền TSTT của mình. Công tác bảo hộ tài sản trí tuệ của CB, GV, NV và SV nhà trường mới chỉ dừng lại ở các văn bản, kế hoạch chưa triển khai sâu sát và quản lý chặt chẽ.

Việc thực hiện đối sánh nói chung về hoạt động NCKH và SHTT của Trường mới chỉ thực hiện đối sánh nội bộ mà chưa thực hiện đối sánh với các trường đại học khác nên chưa tạo động lực cho Nhà trường phát triển các loại hình và số lượng tài sản trí tuệ.

Công tác bảo hộ tài sản trí tuệ của CB, GV, NV và SV Nhà trường mới chỉ dừng lại ở các văn bản, kế hoạch chưa triển khai sâu sát và quản lý chặt chẽ.

Trường chưa thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan (CB, GV, SV) về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ của Trường mà chỉ khảo sát lấy ý kiến về nội dung tập huấn hoạt động SHTT.

Tỉ lệ chi cho NCKH của SV còn thấp (bình quân 31 triệu đồng/năm, chiếm tỉ lệ 0.4% tổng nguồn thu học phí/năm), chưa đảm bảo quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ (là 3%).

Chưa có hệ thống và chưa thực hiện thu thập thông tin phản hồi của CB, GV về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu.

Nhà trường chưa thực hiện đối sánh, điều chỉnh về ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu hằng năm để có cơ sở điều chỉnh ngân quỹ chi cho hoạt động NCKH phù hợp.

Nhà trường chưa có hệ thống và chưa thực hiện thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp).

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần có kế hoạch rà soát tổng thể các quy định về các loại hình, khối lượng và chất lượng NCKH (bao gồm cả công bố khoa học, TSTT) của CB, GV, SV để

có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung các quy định, chính sách NCKH cho phù hợp với sứ mệnh và mục tiêu NCKH của Nhà trường;

Xây dựng hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động NCKH (bao gồm cả công bố khoa học, TSTT); chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) của CB, GV, SV trong Trường (các văn bản quy định, hướng dẫn rà soát, đối sánh; phân công đơn vị chủ trì, phối hợp; kế hoạch khảo sát...).

Nhà trường cần ban hành quy định, hướng dẫn về tiêu chí, quy trình đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng NCKH (bao gồm cả công bố KH và TSTT), về phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu để thực hiện giám sát, đánh giá và đảm bảo kết quả đánh giá được sát thực, đầy đủ.

Nhà trường cần có kế hoạch giao chỉ tiêu cụ thể về NCKH của SV cho các khoa và triển khai giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức thực hiện và nghiệm thu sản phẩm NCKH để đảm bảo sự đồng đều hoạt động NCKH của SV.

Nhà trường cần có quy định và thực hiện đối sánh. Trong đó, bao gồm đối sánh đầy đủ các chỉ số và đối sánh với các trường đại học khác trong và ngoài nước để tạo động lực cho Nhà trường phát triển loại hình, số lượng và chất lượng công bố khoa học.

Nhà trường cần ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể về quy trình đăng kí quyền SHTT và tăng cường giám sát và hỗ trợ các thủ tục và kinh phí đăng kí SHTT cho CB, GV; tiếp tục tổ chức tập huấn chuyên sâu, theo chuyên đề về bảo hộ quyền SHTT cho CB, GV và người học của Trường.

Nhà trường cần thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan (CB, GV, SV) về loại hình và số lượng tài sản trí tuệ; về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu của Trường để làm cơ sở cải tiến chất lượng.

Nhà trường cần có chỉ đạo, kế hoạch và các chính sách hỗ trợ để tăng cường công tác NCKH trong SV; đầu tư kinh phí thích đáng để đảm bảo SV được tham gia NCKH dưới nhiều loại hình đa dạng hơn với số lượng phù hợp đảm bảo tỉ lệ chi theo đúng quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ là 3%.

Nhà trường cần thành lập đơn vị khởi nghiệp, thử nghiệm nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao).

Nhà trường cần có những giải pháp tăng cường đầu tư nguồn lực và khuyến khích, hỗ trợ CB, GV thực hiện nhiều hơn đề tài nghiên cứu thử nghiệm và sáng tạo để thực hiện chuyển giao công nghệ hoặc thương mại hoá sản phẩm.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 23	3,50
Tiêu chí 23.1	4
Tiêu chí 23.2	4
Tiêu chí 23.3	4
Tiêu chí 23.4	3
Tiêu chí 23.5	3
Tiêu chí 23.6	3

TIÊU CHUẨN 24: KẾT QUẢ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 24.1: Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 24.1.

Giai đoạn 2014 - 2019, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị như Công đoàn, ĐTN, Hội sinh viên, P.CTSV, Câu lạc bộ tiếng Anh, Câu lạc bộ Du lịch... xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng căn cứ trên các văn bản quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Nội vụ và kế hoạch chung của Nhà trường. Dựa trên kế hoạch và danh mục các hoạt động cũng như thời gian phân bổ cho các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng như tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội tại địa phương; các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng; hoạt động công ích phục vụ Nhà trường và lợi ích của sinh viên; hoạt động cứu trợ thiên tai, từ thiện nhân đạo, hiến máu tình nguyện; hoạt động giữ gìn và bảo vệ môi trường... đã được các đơn vị triển khai và đã đóng góp nhiều lợi ích cho xã hội.

Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định về công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên và các hoạt động PVCD của Trường đại học Hoa Lư theo Quyết định số 205/QĐ-ĐHHL ngày 19/05/2019 đã quy định cụ thể về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

Nhà trường đã giao cho P.TC-TH làm đầu mối cùng Ban thanh tra nhân dân, Công đoàn, Hội chữ thập đỏ và P.CTSV thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch, tổ chức triển khai và theo dõi, giám sát hoạt động kết nối và PVCD của CBGV và SV Nhà trường.

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy Nhà trường đã có văn bản chỉ đạo việc thực hiện đối sánh chất lượng giáo dục trên một số lĩnh vực ĐT, NCKH và PVCĐ (số 78/CV-ĐHHL ngày 26/02/2019); có Báo cáo kết quả đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (số 59/BC-CTSV ngày 18/03/2019). Trên cơ sở đó, thực hiện rà soát, điều chỉnh loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. Kết quả cho thấy số lượng, chất lượng các hoạt động năm sau cao hơn năm trước, tiêu biểu là các hoạt động tình nguyện của ĐTN, Hội SV với 50-60 CBGV và SV tham gia/đợt, kinh phí hỗ trợ từ 1 triệu đến 40 triệu VNĐ/năm; mỗi năm hoạt động hiến máu nhân đạo của Nhà trường đã đóng góp từ 150 đến 200 đơn vị máu; các hoạt động liên quan đến điều động nhân lực tham gia các sự kiện văn hóa, xã hội lớn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ... đều được rà soát, điều chỉnh để phù hợp với thực tế.

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho phòng chức năng, đơn vị liên quan (P.CTSV, ĐTN, HSV, CĐ) xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác thu thập lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ. Phiếu khảo sát, báo cáo tổng hợp được Nhà trường lưu trữ đầy đủ.

Qua báo cáo tổng kết kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường đã tổ chức họp rút kinh nghiệm và định hướng cách thức tiến hành cho các đợt hoạt động tiếp theo. Giai đoạn 2014 - 2019, các hoạt động của ĐTN, Hội CTĐ được định kỳ tổng kết, đánh giá (số 18, 19/BC-CTĐ/2015; số 23, 25/BC-CTĐ/2016; số 31, 32/BC-CTĐ/2017; số 48, 49/BC-CTĐ/2018) và đối sánh giữa các năm học, giữa kế hoạch đề ra và kết quả thực hiện (số 59/BC-CTSV ngày 18/03/2019).

Qua nghiên cứu hồ sơ minh chứng cho thấy, các hoạt động đã được các tổ chức xã hội, các bên liên quan đánh giá cao. Trên 95% ý kiến phản hồi từ các bên liên quan hài lòng với các hoạt động từ Nhà trường đối với cộng đồng, xã hội.

Nhà trường chưa triển khai đối sánh với các cơ sở giáo dục khác để có thể cải tiến chất lượng các hoạt động kết nối PVCĐ của Nhà trường.

2. Đánh giá tiêu chí 24.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 24.2.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan. Căn cứ trên báo cáo tổng kết kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan (số 231/BC-ĐHHL ngày 28/12/2018), Nhà trường tiến hành đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với xã hội. Kết quả của hoạt động kết nối, PVCĐ đã

mang lại nhiều lợi ích cho xã hội như qua truyền thông có thể giúp HS THPT lựa chọn được ngành nghề cho mình, sự phối hợp hợp tác trong NCKH về lĩnh vực du lịch đã tạo ra sản phẩm hữu ích cho doanh nghiệp du lịch ứng dụng vào thực tiễn...Các kết quả thu được đã được cộng đồng đánh giá cao.

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho Ban thanh tra nhân dân, Công đoàn, Hội chữ thập đỏ, ĐTN, HSV, P.CTSV chịu trách nhiệm thực hiện giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội.

Nhà trường đã thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội. Kết quả cho thấy, trong giai đoạn tự đánh giá, hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường được duy trì, các hoạt động ngày càng đa dạng và được xã hội ghi nhận.

Nhà trường đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của CBGV, NV, SV và các bên liên quan về hoạt động PVCĐ sử dụng thông qua công cụ Google Forms và qua phiếu khảo sát trên giấy. Dữ liệu khảo sát, phiếu khảo sát được Nhà trường lưu trữ đầy đủ.

Kết quả khảo sát các bên liên quan sau các hoạt động kết nối và PVCĐ do ĐTN, HSV, Công đoàn, Hội Chữ thập đỏ triển khai, Nhà trường đã tổ chức các Hội nghị sơ kết, tổng kết và trên cơ sở thực tiễn sau mỗi hoạt động PVCĐ, các đơn vị chức năng đã tiến hành rà soát và đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến hoạt động PVCĐ. Các tài liệu liên quan đến cải tiến chất lượng về chất lượng PVCĐ, đóng góp cho xã hội căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường lưu trữ đầy đủ.

Nhà trường chưa cụ thể hóa bằng văn bản về bộ phận, quy trình giám sát các hoạt động kết nối PVCĐ cũng như vấn đề thu chi từ các hoạt động này một cách hệ thống.

2. Đánh giá tiêu chí 24.2 đạt mức: 4

Tiêu chí 24.3: Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 24.3.

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho P.ĐT-QLKH, P.CTSV, Ban thanh tra ND, các đơn vị liên quan: Khoa Tự nhiên, Xã hội -Du lịch, Kinh tế -Kỹ thuật, Tiểu học -Mầm non tiến hành xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ CBVC.

Phòng ĐT-QLKH, P.CTSV, Ban Thanh tra ND chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát về tác động xã hội, kết quả của các hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và CBVC.

Nhà trường đã gửi công văn yêu cầu các đơn vị như P.ĐT-QLKH, P.CTSV, các đơn vị liên quan tiến hành xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện công tác giám sát, đối sánh về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và CBVC (số 78/CV-ĐHHL ngày 25/2/2019).

Nhà trường đã gửi công văn yêu cầu các đơn vị như phòng ĐT-QLKH, phòng CTSV, các đơn vị liên quan tiến hành xây dựng Kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về chất lượng PVCĐ với người học. Kết quả cho thấy, 77,8% CBGV hài lòng về chất lượng PVCĐ.

Nhà trường đã đưa ra phương hướng và kế hoạch cải tiến chất lượng PVCĐ đồng thời, thu hút CBGV tham gia hoạt động thiện nguyện tạo ra giá trị gắn kết cộng đồng, giúp khơi dậy tinh thần nhân ái, nhiệt huyết tham gia PVCĐ.

Hoạt động kết nối PVCĐ đã được Nhà trường triển khai mang lại những lợi ích thiết thực cho xã hội, tuy nhiên, Nhà trường chưa có tiêu chí đánh giá cụ thể cũng như hệ thống giám sát chặt chẽ các hoạt động này. Nhà trường cũng chưa có những tiêu chí đánh giá tác động của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên để giám sát, đối sánh và cải tiến tác động này.

Kết quả đối sánh chủ yếu là đối sánh nội bộ chưa làm nổi bật các thành quả Nhà trường đã đạt được cũng như chưa làm rõ các việc cần cải tiến.

2. Đánh giá tiêu chí 24.3 đạt mức: 3

Tiêu chí 24.4: Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 24.4.

Hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường đã được triển khai đều đặn hàng năm và mang lại những hiệu quả nhất định đối với địa phương và khu vực. Nhà trường đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan như GV, SV, cựu SV, doanh nghiệp. Các dữ liệu khảo sát qua thống kê cho thấy, trên 95% ý kiến phản hồi hài lòng về các hoạt động kết nối và PVCĐ của Nhà trường.

Nhà trường đã giao cho các phòng chức năng chịu trách nhiệm thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội như phòng P.CTSV chịu trách nhiệm về lĩnh vực tư vấn hướng nghiệp, từ thiện nhân đạo; Trung tâm NN-TH khảo sát đối với học viên tham gia các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, Hội Chữ thập đỏ về công tác Hiến máu nhân đạo...

Nhà trường đã giao công tác giám sát, đối sánh sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội (số 78/CV-ĐHHL ngày 25/2/2019).

Căn cứ trên kết quả khảo sát, đối sánh, báo cáo tổng kết hoạt động PVCD của các đơn vị tham gia hoạt động PVCD, Nhà trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội hàng năm.

Dựa trên các kết quả đạt được qua phân tích đánh giá từ những số liệu và báo cáo tổng hợp về ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động kết nối và PVCD, Nhà trường đã đưa ra phương hướng cải tiến chất lượng các hoạt động.

Công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan và thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục ngoài tỉnh về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội chưa được liên tục và đồng bộ.

2. Đánh giá tiêu chí 24.4 đạt mức: 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 24:

Điểm mạnh:

Giai đoạn 2014-2019, Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho các đơn vị như Công đoàn, ĐTN, HSV, P.CTSV, Câu lạc bộ tiếng Anh, Câu lạc bộ Du lịch... xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hoạt động kết nối và PVCD căn cứ trên các văn bản quy định của BGD&ĐT, Bộ Nội vụ và kế hoạch chung của Nhà trường. Dựa trên kế hoạch và danh mục các hoạt động cũng như thời gian phân bổ cho các hoạt động kết nối/phục vụ cộng đồng như tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội tại địa phương; các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng; hoạt động công ích phục vụ Nhà trường và lợi ích của sinh viên; hoạt động cứu trợ thiên tai, từ thiện nhân đạo, hiến máu tình nguyện; hoạt động giữ gìn và bảo vệ môi trường... đã được các đơn vị triển khai và đã đóng góp nhiều lợi ích cho xã hội.

Năm 2019, Nhà trường ban hành Quy định về công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên và các hoạt động PVCD của Trường ĐHHL (số 205/QĐ-ĐHHL ngày 19/05/2019), trong đó, có quy định cụ thể về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.

Nhà trường đã giao cho P.TC-TH làm đầu mối cùng Ban thanh tra ND, Công đoàn, Hội chữ thập đỏ và P.CTSV thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch, tổ chức triển khai và theo dõi, giám sát hoạt động kết nối và PVCD của CBGV và SV Nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan; tiến hành đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với xã hội. Kết quả của hoạt động kết nối, PVCD đã mang lại nhiều lợi ích cho xã hội như qua truyền thông có thể giúp HS THPT lựa chọn được ngành nghề cho mình, sự phối hợp, hợp tác trong NCKH về lĩnh vực du lịch đã tạo ra sản phẩm hữu ích cho doanh nghiệp du lịch ứng dụng vào thực tiễn... Các kết quả thu được đã được cộng đồng đánh giá cao.

Nhà trường đã thực hiện đối sánh về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội. Kết quả cho thấy, trong giai đoạn đánh giá, hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường được duy trì, các hoạt động ngày càng đa dạng và được xã hội ghi nhận. Căn cứ trên kết quả khảo sát, đối sánh, báo cáo tổng kết của các đơn vị tham gia hoạt động PVCD, Nhà trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội hàng năm.

Nhà trường giao cho Công đoàn, ĐTN, HSV, Hội CTĐ thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của CBGV, NV, SV và các bên liên quan về hoạt động PVCD thông qua công cụ Google Forms và phiếu khảo sát trên giấy. Kết quả khảo sát các bên liên quan được báo cáo tại các Hội nghị sơ kết, tổng kết. Sau mỗi đợt hoạt động này, các đơn vị chức năng đã tiến hành rà soát và đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến hoạt động PVCD.

Nhà trường đã giao nhiệm vụ cho P.ĐT-QLKH, P.CTSV, Ban thanh tra ND, các đơn vị liên quan: Khoa Tự nhiên, Xã hội -Du lịch, Kinh tế - Kỹ thuật, Tiểu học - Mầm non tiến hành xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với CBVC và người học.

Nhà trường đã đưa ra phương hướng và kế hoạch cải tiến chất lượng PVCD, đồng thời thu hút CBGV tham gia hoạt động thiện nguyện tạo ra giá trị gắn kết cộng đồng, giúp khơi dậy tinh thần nhân ái, nhiệt huyết tham gia phục vụ vì cộng đồng.

Hoạt động kết nối và PVCD của Nhà trường đã được triển khai đều đặn hàng năm và mang lại những hiệu quả nhất định đối với địa phương và khu vực.

Tồn tại:

Nhà trường chưa triển khai đối sánh với các cơ sở giáo dục khác để có thể cải tiến chất lượng các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng của Nhà trường. Kết quả đối sánh chủ yếu là đối sánh nội bộ chưa làm nổi bật các thành quả Nhà trường đã đạt được cũng như chưa làm rõ các việc cần cải tiến.

Nhà trường cũng chưa có những tiêu chí đánh giá tác động của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên để giám sát, đối sánh và cải tiến tác động này.

Nhà trường chưa cụ thể hóa bằng văn bản về bộ phận, quy trình giám sát các hoạt động kết nối PVCD cũng như vấn đề thu chi từ các hoạt động này một cách hệ thống.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần phân công cụ thể cá nhân/bộ phận và có quy trình/tiêu chí giám sát các hoạt động PVCD. Đồng thời, để hoạt động kết nối PVCD đạt hiệu quả và có ý nghĩa, Nhà trường cần thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục khác để có thể đưa ra các định hướng hoạt động kế tiếp hiệu quả hơn.

Nhà trường cần xây dựng bộ tiêu chí **đánh giá tác động** của các hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên để giám sát, đối sánh và cải tiến tác động này.

Nhà trường cần định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan và thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục ngoài tỉnh về hoạt động kết nối và PVCĐ.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 24	3,75
Tiêu chí 24.1	4
Tiêu chí 24.2	4
Tiêu chí 24.3	3
Tiêu chí 24.4	4

TIÊU CHUẨN 25: KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG

Tiêu chí 25.1: Kết quả¹ và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. *Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 25.1.*

Nhà trường có kế hoạch tự chủ tài chính cân đối thu chi thể hiện trong các văn bản sau đây:

- Phương án tự chủ số 419/PA-ĐHHL ngày 15/9/2017;
- Công văn số 2048/STC-HCSN ngày 31/10/2017 của Sở Tài chính thẩm định phương án tự chủ tài chính của ĐHHL;

¹ Nên hiểu là hiệu quả (performance) phân biệt với kết quả (results). Kết quả là cái được tạo ra của một công việc, quy trình, hành động ... đáp ứng hoặc không đáp ứng kỳ vọng. Hiệu quả là khả năng tạo ra kết quả đáp ứng kỳ vọng. Tiêu chuẩn 25 là về kết quả tài chính và thị trường có 2 tiêu chí. Một về hiệu quả và chỉ số tài chính. Một về hiệu quả và chỉ số thị trường. Chỉ số hiệu quả chính (KPI), như tên gọi, là chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng bởi các công ty để đánh giá và củng cố thành công, hướng tới các mục tiêu của tổ chức. Sau khi xác định nhiệm vụ của tổ chức, xác định các bên liên quan và xác định mục tiêu, tiến trình hướng tới mục tiêu được đánh giá thông qua KPI. KPI được sử dụng ở các cấp độ khác nhau bởi một doanh nghiệp để theo dõi tiến trình của công ty trong việc thực hiện các mục tiêu. Nó đóng vai trò của một la bàn giúp hiểu được liệu công ty đã chọn đúng cách để đạt được mục tiêu cuối cùng hay chưa. Các loại tổ chức khác nhau có các KPI khác nhau, chẳng hạn như KPI của một thực thể kinh doanh có thể là phần trăm thu nhập. Tương tự như vậy, tỷ lệ bỏ học của học sinh có thể là KPI của một trường ĐH.

- Quyết định giao quyền tự chủ , tự chịu trách nhiệm về tài chính của UBND tỉnh Ninh Bình số 1723/QĐ-UBND, ngày 14/12/2017, theo đó Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần chi thường xuyên (23%) và thời gian được giao quyền tự chủ cho đơn vị là 03 năm (2017 - 2019). Nhà trường có đề án quy định mức thu học phí từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 (số 238/ĐA-ĐHHL ngày 20/06/2016) bao gồm: mức thu học phí đối với các khối ngành, chuyên ngành đại học chính quy là 855.000 VNĐ/SV/tháng hoặc 264.000 VNĐ/SV/tín chỉ. Tương tự với khối ngành, chuyên ngành CĐ là 713.000 và 190.000 VNĐ và đào tạo trình độ ĐH hệ Vừa làm vừa học là 1.262.500 và 388.000 VNĐ.

Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường được ban hành vào các năm 2016 (số 832/QĐ-ĐHHL ngày 27/12/2016), năm 2017 (số 595/QĐ-ĐHHL ngày 13/12/2017) và rà soát năm 2018 (số 621/ĐHHL-TCTH ngày 26/11/2018) trong đó xác định các chỉ số thu tài chính từ học phí theo niên chế và theo tín chỉ đối với các trình độ ĐH, CĐ thuộc các hệ chính quy và theo phương thức giáo dục thường xuyên.

Định hướng xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2009 - 2020 ban hành tháng 6/2009, Kế hoạch xây dựng và phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2011 - 2015 (số 176/KH-ĐHHL ngày 13/12/2010) và Kế hoạch xây dựng và phát triển Trường ĐHHL, giai đoạn 2016 - 2020 (số 192/KH-ĐHHL ngày 29/12/2015) đã xác định dự toán ngân sách đầu tư xây dựng phát triển Nhà trường tăng dần từ 30 tỷ VNĐ năm 2016 lên đến 40 tỷ VNĐ năm 2020 trong đó nguồn NSNN (bao gồm NS trung ương và địa phương) chiếm 85 - 90%, nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu khác 10 - 15%. Giải pháp cơ bản là mở thêm dịch vụ đào tạo, dịch vụ nghiên cứu khoa học, CGCN và các dịch vụ khác; khai thác, quản lý tốt nguồn thu, tiết kiệm chi tiêu và tăng hiệu quả đầu tư CSVC.

Về hiệu quả của hoạt động đào tạo được thể hiện bởi việc đo lường quy mô, cơ cấu ngành nghề và kết quả học tập của SV; hoạt động NCKH được xác lập bởi số lượng các đề tài NCKH các cấp, các ấn phẩm của trường hoặc các công bố trên các tạp chí có chỉ số trong và ngoài nước và khả năng áp dụng vào thực tiễn kinh tế - xã hội hoặc công tác đào tạo của trường; của hoạt động PVCĐ được ghi nhận thông qua các đề án đào tạo cho nước bạn Lào, các chương trình liên kết đào tạo và hoạt động của Trung tâm Tin học-ngoại ngữ.

Về chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo được xác định bởi tổng thu từ ngân sách và từ đơn vị của các loại hình đào tạo khác nhau; của hoạt động KHCN được xác định bởi tổng kinh phí cho đề tài các cấp; của hoạt động PVCĐ được Nhà trường đánh giá dựa trên nguồn thu về từ các chương trình liên kết, dịch vụ đào tạo của Trung tâm Tin học-ngoại ngữ (Báo cáo thống kê các chỉ số tài chính cốt lõi của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ giai đoạn 2014 - 2019 ngày 31/10/2019).

Hệ thống giám sát về hiệu quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH

và PVCĐ bao gồm Phòng Tài vụ, Thanh tra nội bộ, Thanh tra nhân dân, thẩm định quyết toán NSNN hằng năm của Sở Tài chính và báo cáo Kiểm toán nhà nước (năm 2015 và 2018 của Kiểm toán Khu vực I).

Định kỳ Phòng Tài vụ có báo cáo tình hình tài chính của các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Dựa trên ý kiến đóng góp của các phòng ban và các đơn vị trực thuộc Trường, BGH sẽ đưa ra kết luận và phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo. Kết quả tài chính của năm trước, sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt được thông báo tại Hội nghị viên chức và người lao động, được công khai tài chính trên trang Web www.hluv.edu.vn hoặc Cổng thông tin điện tử của Nhà trường.

Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua các đợt Kiểm toán của nhà nước (năm 2015 và 2018 của Kiểm toán Khu vực I), thẩm định quyết toán NSNN hằng năm của Sở Tài chính và thông qua các hoạt động giám sát của Ban thanh tra nhân dân Nhà trường (các báo cáo từ năm học 2014 - 2015 đến năm học 2018 - 2019), Kế hoạch thanh tra nội bộ năm học 2017 - 2018 (số 193/KH-ĐHHL ngày 24/11/2017 và năm học 2018 - 2019 (số 176/KH-ĐHHL ngày 29/10/2018).

Nhìn chung, hoạt động tài chính của Nhà trường về cơ bản thực hiện theo đúng chế độ quy định, Nhà trường cũng đã thực hiện kê khai và nộp thuế đầy đủ theo quy định của Luật thuế hiện hành và các văn bản của Nhà nước (thuế thu nhập DN, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng ...).

Dựa trên các báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán Nhà trường đã thực hiện (tự đối sánh về kết quả tài chính và một số chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ giữa các năm và cũng thực hiện đối sánh với trường ĐH Bạc Liêu.

Về hoạt động đào tạo nguồn thu tăng và tương đối ổn định. Tổng thu từ các loại hình đào tạo chính quy, vừa làm vừa học, bồi dưỡng ngắn hạn và thu khác ngoài NSNN qua các năm 2015 - 2019 lần lượt là 6.731, 11.349, 7.641, 8.075 và 9.629 triệu VNĐ.

Về NCKH tổng kinh phí Nhà nước cấp cho các đề tài cấp Bộ và cấp Nhà nước qua các năm là 355, 555, 295, 353 và 70 triệu VNĐ (tổng 1.628 triệu). Kinh phí Trường chi cho các đề tài cấp trường là 790, 868, 754, 780 và 510 triệu VNĐ (cộng 3.702 triệu đồng) và không có xu hướng tăng, giảm rõ rệt.

Về PVCĐ tổng thu từ các chương trình liên kết và Trung tâm THNN có xu hướng tăng dần qua các năm lần lượt là: 478, 808, 391, 813 và 920 triệu VNĐ.

Tính chung, tổng thu của Trường có xu hướng giảm trước khi tăng ở năm cuối giai đoạn đánh giá và lần lượt là: 49.697, 44.585, 42.388, 41.631 và 48.315 triệu VNĐ (tổng 226,616 tỷ VNĐ) trong đó tổng thu tại đơn vị (ngoài NSNN) có xu hướng tăng đạt lần lượt 6.731, 11.349, 7.641, 8.075 và 9.629 (cộng 43,425 tỷ trong đó có 35,37 tỷ học phí) VNĐ. Bên cạnh đó, tổng chi của Trường cũng giảm dần đều qua các năm trước khi tăng vào năm cuối của giai đoạn đánh giá (45.474, 41.615, 41.742, 40.817 và 45.924 triệu VNĐ).

VNĐ) theo diễn biến của nguồn thu nhưng không bị vượt nguồn thu. Riêng các hoạt động NCKH và PVCĐ có chênh lệch thu chi âm từ -264 triệu VNĐ (hoạt động PVCĐ năm 2015) đến -606 triệu VNĐ (cũng hoạt động PVCĐ năm 2019).

Nhà trường trích lập các quỹ khá và tăng từ năm 2015 đến 2019 (458, 843, 1.202, 1.020 và 1.616 triệu VNĐ; cộng 5,139 tỷ VNĐ). Ngoài ra Nhà trường cũng đã đảm bảo trích đủ và vượt từ các nguồn thu hợp pháp cho NCKH của CB, GV theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 về đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong các CSGD ĐH của Chính phủ.

Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị trong Trường vào Báo cáo Tài chính tại Hội nghị CNVC hằng năm và trực tiếp tại Hội nghị. Nhà trường đã lấy ý kiến chỉnh sửa quy chế chi tiêu nội bộ cho các Dự thảo năm 2015 và 2017.

Kết quả (tự) đối sánh, rà soát được báo cáo lãnh đạo trường và Nhà trường đã có những giải pháp hiệu quả về các mặt công tác (thể hiện trong các báo cáo tổng kết năm và phương hướng nhiệm vụ trong năm học tới) nhằm điều chỉnh kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ theo hướng phát triển bao gồm: mở thêm dịch vụ đào tạo, dịch vụ nghiên cứu khoa học, CGCN và các dịch vụ khác; khai thác, quản lý tốt nguồn thu, tiết kiệm chi tiêu và tăng hiệu quả đầu tư CSVC.

Nhà trường có cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ khá đầy đủ và được phân cấp quản lý (Phòng Tài vụ) và được hỗ trợ bởi các phần mềm chuyên dụng (IMAS cho kế toán và MISA cho quản lý tài sản).

Hằng năm, các đơn vị đều có dự toán kinh phí hoạt động và mua sắm tài sản, trang thiết bị trong năm học. Nhà trường có quyết định giao dự toán năm, báo cáo tình hình thực hiện dự toán năm, tổng hợp báo cáo tài chính năm, báo cáo tổng kết công tác tài chính hằng năm.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ của Nhà trường còn hạn chế trong các Hội nghị CBVC và người lao động hằng năm cũng như chưa tiến hành khảo sát về công tác tài chính và quản lý tài chính của Nhà trường. Vì thế, Nhà trường cũng chưa có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động tài chính căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Nhà trường chưa tiến hành tự kiểm tra tài chính theo quy định của Bộ Tài chính.

Một trong những chỉ số tài chính quan trọng của một CSGD là giá trị tài sản cố định và các khoản vay trả không được đề cập đến trong báo cáo về các chỉ số tài chính. Chi cho NCKH của SV còn quá thấp so với quy định (đã trình bày ở Tiêu chí 18.2).

2. Đánh giá tiêu chí 25.1 đạt mức: 4

Tiêu chí 25.2: Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

1. Mức độ đáp ứng của CSGD theo các yêu cầu và mốc chuẩn tham chiếu của tiêu chí 25.2.

Việc xác lập chỉ số kết quả của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được Nhà trường và các đơn vị xây dựng dựa trên Kế hoạch phát triển giai đoạn 2011 - 2015, giai đoạn 2016 - 2020 và mới đây là Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030. Cụ thể là:

Về đào tạo: chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô ĐT, mã ngành ĐT, hệ ĐT theo hướng mở rộng ngành nghề, phát triển quy mô, hình thức ĐT.

Về NCKH: đề tài các cấp, các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí có chỉ số, xuất bản thông báo khoa học, phần đầu mỗi năm có từ 1 - 2 đề tài cấp tỉnh, Bộ; từ 20 - 25 đề tài cấp trường, 25 - 30% GV Nhà trường có công bố khoa học đăng trên tạp chí trong nước và quốc tế, 01 thông báo khoa học nội bộ... mang tính ứng dụng vào công tác ĐT, thực tiễn đáp ứng yêu cầu xã hội.

Về PVCĐ: các chỉ số được xây dựng hằng năm thông qua tổ chức các hoạt động từ thiện nhân đạo, hoạt động tình nguyện, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo, điều động sinh viên tham gia các chương trình sự kiện trong và ngoài tỉnh.

Về cơ bản đây là các chỉ số kết quả của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Kết quả của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ đã được giám sát thông qua hoạt động: Thanh tra thi học kỳ, tuyển sinh, thanh tra nội bộ, hoạt động của Ban thanh tra ND, hội nghị giao ban chuyên môn, hội nghị liên tịch, hội nghị viên chức, hội nghị tổng kết năm học; thông qua sự giám của các đơn vị, tổ chức trực thuộc Nhà trường, cụ thể là: P.ĐT-QLKH đầu mỗi giám sát các hoạt động ĐT, NCKH; P.TC-TH, P.CTSV và các tổ chức đoàn thể giám sát các hoạt động PVCĐ và được thể hiện thông qua báo cáo tổng kết của từng bộ phận, đơn vị trong trường, báo cáo tại Hội nghị tổng kết năm học hàng năm.

Nhà trường đã tiến hành (tự) đối sánh kết quả các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, đồng thời, thực hiện rà soát hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ, từ đó có điều chỉnh kết quả và chỉ số của hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ hàng năm. Tại Hội nghị liên tịch hàng tháng; hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm; trong báo cáo tổng kết năm học, Nhà trường đều nghiêm túc đánh giá thành quả cũng như hạn chế, tồn tại trong năm vừa qua, từ đó đề xuất các biện pháp khắc phục và đề ra phương hướng phát triển cho năm tới.

Trên cơ sở các báo cáo, Nhà trường đưa ra các chính sách, biện pháp cụ thể, chẳng hạn như với chỉ số tuyển sinh hằng năm, chỉ số ĐT ví dụ: đã mở thêm ngành ĐT trình độ ĐH Du lịch; liên thông từ CĐ lên ĐH ngành Kế toán, Mầm non, Tiểu học.

Nhà trường ban hành quy định về hoạt động khảo sát, đã giao cho các đơn vị tham

muu cho Nhà trường trong việc thực hiện các hoạt động khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số hoạt động ĐT, NCKH, PVCĐ, cụ thể: P.KT&ĐBCL là đầu mối chủ trì phối hợp với các đơn vị triển khai công tác khảo sát, phụ trách khảo sát đánh giá giảng viên, CTĐT; P.ĐT-QLKH phụ trách khảo sát đánh giá hoạt động NCKH, khảo sát phản hồi của sinh viên về chất lượng ĐT; P.CTSV phụ trách khảo sát việc làm và CTĐT, khảo sát đơn vị sử dụng lao động, khảo sát PVCĐ; các đơn vị, tổ chức trong nhà trường căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm thực hiện các hoạt động khảo sát thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan đến nhiệm vụ của mình.

Nhà trường đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện ban hành Quy định mới về quản lý hoạt động khoa học của Trường ĐHHL, ban hành quy định về hoạt động PVCĐ và cải tiến về việc phê duyệt kinh phí thực hiện đề tài theo chất lượng đề tài NCKH. Đảng ủy Nhà trường đã ban hành Nghị quyết nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của trường ĐHHL (số 403-NQ/ĐU ngày 01/11/2018), cũng như hỗ trợ kinh phí chính sách khen thưởng cho GV, SV trong NCKH, cho các GV khi tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước, nước ngoài (được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ). Nhà trường đã mở thêm ngành ĐT mới, thành lập các CÂU LẠC BỘ, rà soát, bổ sung thêm các môn học tự chọn phù hợp để nâng cao chất lượng ĐT nguồn nhân lực cho nước bạn Lào, triển khai các hoạt động chỉnh sửa, xây dựng CTĐT, cải tiến chất lượng CTĐT ngành đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội (đã trình bày chi tiết trong Tiêu chuẩn 22).

Nhà trường có cơ sở dữ liệu về kết quả của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được lưu trữ dưới dạng các văn bản, báo cáo của các đơn vị có liên quan, từ năm 2018 các hoạt động khảo sát được tiến hành trên ứng dụng Google form.

Việc lựa chọn các chỉ số thị trường và hiệu quả thị trường chưa phù hợp với nội hàm tiêu chí (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần...) của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Về cơ bản trong báo cáo TĐG vẫn chỉ có các chỉ số kết quả của các hoạt động này.

Nhà trường chưa chủ động tham gia các bảng xếp hạng trong nước cũng như quốc tế để đối sánh, cải tiến; chưa triển khai các đối sánh hiệu quả và chỉ số thị trường với các CSGD ĐH trong và ngoài nước.

2. Đánh giá tiêu chí 25.2 đạt mức: 3

ĐÁNH GIÁ CHUNG TIÊU CHUẨN 25:

Điểm mạnh:

Nhà trường có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính đạt được của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Việc giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính này được giao cho Phòng Tài vụ và Thanh tra nội bộ, Thanh tra nhân dân và được thực hiện

(tự) đối sánh, rà soát, điều chỉnh hằng năm thể hiện trong các báo cáo định kỳ và đột xuất về tài chính của Nhà trường.

Tính chung, tổng thu của Trường có xu hướng giảm trước khi tăng ở năm cuối giai đoạn đánh giá và lần lượt là: 49.697, 44.585, 42.388, 41.631 và 48.315 triệu VNĐ (tổng 226,616 tỷ VNĐ) trong đó tổng thu tại đơn vị (ngoài NSNN) đạt lần lượt 6.731, 11.349, 7.641, 8.075 và 9.629 (cộng 43,425 tỷ trong đó có 35,37 tỷ học phí) VNĐ. Bên cạnh đó tổng chi của Trường cũng giảm dần đều qua các năm trước khi tăng vào năm cuối của giai đoạn đánh giá (45.474, 41.615, 41.742, 40.817 và 45.924 triệu VNĐ) theo diễn biến của nguồn thu nhưng không bị vượt nguồn thu. Riêng các hoạt động NCKH và PVCĐ có chênh lệch thu chi âm từ -264 triệu VNĐ (hoạt động PVCĐ năm 2015) đến -606 triệu VNĐ (cũng hoạt động PVCĐ năm 2019).

Nhà trường trích lập các quỹ khá và tăng từ năm 2015 đến 2019 (458, 843, 1.202, 1.020 và 1.616 triệu VNĐ; cộng 5,139 tỷ VNĐ). Ngoài ra Nhà trường cũng đã đảm bảo trích đủ và vượt từ các nguồn thu hợp pháp cho nghiên cứu khoa học của CB, GV theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 về đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong các cơ sở GD ĐH của Chính phủ.

Nhà trường có cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ khá đầy đủ và được phân cấp quản lý (P.TV) và được hỗ trợ bởi các phần mềm chuyên dụng (IMAS cho kế toán và MISA cho quản lý tài sản) truy xuất nhanh và nhất quán.

Hằng năm, Nhà trường có báo cáo xét duyệt quyết toán tài chính của UBND tỉnh Ninh Bình, báo cáo kiểm toán khu vực I các năm 2015, 2018 và thực hiện kiến nghị kiểm toán, Nhà trường đã thực hiện (tự) đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ hằng năm cũng như đối sánh các chỉ số tài chính với trường ĐH Bạc Liêu (theo dữ liệu 3 công khai). Trên cơ sở đó Nhà trường đã có những điều chỉnh theo hướng phát triển bao gồm: mở thêm dịch vụ đào tạo, dịch vụ nghiên cứu khoa học, CGCN và các dịch vụ khác; khai thác, quản lý tốt nguồn thu, tiết kiệm chi tiêu và tăng hiệu quả đầu tư CSVC.

Việc xác lập chỉ số kết quả của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ được Nhà trường và các đơn vị xây dựng dựa trên Kế hoạch phát triển giai đoạn 2011- 2015, 2016 - 2020 và mới đây là Đề án quy hoạch phát triển Trường ĐHHL giai đoạn 2020 - 202, định hướng đến năm 2030. Cụ thể là:

Về Đào tạo: chỉ tiêu tuyển sinh, quy mô ĐT, mã ngành ĐT, hệ ĐT theo hướng mở rộng ngành nghề, phát triển quy mô, hình thức ĐT.

Về NCKH: đề tài các cấp, các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí có chỉ số, xuất bản thông báo khoa học, phần đầu mỗi năm có từ 1 - 2 đề tài cấp tỉnh, Bộ; từ 20 - 25 đề tài cấp trường, 25 - 30% GV Nhà trường có công bố khoa học đăng trên tạp chí trong

nước và quốc tế, 01 thông báo khoa học nội bộ... mang tính ứng dụng vào công tác ĐT, thực tiễn đáp ứng yêu cầu xã hội.

Về PVCĐ: các chỉ số được xây dựng hằng năm thông qua tổ chức các hoạt động từ thiện nhân đạo, hoạt động tình nguyện, tiếp sức mùa thi, hiến máu nhân đạo, điều động sinh viên tham gia các chương trình sự kiện trong và ngoài tỉnh.

Về cơ bản đây là các chỉ số kết quả của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ.

Nhà trường có hệ thống giám sát về kết quả của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; thực hiện đối sánh về kết quả của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Nhà trường cũng đã tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan và có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Tồn tại:

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Nhà trường còn hạn chế trong các buổi họp Hội nghị CBVC và người lao động hằng năm cũng như chưa tiến hành khảo sát phản hồi về công tác tài chính và quản lý tài chính của Nhà trường. Vì thế, Nhà trường cũng chưa có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động tài chính căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Nhà trường chưa tiến hành tự kiểm tra tài chính theo quy định của Bộ Tài chính.

Một trong những chỉ số tài chính quan trọng của một CSGD là giá trị tài sản cố định và các khoản vay trả không được đề cập đến trong báo cáo về các chỉ số tài chính. Chi cho NCKH SV còn quá thấp so với quy định.

Việc lựa chọn các chỉ số thị trường và hiệu quả thị trường chưa phù hợp với nội hàm tiêu chí (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần...) của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Về cơ bản trong báo cáo TĐG vẫn chỉ có các chỉ số kết quả của các hoạt động này.

Nhà trường chưa chủ động tham gia các bảng xếp hạng trong nước cũng như quốc tế để đối sánh, cải tiến; chưa triển khai các đối sánh hiệu quả và chỉ số thị trường với các CSGD ĐH trong và ngoài nước.

Đề xuất hướng khắc phục:

Nhà trường cần tiến hành hoàn thiện bộ chỉ số hiệu quả tài chính có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong bảng cân đối, báo cáo thu nhập/chi tiêu, lợi tức đầu tư và phân tích tỷ lệ trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ.

Nhà trường cần tiến hành việc lựa chọn đối tác ngoài trường để đối sánh trong hoạt động tài chính của Nhà trường. Cần tăng cường vai trò của HĐT trong việc kiểm soát và

chất lượng kiểm soát, trong việc giám sát xây dựng và thực hiện các chỉ báo, chỉ tiêu hiệu suất/kết quả tài chính của Nhà trường. Cần tiến hành khảo sát các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ cũng như về công tác tài chính và quản lý tài chính ở cả 4 khâu: kế hoạch, thông báo, khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát và kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về hiệu quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Cần cân đối các mục chi kết hợp cải tiến chính sách NCKH để có thể nâng các mục chi cho các hoạt động NCKH của SV đạt ngưỡng tối thiểu đã được quy định trong Nghị định 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 về đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KHCN trong các CSGD ĐH. Cần có giải pháp cụ thể để gia tăng các nguồn thu từ hoạt động NCKH và CGCN đảm bảo không thấp hơn tổng kinh phí Nhà trường đã chi cho các hoạt động này.

Nhà trường cần có quy định cụ thể về hiệu quả và các chỉ số thị trường giáo dục (chỉ số cạnh tranh, thứ hạng, thị phần...) của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, có hệ cơ sở dữ liệu đầy đủ, có hệ thống giám sát; tiến hành đối sánh thu thập thông tin phản hồi trên cơ sở đó có kế hoạch cải tiến chất lượng để cải thiện hiệu quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đã quy định.

Nhà trường cần có kế hoạch và chủ động tham gia các bảng xếp hạng trong nước cũng như quốc tế.

Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 25	3,50
Tiêu chí 25.1	4
Tiêu chí 25.2	3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

TT	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn/Tiêu chí	TĐG	ĐGN
I	Lĩnh vực: ĐBCL về chiến lược	3.94	3.79
	<i>Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	<i>4.00</i>	<i>3.80</i>

1	Tiêu chí 1.1	4	4
2	Tiêu chí 1.2	4	4
3	Tiêu chí 1.3	4	4
4	Tiêu chí 1.4	4	4
5	Tiêu chí 1.5	4	3
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i>	3.75	3.75
6	Tiêu chí 2.1	3	3
7	Tiêu chí 2.2	4	4
8	Tiêu chí 2.3	4	4
9	Tiêu chí 2.4	4	4
	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lí</i>	4.00	3.75
10	Tiêu chí 3.1	4	3
11	Tiêu chí 3.2	4	4
12	Tiêu chí 3.3	4	4
13	Tiêu chí 3.4	4	4
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>	4.50	4.00
14	Tiêu chí 4.1	5	4
15	Tiêu chí 4.2	5	4
16	Tiêu chí 4.3	4	4
17	Tiêu chí 4.4	4	4
	<i>TC 5. Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCD</i>	4.00	4.00
18	Tiêu chí 5.1	4	4
19	Tiêu chí 5.2	4	4
20	Tiêu chí 5.3	4	4
21	Tiêu chí 5.4	4	4
	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lí nguồn nhân lực</i>	4.00	3.71
22	Tiêu chí 6.1	4	4
23	Tiêu chí 6.2	5	3
24	Tiêu chí 6.3	4	4

25	Tiêu chí 6.4	4	4
26	Tiêu chí 6.5	4	4
27	Tiêu chí 6.6	4	4
28	Tiêu chí 6.7	3	3
	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i>	3.80	3.80
29	Tiêu chí 7.1	4	4
30	Tiêu chí 7.2	4	4
31	Tiêu chí 7.3	3	3
32	Tiêu chí 7.4	4	4
33	Tiêu chí 7.5	4	4
	<i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	3.50	3.50
34	Tiêu chí 8.1	4	4
35	Tiêu chí 8.2	4	4
36	Tiêu chí 8.3	3	3
37	Tiêu chí 8.4	3	3
II	Lĩnh vực: ĐBCL về hệ thống	4.38	3.84
	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống ĐBCL bên trong</i>	4.50	4.00
38	Tiêu chí 9.1	5	4
39	Tiêu chí 9.2	5	4
40	Tiêu chí 9.3	5	4
41	Tiêu chí 9.4	4	4
42	Tiêu chí 9.5	4	4
43	Tiêu chí 9.6	4	4
	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	4.50	4.00
44	Tiêu chí 10.1	5	5
45	Tiêu chí 10.2	5	3
46	Tiêu chí 10.3	4	4
47	Tiêu chí 10.4	4	4
	<i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>	4.50	3.75
48	Tiêu chí 11.1	5	4

49	Tiêu chí 11.2	5	4
50	Tiêu chí 11.3	4	4
51	Tiêu chí 11.4	4	3
	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	4.00	3.60
52	Tiêu chí 12.1	4	4
53	Tiêu chí 12.2	4	4
54	Tiêu chí 12.3	4	4
55	Tiêu chí 12.4	4	3
56	Tiêu chí 12.5	4	3
III	Lĩnh vực: ĐBCL về thực hiện các chức năng	4.18	3.87
	<i>Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học</i>	4.80	4.20
57	Tiêu chí 13.1	5	5
58	Tiêu chí 13.2	5	4
59	Tiêu chí 13.3	4	4
60	Tiêu chí 13.4	5	4
61	Tiêu chí 13.5	5	4
	<i>Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát CTDH</i>	4.60	3.80
62	Tiêu chí 14.1	5	4
63	Tiêu chí 14.2	5	4
64	Tiêu chí 14.3	5	4
65	Tiêu chí 14.4	4	4
66	Tiêu chí 14.5	4	3
	<i>Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập</i>	4.20	3.80
67	Tiêu chí 15.1	4	4
68	Tiêu chí 15.2	4	4
69	Tiêu chí 15.3	5	4
70	Tiêu chí 15.4	5	4
71	Tiêu chí 15.5	3	3
	<i>Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học</i>	4.50	3.75

72	Tiêu chí 16.1	5	4
73	Tiêu chí 16.2	5	4
74	Tiêu chí 16.3	4	4
75	Tiêu chí 16.4	4	3
	<i>TC 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i>	4.00	4.00
76	Tiêu chí 17.1	4	4
77	Tiêu chí 17.2	4	4
78	Tiêu chí 17.3	4	4
79	Tiêu chí 17.4	4	4
	<i>Tiêu chuẩn 18. Quản lí NCKH</i>	4.00	4.00
80	Tiêu chí 18.1	4	4
81	Tiêu chí 18.2	4	4
82	Tiêu chí 18.3	4	4
83	Tiêu chí 18.4	4	4
	<i>Tiêu chuẩn 19. Quản lí tài sản trí tuệ</i>	3.50	3.50
84	Tiêu chí 19.1	4	4
85	Tiêu chí 19.2	3	3
86	Tiêu chí 19.3	3	3
87	Tiêu chí 19.4	4	4
	<i>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH</i>	4.00	3.75
88	Tiêu chí 20.1	4	4
89	Tiêu chí 20.2	4	4
90	Tiêu chí 20.3	4	3
91	Tiêu chí 20.4	4	4
	<i>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng</i>	4.00	4.00
92	Tiêu chí 21.1	4	4
93	Tiêu chí 21.2	4	4
94	Tiêu chí 21.3	4	4
95	Tiêu chí 21.4	4	4
IV	Lĩnh vực: Kết quả hoạt động	3.81	3.63

	<i>Tiêu chuẩn 22. Kết quả ĐT</i>	3.75	3.75
96	Tiêu chí 22.1	4	4
97	Tiêu chí 22.2	4	4
98	Tiêu chí 22.3	4	4
99	Tiêu chí 22.4	3	3
	<i>Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH</i>	4.00	3.50
100	Tiêu chí 23.1	5	4
101	Tiêu chí 23.2	4	4
102	Tiêu chí 23.3	4	4
103	Tiêu chí 23.4	4	3
104	Tiêu chí 23.5	4	3
105	Tiêu chí 23.6	3	3
	<i>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</i>	4.00	3.75
106	Tiêu chí 24.1	5	4
107	Tiêu chí 24.2	4	4
108	Tiêu chí 24.3	3	3
109	Tiêu chí 24.4	4	4
	<i>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</i>	3.50	3.50
110	Tiêu chí 25.1	4	4
111	Tiêu chí 25.2	3	3

Ghi chú:

Tổng hợp kết quả đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Số tiêu chí đạt mức 4/7 trở lên.	99/111	89%	87/111	78,4%
Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4.00 điểm trở lên.	19/25	76%	08/25	32%
Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2.00 điểm.	0	0	0	0
Điểm trung bình của các lĩnh vực	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài	
ĐBCL về chiến lược	3,94		3,79	

ĐBCL về hệ thống	4,38	3,84
ĐBCL về thực hiện các chức năng	4,18	3,87
Kết quả hoạt động	3,81	3,63

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục A. Giới thiệu tóm tắt về cơ sở giáo dục được đánh giá

Phụ lục B. Tóm tắt kết quả tự đánh giá của cơ sở giáo dục được đánh giá

Phụ lục C. Quyết định thành lập đoàn đánh giá ngoài và danh sách các thành viên

Phụ lục D. Kế hoạch, Lịch trình đánh giá ngoài

Phụ lục E. Công văn phản hồi của cơ sở giáo dục được đánh giá về báo cáo đánh giá ngoài

PHỤ LỤC A.

KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

1. Thông tin chung

Trường Đại học Hoa Lư (tiền thân là trường Trung học sư phạm thành lập năm 1959) được thành lập ngày 09/4/2007 theo Quyết định số 409/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở nâng cấp trường Cao đẳng Sư phạm Ninh Bình. Trường là đơn vị sự nghiệp GDDH công lập trực thuộc UBND tỉnh Ninh Bình và chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo của Bộ GD&ĐT. Nhà trường có chức năng, nhiệm vụ ĐT, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao, NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế- xã hội của địa phương và đất nước.

Trường đặt trụ sở tại Xã Ninh Nhất, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; khá thuận lợi về giao thông cho CB, GV, SV,... đến trường giảng dạy, học tập và công tác.

Hiện tại, Trường có 13 ngành đào tạo đại học và có 2.0930 sinh viên đang theo học (1.215 SV chính quy). Trong 5 năm gần nhất, Nhà trường đã đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp cho 1.872 SV.

- Sứ mạng:

Trường Đại học Hoa Lư là trường đại học đa ngành, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tổ chức nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

- Tầm nhìn:

Đến năm 2035, Trường Đại học Hoa Lư trở thành trường đại học có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; có năng lực cạnh tranh và từng bước hội nhập với các trường đại học hàng đầu trong nước.

- Giá trị cốt lõi: Chất lượng- Hiệu quả- Chuyên nghiệp- Hiện đại.

- Triết lý giáo dục: Toàn diện, Sáng tạo, Nhân văn.

Hiện tại, cơ cấu quản lý của Trường gồm có:

- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Hội đồng Khoa học - Đào tạo;
- Các Hội đồng tư vấn;
- 06 phòng chức năng: Tổ chức - Tổng hợp, ĐT- Quản lý khoa học, Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, Công tác sinh viên, Tài vụ, Hành chính - Quản trị;
- 07 khoa ĐT: Tự nhiên, Xã hội - Du lịch, Tiểu học - Mầm non, Kinh tế - Kỹ thuật, Ngoại ngữ - Tin học, Nông Lâm, Giáo dục thường xuyên;
- 02 bộ môn trực thuộc: Giáo dục thể chất - Tâm lý, Lí luận chính trị;
- 03 trung tâm: Thư viện - Thiết bị, Ngoại ngữ - Tin học, Y tế - Môi trường;

- 01 Trường thực hành: phổ thông thực hành sư phạm Trảng An
- 01 Ban: Quản lý Ký túc xá.

Cơ cấu quản lý về cơ bản là rõ ràng. Công tác thanh tra và pháp chế được giao cho phòng Tổ chức và Tổng hợp (mục 2.7 của Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trường ban hành theo Quyết định số 17/QĐ-ĐHHL ngày 03/01/2012).

Trong số 20 đơn vị của Trường có Trường phổ thông thực hành sư phạm Trảng An (Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh Ninh Bình) mới được thành lập căn cứ vào phương án quy hoạch mạng lưới các trường Đại học Sư phạm, xuất phát từ nhu cầu học tập của địa phương và phù hợp với bối cảnh cụ thể của Nhà trường cần đa dạng hóa sản phẩm đào tạo.

2. Một số dữ liệu cơ bản (tính đến 17/8/2019)

2.1. Cán bộ - Giảng viên

- Tổng số CB, GV, NV cơ hữu: 267 người;
- Tổng số GV cơ hữu: 191 người;
- Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 71,54%
- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số GV cơ hữu: 8,38% (16/191);
- Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu: 85,86% (164/191).

2.2. Sinh viên

- Tổng số SV chính quy (người) năm học 2018-2019: 1.215
- Tỷ số SV trên GV (sau khi quy đổi): 5,4.
- Tỷ lệ SV tốt nghiệp so với số tuyển vào: 85, 5% (số liệu tại tháng 8/2019).

2.3. SV có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp

- Tỷ lệ SV có việc làm trong 6 tháng sau khi tốt nghiệp: 91,84% (khỏi SP: 9,06%, ngoài SP là 97,06%);
- Tỷ lệ SV có việc làm đúng chuyên môn ĐT: 70,31% (SP) và 64,71% (ngoài SP);
- Tỷ lệ SV có việc làm trái ngành ĐT: 23,87%;
- Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số SV có việc làm: 6,91%;
- Thu nhập bình quân/tháng của SV có việc làm: 5,0 (SP)-5,5 triệu VNĐ (ngoài SP).

2.4. Đánh giá của nhà tuyển dụng về SV tốt nghiệp có việc làm đúng ngành ĐT:

- Kết quả phỏng vấn 07 nhà sử dụng lao động cho thấy: SV tốt nghiệp của Nhà trường có phẩm chất tốt, có kiến thức, năng lực đáp ứng yêu cầu của công việc.

3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

- Đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ: 08 đề tài cấp Nhà nước, 05 đề tài cấp Bộ, 145 đề tài cấp Cơ sở;

- Số bài đăng tạp chí: 14 công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI; 15 công bố trên tạp chí nước ngoài khác;
- Báo cáo hội thảo: 28 hội thảo quốc tế, 47 hội thảo trong nước;
- SV CNKH: 133 SV tham gia đề tài KHCN cấp Trường, đạt tỷ lệ 1,77%;
- Tỷ số đề tài NCKH, chuyển giao KHCN và PVCD trên CB cơ hữu: 0,82
- Tỷ số doanh thu từ NCKH, chuyển giao CN và PVCD trên CB cơ hữu: 0,61
- Tỷ số sách đã được xuất bản trên CB cơ hữu: 0,16
- Tỷ số bài đăng tạp chí trên CB cơ hữu: 1,79
- Tỷ số bài báo cáo trên CB cơ hữu: 0,37

4. Tài chính (năm 2019)

- Tổng kinh phí từ các nguồn thu của Trường trong năm: 48.315.000.000 đồng (trong đó có 1.777.000.000 đ thu từ học phí; 70.000.000 đ thu từ NCKH);
- Chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng: 4.343.000.000 đồng;
- Chi cho hoạt động ĐT: 41.581.000.000 đồng;
- Chi cho phát triển đội ngũ: 311.000.000 đồng;

5. Cơ sở vật chất

- Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên SV chính quy: 14,00 m²/SV chính quy;
- Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên SV chính quy: 15,56%
- Giảng đường: có 5 giảng đường (G1-G5); có 67 phòng học từ 50 - 80 chỗ ngồi; có 02 Hội trường (01 nhà đa năng 1000 chỗ, 01 hội trường 200 chỗ).
- Phòng TH-TN: 02 phòng thực hành tiếng Anh, 05 phòng thực hành tin học, 02 phòng thực hành âm nhạc, 03 phòng thực hành du lịch, 02 phòng thực hành hóa học, 04 phòng thực hành vật lý, 02 phòng thực hành sinh học, 01 phòng thực hành nghiệp vụ mầm non, các phòng TH-TN được thiết kế phù hợp, có đủ trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu.
- Thư viện 2 tầng, rộng rãi, thoáng, sắp xếp hợp lý các khu vực tra cứu, kho sách, khu học tập của SV; Các tài liệu bản in sắp xếp khoa học, dễ tìm kiếm; Giáo trình, tài liệu phục vụ học tập được mua bản quyền đầy đủ; đã có phần mềm quản lý; có 7.311 đầu sách và tài liệu, 154.160 bản thuộc 4 khối ngành và các môn chung (I, III, V, VII).
- Ký túc xá SV gồm 02 tòa nhà 3 và 4 tầng, 80 phòng đáp ứng được nhu cầu khoảng 700 SV, thuận tiện cho việc sinh hoạt của SV. Sân tập thể dục thể thao có chất lượng tốt, phục vụ miễn phí; công tác quản lý an ninh trật tự tốt; căn - tin, định kỳ có kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

6. Đảm bảo chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã có đơn vị chuyên trách ĐBCL từ năm 2009.
- Đã thực hiện công tác tự đánh giá vào các năm 2010, 2015, 2018.

PHỤ LỤC B

TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

1. Hoạt động tự đánh giá

1.1. Hội đồng tự đánh giá

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1111/QĐ - ĐHHL

Ninh Bình, ngày 03 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH **V/v thành lập Hội đồng tự đánh giá**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 407/2007/QĐ-TTg ngày 09/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ thành lập trường Đại học Hoa Lư trực thuộc UBND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng- Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức- Tổng hợp và Trường phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Hoa Lư, gồm: 19 thành viên (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ xây dựng và triển khai kế hoạch tự đánh giá trường đại học theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Trường phòng Tổ chức- Tổng hợp, Trường phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT, TCTH.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

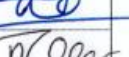
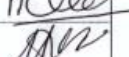
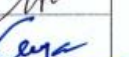
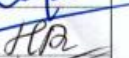
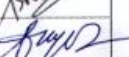
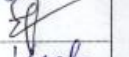
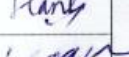


TS. Vũ Văn Trường

- a. Thành phần Hội đồng TĐG (số 332/QĐ-ĐHHL, 03/8/2018);
- b. Thành lập Ban thư ký và các nhóm công tác (số 349/QĐ-ĐHHL, 10/8/2018);
- c. Kế hoạch Tự đánh giá (số 121/KH-ĐHHL, 10/8/2018).

**DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

(Kèm theo Quyết định số...~~332~~.../QĐ-ĐHHL ngày...~~03~~.../8/2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Lư).

TT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị	Nhiệm vụ	Ký tên
1	Vũ Văn Trường	Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ	
2	Phạm Đức Hợp	Phó Hiệu trưởng	P.Chủ tịch HĐ	
3	Nguyễn Mạnh Quỳnh	Phó Hiệu trưởng	P.Chủ tịch HĐ	
4	Phạm Quang Huân	Phó Hiệu trưởng	P.Chủ tịch HĐ	
5	Nguyễn Anh Tuấn	P.Trường phòng Khảo thí & ĐBCL	Ủy viên TT	
6	Nguyễn Hữu Tiến	Trưởng phòng Khảo thí & ĐBCL	Ủy viên	
7	Lương Duy Quyền	Trưởng phòng Tổ chức- Tổng hợp	Ủy viên	
8	Phan Thị Hồng Duyên	P.Trường phòng Đào tạo- QLKH	Ủy viên	
9	Lê Hồng Phụng	P.Trường phòng Công tác sinh viên	Ủy viên	
10	Bùi Thị Hải Yến	Trưởng phòng Tài vụ	Ủy viên	
11	Trần Việt Hùng	Trưởng phòng Hành chính- QT	Ủy viên	
12	Tạ Hoàng Minh	Trưởng khoa Tiểu học- Mầm non	Ủy viên	
13	Lê Thị Tâm	Trưởng khoa Nông Lâm	Ủy viên	
14	Nguyễn Thị Hồng Tuyên	P.Trường khoa Ngoại ngữ- Tin học	Ủy viên	
15	Phùng Thị Thanh Hương	P.Trường khoa Tự Nhiên	Ủy viên	
16	Nguyễn Thị Phương	P.Trường khoa Xã hội- Du lịch	Ủy viên	
17	Đinh Thị Kim Khánh	P.Trường khoa Kinh tế- Kỹ thuật	Ủy viên	
18	Dương Trọng Hạnh	Giám đốc trung tâm Thư viện- TB	Ủy viên	
19	Hoàng Đức Hoàn	P.Trường phòng Đào tạo- QLKH	Ủy viên	

(Ấn định danh sách gồm 19 người)

QUYẾT ĐỊNH

V/v thành lập Ban thư ký và các nhóm giúp việc Hội đồng tự đánh giá

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 407/2007/QĐ-TTg, ngày 09/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ thành lập trường Đại học Hoa Lư trực thuộc UBND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 332/QĐ-ĐHHL, ngày 03/8/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức- Tổng hợp và Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thư ký và các nhóm giúp việc Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Hoa Lư, gồm thành viên (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban thư ký và các nhóm giúp việc có nhiệm vụ giúp Hội đồng triển khai kế hoạch tự đánh giá trường đại học đã duyệt đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ thời gian và quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Ban thư ký và các nhóm giúp việc Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức- Tổng hợp, Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. */.*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TCTH.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH


TS. Vũ Văn Trường

DANH SÁCH
BAN THƯ KÝ VÀ CÁC NHÓM GIÚP VIỆC HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
(Kèm theo Quyết định số... 242.../QĐ-ĐHHL ngày... 10... /8/2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Lư).

1. Ban thư ký:

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Ghi chú
1.	Nguyễn Anh Tuấn	Phó trưởng phòng KT&ĐBCL	Trưởng ban
2.	Nguyễn Thị Nguyệt	Phó trưởng bộ môn TL-GDTC	Ủy viên
3.	Bùi Duy Bình	Phó trưởng phòng TC-TH	Ủy viên
4.	Đinh Thị Liên	Phó trưởng phòng CTSV	Ủy viên
5.	Đinh Thành Công	Phó trưởng phòng HC-QT	Ủy viên
6.	Đào Sỹ Nhiên	Phó trưởng khoa NN-TH	Ủy viên
7.	Lâm Văn Năng	Phó trưởng khoa Tự nhiên	Ủy viên
8.	Lưu Thị Chung	Phó trưởng khoa TH-MN	Ủy viên
9.	Lê Nguyệt Hải Ninh	Phó trưởng khoa Nông Lâm	Ủy viên
10.	Lê Thị Tuyết Nhung	PGĐ trung tâm Thư viện- TB	Ủy viên
11.	Dương Trọng Luyện	Trưởng môn Toán, khoa TN	Ủy viên
12.	Phạm Thị Thanh	Trưởng môn Tin, khoa NN-TH	Ủy viên
13.	Phạm Văn Cường	Giảng viên phòng ĐT-QLKH	Ủy viên
14.	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Giảng viên phòng ĐT-QLKH	Ủy viên
15.	Lã Đăng Hiệp	Giảng viên phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
16.	Trương Tiến Phụng	Giảng viên phòng KT&ĐBCL	Ủy viên
17.	Nguyễn Thanh Hòa	Giảng viên phòng TC-TH	Ủy viên
18.	Vũ Thị Loan	Giảng viên Phòng TC-TH	Ủy viên
19.	Đỗ Quang Đạt	Kỹ thuật viên, trung tâm TV-TH	Ủy viên

2. Các nhóm giúp việc:

Stt	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	Lương Duy Quyền	Nhóm trưởng	Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4
	Nguyễn Thanh Hòa	Thư ký nhóm	
	Dương Trọng Hạnh	Thành viên	

	Lê Thị Tâm	Thành viên	
	Vũ Thị Loan	Thành viên	
Nhóm 2	Phùng Thị Thanh Hương	Nhóm trưởng	Phụ trách tiêu chuẩn 5, 6, 7, 8
	Phạm Thị Thanh	Thư ký nhóm	
	Bùi Thị Hải Yến	Thành viên	
	Bùi Duy Bình	Thành viên	
	Dương Trọng Luyện	Thành viên	
	Lê Nguyệt Hải Ninh	Thành viên	
Nhóm 3	Lê Hồng Phượng	Nhóm trưởng	Phụ trách tiêu chuẩn 17, 21, 24, 25
	Đinh Thị Liên	Thư ký nhóm	
	Trần Việt Hùng	Thành viên	
	Đinh Thành Công	Thành viên	
	Lê Thị Tuyết Nhung	Thành viên	
	Đỗ Quang Đạt	Thành viên	
Nhóm 4.	Nguyễn Hữu Tiến	Nhóm trưởng	Phụ trách tiêu chuẩn 9, 10, 11, 12, 16
	Trương Tiến Phụng	Thư ký nhóm	
	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	
	Lã Đăng Hiệp	Thành viên	
	Lưu Thị Chung	Thành viên	
	Đào Sỹ Nhiên	Thành viên	
Nhóm 5	Hoàng Đức Hoan	Nhóm trưởng	Phụ trách tiêu chuẩn 13, 14, 15, 22
	Phạm Văn Cường	Thư ký nhóm	
	Tạ Hoàng Minh	Thành viên	
	Nguyễn Thị Hồng Tuyên	Thành viên	
	Đinh Thị Kim Khánh	Thành viên	
Nhóm 6	Phan Thị Hồng Duyên	Nhóm trưởng	Phụ trách tiêu chuẩn 18, 19, 20, 23
	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thư ký nhóm	
	Lâm Văn Năng	Thành viên	
	Nguyễn Thị Phương	Thành viên	
	Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên	

Số: ~~244~~²⁴⁴../QĐ - ĐHHL

Ninh Bình, ngày 24 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v kiện toàn Ban thư ký và các nhóm giúp việc Hội đồng tự đánh giá

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ Quyết định số 407/2007/QĐ-TTg, ngày 09/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ thành lập trường Đại học Hoa Lư trực thuộc UBND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 213^a/QĐ-ĐHHL, ngày 23/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc kiện toàn Hội đồng tự đánh giá;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức- Tổng hợp và Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Ban thư ký và các nhóm giúp việc Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Hoa Lư, gồm thành viên (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Ban thư ký và các nhóm giúp việc có nhiệm vụ giúp Hội đồng triển khai kế hoạch tự đánh giá trường đại học đã duyệt đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ thời gian và quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Ban thư ký và các nhóm giúp việc Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Trưởng phòng Tổ chức- Tổng hợp, Trưởng phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng, các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. TS. Vũ Văn Trường

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT, TCTH.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Vũ Văn Trường

Số: *121* /KH-ĐHHL

Ninh Bình, ngày *10* tháng 8 năm 2018

KẾ HOẠCH
Tự đánh giá Trường Đại học Hoa Lư

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng- Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ kế hoạch số 120/KH-ĐHHL ngày 10/8/2018 của Trường Đại học Hoa Lư về việc triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng năm học 2018-2019,

Trường Đại học Hoa Lư xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng, như sau:

1. Mục đích:

Tự đánh giá toàn bộ các hoạt động của Trường Đại học Hoa Lư, nhằm chỉ rõ những điểm mạnh, điểm yếu của Nhà trường. Từ đó, xây dựng kế hoạch hành động cải tiến, nâng cao chất lượng Nhà trường và đăng ký kiểm định chất lượng.

2. Phạm vi tự đánh giá:

Đánh giá các hoạt động của nhà trường theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trong một chu kỳ kiểm định chất lượng.

3. Công cụ tự đánh giá:

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục ban hành kèm theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

4. Hội đồng tự đánh giá:

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá:

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 332/QĐ-ĐHHL ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư. Hội đồng gồm có 19 thành viên (*danh sách kèm theo*).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách:

Ban thư ký được thành lập theo Quyết định số 349/QĐ-ĐHHL ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Lư gồm 19 thành viên (*Có danh sách kèm theo*).

Các nhóm công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 349/QĐ-ĐHHL ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Lư gồm 6 nhóm (*Có danh sách kèm theo*).

4.3. Phân công thực hiện:

a) Chủ tịch hội đồng: Chịu trách nhiệm trước Bộ Giáo dục và Đào tạo về hoạt động tự đánh giá và bản báo cáo tự đánh giá cuối cùng của Trường. Chịu trách nhiệm về tổ chức hoạt động tự đánh giá, điều động nhân sự, tài chính và tổ chức các cuộc họp của Hội đồng tự đánh giá. Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc nhóm 1, nhóm 2 thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b) Phó Chủ tịch hội đồng: Giúp chủ tịch hội đồng trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các nhóm giúp việc triển khai thực hiện các hoạt động tự đánh giá theo nhiệm vụ được phân công.

- Đồng chí Phạm Quang Huân: phụ trách nhóm 3
- Đồng chí Phạm Đức Hợp: phụ trách nhóm 4
- Đồng chí Nguyễn Mạnh Quỳnh phụ trách nhóm 5, 6

c) Các ủy viên hội đồng: Chịu trách nhiệm viết báo cáo sơ thảo về các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công. Cung cấp thông tin, minh chứng cho các nhóm chuyên trách. Phối hợp và thực hiện tốt yêu cầu của các nhóm chuyên trách và của ban thư ký nhằm giúp cho việc tự đánh giá đạt kết quả tốt nhất và kịp tiến độ. Góp ý và phản biện cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung. Triển khai chủ trương và các hoạt động tự đánh giá của trường đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc đơn vị mình quản lý.

d) Nhiệm vụ của Ban thư ký:

- *Trưởng ban thư ký:* Điều hành các hoạt động của Ban thư ký, chịu trách nhiệm chung về viết báo cáo sơ thảo và báo cáo cuối cùng, thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng tự đánh giá phân công.

- *Các ủy viên thư ký:* Xây dựng dự thảo báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách. Góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung.

e) Nhiệm vụ của các nhóm giúp việc chuyên trách:

Chịu trách nhiệm hoàn thành tập hồ sơ, số liệu thống kê, bản đánh giá sơ bộ của tiêu chuẩn được phân công, Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên trong mỗi nhóm như sau.

-*Trưởng nhóm:* Điều hành chung, chủ động tổ chức họp nhóm để phân công công việc cho các thành viên, phân công, cử người đi tìm minh chứng, chịu trách nhiệm chính thức với các tiêu chuẩn của nhóm mình phụ trách, về kế hoạch thực hiện và báo cáo cuối cùng của các tiêu chuẩn, rà soát và thu thập thông tin minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá theo kế hoạch của trường

- *Thư ký nhóm*: Giúp trưởng nhóm và quản lý công việc khi trưởng nhóm vắng mặt, góp ý cho bản báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung, viết biên bản, phân loại và lưu trữ minh chứng, phác thảo bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn nhóm mình phụ trách.

- *Các thành viên*: Tìm minh chứng, góp ý cho bản báo cáo các tiêu chí, tiêu chuẩn và báo cáo chung. Thực hiện các nhiệm vụ khác do trưởng nhóm phân công.

** Phân công cụ thể các nhóm phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí:*

Stt	Tiêu chuẩn	Nội dung	Nhóm
1.	<i>Tiêu chuẩn 1</i>	Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	1
	<i>Tiêu chuẩn 2</i>	Quản trị	
	<i>Tiêu chuẩn 3</i>	Lãnh đạo và quản lý	
	<i>Tiêu chuẩn 4</i>	Quản trị chiến lược.	
2.	<i>Tiêu chuẩn 5</i>	Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	2
	<i>Tiêu chuẩn 6</i>	Quản lý nguồn nhân lực	
	<i>Tiêu chuẩn 7</i>	Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	
	<i>Tiêu chuẩn 8</i>	Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	
3.	<i>Tiêu chuẩn 17</i>	Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	3
	<i>Tiêu chuẩn 21</i>	Kết nối và phục vụ cộng đồng	
	<i>Tiêu chuẩn 24</i>	Kết quả phục vụ cộng đồng	
	<i>Tiêu chuẩn 25</i>	Kết quả tài chính và thị trường	
4.	<i>Tiêu chuẩn 9</i>	Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	4
	<i>Tiêu chuẩn 10</i>	Tự đánh giá và đánh giá ngoài	
	<i>Tiêu chuẩn 11</i>	Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	
	<i>Tiêu chuẩn 12</i>	Nâng cao chất lượng	
	<i>Tiêu chuẩn 16</i>	Đánh giá người học	
5.	<i>Tiêu chuẩn 13</i>	Tuyển sinh và nhập học	5
	<i>Tiêu chuẩn 14</i>	Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	
	<i>Tiêu chuẩn 15</i>	Giảng dạy và học tập	
	<i>Tiêu chuẩn 22</i>	Kết quả đào tạo	
6.	<i>Tiêu chuẩn 18</i>	Quản lý nghiên cứu khoa học	6
	<i>Tiêu chuẩn 19</i>	Quản lý tài sản trí tuệ	
	<i>Tiêu chuẩn 20</i>	Hợp tác và đối tác NCKH	
	<i>Tiêu chuẩn 23</i>	Kết quả nghiên cứu khoa học	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực:

5.1. Nhân lực:

Nguồn nhân lực chính bao gồm tất cả thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Hội đồng có thể huy động thêm nhân lực từ các đơn vị khi cần thiết trong quá trình triển khai kế hoạch.

5.2. Cơ sở vật chất, tài chính:

Sử dụng cơ sở vật chất hiện có và có thể trang bị thêm các thiết bị cần thiết khi có yêu cầu cải thiện, nâng cấp để phục vụ cho hoạt động đào tạo, NCKH hay các hoạt động hỗ trợ người học.

Nội dung chi phí cơ bản cho công tác tự đánh giá bao gồm: Tập huấn, thuê chuyên gia tư vấn, chi phí vật tư, văn phòng phẩm, chi phí cho cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia hoạt động tự đánh giá, kiểm định.

6. Kế hoạch thu thập thông tin ở ngoài nhà trường:

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có (*do các nhóm chuyên trách đề xuất chi tiết*).

7. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài:

- Thuê chuyên gia tư vấn bên ngoài gồm các nội dung: Tập huấn tổng quan, tập huấn chuyên sâu về bộ tiêu chuẩn theo thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, tư vấn xây dựng báo cáo tự đánh giá, góp ý về hệ thống thông tin, minh chứng, kế hoạch đánh giá ngoài.

- Số lượng chuyên gia: 1- 2 người.

- Thời gian thuê: 6 tháng, từ tháng 08 năm 2018 đến tháng 01 năm 2019.

8. Thời gian biểu:

Thời gian thực hiện tự đánh giá cụ thể như sau:

Thời gian	Các hoạt động	Thực hiện
I. Công tác chuẩn bị		
Tuần 1 Từ 23/7- 28/7/2018	* Hội Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá, trao đổi kế hoạch và hợp đồng tư vấn và đội ngũ chuyên gia * Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá. * Xây dựng dự thảo kế hoạch tự đánh giá. * Thành lập Ban thư ký, Các nhóm công tác chuyên trách. Chuẩn bị các văn bản, tài liệu liên quan đến hoạt động tự đánh giá chất lượng nhà trường theo TT12.	BGH, Hội đồng TĐG, các đơn vị TC-TH, KT- ĐBCL, các đơn vị, cá nhân liên quan

Tuần 2-3 Từ 30/7-11/8/2018	* Ban hành hoạch tự đánh giá. * Họp Hội đồng tự đánh giá để công bố kế hoạch tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách, * Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn mới (TT12) đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học (thông qua các đơn vị, Website...).	Hội đồng TĐG, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách Các đơn vị trong trường
II. Phần nội dung		
1. Hoạt động tập huấn:		
Tuần 4 Từ 13/8-18/8/2018	* Tư vấn lần 1. - Tập huấn tổng quan (01 ngày). + Vai trò về hoạt động đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng, Hội đồng tự đánh giá trong nhà trường. + Tổng quan về bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo TT12-BGDĐT, quy trình thực hiện tự đánh giá. - Tập huấn chuyên sâu (3-4 ngày). + Phân tích nội hàm các tiêu chí và một số lưu ý về viết báo cáo tự đánh giá. + Hoạt động thu thập thông tin minh chứng. + Xây dựng kế hoạch tổng thể cho từng tiêu chuẩn, tiêu chí.	Chuyên gia tư vấn, Hội đồng TĐG, Cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn trường Ban thư ký, Các nhóm chuyên trách
2. Hoạt động tư vấn và xây dựng báo cáo tự đánh giá, thu thập, hệ thống, mã hóa minh chứng, kế hoạch đánh giá ngoài		
Tuần 5-8 Từ 20/8-15/9/2018	* Hệ thống hóa các thông tin, minh chứng. - Các nhóm chuyên trách xây dựng danh mục minh chứng, tiến hành rà soát, thu thập các minh chứng cho tiêu chuẩn, tiêu chí (theo hướng dẫn công văn 768) do nhóm phụ trách. - Hệ thống hóa các minh chứng theo yêu cầu, viết báo cáo dự thảo tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công. * Gửi dự thảo báo cáo để Ban thư ký tổng hợp (lần 1). * Trường gửi dự thảo báo cáo tự đánh giá (lần 1) cho chuyên gia tư vấn.	Hội đồng TĐG Các nhóm chuyên trách, Ban thư ký
	* Tư vấn lần 2. - Chuyên gia tư vấn làm việc trực tiếp với Hội đồng tự	Chuyên gia tư

Tuần 9-12 Từ 17/9-13/10/2018	đánh giá và các nhóm chuyên trách để chỉnh sửa báo cáo tự đánh giá, góp ý cho danh mục minh chứng. - Xem xét thực tế hệ thống hồ sơ, minh chứng trường đã chuẩn bị. * Hội đồng tự đánh giá - Xác định những vấn đề phát sinh từ các thông tin, minh chứng thu được. Xác định các thông tin, minh chứng cần tiếp tục thu thập, bổ sung trên cơ sở góp ý của chuyên gia tư vấn. - Chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát, hệ thống hóa, bổ sung các thông tin, minh chứng còn thiếu để cung cấp cho các nhóm chuyên trách. * Các nhóm chuyên trách tiếp tục cập nhật, bổ sung, hệ thống hóa các thông tin, minh chứng, điều chỉnh dự thảo báo cáo tự đánh giá theo góp ý của chuyên gia tư vấn và yêu cầu của Hội đồng tự đánh giá.	vấn, Hội đồng TĐG, Các nhóm chuyên trách, Các đơn vị, cá nhân liên quan
Tuần 13-15 Từ 15/10-03/11/2018	* Tư vấn lần 3. - Các ý kiến trao đổi, vấn đề phát sinh trong quá trình chỉnh sửa báo cáo và hệ thống minh chứng. * Gửi báo cáo đề Ban thư ký tổng hợp (lần 2) * Trường gửi dự thảo báo cáo tự đánh giá (lần 2) cho chuyên gia tư vấn.	Chuyên gia tư vấn, Hội đồng TĐG, Các nhóm chuyên trách, Ban Thư ký
Tuần 16 - 19 Từ 05/11-01/12/2018	* Tư vấn lần 4. - Chuyên gia tư vấn trao đổi trực tiếp với Hội đồng tự đánh giá và từng nhóm chuyên trách để chỉnh sửa dự thảo báo cáo theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. - Tiếp tục góp ý danh mục minh chứng, hồ sơ minh chứng. * Hội đồng tự đánh giá - Tiếp tục xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập, bổ sung trên cơ sở góp ý của chuyên gia tư vấn. - Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát, hệ thống hóa, bổ sung các thông tin, minh chứng để cung cấp cho các nhóm chuyên trách. * Các nhóm chuyên trách tiếp tục cập nhật, bổ sung, hệ thống hóa các thông tin, minh chứng, điều chỉnh dự thảo báo cáo tự đánh giá theo góp ý của chuyên gia tư	Chuyên gia tư vấn, Hội đồng TĐG, Các nhóm chuyên trách, Ban thư ký, Các đơn vị, cá nhân liên quan

	vấn và yêu cầu của Hội đồng tự đánh giá. * Các nhóm chuyên trách gửi dự thảo báo cáo để Ban thư ký tổng hợp (lần 3). * Trường gửi dự thảo báo cáo (lần 3) cho chuyên gia tư vấn.	
Tuần 20-23 Từ 03/12-29/12/2018	* Tư vấn lần 5. - Các ý kiến trao đổi, vấn đề phát sinh trong quá trình chỉnh sửa dự thảo báo cáo và hệ thống minh chứng. - Chuyên gia tư vấn làm việc trực tiếp với từng nhóm chuyên trách, chỉnh sửa dự thảo báo cáo tự đánh giá và hệ thống hồ sơ, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí. - Rà soát hệ thống hồ sơ, minh chứng. * Các nhóm chuyên trách tiếp tục điều chỉnh dự thảo báo cáo tự đánh giá và danh mục minh chứng theo góp ý của chuyên gia tư vấn. * Các nhóm chuyên trách gửi dự thảo báo cáo để Ban thư ký tổng hợp (lần 4). * Trường gửi dự thảo báo cáo (lần 4) cho chuyên gia tư vấn. * Hội đồng tự đánh giá. - Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường. - Lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học cho dự thảo báo cáo tự đánh giá.	Chuyên gia tư vấn, Hội đồng TĐG, các nhóm chuyên trách, Ban thư ký, các đơn vị
Tuần 24-27 Từ 31/12-26/01/2019	* Tư vấn lần 6 - Chuyên gia tư vấn nhận xét chi tiết dự thảo báo cáo tự đánh giá bằng văn bản. * Hội đồng tự đánh giá - Họp để tiếp tục hoàn thiện, bổ sung báo cáo tự đánh giá theo các góp ý và kiến nghị của chuyên gia tư vấn và ý kiến của cán bộ giảng viên, nhân viên trong trường. - Đề xuất những cải tiến về đảm bảo chất lượng. - Thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối. * Hoàn thành các thủ tục cho báo cáo tự đánh giá và gửi báo cáo tự đánh giá cho UBND tỉnh Ninh Bình, Bộ	Hội đồng TĐG, các nhóm chuyên trách, Ban thư ký

	Giáo dục và Đào tạo. * Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ trường, tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các thông tin, minh chứng theo quy định.	
--	---	--

Trên đây là kế hoạch tự đánh giá Trường Đại học Hoa Lư, yêu cầu Trường các đơn vị triển khai tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc đơn vị quản lý. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì vướng mắc, phát sinh, kịp thời báo cáo Hội đồng tự đánh giá (qua phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng tự đánh giá;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT. KT&ĐBCL.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH



TS.Vũ Văn Trường

1. Kết quả tự đánh giá

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TĐG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Mức điểm	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược	3.94	
I.1	<i>Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa</i>	4.00	
1.	Tiêu chí 1.1	4	
2.	Tiêu chí 1.2	4	
3.	Tiêu chí 1.3	4	
4.	Tiêu chí 1.4	4	
5.	Tiêu chí 1.5	4	
I.2	<i>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</i>	3.75	
6.	Tiêu chí 2.1	3	
7.	Tiêu chí 2.2	4	
8.	Tiêu chí 2.3	4	
9.	Tiêu chí 2.4	4	
I.3	<i>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lí</i>	4.00	
10.	Tiêu chí 3.1	4	
11.	Tiêu chí 3.2	4	
12.	Tiêu chí 3.3	4	
13.	Tiêu chí 3.4	4	
I.4	<i>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</i>	4.50	
14.	Tiêu chí 4.1	5	
15.	Tiêu chí 4.2	5	
16.	Tiêu chí 4.3	4	
17.	Tiêu chí 4.4	4	
I.5	<i>TC 5. Các chính sách về ĐT, NCKH và PVCD</i>	4.00	
18.	Tiêu chí 5.1	4	

19.	Tiêu chí 5.2	4	
20.	Tiêu chí 5.3	4	
21.	Tiêu chí 5.4	4	
I.6	<i>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</i>	4.00	
22.	Tiêu chí 6.1	4	
23.	Tiêu chí 6.2	5	
24.	Tiêu chí 6.3	4	
25.	Tiêu chí 6.4	4	
26.	Tiêu chí 6.5	4	
27.	Tiêu chí 6.6	4	
28.	Tiêu chí 6.7	3	
I.7	<i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và CSVC</i>	3.80	
29.	Tiêu chí 7.1	4	
30.	Tiêu chí 7.2	4	
31.	Tiêu chí 7.3	3	
32.	Tiêu chí 7.4	4	
33.	Tiêu chí 7.5	4	
I.8	<i>TC 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i>	3.50	
34.	Tiêu chí 8.1	4	
35.	Tiêu chí 8.2	4	
36.	Tiêu chí 8.3	3	
37.	Tiêu chí 8.4	3	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống	4.38	
II.9	<i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống ĐBCL bên trong</i>	4.50	
38.	Tiêu chí 9.1	5	
39.	Tiêu chí 9.2	5	
40.	Tiêu chí 9.3	5	
41.	Tiêu chí 9.4	4	
42.	Tiêu chí 9.5	4	

43.	Tiêu chí 9.6	4	
II.10	<i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i>	4.50	
44.	Tiêu chí 10.1	5	
45.	Tiêu chí 10.2	5	
46.	Tiêu chí 10.3	4	
47.	Tiêu chí 10.4	4	
II.11	<i>TC 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i>	4.50	
48.	Tiêu chí 11.1	5	
49.	Tiêu chí 11.2	5	
50.	Tiêu chí 11.3	4	
51.	Tiêu chí 11.4	4	
II.12	<i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i>	4.00	
52.	Tiêu chí 12.1	4	
53.	Tiêu chí 12.2	4	
54.	Tiêu chí 12.3	4	
55.	Tiêu chí 12.4	4	
56.	Tiêu chí 12.5	4	
III	LV 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng	4.18	
III.13	<i>Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học</i>	4.80	
57.	Tiêu chí 13.1	5	
58.	Tiêu chí 13.2	5	
59.	Tiêu chí 13.3	4	
60.	Tiêu chí 13.4	5	
61.	Tiêu chí 13.5	5	
III.14	<i>Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà CTDH</i>	4.60	
62.	Tiêu chí 14.1	5	
63.	Tiêu chí 14.2	5	
64.	Tiêu chí 14.3	5	
65.	Tiêu chí 14.4	4	
66.	Tiêu chí 14.5	4	

III.15	<i>Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập</i>	4.20	
67.	Tiêu chí 15.1	4	
68.	Tiêu chí 15.2	4	
69.	Tiêu chí 15.3	5	
70.	Tiêu chí 15.4	5	
71.	Tiêu chí 15.5	3	
III.16	<i>Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học</i>	4.50	
72.	Tiêu chí 16.1	5	
73.	Tiêu chí 16.2	5	
74.	Tiêu chí 16.3	4	
75.	Tiêu chí 16.4	4	
III.17	<i>TC 17. Các hỗ phục vụ và hỗ trợ người học</i>	4.00	
76.	Tiêu chí 17.1	4	
77.	Tiêu chí 17.2	4	
78.	Tiêu chí 17.3	4	
79.	Tiêu chí 17.4	4	
III.18	<i>Tiêu chuẩn 18. Quản lí NCKH</i>	4.00	
80.	Tiêu chí 18.1	4	
81.	Tiêu chí 18.2	4	
82.	Tiêu chí 18.3	4	
83.	Tiêu chí 18.4	4	
III.19	<i>Tiêu chuẩn 19. Quản lí tài sản trí tuệ</i>	3.50	
84.	Tiêu chí 19.1	4	
85.	Tiêu chí 19.2	3	
86.	Tiêu chí 19.3	3	
87.	Tiêu chí 19.4	4	
III.20	<i>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH</i>	4.00	
88.	Tiêu chí 20.1	4	
89.	Tiêu chí 20.2	4	

90.	Tiêu chí 20.3	4	
91.	Tiêu chí 20.4	4	
III.21	<i>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và PVCD</i>	4.00	
92.	Tiêu chí 21.1	4	
93.	Tiêu chí 21.2	4	
94.	Tiêu chí 21.3	4	
95.	Tiêu chí 21.4	4	
IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động	3.81	
IV.22	<i>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</i>	3.75	
96.	Tiêu chí 22.1	4	
97.	Tiêu chí 22.2	4	
98.	Tiêu chí 22.3	4	
99.	Tiêu chí 22.4	3	
IV.23	<i>Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH</i>	4.00	
100.	Tiêu chí 23.1	5	
101.	Tiêu chí 23.2	4	
102.	Tiêu chí 23.3	4	
103.	Tiêu chí 23.4	4	
104.	Tiêu chí 23.5	4	
105.	Tiêu chí 23.6	3	
IV.24	<i>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</i>	4.00	
106.	Tiêu chí 24.1	5	
107.	Tiêu chí 24.2	4	
108.	Tiêu chí 24.3	3	
109.	Tiêu chí 24.4	4	
IV.25	<i>TC 25. Kết quả tài chính và thị trường</i>	3.50	
110.	Tiêu chí 25.1	4	
111.	Tiêu chí 25.2	3	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 5 điểm (23 tiêu chí): 4.1, 4.2, 6.2, 9.1, 9.2, 9.3, 10.1, 10.2,

11.1, 11.2, 13.1, 13.2, 13.4, 13.5, 14.1, 14.2, 14.3, 15.3, 15.4, 16.1, 16.2, 23.1, 24.1;

- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 3 điểm (12 tiêu chí): 2.1, 6.7, 7.3, 8.3, 8.4, 15.5, 19.2, 19.3, 22.3, 23.6, 24.3, 25.2;
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 99/111 (89%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 19/25 (76%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

PHỤ LỤC C

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP ĐOÀN ĐGN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26 /QĐ-KĐCLV

Nghệ An, ngày 16 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài cơ sở giáo dục
đối với Trường Đại học Hoa Lư

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 4589/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh và Quyết định số 1474/QĐ-BGDĐT ngày 17/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 61/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1313/QĐ-ĐHV ngày 30/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-KĐCLĐHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Đánh giá và Công nhận chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đối với Trường Đại học Hoa Lư (*Danh sách kèm theo*).

Điều 2. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài có trách nhiệm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được nêu trong “*Quy định đối với kiểm định viên thực hiện đánh giá ngoài cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo*” ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-KĐCLĐHV ngày 30/10/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh và hưởng các quyền lợi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm.

Điều 3. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các phòng chức năng, các ông, bà có tên tại Điều 1, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục QLCL-Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh (để b/c);
- Lưu HC-DV, ĐGCN.



Trần Đình Quang



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
GIÁO DỤC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐOÀN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI CƠ SỞ GIÁO DỤC
ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

(Kèm theo Quyết định số: 26 /QĐ-KĐCLV ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Giám đốc
Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Số thẻ / Chứng chỉ kiểm định viên	Chức vụ trong Đoàn
I	Chuyên gia		
1	GS. TSKH. Đặng Ứng Vận	2014.02.093	Trưởng đoàn
2	ThS. Nguyễn Đình Huy	2017.01.280	Thư kí
3	PGS.TS. Bùi Duy Cam	2017.01.244	Thành viên
4	PGS. TS. Nguyễn Thái An	2016.01.137	Thành viên
5	PGS. TS. Nguyễn Hoa Du	2017.01.253	Thành viên
6	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	2014.02.067	Thành viên
II	Giám sát		
7	PGS.TS. Mai Văn Chung	2017.01.246	Giám sát viên
8	ThS. Nguyễn Thị Minh	KĐV-VNU 0701	Giám sát viên
III	Quan sát viên		
9	PGS. TS. Nguyễn Thị Nhị	2017.01.301	Quan sát viên

Ấn định danh sách gồm 9 người./.

PHỤ LỤC D

BỘ GD&ĐT
TRUNG TÂM KĐCLGD
TRƯỜNG ĐH VINH

Số: /KH-KĐCLĐHV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 10 tháng 01 năm 2020

KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ NGOÀI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

1. Mục đích đánh giá ngoài

Xác nhận tính xác thực và khách quan của Báo cáo tự đánh giá mà Trường Đại Học Hoa Lư đăng ký kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Phạm vi đánh giá

Đánh giá toàn bộ hoạt động của Trường Trường Đại Học Hoa Lư theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Đoàn đánh giá ngoài

Đoàn ĐGN được thành lập theo Quyết định số 26/QĐ-KĐCLV, ngày 16/01/2020 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường ĐH Vinh.

TT	Họ và tên	Số thẻ /Chứng chỉ	Chức vụ
I	Chuyên gia		
1	GS. TSKH. Đặng Ứng Vận	2014.02.093	Trưởng đoàn
2	ThS. Nguyễn Đình Huy	2017.01.280	Thư ký
3	PGS.TS. Bùi Duy Cam	2017.01.244	Thành viên
4	PGS.TS. Nguyễn Hoa Du	2017.01.253	Thành viên
5	PGS. TS. Nguyễn Thái An	2016.01.137	Thành viên
6	TS. Nguyễn Thị Thu Hà	2014.02.067	Thành viên
II	Giám sát		
7	PGS.TS. Mai Văn Chung	2017.01.246	Giám sát viên
8	ThS. Nguyễn Thị Minh	KĐV-VNU 0701	Giám sát viên

4. Hoạt động của đoàn đánh giá ngoài

4.1. Công tác chuẩn bị cho hoạt động của đoàn đánh giá ngoài

TT	Nội dung	Người th/hiện	Thời gian
1	Gửi hồ sơ tự đánh giá cho đoàn ĐGN	Trung tâm KĐCLGD-ĐHV	20/12/2019
2	Phân công cho các thành viên trong đoàn nghiên cứu sâu các tiêu chí	Trưởng đoàn ĐGN	22/12/2019
3	Nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá; nghiên cứu sâu các tiêu chí được phân công; viết báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá; gửi báo cáo cho thư ký và trưởng đoàn để tổng hợp	Các thành viên của đoàn ĐGN	22/12 - 04/2/ /2020
4	Thư ký tập hợp các báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá của các thành viên trong đoàn	Thư ký	05/2 – 10/2

4.2. Hội đoàn đánh giá ngoài

Thời gian: Từ 14h:00, ngày 11/02/2020

Địa điểm: (hội online)

Thời gian	Nội dung	Chủ trì/ TH
14:00 – 15:00	Thảo luận, trao đổi về nhận xét báo cáo nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá của các thành viên trong đoàn; thống nhất báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá chung của đoàn	Trưởng đoàn
15:00 – 16:30	Thảo luận, thống nhất về nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên; kế hoạch khảo sát sơ bộ và dự thảo kế hoạch khảo sát chính thức.	Trưởng đoàn, cả đoàn
10:00AM 12/02/2020	Gửi báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá, kế hoạch khảo sát sơ bộ và dự thảo kế hoạch khảo sát chính thức cho tổ chức KĐCLGD.	Thư ký

4.3. Khảo sát sơ bộ

Thời gian: Ngày 13 tháng 02 năm 2020

Địa điểm: Trường Đại học Hoa Lư

Địa chỉ: Đường Xuân Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Thời gian	Hoạt động	Thành phần Đoàn	Địa điểm làm việc
8:00 – 9:00	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Nhà trường	- Trưởng Đoàn, Thư ký; - Đại diện lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Lãnh đạo Nhà trường.	Phòng họp
9:00 – 10:30	Đoàn thông báo và trao đổi kết quả nghiên cứu hồ sơ tự đánh giá và kế hoạch khảo sát chính thức.	- Trưởng Đoàn, Thư ký; - Đại diện lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Lãnh đạo Nhà trường; - Hội đồng tự đánh giá; - Đại diện các đơn vị.	Phòng họp
10:30 – 12:00	Đoàn kiểm tra sơ bộ các tài liệu, hồ sơ minh chứng	- Trưởng Đoàn, Thư ký; - Hội đồng tự đánh giá; - Cán bộ phụ trách các bộ phận của trường.	Phòng lưu trữ tài liệu, hồ sơ minh chứng
12:00 – 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30 – 15:00	Đoàn quan sát sơ bộ khuôn viên, CSVC, điều kiện làm việc, học tập, sinh hoạt của CB, GV, NV và SV.	- Trưởng Đoàn, Thư ký; Đại diện lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Cán bộ hỗ trợ của trường.	Các địa điểm quan sát thực tế
15:00 – 16:30	Đoàn làm việc và thống nhất với CSGD những vấn đề cần chuẩn bị: - Tài liệu, minh chứng cần bổ sung; - Số lượng, thành phần các đối tượng phỏng vấn; - Đối tượng cần quan sát, kiểm tra; - Công tác hậu cần.	- Trưởng Đoàn, Thư ký; - Đại diện lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - Lãnh đạo Nhà trường; - Hội đồng tự đánh giá; - Đại diện các đơn vị; - Đại diện cán bộ, giảng viên, sinh viên Nhà trường.	Hội trường

4.4. Khảo sát chính thức

Thời gian: 6 ngày (từ ngày 05/03/2020 đến hết ngày 10/03/2020)

Địa điểm: Trường Đại học Hoa Lư

Địa chỉ: đường Xuân Thành, xã Ninh Nhất, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Thời gian	Hoạt động	Thành phần	Địa điểm
Ngày 1 (Thứ Năm, ngày 05 tháng 3 năm 2020)			
8:00 – 10:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc
9:30 – 12:00	Khai mạc hoạt động Đánh giá ngoài	- Đoàn chuyên gia ĐGN; - Lãnh đạo Trung tâm KĐCLGD-ĐHV; - BGH Nhà trường; - Hội đồng Tự đánh giá; - CB, GV, NV, SV do Nhà trường điều động.	Hội trường
12:00 – 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30 – 17:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ và làm việc với CB phụ trách các lĩnh vực: HC-QT, TC-TH, ĐT-QLKH, CTSV, KT-ĐBCL, Tài chính, Thư viện-TB; Y tế-Môi trường	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn (Cán bộ làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)
17:00 – 18:00	- Đoàn làm việc nội bộ; - CB, GV, NV, SV gặp gỡ Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn
Ngày 2 (Thứ Sáu, ngày 06 tháng 3 năm 2020)			
8:00 – 12:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ và làm việc với CB phụ trách các lĩnh vực: HC-QT, TC-TH, ĐT-QLKH, CTSV, KT-ĐBCL, Tài chính, Thư viện-TB; Y tế-Môi trường	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn (Cán bộ làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)
12:00 - 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30 – 14:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn
14:30 – 16:00	Quan sát phòng học, TT. TH-TN, đơn vị vận hành hệ thống CNTT, phần mềm quản trị Nhà trường	Nhóm 1 (Đoàn ĐGN)	Địa điểm quan sát
	Quan sát Thư viện; văn phòng bộ môn; văn phòng làm việc các phòng, ban	Nhóm 2 (Đoàn ĐGN)	Địa điểm quan sát

Thời gian	Hoạt động	Thành phần	Địa điểm
	chức năng;		
	Quan sát Trạm y tế, ký túc xá, khu thể thao, các địa điểm hoạt động ngoài trời	Nhóm 3 (Đoàn ĐGN)	Địa điểm quan sát
16:00-17:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ và làm việc với CB phụ trách các lĩnh vực: HC-QT, TC-TH, ĐT-QLKH, CTSV, KT-ĐBCL, Tài chính, Thư viện-TB; Y tế-Môi trường	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn (Cán bộ làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)
17:00 – 18:00	- Đoàn làm việc nội bộ; - CB, GV, NV, SV gặp gỡ Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn
Ngày 3 (Thứ Bảy, ngày 07 tháng 3 năm 2020)			
8:00 – 12:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ và làm việc với CB phụ trách các lĩnh vực: HC-QT, TC-TH, ĐT-QLKH, CTSV, KT-ĐBCL, Tài chính, Thư viện-TB; Y tế-Môi trường	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn (Cán bộ làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)
12:00 – 13:30	Nghỉ trưa		
13:30 – 17:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ và làm việc với CB phụ trách các lĩnh vực: HC-QT, TC-TH, ĐT-QLKH, CTSV, KT-ĐBCL, Tài chính, Thư viện-TB; Y tế-Môi trường	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn (Cán bộ làm việc bình thường, khi Đoàn cần, có mặt sau 15 phút)
17:00 – 18:00	- Đoàn làm việc nội bộ; - CB, GV, NV và SV gặp gỡ Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn
Ngày 4 (Chủ Nhật, ngày 08 tháng 3 năm 2020)			
8:00 – 8:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc
8:30 – 9:45	Phỏng vấn nhóm Phụ trách chuyên môn (trưởng BM)	Nhóm 1	Phòng phỏng vấn 1
	Phỏng vấn nhóm GV	Nhóm 2	Phòng phỏng vấn 2
	Phỏng vấn nhóm SV ĐH	Nhóm 3	Phòng phỏng vấn 3
	Phỏng vấn nhóm SV CĐ	Nhóm 4	Phòng phỏng vấn 4

Thời gian	Hoạt động	Thành phần	Địa điểm
9:45 – 10:00	Đoàn hội ý chuyên môn	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc
10:00 – 11:15	Phỏng vấn nhóm Nhà sử dụng lao động	Nhóm 1	Phòng phỏng vấn 1
	Phỏng vấn nhóm CB phục vụ/hỗ trợ và CB phụ trách các tổ chức đoàn thể	Nhóm 2	Phòng phỏng vấn 2
	Phỏng vấn nhóm Cựu sinh viên Đại học	Nhóm 3	Phòng phỏng vấn 3
	Phỏng vấn nhóm Cựu sinh viên Cao đẳng	Nhóm 4	Phòng phỏng vấn 4
	Phỏng vấn qua điện thoại nhóm sinh viên tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng năm 2017-2018 và 2018-2019		Phòng phỏng vấn có điện thoại
11:15 – 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc
12:00 – 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30 – 17:00	Đoàn nghiên cứu hồ sơ và làm việc với CB phụ trách các lĩnh vực: HC-QT, TC-TH, ĐT-QLKH, CTSV, KT-ĐBCL, Tài chính, Thư viện-TB; Y tế-Môi trường	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn
17:00 – 18:00	Đoàn làm việc nội bộ; CB, GV, NV và SV gặp gỡ Đoàn (nếu có nhu cầu)	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn
Ngày 5 (Thứ Hai, ngày 09 tháng 3 năm 2020)			
8:00 – 10:00	- Các thành viên trong đoàn B/C kết quả đánh giá theo các TC đã được phân công; - Thảo luận về những điểm cần làm rõ trong kết quả đánh giá của các thành viên - Thảo luận những điểm cần trao đổi và làm rõ với lãnh đạo Nhà trường.	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn

Thời gian	Hoạt động	Thành phần	Địa điểm
10:00 – 11:30	Đoàn làm việc với Lãnh đạo Nhà trường.	- Đoàn chuyên gia ĐGN; - Lãnh đạo Nhà trường; - Hội đồng tự đánh giá.	Phòng họp
11:30 – 12:00	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc
12:00 – 13:30	<i>Nghỉ trưa</i>		
13:30 – 15:30	Các thành viên hoàn thiện B/C kết quả đánh giá theo PL5, PL6 gửi cho Thư ký	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn
15:30 – 18:00	- Các thành viên chuẩn bị slice BC kết quả đánh giá các TC được phân công; - Trưởng Đoàn tổng hợp B/C kết quả đánh giá sơ bộ - Thư ký tổng hợp dự thảo Biên bản kết thúc KSCT.	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc của Đoàn
Ngày 6 (Thứ Ba, ngày 10 tháng 3 năm 2020)			
8:00 – 8:30	Đoàn làm việc nội bộ	Đoàn ĐGN	Phòng làm việc
8:30 – 11:30	Bế mạc đợt khảo sát chính thức	- Đoàn ĐGN; - Đại diện TT.KDCLGD; - Lãnh đạo Nhà trường; - Hội đồng Tự đánh giá; - Đại diện các đơn vị; - CB, GV, NV, SV.	Hội trường

Nghệ An, ngày 10 tháng 01 năm 2020

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Trần Đình Quang

PHỤ LỤC E

CÔNG VĂN PHẢN HỒI CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ VỀ DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NGOÀI

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~180~~ĐHHL-KT&ĐBCL

Ninh Bình, ngày 23 tháng 4 năm 2020

V/v góp ý Dự thảo
Báo cáo đánh giá ngoài CSGD

Kính gửi: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh

Ngày 6/4/2020, Trường Đại học Hoa Lư đã nhận được Công văn số 05/KĐCL-ĐGCN ngày 03/4/2020 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh về việc lấy ý kiến cho Dự thảo Báo cáo đánh giá ngoài cơ sở giáo dục; sau khi nghiên cứu, Trường Đại học Hoa Lư có ý kiến như sau:

1. Từ ngày 5/3/2020 đến ngày 10/3/2020 Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục- Trường Đại học Vinh đã tổ chức khảo sát chính thức phục vụ đánh giá ngoài chất lượng giáo dục Trường Đại học Hoa Lư. Đoàn chuyên gia đã triển khai các hoạt động đánh giá ngoài đúng quy trình, đảm bảo tính chính xác, khách quan, trung thực, công bằng, độc lập và dựa vào các minh chứng cụ thể của Nhà trường.

2. Trường Đại học Hoa Lư hoàn toàn nhất trí với nội dung trong Dự thảo Báo cáo Đánh giá ngoài của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục- Trường Đại học Vinh và không có kiến nghị gì thêm.

Trân trọng./. *a*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Vũ Văn Trường